

QUẢNG TUỆ

Dựng vợ gả chồng

THEO PHONG TỤC DÂN GIAN



NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

QUẢNG TUỆ

DỤNG VỢ GẢ CHỒNG
THEO PHONG TỤC DÂN GIAN

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

LỜI NÓI ĐẦU

Người Phương Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng từ đời xưa đến nay đều coi việc chọn vợ, tìm chồng và làm nhà là hai việc quan trọng nhất trong một đời người. Chính vì thế việc dựng vợ gả chồng là bốn phần và trách nhiệm lớn lao của người làm cha làm mẹ. Theo chế độ phong kiến xưa, con cái phải tuân theo việc cưới gả của cha mẹ và người trên “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Có lẽ vì thế mà người có trách nhiệm lo dựng vợ gả chồng cho con cái không thể lơ là coi thường được. Đòi lúa sống có hạnh phúc hay không? làm ăn có phát đạt hay không, sinh con đẻ cái có vuông tròn hay không là nhờ ở “con mắt tinh đời”, hay “bàn tay mát mẻ” của những người “đặt chỗ” cho họ. Ngày nay, trong xã hội hiện đại, việc hôn nhân của mỗi người đều tự bản thân họ quyết định, cha mẹ chỉ là người góp ý và tạo điều kiện giúp đỡ họ mà thôi. Có nghĩa là việc hôn nhân ngày nay dựa trên cơ sở của tình yêu đôi lứa.

Ai cũng mong có một gia đình hạnh phúc, đó là mong ước của loài người. Song, sự tồn tại của các gia đình thời nay liệu có bền vững hơn các gia đình được thiết lập theo truyền thống xưa? hay nó còn phụ thuộc vào nhiều điều khác nữa?. Để các bạn tham khảo thêm những điều “huyền bí trong

hôn nhân”, Nhà xuất bản Thanh Hóa xin giới thiệu cuốn “***Dựng vợ gã chồng theo phong tục dân gian***” do Quảng Tuệ biên soạn. Tập sách trình bày lại những phong tục cưới gả của dân gian Việt Nam, để các bạn tìm hiểu thêm về những nét văn hóa truyền thống trong việc dựng vợ gã chồng. Việc chiêm nghiệm thế nào còn phụ thuộc vào sự lựa chọn của các bạn. Rất mong cuốn sách sẽ đem đến cho các bạn những điều bổ ích để xây dựng một gia đình hạnh phúc, văn minh, hiện đại.

Nhà xuất bản Thanh Hóa

Phần thứ nhất

TẬP TỤC NGHI LỄ VÀ SỰ HUYỀN BÍ TRONG HÔN NHÂN

I. QUAN NIỆM DÂN GIÀN TRONG HÔN NHÂN

1. Gia đình người Việt Nam là gia đình Nho giáo

Trong xã hội Việt Nam xưa và nay, nói chung tồn tại một loại gia đình: đó là gia đình Nho giáo. Cách nay hơn 100 năm, khi Thiên Chúa giáo truyền vào Việt Nam, bên cạnh gia đình Nho giáo, còn xuất hiện một kiểu gia đình mới là gia đình Thiên Chúa giáo. Song, cho đến nay gia đình Nho giáo vẫn là phổ biến hơn cả.

Đặc trưng cơ bản của gia đình Nho giáo ở Việt Nam là mọi quan hệ ứng xử thiết lập trên nền tảng: Hiếu, Đễ, Nghĩa, Đức, Trí, điều mà người xưa gọi là luật Ngũ thường. Nền tảng cơ bản này của gia đình Việt Nam xưa và nay, đã không chỉ tạo ra sự ổn định cuộc sống và hạnh phúc của hàng triệu gia đình, mà tạo ra nét văn hoá gia đình Việt Nam có sự gắn kết các thành viên trong một gia đình, trong dòng tộc với tình tương thân tương ái.

Trong gia đình Nho giáo, mọi thành viên đều hướng tới hoàn thiện bản thân theo luật Ngũ thường. **HIẾU** là có ý thức đền ơn đáp nghĩa công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ bằng những hành động cụ thể, như quan tâm và chăm sóc tới cha mẹ trong mọi tình huống.. **ĐỄ** là giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp và giúp đỡ lẫn nhau trong anh em, họ hàng. **NGHĨA** là sống trước sau như một với một tình cảm đậm ấm mặn nồng tình nghĩa vợ chồng keo sơn gắn bó. **ĐỨC** là sống sao cho thuận nghĩa cha con, vợ chồng, dòng tộc, hàng xóm, xã hội, trong mọi quan hệ ứng xử hướng đến lòng nhân ái giữa người với người, để lại cái phúc cho con cháu. **TRÍ** là coi trọng “cái chữ” hơn của cái vật chất, mọi gia đình trong xã hội Việt Nam xưa và nay, luôn quan tâm và coi trọng sự học hành của con cháu để chúng làm người và làm rạng rỡ tổ tông.

Nói một cách khác, cốt lõi của gia đình Nho giáo Việt Nam xưa và nay, luôn hướng tới ổn định trạng thái một cộng đồng nhỏ bé

theo tiêu chí: phát triển kinh tế, không gian tình cảm thuận hoà và phát triển trí tuệ qua con đường “dù mài kinh sử”.

2. Chỉ có duyên nợ mới thành vợ chồng

Người xưa cho rằng, là vợ chồng của nhau chỉ khi hai người sống với nhau trọn đời đến “đầu bạc răng long”. Nếu lấy nhau, dù trước đó yêu nhau thắm thiết, sau một thời gian chung sống rồi ly hôn, ly dị thì người xưa cho rằng, họ *không phải là vợ chồng*. Người xưa có câu:

Phi túc trái bất thành phu phụ,

Phi ân oán bất thành phu tử.

Như vậy, tình yêu nam nữ chưa hẳn là cơ sở của hôn nhân, nghĩa là của vợ chồng. Người xưa cho rằng, là quan hệ vợ chồng hay đôi trai gái đến với nhau để thành vợ chồng của nhau chỉ khi “kiếp trước” có nợ nần với nhau (túc trái), để “kiếp này” sống trọn đời bên nhau trả nợ cho nhau. Người xưa còn có câu: “một duyên, hai nợ, ba tình”, nghĩa là lấy nhau thành vợ thành chồng vì duyên là đẹp nhất, thứ nhì là “nợ” (túc trái), còn lấy nhau vì tình là thấp nhất. Lấy nhau chỉ vì tình sẽ không sống với nhau trọn đời trọn kiếp, không bao giờ tạo nên một gia đình hoàn hảo. Đôi trai gái lấy nhau vì tình yêu mà không có “túc trái” từ bao kiếp trước đó, có thể họ đã có những khoảnh khắc rất đẹp, rất lãng mạn khi hai người còn đương yêu nhau. Nhưng thối đời khi chưa hiểu nhau thì say đắm, thích thú với nhau, khi đã hiểu hết nhau rồi thì lại chán nhau. Lúc người ta chưa hiểu hết nhau mới xuất hiện nên “tiếng sét ái tình”. Khi cơn “giông tố tình yêu” đã dứt, cái sự tình rồi cũng dần lắng xuống. Khi không chút “túc trái” với nhau từ bao giờ không biết, thì đến một lúc nào đó mỗi người mỗi ngã, đôi nam thanh nữ tú chỉ hoài niệm một thoáng xưa đẹp dễ. Các bậc tiền nhân xưa coi cơ sở của hôn nhân, gia đình là “duyen” và “nợ”, chứ không phải là tình yêu. Họ cho rằng, tình (yêu) là một trạng thái tâm lý, trạng thái này không bất biến mà có thay đổi lúc đậm lúc nhạt. Cái “tình” có hay không, đậm hay nhạt, phụ thuộc vào cảm giác nhất thời và tình trạng tâm sinh lý của mỗi người. Tình (yêu) lúc có lúc không, lúc ào ạt như “cơn bão đi qua địa cầu”, lúc lại phẳng lặng như cơn gió về cấp số không. Trong hôn nhân, khi tình hết thì nghĩa hết, không ai là vợ là chồng của ai. Trong xã hội hiện đại, nhiều đôi trai gái trước

hôn nhân yêu nhau mặn nồng thấm thiết. Khi đã yêu nhau thực sự, đôi trai gái bất chấp tất cả, lấy cái trạng thái “tình yêu” cao đẹp làm chiếc gậy thần đảm bảo cho một gia đình trong tương lai. Vào những năm cuối của thập kỷ 50 thế kỷ 20, một số quốc gia châu Á, như Việt Nam, Trung Quốc, khi ở đó có sự thay đổi cơ bản về thể chế chính trị, dư luận xã hội đã đề cao tuyệt đối vấn đề tình yêu trong hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ trước đó, thời kỳ được gọi là Phong kiến, hôn nhân được định đoạt bởi cha mẹ, mai mối. Trong những điều luật về hôn nhân và gia đình, người ta còn ghi: cơ sở của hôn nhân và gia đình là tình yêu. Đúng là xã hội dân chủ, quyền tự do yêu đương của con cái sau thời phong kiến được đề cao và tôn trọng, nhưng có hiện tượng, nhiều đôi trai gái tự do “tìm hiểu” yêu đương, sau kết hôn, sống với nhau không lâu lại ly hôn. Theo số liệu thống kê của toà án, có năm những vụ án xử cho ly hôn đã chiếm hơn 70% các cặp vợ chồng trẻ mới cưới không lâu. Hiện tượng này cho đến nay còn khá phổ biến, khiến những nhà xã hội học khó tìm lời giải đáp thoả đáng. Trong khi đó, thời kỳ xưa, trong các làng quê và phố phường Việt Nam, những cặp vợ chồng phần lớn là mai mối xếp đặt, hầu như rất hiếm có trường hợp ly hôn. Câu nói “bỏ nhau” ở một gia đình nào đó, được dân gian đương thời coi như một hiện tượng dị thường trong cộng đồng làng xóm, phố phường. Ngày nay những trường hợp bỏ nhau sớm, theo người xưa, họ không phải là “vợ chồng” của nhau, lấy nhau vì tình chứ không có “túc trái” (nợ nần) gì với nhau mà sống với nhau trọn đời để trả. Trong trường hợp này, cơ sở Ngũ thường không có chỗ để thể hiện, gia đình không tồn tại.

3. Quan hệ con cái với cha mẹ là quan hệ ân oán

Một vấn đề mà người xưa rất quan tâm là vấn đề sinh con sau hôn nhân. Họ rất chú ý đến “chất lượng” con cái không chỉ trên bình diện sức khỏe, trí tuệ và phát triển bình thường mà còn quan tâm đến “nhân cách đạo đức bẩm sinh” của chúng. Người xưa cho rằng, nhân cách con cái không chỉ phụ thuộc vào cách giáo dục của gia đình và xã hội, mà còn phụ thuộc vào “duyên nghiệp” giữa cha mẹ và đứa con trong đời sông (kiếp) trước. Con cái có “hiếu” hay gây họa cho cha mẹ hay không, còn phụ thuộc vào “kiếp trước” có “ân” hay có “oán”. Thế mới có câu định ngữ trong dân gian: *“Phi ân oán bất thành phụ tử”* (nếu

không có ân hay có oán thì không phải là con của ai đó, ở đây nói đến quan hệ cha con. Quan hệ cha mẹ và con cái là quan hệ hoặc là báo ân hoặc là báo oán). Điều này giải thích vì sao, có những gia đình con cái rất có hiếu với cha mẹ, trong khi đó có những gia đình tử tế con cái hư hỏng gây họa, mặc dù có đầy đủ điều kiện giáo dục tốt của gia đình, trường học và xã hội. Trường hợp này người xưa giải thích, “người kia” sinh vào làm con để báo oán đã có với người cha hay người mẹ trong đời sống (kiếp) trước.

4. Cách xác định có hay không duyên nợ với nhau của người xưa

Như vậy, vấn đề sống với nhau trọn đời, vấn đề sinh con có “chất lượng nhân cách” và cách ứng xử có tính nhân văn giữa vợ với chồng (người xưa nói: “vợ chồng kính nhau như khách”), với dòng tộc, với xã hội của đôi trai gái đi đến hôn nhân là nét cơ bản của một gia đình Nho giáo tại xứ sở Việt Nam xưa. Với mục tiêu xây dựng một gia đình truyền thống như vậy, người xưa rất thận trọng trong dựng vợ gả chồng. Ngoài cách giáo dục, giáo dưỡng con cháu ngay từ ấu thơ đến tuổi trưởng thành, người xưa còn dựa vào cách xem xét hình tướng, tuổi tác của một đôi trai gái hợp hay chưa hợp với nhau để quyết định đến hôn nhân, lập một gia đình Nho giáo trong tương lai. Khi đã xác định được hợp tuổi, người xưa còn rất thận trọng tìm ngày lành tháng đại cát và giờ cát cho đính hôn, ăn hỏi, cưới gả. Tục xem tuổi, hình tướng của đôi trai gái của người xưa, nhằm mục đích xem xét họ có dấu hiệu có “duyên”, có “nợ” (tức trái) với nhau hay không để thành vợ thành chồng đích thực của nhau; để sinh con có “chất lượng nhân cách”. Để củng cố thêm và an toàn hơn nữa trong hôn nhân của đôi lứa, người xưa còn thận trọng chọn năm, chọn tháng đại lợi cho tổ chức lễ cưới của cô dâu, chọn ngày giờ lành trong đính hôn, ăn hỏi, cưới gả.

Phong tục cưới gả của dân gian Việt Nam xưa, không đơn thuần dựa trên kinh nghiệm cuộc sống truyền đời của các bậc tiền nhân, mà đó là triết lý nhân sinh cao đẹp có lô gic và một hệ thống tri thức của thuật Trạch cát (thuật xem ngày xem tuổi cát hung) phương Đông. Như vậy, người xưa đã có chương trình mục tiêu trong hôn nhân, cưới gả. Họ đã không và không bao giờ tiếp cận

theo lối ngẫu nhiên trong việc dựng vợ gả chồng để xây dựng một gia đình đích thực trong tương lai mà có cơ sở của logic cuộc đời theo thuật Trạch cát đã có cách nay hàng ngàn năm.

II. PHONG TỤC CUỐI HỜI CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

1. Người Việt

A. PHONG TỤC XƯA

Người Việt có số dân đông nhất trên cả nước, sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước và các nghề thủ công. Gia đình nhỏ trong xã hội là gia đình theo chế độ phụ hệ, chịu ảnh hưởng của Nho giáo trong ứng xử nội tộc và ngoại tộc.

Việc hôn nhân trong xã hội người Việt không chỉ là việc riêng của đôi nam nữ, mà là đại sự của cả gia đình, dòng họ. Những nét đặc trưng trong hôn nhân của người Việt như sau:

- Đôi trai gái không có quyền lựa chọn người bạn đời và tự do yêu đương, cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy.

- Khi cưới vợ, gả chồng cho con, cha mẹ chỉ quan tâm đến môn đăng hộ đối, tức là quan hệ tương đương về kinh tế và địa vị xã hội, tuổi tác và trình độ văn hoá của hai bên thông gia. Đặc biệt họ quan tâm hàng đầu đến vấn đề dòng giống và tông tích của cô dâu hay chú rể, “Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống” là công thức được người xưa sử dụng trong dựng vợ gả chồng.

- Người Việt kết hôn rất sớm, thường là “gái thập tam, nam thập lục” (con gái 13 tuổi, con trai 16 tuổi là lấy chồng cưới vợ được). Đặc biệt, các bậc cha mẹ thường xem tuổi của dâu rể tương lai có hợp hay không (tránh tương xung, tương khắc theo học thuyết Ngũ hành). Đây là phương pháp đoán định đôi trai gái có “túc trái” (duyên nợ) với nhau hay không, để quyết định cho họ sống chọn với nhau.

Theo phong tục xưa, một cuộc hôn nhân từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc thường qua các bước sau đây:

Thứ nhất: nhà trai thông qua ông mối hay bà mối tìm người con gái có tuổi và gia cảnh phù hợp với con trai, với nhà mình không, sau đó mới “đánh tiếng” với nhà gái. Bà mối thường là người hiểu rõ tình huống và gia cảnh hai nhà thông gia, nên linh hoạt và có hướng đúng xử lý những tình huống bất trắc xảy ra trong chuyện hôn nhân. Họ là người bắc cầu nên vợ nên chồng của đôi lứa.

Thứ hai: qua bà mối, nếu nhà gái không chấp nhận thì họ khéo tìm một lý do nào đó để từ chối. Nếu chấp nhận thì cho phép nhà trai đến để đặt vấn đề hôn nhân cho đôi trai gái. nhà trai thường diễn đạt bằng câu nói: "Xin ông bà cho cháu được làm tôi con ông bà bên này". Sau đó bố mẹ cô gái truyền đạt lại ý nguyện của phía nhà trai. thường thì cô gái ưng thuận. Nếu cô gái không chấp nhận thì cha mẹ cô khuyên nhủ và thuyết phục, nếu cô ta phản đối quyết liệt thì cha mẹ cô tìm cách thông tin lại cho phía nhà trai. coi như đám này không thành. Nếu thuận tình cả đôi bên, nhà trai tiến hành bước thứ ba là dạm ngõ.

Thứ ba: dạm ngõ. Nhà trai thông qua bà mối, chọn ngày lành tháng tốt, sửa một cỗ trầu có khoảng 10-15 quả cau và trầu tươi sang nói chuyện chính thức với nhà gái về hôn nhân của đôi trẻ. Trong cuộc gặp này, phía nhà gái có cả những người thân thích như chú bác ruột cô gái, họ đến uống nước ăn trầu và nghe ý kiến của nhà trai.

Thứ tư: lễ ăn hỏi (tiểu lễ). Sau lễ dạm ngõ, bà mối là người có vai trò quan trọng trong việc thuyết phục nhà gái thuận cho nhà trai chọn ngày đến làm lễ ăn hỏi. Nhà trai có trách nhiệm thông báo cho nhà gái ngày và giờ nhà trai đến ăn hỏi và cưới gả. đương nhiên những ngày và giờ này được nhà trai chọn một cách thận trọng theo thuật Trạch cát cổ phương Đông.

Sau lễ dạm ngõ, nhà gái qua bà mối cũng thông báo cho nhà trai những lễ vật mà họ yêu cầu, điều mà người xưa gọi là thách cưới. Những lễ vật này sẽ được nhà trai mang đến hôm ăn hỏi hoặc ngày cưới hỏi tùy theo phong tục từng địa phương. Về tục này, có thể diễn ra theo hai hướng sau đây:

Hướng thứ nhất: lễ ăn hỏi. Có địa phương nhà trai sau khi chọn ngày tốt, đem một buồng cau sai quả, to đều đẹp, chẻ ngon. Sớ lễ vật này được đặt vào quả sơn son đầy nắp hoặc phủ vải đỏ và cho nam nữ thanh niên chưa vợ chưa chồng đội đến nhà gái. Khi đến nơi, bà mối hoặc đại diện nhà trai (thường thì cha mẹ chú rể) có lời xin phép nhà gái được bày lễ trên ban thờ. Nhà gái đồng ý và thắp hương trình cáo tổ tiên về việc con gái đi lấy chồng, đồng thời xin tổ tiên phù hộ cho con gái hạnh phúc trăm năm, sinh con đàn cháu đông. Hai bên thông gia trò chuyện, đồng thời nhắc lại thời giờ ngày cưới gả để chuẩn bị cho kỹ hơn. Khi nhang tàn, nhà trai xin phép nhà gái ra về. Nhà gái hạ lễ, đem buồng cau xuống, dùng

tay (không dùng dao cắt) bẻ một cành khoảng 10-15 quả và ít chè cho vào quả biếu lại nhà trai, gọi là lại quả. Khi nhà trai thu dọn quả ra về, luôn thận trọng không dấy nắp quả phủ khăn vải đỏ như trước. Đây là điều kiêng kỵ khi thu dọn quả, kiêng như vậy nghe nói làm cho cuộc hôn nhân của đôi trai gái mãi tốt đẹp trong mai sau. Số cau còn lại, nhà gái đem biếu mỗi nhà trong họ hàng một quả, gọi là “chia cau”, với cái nghĩa thông báo cho họ hàng rằng, con gái mình đã có nơi có chốn, để không ai còn “nhòm ngó” đến con gái mình nữa. Để nhấn mạnh thêm điều này, nhà gái còn mời bà con lối xóm đến nhà uống nước ăn trầu.

Hương thứ hai: có địa phương lễ ăn hỏi lại tiến hành theo nghi thức khác. Sau khi chạm ngõ, thường nhà gái căn cứ vào hoàn cảnh của đôi bên mà “thách” cưới. Người xưa thường đặt ra số lễ vật là số lẻ, như 3 lễ, 5 lễ, 7 lễ, cá biệt có đám thách đến 9 lễ. Các lễ vật gồm: buồng cau, trầu thuốc, bánh nếp (có thể là bánh đậu xanh, bánh cốm, ở nơi thị thành là bánh xu xê (bánh phu thê-bánh vợ chồng, bánh dẻo, bánh nướng, cũng còn tùy theo phong tục từng địa phương), rượu chai, cũng có thể có lễ mặn như xôi gà hay xôi thịt, chè khô. Các lễ vật này đựng trong quả sơn son có nắp dầy hoặc trên những chiếc mâm sơn nhỏ có phủ vải đỏ. Ngoài ra còn có lễ vật bằng tiền mặt, người xưa có thể thách tiền bạc hay tiền đồng, nay là tiền giấy. Số tiền này để nhà gái trang trải trong ngày cưới của con gái. Số tiền này thường được chuẩn bị theo số lẻ đẹp, như số 5 hoặc số 9 (như 90 đồng 99 xu hay 95 đồng 95 xu, hoặc 9 đồng 9 xu (tiền xưa).... ngày nay có thể là 1.599.000 đồng...) Ngoài ra nhà gái có khi còn yêu cầu nhà trai mang đến lễ vật bằng vàng bạc (có thể là nhẫn cưới, hoa tai), để làm đồ trang sức cho cô dâu ngày cưới, sau đó làm của hồi môn cho cô dâu.

Trong lễ ăn hỏi. Nhà trai y theo ngày đã chọn (ngày cát, giờ xuất phát và giờ đến nhà gái cũng là giờ cát) và thống nhất kế hoạch với nhà gái, đại diện nhà trai như: cha mẹ, ông bà chú bác và cả chú rể đến nhà gái. Những lễ vật mà nhà gái yêu cầu được các chàng trai cô gái chưa chồng chưa vợ cũng mang theo luôn theo đoàn hôm ăn hỏi. Đến nơi, nhà trai mở nắp quả (hay vải đỏ phủ lên), đặt trên bàn, xin phép nhà gái đem lễ vật trình lên ban thờ tổ tiên. Đại diện nhà gái cũng đem trầu cau rượu đặt lên ban thờ khấn trình báo tổ tiên việc con gái đi lấy chồng... Hai nhà thông

gia trò chuyện với nhau, giới thiệu họ hàng của nhau và nhắc lại ngày cưới... Khi nhang tàn, nhà trai xin phép về, nhà gái “lại quá cho nhà trai”, nhà trai thu quả nhưng không đặt nắp hoặc không phủ khăn đỏ. Nhà gái chia trầu cau cho họ hàng lối xóm, thông báo việc con gái sắp lấy chồng... Nếu nhà trai và nhà gái tiến hành lễ ăn hỏi theo nghi thức này, hôm cưới nhà trai đến đón dâu, không phải mang lễ vật gì hơn nữa, hai nhà trai và gái tiến hành đãi khách theo cách riêng của mình.

Thứ năm: lễ cưới (đại lễ). Người xưa coi lễ ăn hỏi là tiểu lễ, ngày cưới là đại lễ. Về thời gian, lễ cưới được tiến hành thường vào mùa xuân và mùa đông, tránh cưới vào tháng 7, cho đó là tháng Ngâu: Ngưu Lang Chức Nữ lấy nhau nhưng xa nhau suốt đời.

Trước ngày cưới một ngày, theo thỏa thuận, nhà trai đem đến nhà gái lễ vật, gọi là đồ thách cưới. Lễ vật có hai loại: lễ chín và tiền bạc. Lễ chín có 3 hoặc 4 lễ: gồm xôi gà trống thiến hoặc xôi, thủ lợn luộc chín. Một lễ nhà gái trình lên gia tiên, một lễ trình lên trưởng họ nhà bố đẻ cô gái, một lễ trình lên phía gia đình người mẹ cô gái, một lễ cho trưởng họ của nhà mẹ cô gái.

Một khoản tiền mặt để nhà gái chuẩn bị tư trang cho cô gái khi về nhà chồng, cho việc chi trả đãi khách trong ngày cưới và của hồi môn cho cô dâu.

Có nơi nhà gái còn dự trữ gạo nếp, thịt thà trước ngày cưới muện nhất là một ngay cho nhà trai chuẩn bị mang đến, để nhà gái đãi khách hôm cưới. Ngày cưới hai bên đều mời họ hàng bà con lối xóm đến dự tiệc cưới. Thường thì nếu không phải là thân thích, thì người ta chỉ đến nhà trai dự tiệc và đưa quà mừng, chứ không đến nhà gái dự tiệc. Vì theo tục lệ người Việt không có quà mừng cho cô gái về nhà chồng, mà chỉ mừng cho nhà chú rể.

Ngày cưới: sau tiệc cưới, vào giờ lành đã chọn trước đó, nhà trai lập đoàn đi đón dâu. Giờ xuất phát từ nhà trai đến lúc tới nhà gái phải là giờ cát. Cò dâu bắt đầu xuất phát từ nhà mình đến khi bước về nhà chồng cũng phải là giờ cát.

Trong đoàn đón dâu bao gồm: chú bác, cô dì cùng bạn bè chú rể. Đi đầu đoàn đón dâu là một cụ già phúc hậu, đông con nhiều cháu, đủ cả trai gái, thẳng tiến đến nhà gái. Trước đó, nhà trai cử một người phụ nữ (thường là cô bác hoặc thím ruột) mang một “cơi trầu xin dâu” đến nhà gái xin dâu. Người xin dâu cũng phải xuất phát từ nhà trai và đến nhà gái vào giờ đẹp. Đến nhà cô dâu, người

xin dâu đem coi trầu dâng nhà gái, cha hay mẹ cô dâu đem coi trầu đặt lên ban thờ trình khấn tổ tiên: hôm nay ngày lành giờ lành xin cho con gái về nhà chồng. Người xin dâu nhận lại coi trầu và xin phép ra về trước. Sau khi người xin dâu ra về ít lâu, đoàn đón dâu bước vào nhà trai với sự đón tiếp trọng của nhà gái. Một đại diện nhà trai có tuổi ăn nói lưu loát đứng lên xin phép nhà gái rước dâu về nhà chồng. Một đại diện nhà gái đứng tuổi cũng đứng lên có lời chính thức “giao” con gái cho nhà trai và nói “về bên ấy mong nhà trai dạy bảo, quan tâm giúp đỡ”. Sau lúc này, cha hay mẹ cô dâu dẫn chú rể và cô dâu đến trước ban thờ tổ tiên thắp hương lễ tạ và trình báo tổ tiên đưa con gái về nhà chồng. Tại đây, sau khi bố hoặc mẹ cô dâu khấn trình báo gia tiên tiễn con gái về nhà chồng, chú rể sau đó cũng khấn tổ tiên cô dâu.

Nhà gái cũng cử một đoàn gồm: chú bác cô dì, bạn bè đưa dâu về nhà chồng. Trên đường đi, cô dâu (hay người thân của cô) thỉnh thoảng “dánh rơi” những đồng tiền lẻ (đã chuẩn bị trước), đặc biệt nếu qua cầu qua cống.

Về đến nhà trai, sau tràng pháo nổ, cô dâu chú rể cùng bước vào nhà và đi đến ngay ban thờ đã thắp nhang đèn sẵn, cô dâu chú rể đứng song song trước ban thờ chấp tay, cô dâu khấn trước trình báo tổ tiên nhà chồng xin làm dâu con họ.

Khấn xong cô dâu chú rể dẫn nhau lạy ông bà, cha (mẹ chú rể lúc này tạm thời “lánh đi”, đây là điều kiêng, nghe nói làm như vậy mẹ chồng con dâu suốt đời thương yêu nhau, không đổ kỵ nhau), rồi đi chào mọi người trong họ hàng.

Mỗi người trong họ hàng mừng cho đôi vợ chồng mới cưới một ít tiền hoặc gạo (ngày nay có thể là bánh kẹo...) hoặc một ít đồ dùng trong nhà còn mới. Đại diện nhà gái có ý kiến cuối cùng giao con cho nhà trai và xin phép ra về.

Sau khi họ nhà gái ra về, cô dâu vào buồng (buồng cô dâu chú rể đã chuẩn bị sẵn, người trải chiếu phải là người phúc hậu đồng con cả trai lẫn gái) ngồi trên giường một lúc rồi ra nhà dọn dẹp, rót nước mời khách...

Sau đó nếu nhà cô dâu gần đó, có thể xin phép trở về nhà mình, đến tối chú rể đến đón vợ về. Hôm cưới là ngày đẹp, nên ngay tối hôm đó, hai vợ chồng làm lễ hợp cẩn và động phòng.

Lễ hợp cẩn rất đơn giản: một khay hay mâm nhỏ, một chai nhỏ rượu gạo (ngày nay có thể thay bằng rượu vang nho), 2 chén

nhỏ đựng rượu, một ít đồ ăn nhẹ (ngày nay có thể thay bằng bánh kẹo). Chồng rót rượu vào chén, cầm hai tay bê chén rượu mời vợ, vợ đưa hai tay ra đón, cả hai đều uống. Nếu vì sức khoẻ, cả hai có thể nhấp chút ít rượu chứ không nên uống nhiều.

Ngày hôm sau, nhà trai sửa một vài mâm cơm mời đại diện nhà gái và họ hàng đến dự, gọi là lễ lại mặt, mục đích là củng cố thêm tình thông gia. Có địa phương, lễ lại mặt được tiến hành ở nhà gái. Chú rể dẫn vợ về nhà vợ cùng lễ vật là đồ ăn thức uống dâng cha mẹ vợ. Tại đây, bên nhà gái mời một số người thân thích đến dự tiệc.

Có một điều kiêng kỵ mà cô dâu chú rể xưa đều thực hiện là: ngày cưới cả hai không được dùng dao cắt một vật gì. Cô dâu không được cầm hoa hay ngắt hoa, ngắt lá, không dùng kéo cắt hay vật nhọn như kim chỉ để khâu vá, không xé bao bì bánh kẹo hay bao chè... Nếu phải khâu vá thì để người khác làm. Ngày cưới, cô dâu nghỉ làm nội trợ tuyệt đối, chỉ có thể rót nước mời khách.

Nộp treo: theo lệ xưa của hầu hết các làng Việt Nam, người con gái khi đi lấy chồng phải nộp treo cho làng. Treo là một thứ nghĩa vụ mà cô gái phải đóng góp với làng để được làng công nhận việc kết hôn của mình. Trên thực tế, khoản đóng góp này do người con trai thực hiện, thường được tính vào khoản thách cưới. Treo có giá trị pháp lý như giấy đăng ký kết hôn của đôi trai gái, nếu không nộp treo, việc kết hôn của đôi trai gái như “vô nghĩa”. Ca dao cổ xưa đã từng nói:

*Nuôi lợn thì phải băm bèo,
Lấy vợ thì phải nộp treo cho làng.*

Hay:

*Có cưới mà chẳng có treo,
Dẫu rằng có mổ mười heo cũng hoài.*

Hình thức nộp treo cũng có khác nhau. Nếu người trong làng lấy nhau thì chỉ nộp một vài đồng bạc, gọi là “treo nội”. Trai ngoài lấy gái làng thì bao giờ cũng phải nộp nặng hơn, hoặc dăm sáu đồng, mười đồng, có khi tới vài chục đồng tùy theo tục riêng từng làng, gọi là “treo ngoại”. Có nơi không lấy tiền, bắt nộp bằng gạch Bát Tràng, có nơi lại bắt nộp mâm đồng..., tùy làng cần thứ gì thì yêu cầu nộp thứ đó chứ không lấy tiền, nhưng giá trị quy ra tiền thì như nhau.

Làng nhận treo cũng có nguyên tắc sao cho hợp đạo lý. Do vậy, trước khi nhận treo, làng phải xét xem đôi bên lấy nhau có hợp lẽ không, hoặc đôi bên có thật bằng lòng lấy nhau không rồi mới nhận lễ. Những trường hợp cưới xin ép gả, không thuận, hoặc trái với luân thường đạo lý thì làng không nhận treo. Nếu nhận làng sẽ có lỗi.

B. CUỐI HỎI THỜI NAY

Ngày nay, sống trong xã hội hiện đại, trình độ văn hoá văn minh của xã hội cao, do vậy hôn nhân cũng có phần thay đổi so với thời xưa. Tuy vậy, phong tục cưới hỏi trên thực tế không vì thế mà thay đổi, thậm chí còn đậm nét và “to” hơn ngày xưa.

Một cuộc hôn nhân của đôi trai gái từ thành thị đến thôn quê căn bản vẫn giữ nguyên theo các bước xưa, gồm: đính hôn, ăn hỏi và cưới gả.

Khi đôi trai gái yêu nhau chín muồi, họ quyết định đến hôn nhân, bước ban đầu là họ báo cáo lại với cha mẹ. Khi đôi bên nhà trai, nhà gái có dấu hiệu ưng thuận, cuộc hôn nhân của đôi trai gái được tiến hành theo 3 bước sau đây:

Bước thứ nhất: chạm ngõ

Nhà trai thông báo ngày giờ họ đến thăm nhà gái để nhà gái bố trí thời gian đón tiếp. Theo hẹn, cha mẹ chú rể đến thăm chơi nhà gái. Đây là cuộc viếng thăm nhẹ nhàng có tính chất thăm dò của hai bên, chính vì vậy khi đến thăm, nhà trai không cần thiết phải mang quà biếu cho nhà gái. Nếu nhà trai và nhà gái quá xa nhau, nhà trai cũng có thể mang đến nhà gái chút quà là đặc sản của địa phương, hoặc quà rất gọn gàng tinh tế và đơn giản. Cuộc gặp này cũng là dịp để hai bên hiểu sơ bộ ban đầu gia thế và hoàn cảnh của nhau, để mà mỗi bên có những dự định hợp lý để tổ chức hôn lễ cho đôi lứa.

Trong cuộc thăm hỏi sơ bộ này, nhà trai chỉ nói qua quan hệ của đôi trai gái, chưa đề cập chi tiết đến việc ăn hỏi, cưới gả. Cũng có trường hợp do sức ép từ phía con cái hoặc đôi nhà cảm thấy việc xuôi chiều, nhà trai có thể bàn bạc lịch trình ngày ăn hỏi và ngày cưới đã chọn.

Thường thì nhà trai chọn ngày ăn hỏi, cưới gả, nhưng cũng có trường hợp nhà gái thông thạo việc chọn ngày cát, nhà trai uỷ quyền này cho nhà gái.

Sau khi chọn ngày tốt xong cho mọi việc, nhà trai có trách nhiệm báo lại cho nhà gái chuẩn bị đón khách ngày ăn hỏi và đón đoàn rước dâu ngày cưới. Căn cứ và lịch trình cơ bản này mà hai nhà bố trí đặt tiệc cưới, mời khách tham dự tiệc.

Cùng sau buổi gặp này, nhà gái có yêu cầu gì với nhà trai, như bao nhiêu lễ, số tiền mặt thách cưới tượng trưng là bao nhiêu...thì cho con gái nói cho chú rể biết, chú rể có trách nhiệm thông báo cho cha mẹ mình đem đến hôm ăn hỏi. Nếu nhà trai có yêu cầu nhà gái chút tiền mặt thì đưa ra con số lẻ, như 1.599.999đồng, 3.555.999đồng.... nghe nói làm như vậy cô dâu chú rể trong tương lai may mắn mọi điều.

Bước thứ hai: ăn hỏi

Ngày ăn hỏi, phòng khách nhà gái trang hoàng khá long trọng. Trong phòng khách treo đèn lồng và kết hoa. Trên bàn đặt các đĩa hoa hồng, càng nhiều màu đỏ càng tốt. Cửa phòng khách (hay rạp tiếp khách) dán chữ Hỷ, treo đèn lồng chằng hoa.

Theo giờ đã chọn, đại diện nhà trai (cha, mẹ, người thân thích, bạn bè...) đến nhà gái mang theo lễ cưới. Bên nhà trai chọn những chàng trai tân ăn mặc long trọng khi đến nhà gái bê mâm (hay quả) lễ vật vào. Bên nhà gái chọn những cô gái tân, thường mặc áo dài đỏ ra đón mâm lễ vật từ các chàng trai nhà trai mang vào nhà. Nhà gái chuẩn bị bao "lì xì" tặng cho các chàng trai cô gái tân khi mang lễ vật xong. Trong lúc mang lễ vật, các chàng trai cô gái cùng chú rể, cùng bạn bè ra chụp ảnh, hoặc ghi hình... Nhà gái nhận lễ vật, mang một số lễ vật tượng trưng như rượu, trầu cau, bánh cốm...lên ban thờ gia tiên thắp hương. Trong phòng tiếp khách, nhà trai nhà gái bố trí chỗ ngồi theo thứ vị cao thấp theo tôn ty trật tự, sau đó hai nhà giới thiệu họ hàng, thân thế của nhau. Nhà gái thường tiếp nhà trai tiệc trà. Hai nhà bàn lại chi tiết ngày cưới. Trước khi ra về, nhà gái xé ít cau, chè, bánh, thuốc lá để "lại quả" cho nhà trai mang về.

Khi đặt mâm hay quả lễ vật, tục xưa bao giờ cũng nhắc khăn phủ đỏ ra để riêng một chỗ, mở nắp để xuống dưới qu. Khi ra về, nhà trai *không được đặt nắp quả hoặc phủ lại khăn đỏ trên mâm lễ vật.*

Bước thứ ba: ngày cưới đón dâu

Ngày cưới đón dâu và đặt tiệc đãi khách tùy theo điều kiện của từng nhà mà tổ chức trong một ngày, nhưng ngày này phải là ngày

tốt được chọn trước. Cũng có khi đãi khách một ngày, lễ cưới đón dâu một ngày, song ngày đón dâu mới là ngày quan trọng, phải chọn ngày và giờ tốt.

Phía nhà gái hôm đưa dâu cũng chuẩn bị đón khách nhà trai và họ hàng thân thích nhà mình đến dự, như trà, nước, bánh kẹo, thuốc, nơi đặt lễ vật của nhà trai, bình cắm hoa (chỉ dùng hoa tươi, hoa hồng). Riêng cô dâu hôm đó không làm gì, không được cầm vật nhọn kể cả kim khâu và dao các loại, không cắt hoa hay ngắt một cọng rau tươi, không bỏ quả...

Nhà trai cũng chuẩn bị địa điểm đón dâu và tiếp họ hàng thân thích, đại diện đoàn nhà gái đến. Lịch trình của ngày cưới đón dâu như sau:

Làm thủ tục xin dâu (đây cũng là tục mà nhiều nơi làm): đến giờ lành như đã chọn, đại diện nhà trai thường là mẹ chú rể (cũng có thể là người họ hàng thân thích có tuổi) mang một cơi trầu nhỏ, phủ vải đỏ, đến nhà gái xin dâu. Đến nhà gái, cha mẹ hay đại diện nhà gái mang cơi trầu đặt lên ban thờ gia tiên, thắp hương khấn nôm ..., sau đó người xin dâu khấn trương về ngay. Có tục người xin dâu lúc đến nhà gái đi một đường, lúc về một đường. Sau khi người xin dâu đi khoảng 20-30 phút, đoàn đón dâu nhà trai xuất phát đến nhà gái (cũng vào giờ lành đã chọn) đón dâu, khi bước chân đến nhà gái cũng phải là giờ tốt. Đến nhà gái, sau ít phút tiếp chè thuốc, bố hay mẹ cô dâu dẫn chú rể cùng cô dâu đến trước ban thờ tổ tiên thắp hương, khấn trình báo tổ tiên cho nhà trai đón dâu, có thể áp dụng văn khấn Bài số 1 ở trang sau.

Sau khi cha hoặc mẹ cô dâu khấn xong, chú rể và cô dâu đứng trước ban thờ vái 3 lạy, sau đó khấn, có thể áp dụng văn khấn Bài số 2 ở trang sau:

Khấn xong, đại diện nhà trai có lời tạm biệt nhà gái đưa dâu về nhà trai Cô dâu và đoàn rước dâu ra về khỏi nhà gái, bước chân về nhà trai cũng phải vào giờ tốt. Trên đường đi, nếu qua cầu, cô dâu (hoặc nhờ ai đó bên nhà gái) quăng tiền xuống nước, xuống cầu. Tục này ngày nay dù không gặp cầu, họ cũng ném tiền xuống đường. Khi về đến nhà trai, đại diện nhà trai (bố hoặc bác, chú...) đưa cô dâu và chú rể đến ngay ban thờ cáo trình với tổ tiên, rồi khấn, có thể áp dụng văn khấn Bài số 3 và 4 ở trang sau:

Bài 1

VĂN KHẤN CÁO YẾT THẦN LINH VÀ TỔ TIÊN NGÀY CƯỚI

(Cha, mẹ nhà gái dùng bài này lễ ở ban thờ chính)

Con Na mô Adi Đà Phạt (3 lần)

Kính lay Hoàng Thiên hậu Thổ, Địa Mẫu, cập Thổ Công, Thổ Địa chính thần, Tiên Chủ Hậu Chủ.

- Bản gia Táo Phủ thần quân, Bản gia chủ trạch, chủ thần anh linh.

- Thành Hoàng Bản Thổ chứng minh

- Thần Tài, Thần Chủ uy linh hộ trì.

Con cung thỉnh: Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Tổ cô mãnh tương, cập Bá thúc huynh đệ, cô di tử muội, phàm ngã tôn nhân, đẳng chư chân linh hộ⁽¹⁾.....

Hôm nay ngày.... tháng.... năm.... tức là năm thứ⁽²⁾..... nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tại số nhà:.....

Tín chủ con là.....

Nhân ngày thành hôn và hợp cẩn của hai con chúng con là:.....

Trước linh tọa Ngũ tự gia thần chư tôn linh.

Trước bàn thờ Gia tiên chư chân linh xin theo lệ tục nghi lễ thành hôn và hợp cẩn, bát nước nén nhang, hoa quả lễ vật, chúng con kính dâng lên Tôn thần Tiên tổ. Nhân ngày lành tháng tốt kính báo Tôn thần Tiên tổ chứng lễ cho hai cháu duyên lành gặp gỡ, thuyền về một bến, nước chảy một chiều, phúc tổ di lai sinh trai có vợ sinh gái có chồng, cúi xin phù hộ cho hai cháu vợ chồng hoàn hảo, giai lão trăm năm, vận được hanh thông, âm phù dương trợ, hai họ đoàn kết, có con nối dõi, gái trai hiếu thảo, thông minh, thành đạt, lộc tài tăng tiến. Cầm sắt giao hòa, trông nhờ phúc tổ. Muôn đội tâm linh.

Cẩn cáo

⁽¹⁾ (6) Họ là gì thì ghi vào ví dụ: họ Trần, họ Nguyễn

⁽²⁾ Tuổi của nước CHXHCNVN từ 1945 đến nay

Bài 2

VĂN KHẤN CÁO YẾT THẦN LINH VÀ TỔ TIÊN NGÀY CƯỚI

(Chú rể, cô dâu dùng bài này lễ ở ban thờ chính tại nhà cô dâu)

Con Na mô Adi Đà Phật (3 lần)

Kính lạy Hoàng Thiên hậu Thổ, Địa Mẫu, cặp Thổ Công, Thổ Địa chính thần, Tiền Chủ Hậu Chủ.

- Bản gia Táo Phủ thần quân, Bản gia chú trạch, chủ thần anh linh.

- Thành Hoàng Bản Thổ chứng minh

- Thần Tài, Thần Chủ uy linh hộ trì.

Con cung thỉnh: Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Tổ cô mãnh tương, cặp Bá thúc huynh đệ, cô di tử muội, phàm ngã tôn nhân, đẳng chư chân linh hộ⁽¹⁾.

Hôm nay ngày.... tháng.... năm.... tức là năm thứ⁽²⁾..... nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tại số nhà:.....

Nhân ngày thành hôn và hợp cẩn của chúng con là:.....

Trước linh tọa Ngũ tự gia thần chư tôn linh.

Trước bàn thờ Gia Tiên Chư Chân Linh xin theo lệ tục nghi lễ thành hôn và hợp cẩn, bát nước nén nhang, hoa quả lễ vật, tiền vàng trầu cau chúng con kính dâng lên Tôn Thần Tiên Tổ. Nhân ngày lành tháng tốt kính báo tôn thần tiên tổ chứng lễ cho chúng con được làm vợ làm rể họ.....Nay hai con duyên lành gặp gỡ, thuyền về một bến, nước chảy một chiều, cúi xin phù hộ cho hai cháu vợ chồng chúng con hạnh phúc, vận được hanh thông, âm phù dương trợ, hai họ đoàn kết, có con nối dõi, gái trai hiếu thảo, thông minh, thành đạt, lộc tài tăng tiến. Cầm sắt giao hòa, trông nhờ phúc tổ. Muôn đội tâm linh.

Cẩn cáo

⁽¹⁾ ⁽⁶⁾ Họ là gì thì ghi vào ví dụ: họ Trần, họ Nguyễn

⁽²⁾ Tuổi của nước CHXHCNVN từ 1945 đến nay

Bài 3

VĂN KHẤN CÁO YẾT THẦN LINH VÀ TỔ TIÊN NGÀY CƯỚI

(Cháu, mẹ nhà trai dùng bài này lễ ở ban thờ chính)

Con Na mô Adi Đà Phật (3 lần)

Kính lạy Hoàng Thiên hậu Thổ, Địa Mẫu, cặp Thổ Công, Thổ Địa chính thần, Tiên Chủ Hậu Chủ.

- Bản gia Táo Phủ thần quân, Bản gia chú trạch, chú thần anh linh.

- Thành Hoàng Bản Thổ chứng minh

- Thần Tài, Thần Chủ uy linh hộ trì.

Con cung thỉnh: Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Tổ cô mãnh tướng, cặp Bá thúc huynh đệ, cô di tử muội, phàm ngã tôn nhân, đẳng chư chân linh hộ⁽¹⁾.....

Hôm nay ngày.... tháng.... năm.... tức là năm thứ⁽²⁾..... nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tại số nhà:.....

Tín chủ con là.....

Nhân ngày thành hôn và hợp cẩn của hai con chúng con là:

Trước linh tọa Ngũ tự gia thần chư tôn linh.

Trước bàn thờ Gia tiên chư chân linh xin theo lệ tục nghi lễ thành hôn và hợp cẩn, bát nước nén nhang, hoa quả lễ vật, chúng con kính cẩn dâng lên Tôn thần Tiên tổ. Nhân ngày lành tháng tốt kính báo Tôn thần Tiên tổ chứng lễ cho hai cháu duyên lành gặp gỡ, thuyền về một bến, nước chảy một chiều, phúc tổ di lai sinh trai có vợ sinh gái có chồng, cúi xin phù hộ cho hai cháu vợ chồng hoàn hảo, giai lão trăm năm, vận được hanh thông, âm phù dương trợ, hai họ đoàn kết, có con nối dõi, gái trai hiếu thảo, thông minh, thành đạt, lộc tài tăng tiến. Cầm sắt giao hòa, trông nhờ phúc tổ. Muôn đội tâm linh.

Cẩn cáo

^{(1) (2)} Họ là gì thì ghi vào ví dụ: họ Trần, họ Nguyễn

⁽²⁾ Tuổi của nước CHXHCNVN từ 1945 đến nay

Bài 4

VĂN KHẤN CAO YẾT THẦN LINH VÀ TỔ TIÊN NGÀY CƯỚI

(Chú rể, cô dâu dùng bài này lễ ở ban thờ chính tại nhà chú rể)

Con Na mô Adi Đà Phạt (3 lần)

Kính lạy Hoàng Thiên hậu Thổ, Địa Mẫu, cặp Thổ Công, Thổ Địa chính thần, Tiền Chủ Hậu Chủ.

- Bản gia Táo Phủ thần quân, Bản gia chú trạch, chú thần anh linh.

- Thành Hoàng Bản Thổ chứng minh

- Thần Tài, Thần Chủ uy linh hộ trì.

Con cung thỉnh: Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Tổ cô mãnh tướng, cặp Bá thúc huynh đệ, cô di tử muội, phàm ngã tôn nhân, đẳng chư chân linh hộ⁽¹⁾.....

Hôm nay ngày.... tháng.... năm.... tức là năm thứ⁽²⁾..... nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tại số nhà:.....

Nhân ngày thành hôn và hợp cẩn của chúng con là:

Trước linh toa Ngũ tự gia thần chư tôn linh.

Trước bàn thờ Gia Tiên Chư Chân Linh xin theo lệ tục nghi lễ thành hôn và hợp cẩn, bát nước nén nhang, hoa quả lễ vật, tiền vàng trầu cau chúng con kính dâng lên Tôn Thần Tiên Tổ. Nhân ngày lành tháng tốt kính báo Tôn thần Tiên tổ chứng lễ cho chúng con được làm chồng, làm dâu họ..... Nay hai con duyên lành gặp gỡ, thuyên về một bên, nước chảy một chiều, cúi xin phù hộ cho hai cháu vợ chồng chúng con hạnh phúc, vận được hanh thông, âm phù dương trợ, hai họ đoàn kết, có con nối dõi, gái trai hiếu thảo, thông minh, thành đạt, lộc tài tăng tiến. Cảm ơn giao hòa, trông nhờ phúc tổ. Muôn đời tâm linh.

Cẩn cáo

⁽¹⁾ ⁽²⁾ Họ là gì thì ghi vào ví dụ: họ Trần, họ Nguyễn

⁽²⁾ Tuổi của nước CHXHCNVN từ 1945 đến nay

Sau khi cô dâu và chú rể khấn xong, cả hai vợ chồng quay ra chào hỏi ông bà, cha mẹ, cô dì chú bác, bạn bè tới dự...sau đó *ngồi yên vị trong nhà không đi ra ngoài*. Khi còn trong thời khắc giờ tốt, cô dâu vào phòng ngủ ngồi một lúc trên giường, sau đó lại ra ngoài tiếp khách (xem phần 5-Lễ cưới-dại lễ trên đây).

Ngày hôm sau, hai vợ chồng mới về thăm nhà bố mẹ đẻ cô dâu, nếu hai nhà không quá xa nhau.

Trong ăn hỏi, cưới gả, ngày nay người ta cũng đặt ra những vấn đề kiêng kỵ như phong tục cưới gả thời xưa (*xem phần phong tục xưa trên đây*).

C. TRANG HOÀNG CHO NGÀY CƯỚI

Tuỳ từng điều kiện mà người ta có cách trang hoàng nơi tiếp khách, phòng cưới..., theo tục xưa, việc trang hoàng này như sau:

Trước hôn lễ một ngày, nhà trai (cũng như nhà gái) đã treo đèn kết hoa, đại thể bố trí như sau:

Cổng và lối vào nhà

Dán các chữ “Hỷ”, cửa cổng treo đèn lồng và kết hoa.

Phòng tiếp khách

1. Trước cổng dán một câu đối đỏ, thêm cả hoành phi câu đối có nội dung mừng đôi vợ chồng mới.

2. Ở giữa nhà treo trên cao một chiếc đèn lồng, xung quanh đèn đều viết chữ: “Loan phượng cùng hót”, “Quan âm tặng con”, “Trạng nguyên cập đệ”, “Hợp gia hoan”.

3. Trên hương án đặt một đôi chân đèn thấp nền.

4. Trên hai tường đối diện nhau dán một bức tranh “Sánh đôi”(tranh này của Trung Quốc hiện nay bán nhiều ở các cửa hàng sách hoặc nơi bán hàng giấy, đèn lồng...).

5. Trên mặt tường chính căng phông màu đỏ hoặc xanh, dán tên đôi uyên ương chữ lồng và họ tên viết đầy đủ, ngày cưới...

Phòng cưới

1. Hai bên cửa phòng dán một đôi câu đối, thêm hoành phi thường viết câu: “Loan phượng cùng hót”.

2. Trên cánh cửa dán chữ “song hỷ” và dán tranh đôi nam nữ “Sánh đôi”.

3. Ở giữa phòng treo đèn lồng.
4. Ở cửa sổ dán chữ Song hỷ đỏ cắt giấy, bốn góc cắt dán bướm bay. Hai bên cửa sổ dán câu đối “Loan phượng sánh đôi”.
5. Bốn bức tường đều dán tranh.

Phòng bếp

Cửa nhà bếp dán đôi câu đối như nói trên, thêm bức hoành phi, trên cửa dán chữ “Hỷ”.

2. Người Mường

Hôn nhân người Mường là một vợ một chồng và vợ cư trú bên nhà chồng. Quá trình đính hôn ăn hỏi cưới gả, theo phong tục người Mường, ông mối có vai trò quan trọng, là sứ giả cuộc hôn nhân của đôi trai gái. Tục cưới xin có một số bước sau đây:

a. Lễ ước hỏi

Tiếng Mường lễ này gọi là Kháo thiếng, khi đôi trai gái đã tâm đầu ý hợp, nhà trai nhờ ông mối sang nhà gái xin ý kiến. Ngày đầu tiên vào ngày đẹp và đẹp trời, ông mối tay không đến nhà gái đặt vấn đề, nhưng trong buổi này nhà gái chưa trả lời ngay. Để một thời gian ngắn, ông mối lại sang và đặt lại vấn đề, nếu nhà gái bằng lòng thì trả lời cho ông mối biết để báo nhà trai chuẩn bị cho hôn lễ. Ngay sau hôm đó, ông mối lại đến nhà gái, lần này mang hai chai rượu ngon và một đấu chè sang nhà gái làm tin. Cũng ngay hôm đó, nhà gái tổ chức một tiệc nhỏ, nhờ ông mối hẹn nhà trai ngày và giờ làm lễ bỏ trầu (tiếng Mường gọi là Tí nôm bánh). Ngày và giờ nhà gái chọn là ngày giờ tốt lành.

b. Lễ bỏ trầu (Tí nôm bánh): đến ngày hẹn, ông mối dẫn đầu họ nhà trai (nhưng không có chú rể) đến nhà gái bỏ cơm trầu ăn hỏi. Lễ vật gồm một con lợn nặng khoảng 20 kg, hai gánh (bao) gạo khoảng 50kg, bánh chưng 120 chiếc, 5 chai rượu ngon, một buồng cau, 100 lá trầu.

Nhà gái làm cỗ đón nhà trai, sau khi ăn uống xong nhà trai đặt vấn đề cưới xin. Hai nhà dự định đưa ra thời gian cưới chính thức. Gần đến ngày cưới, nhà trai sắm lễ trầu cau và rượu nhờ ông mối sang nhà gái xin ngày cưới. Sau đó nhà trai mời họ hàng làng xóm đến nhà thông báo việc hôn nhân của gia đình và đặt vấn đề xin tiền gạo lo cho đám cưới. Nếu là anh em thân thuộc, mỗi người sẽ giúp nhà trai một chón cơm (10 đấu gạo nếp) và một đồng bạc cổ (thời nay, người ta cho giúp bằng tiền mặt). Sau đó nhà trai chọn

ngày lành để tiến hành lễ cưới.

c. Lễ cưới (Tì cháu): đoàn nhà trai do ông mối dẫn đầu mang theo 1 tạ gạo, 2 con lợn, 10 lít rượu, 100 lá trầu, 1 buồng cau, vài cây mía sang nhà gái. Chú rể đi theo, trên lưng gùi (đeo) một nồi xôi (khoảng 10 dĩa gạo), trên đế 2 con gà trống thiến đã luộc. Hai phù rể đi hai bên, mỗi người gùi một nồi xôi không có gà. Đoàn nhà trai đến nhà gái phải đứng lúc trầu về chuồng (buổi chiều, khoảng 5 giờ, cuối giờ Thân đầu giờ Dậu). Nhà trai lên sàn ngồi theo thứ bậc, sau đó nhà gái bước ra chào khách. Ông mối thay mặt cho nhà trai trao lễ vật cho nhà gái, rồi quay ra khấn rượu để cô dâu chú rể và hai họ uống chung một vò rượu cần.

Hết tuần rượu, ông mối khấn Thần Rượu, Thần Đất, khấn xong mọi người mới ngồi xuống ăn cơm. Trong khi ngồi ăn cơm, họ nhà gái ngồi vòng trong, họ nhà trai ngồi vòng ngoài. Tiệc xong, nhà trai ra về, riêng chú rể và phù rể phải ở lại giúp nhà gái, sáng hôm sau họ mới trở về nhà mình.

Tục xưa, hôn lễ của người Mường quy định một vài năm sau mới được đón dâu, với mục đích cho cô dâu làm quen dần với việc bên nhà chồng, mỗi khi tết nhất, chàng rể phải lễ bố mẹ vợ. Do vậy, trước khi cưới, dâu và rể đi đi về về cả hai nhà. Ngày nay, tục này đã bỏ hẳn, sau lễ ăn hỏi ít lâu làm lễ cưới đón dâu ngay.

d. Lễ đón dâu (Tì du): đến ngày đã định, nhà trai đem tiền, vải sang nhà gái, nhà gái cử một đoàn gồm vài chục người đi đưa dâu. Cô dâu mặc váy, áo đẹp, đầu đội nón. Những thứ cô dâu mang về nhà chồng là đồ dùng cá nhân, còn có hàng chục chiếc gối để biếu bố mẹ và họ hàng nhà chồng.

Dẫn đầu đoàn đưa dâu là ông mối và 2 cô gái trẻ của nhà trai cử sang đón dâu. Đoàn đưa dâu cũng phải về nhà trai lúc xẩm tối (khoảng 5 giờ chiều). Sau khi khấn rượu, khấn cơm, khấn tổ tiên, ông mối đưa cô dâu đến trước bàn thờ tổ tiên để trình diện. Tại nhà trai, diễn ra ăn uống và múa hát suốt đêm. Khoảng 3 ngày sau, nhà trai làm lễ để cô dâu về thăm lại cha mẹ mình.

3. Người Tày

Thời xưa, con trai con gái người Tày cưới nhau do sự sắp đặt của cha mẹ. Các bước của một cuộc hôn nhân diễn ra như sau:

a. Lấy lá số (tiếng Tày gọi là au lạc mình). Khi chọn được người con gái vừa ý cho con trai mình, ông bố (hoặc chú bác ruột,

có khi là anh ruột nếu dừng tuổi tở ra chững chạc) mang theo 1 kg thịt lợn, 1 chai rượu và bánh kẹo đến nhà gái đặt vấn đề và xin lá số của cô gái (người Tày, đứa trẻ sau khi sinh đều ghi chi tiết năm tháng ngày giờ sinh theo lịch âm vào tờ giấy). Nếu được phía nhà gái chấp nhận, nhà trai đem lá số về nhờ thầy giải và hẹn ngày trở lại.

b. Báo lá số (báo mình đây). Khi giải lá số, nếu thấy đôi trai gái không hợp duyên thì nhà trai đem trả lại lá số. Nếu thấy hợp duyên thì nhà trai mang 1 con gà, 1 kg thịt lợn, 1 chai rượu đến trình với nhà gái. Nhà gái làm cơm đãi đại diện nhà trai, hai bên chọn ngày làm lễ "cắt cổ gà" (ngày bàn bạc lễ thách cưới)

Đến ngày tốt, ông bố chàng trai cùng một vài người trong gia đình mang lễ vật đến nhà gái (người Tày vùng Lục Ngạn Bắc Giang mang lễ vật gồm: 5 con gà trống hoa nặng từ 1kg trở lên, 5 lít rượu, 2 rá xôi cùng trâu cau, vỏ thuốc. Hiện nay lễ vật gồm 10 kg thịt lợn, 2 kg gà, 10 chai rượu trắng, 2 rá xôi cùng trâu cau, vỏ thuốc). Nhà gái nhận lễ trước sự chứng kiến của họ hàng rồi mổ gà đãi khách, họ hàng. Ăn xong, hai nhà bàn đến lễ vật thách cưới.

Theo phong tục xưa, trước 2/9/1945 (Cách mạng Tháng Tám), đồ thách cưới mà nhà trai phải mang đến nhà gái gồm:

- Một khoản tiền trị giá bằng tiền mua một con trâu mộng (khoảng 120 đồng bạc trắng).

- 1 tạ thịt lợn (số thịt này nhà gái cân lại, nếu thiếu 1 cân cũng phải bù cho đủ) và 1 con lợn quay khoảng 30 kg trở lên.

- 120 bánh dày to bằng cái đĩa, tính trung bình mỗi kg gạo chỉ làm được 3 chiếc.

- Rượu từ 60-100 lít (tùy đám).

- Một nèm thuốc phiện khoảng 1 lạng.

Từ sau 1954 cho đến thập kỷ 90 thế kỷ 20, số lễ vật trên hầu như không thay đổi, chỉ không có thuốc phiện. Từ những năm 90 trở lại đây, số lễ được quy bằng tiền mặt, khoảng 2 triệu đồng mà nhà trai cần mang đến nhà gái trước ngày cưới khoảng 1 tuần.

c. Lễ cưới. Trước ngày cưới, nhà trai mang lễ vật đến nhà gái, nhà gái làm tiệc cưới mời họ hàng đến dự. Ngày cưới, nhà trai cử một nam và một nữ đứng tuổi thay mặt họ hàng đi đón dâu, lại nhờ thêm hai phù rể và một nữ giá h trâu cau cùng chú rể đến nhà cô dâu. Nhà gái làm cơm đãi đoàn đón dâu, ăn xong, đến giờ tốt đã chọn, cô dâu chú rể làm lễ cáo yết trước gia tiên trước sự chứng kiến của hai họ rồi

cùng đoàn đón dâu trở về nhà trai.

Khi cô dâu bước vào cửa, một bà thân thuộc nhà chú rể lấy khăn mặt mới nhúng vào chậu nước sạch chuẩn bị sẵn rửa mặt cho cô dâu (nghe nói là rửa sạch vĩa xấu ám khi đi đường). Cô dâu và hai phù dâu vào buồng ngồi khoảng 30 phút, nhà trai bung vào một mâm cơm gọi là cơm cô dâu. Trong mâm để 7 bát dĩa kín. Trong số đó có: bát rau sào, bát gạo sống, bát cơm chín, bát muối, bát nước, bát thịt chín, bát rượu. Cô dâu phải tận tay mở chỉ một trong bảy bát để thử vận may của mình khi sẽ sống ở nhà chồng.

Theo tục của người Tây, nếu mở được các bát cơm, bát gạo hay bát thịt thì cô dâu sau này may mắn trong làm ăn, có của dư của để.

Nếu mở được các bát có rau, có muối là không tốt, báo cô dâu làm ăn sẽ khó khăn.

Nếu mở được bát có rượu, bát nước thì cô dâu sẽ gặp điều không may, nhưng mọi việc rồi sẽ qua khỏi.

Việc mở bát trong phòng chỉ có hai phù dâu, hai người một nam một nữ trong họ nhà chồng biết. Việc may rủi qua mở các bát của cô dâu, có thể được giữ bí mật mà chỉ 5 người biết. Sau khi làm lễ thử “vận may” như vậy xong, cô dâu, chú rể ra ngoài nhà làm lễ gia tiên. Đoàn nhà gái ra về ngay hôm đưa dâu, tối hôm đó cô dâu và hai phù dâu ngủ với nhau trong buồng, chú rể ngủ nơi khác.

d. Lại mặt. Ngay sáng hôm sau, cô dâu cùng em gái chồng (nếu có) và 2 phù dâu đi trước vài phút về nhà gái, sau đó chú rể theo sau, mang theo 2 con gà, 1 rá xôi, 1 chai rượu. Cơm nước xong, cả 3 người trở về nhà chồng trước lúc gà lên chuồng.

4. Người Sán Chí

Trai gái Sán Chí 14-15 tuổi đã biết yêu và được tự do tìm hiểu qua các cuộc hát giao duyên, nhưng khi đến hôn nhân lại phải được sự đồng ý của cha mẹ. Do vậy, nhiều cuộc tình mang hận do không lấy được nhau, cũng có trường hợp các đôi trai gái quyền sinh vì sự ngăn cấm của bố mẹ.

Thời gian cưới hỏi của người Sán Chí bắt đầu từ tiết Sương giáng (khoảng đầu tháng 9 âm) đến khoảng cuối tháng 2 âm. Hôn nhân của họ thường qua các bước sau đây:

a. Đi hỏi lần thứ nhất. Cha mẹ chàng trai “bí mật” đến nhà gái mang theo hai thanh đường mua từ hôm trước ở chợ phiên, thường là lúc xẩm tối. Trên đường đi nếu không gặp con vật hoặc

người nào là tốt, điếm báo nhà gái tiếp đón thịnh tình.

Đến nhà gái, ông bố hoặc chú bác chàng trai đặt hai thanh đường lên ban thờ và đặt vấn đề với cha mẹ cô gái "muốn làm anh em". Nhà gái mời nước khách.

Bốn ngày sau, nếu không thấy nhà gái đem trả hai thanh đường, thì coi như nhà gái đã nhận lời. Sáng hôm sau, họ đi sắm đồ cho lần đi hỏi thứ hai.

b. Lần hỏi thứ hai. Cũng là ông bố hoặc chú bác ruột chàng trai đến nhà gái lúc xẩm tối. Khi đi lại mang theo 2 thanh đường, 1 cân thịt lợn, 1 chai rượu trắng (0.65 lít) đặt lên ban thờ. Nhà gái nói nhận lễ và gọi con gái ra hỏi ý kiến. Thường thì các cô gái đồng ý.

c. Lần ăn hỏi thứ ba. Sau ba ngày, nhà trai phải đến nhà gái, nếu vì lý do nào đó thì phải báo cho nhà gái biết lý do và xin hoãn tiếp 3 ngày sau. Nếu không báo, nhà gái coi như bỏ cuộc và sẽ không bao giờ chấp nhận nhà trai này nữa. Lần ăn hỏi này, nhà trai nhờ đến ông mối, cũng đi đến nhà gái vào lúc xẩm tối, mang theo lễ vật như lần trước và đặt lên ban thờ khi đến nhà gái, sau đó xin lá số cô gái để về nhà nhờ thầy giải. Nếu đôi trai gái xung khắc, nhà trai sắm lễ đến nhà cô gái trả lá số và xin phép thôi ăn hỏi. Hai bên bàn bạc kỹ và tìm ra giải pháp hay để giữ thể diện cho cô gái.

Nếu nhà trai thấy đôi trai gái hợp số thì hẹn nhà gái ngày lễ Cau to (ăn hỏi).

d. Lễ Cau to. Nhà trai mang thịt lợn, gạo nếp, rượu, gạo tẻ đến nhà gái cùng ông mối. Nhà gái nhận lễ, chàng rể lễ trước gia tiên và ra mắt họ hàng nhà gái. Nhà gái đãi khách, nhưng đoàn nhà trai ngồi ăn mâm riêng.

e. Lễ báo cưới. Lễ này được tiến hành trước ngày cưới chính thức 2 tháng. Ông mối và người nhà trai mang theo 2 thanh đường cùng thịt gạo, rượu... đến nhà gái báo ngày lễ cưới mà nhà trai đã chọn. Người Sán Chí kiêng cưới vào 2 ngày (mỗi tháng có 2 ngày như vậy), đó là ngày Tam Sát và ngày Cho pộ (sát phu). Sau khi nhà gái đãi khách, nhà gái bàn với nhà trai về lễ vật thách cưới.

Theo phong tục, nhà trai cần nộp cho nhà gái số lễ vật như sau:

- 1 tạ thịt lợn mót hàm, 4 thùng gạo (nửa gạo tẻ, nửa gạo nếp, mỗi thùng là 24 cân).

- Rượu 70 chai, rượu cưới phải nấu bằng gạo nếp, uống phải

ngọt, say nhưng không đau đầu.

- Bạc trắng 2 đồng.

Trước lễ cưới 1 tháng, người Sán Chí có một phong tục độc đáo, lần lượt các chú bác cô dì, cậu và các chị em ruột khác đã có gia đình, mỗi nhà làm một bữa cơm mời cô gái đến liên hoan chia tay trước khi về nhà chồng. Trong cuộc họp mặt này, họ đều dặn dò cô gái những điều cần chú ý khi làm vợ, làm dâu người ta.

g. Lễ cưới. Trước ngày cưới ít nhất một hôm, đoàn nhà trai mang các lễ vật đến nhà gái. Nhà gái nhận lễ trình trước gia tiên.

Sáng hôm sau, đoàn nhà trai do ông mối và 2 phù dâu sang nhà gái. Nhà trai và ông mối tính toán làm sao khi cô dâu bước chân về nhà chồng đúng giờ Hoàng đạo. Nhà gái cũng cử hai người con gái cùng các phù dâu đưa cô gái về nhà chồng.

Trên đường đi, ông mối thỉnh thoảng vút ra đường những đồng xu để "mua đường" và xua đuổi ma quỷ.

Về đến nhà chồng, cô dâu vào buồng ngồi trên giường do những người mát tay đông con trải chiếu, kê giường. Khi ngồi xuống giường, cô dâu phải ngồi hướng tốt, tránh hướng Tam sát (xác định theo tuổi của cô dâu, do thầy chọn), đến giờ đẹp (cũng do ông thầy chọn), cô ăn một ít cơm do người nhà chồng mang đến để lấy may. Ăn xong, cô dâu được ra khỏi buồng chào mọi người và dọn dẹp.

Trong khi cô dâu ở trong buồng, chú rể ra chào mọi người, sau đó chú rể cùng ông mối hát chúc tụng cho đám cưới rồi cùng hát với trai gái hai bên nhà trai, nhà gái. Hát xong, mọi người vào dự tiệc. Cỗ cưới người Sán Chí rất ngon, nấu rất đặc sản, bao gồm các món đặc trưng như sau:

- Lợn quay.
- Khau nhục (thịt ba chỉ luộc hơi chín sau đó đem rán).
- Miến hầm.
- Xá xiu (thịt quay vàng).
- "Toàn quyền" (đậu phụ nhồi thịt trứng rồi đem rán).
- Thịt gà luộc.
- Trứng ốp lết.
- Thịt giò thủ và các món nấu khác.

Tiệc xong, nhà gái ra về, các bạn đồng niên của chú rể tào chuyện, cô dâu ra chào họ, mỗi người tặng cô dâu một hiện vật hoặc tiền. Cô dâu cảm ơn và tặng lại họ mỗi người một chiếc khăn thêu do tự tay cô dệt trước ngày cưới. Trong khăn có gói một miếng trầu, một điều thuốc

lá. Khách ra về, đêm hôm đó, cô dâu ngủ một mình trong phòng.

Ba ngày sau, hai vợ chồng cùng cô em gái phù dâu mang theo 1 con gà, 1 rá xôi, 1 chai rượu về nhà cha mẹ vợ. Đến nhà, vợ và cô em phù dâu vào nhà trước, chồng đến sau một lúc. Cơm nước xong, hai vợ chồng ra về. Hai vợ chồng sau đó đem theo một chân giò đến nhà ông mối cảm tạ. Hàng năm hai vợ chồng phải đến nhà ông mối lễ tết và riêng cô dâu coi ông như cha đẻ.

Trên đây là phong tục cưới hỏi đặc trưng của một số dân tộc trên đất Việt Nam. Ở một số dân tộc khác, phong tục cưới hỏi cũng có nét tương tự. Có một điều chung nhất trong cưới hỏi của các dân tộc là sự chọn ngày giờ tốt cho đính hôn, ăn hỏi, cưới gả; xem tuổi của đôi trai gái có hợp duyên không thì mới tiến hành các bước tiếp theo trong hôn nhân. Những nét đặc trưng này đã dựng nên thuật Trạch cát của người xưa cho cưới hỏi mà chúng tôi sẽ trình bày chi tiết sau đây.

III. PHONG TỤC CHỌN TUỔI TRONG HÔN NHÂN

Các dân tộc trên đất Việt Nam xưa, khi dựng vợ gả chồng thường xem tuổi của đôi trai gái có hợp nhau hay không. Các dân tộc ít người như người Tày, người Nùng, người Sán Dìu, người Cao Lan, người Sán Chí, người Ngái... khi chạm ngõ bao giờ cũng xin tuổi của cô gái để xem có hợp tuổi với chàng trai hay không rồi mới làm lễ ăn hỏi.

Người Việt có phong tục "nữ hơn hai, trai hơn 1", nghĩa là cô gái hơn chàng trai 2 tuổi, hoặc chàng trai hơn cô gái một tuổi là hôn nhân tốt đẹp, con đàn cháu đống, có nếp có tẻ, sống trọn đời bên nhau.

Do vậy, xem tuổi để kết hôn đã trở thành một tập tục của các dân tộc trên đất Việt. Tập tục này lại được củng cố thêm khi dân gian vận dụng thuật Trạch cát của Trung Hoa cổ đại trong hôn nhân, làm nhà và các việc đại sự khác. Tập tục này đã có cách nay hàng ngàn năm, ngày nay cũng được các đôi trai gái xem xét trước khi cưới gả. Việc xem tuổi này nhằm mục đích, nếu đôi trai gái không hợp tuổi, họ vẫn đi đến hôn nhân (vì quá hợp nhau tính cách và rất yêu nhau), nhưng tìm cách để "giải" điều xấu và điều không hợp. Như: bằng cách chọn thời gian tháng đại lợi cưới gả cho cô dâu; chọn năm, tháng ngày, giờ tốt cho đính hôn, ăn hỏi, cưới gả. Có những cặp vợ chồng khi cưới gả xong, tức thời lên chùa làm số "đổi tên, đổi tuổi" cho đẹp duyên; hoặc không thì họ bảo nhau hàng ngày dành chút thời giờ tụng (đọc thâm thì, trang nghiêm, bí mật) chú Đại Bi (Thiên Thủ Thiên Nhân Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà

la ni). Từ bao đời nay, trong dân gian Việt Nam, Trung Hoa xưa, nghe nói, cặp vợ chồng nào không hợp tuổi nhau, cưới nhau vào năm tháng ngày giờ không đẹp, nếu cần mẫn hàng ngày đọc chú Đại Bi này thì mọi việc rất tốt lành, biến hung thành cát. Đương nhiên, người bình thường hàng ngày đọc chú này thì càng tốt (về bài chú Đại Bi, xin giới thiệu sau đây).

Việc tụng niệm chú có hiệu quả kỳ diệu như vậy thật hay không đến nay chưa có cách nào kiểm chứng được, song thiết nghĩ tụng niệm hàng ngày cũng có tác dụng nhắc nhở người thực thì luôn tích đức hành thiện.

Sau đây là nội dung của cách chọn tuổi trong hôn nhân của người xưa theo thuật Trạch Cát, xin lưu ý bạn đọc, tất cả nội dung sau chỉ có tác dụng tham khảo, viết đúng sai vẫn còn là vấn đề chiêm nghiệm

1. NGƯỜI SINH NĂM TÝ (1948, 1960, 1972, 1984, 1996)

A. NHỮNG NÉT CHUNG CỦA NGƯỜI TUỔI TÝ

Trai gái tuổi Tý có tính cách thích ở nơi yên tĩnh và cuộc sống bình thản, nhàn hạ. Nếu là nam giới đa thê, nhiều con thì gia đình không yên ổn, điều mà người xưa gọi là bại gia, bị người đời xa lánh.

Hôn nhân: thường yêu lần đầu không thành, duyên lần đầu dù có yêu nhau thắm thiết hoặc đã đi đến hôn nhân thì cũng mong manh.

Về cuộc sống cũng như hôn nhân, trước 30 tuổi cảnh ngộ gặp nhiều trắc trở và vất vả, nhưng càng nhiều tuổi lên thì hoàn cảnh và cuộc sống càng thuận lợi hơn. Chính vì tính chất hôn nhân trong tương lai của người tuổi Tý như vậy, nên người xưa rất thận trọng chọn tuổi dựng vợ gả chồng, sao cho hôn nhân một lần thành công tốt đẹp.

Tính cách của người tuổi Tý cũng có ảnh hưởng phần nào lúc yêu đương chọn bạn đời khi còn trẻ. Như họ là người rất bộc trực, thành thật, nhưng trong mọi cử chỉ lại thể hiện một sự cẩn thận, chặt chẽ. Họ rất cần cù trong mọi công việc, sống tiết kiệm, do vậy họ không phải là nhóm người thoáng dang trong đời sống vật chất. Chính đặc điểm này khiến họ không dễ gì làm quen với các cô gái nếu là nam và được các chàng trai để ý nếu là nữ để kết bạn, để tỏ tình. Chỉ những ai có tính cách căn cơ thì dễ yêu mến họ, nhưng rất tiếc, khi trên dưới 20 tuổi, chất “căn cơ” rất ít thể hiện rõ ở những chàng trai cô gái.

Trong giao tiếp, nếu không ảnh hưởng gì đến quyền lợi vật

chất, mà chỉ bỏ công bỏ sức “vừa vừa” thì người tuổi Tý lại tỏ ra phóng khoáng, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi có yêu cầu. Về mặt này, họ cũng dễ gây ấn tượng và thiện cảm với mọi người. Chính vì vậy, đa số người tuổi Tý được mọi người ở mọi nơi đều quý mến họ.

Con gái tuổi Tý có hai mặt đối lập trong kinh tế: một mặt họ rất tiết kiệm, chi ly trong chi tiêu, nhiều lúc còn lộ ra nét “hà tiện”; mặt khác khi có những vật dụng mà họ thích, họ cần thì họ lại không hề tiếc tiền để mua! Do vậy, các cô gái tuổi Tý cần thận trọng mỗi khi thể hiện tính “chi ly” của bản thân cho đối phương khác giới đang có nhiệt tâm kết bạn với mình.

Bản tính nữ tuổi Tý sống rất kín đáo, nhưng lại hay đi tìm bí mật riêng tư của người khác. Về mặt này, họ có biệt tài nắm bắt nhanh thông tin của đối phương khi có bang giao. Do vậy, nếu chàng trai nào tìm hiểu và kết bạn với họ thì cũng “cẩn thận giữ mình”, kẻo đối phương biết được những khiếm khuyết của mình thì dễ gây ra phiền toái, hiểu lầm. Nhất là những anh chàng hay chuyện, hay nói quá về khả năng của bản thân mà đi tìm hiểu “cô” tuổi Tý thì dễ bị cô ta làm cho khó xử, hoặc bị “bỏ qua” giữa chừng. Nói tóm lại, các bạn trai trẻ, đứng trước các cô gái tuổi Tý và muốn kết bạn với họ, cần thận trọng trong nói năng và thể hiện mình.

Người tuổi Tý nam cũng như nữ rất chăm chỉ trong công việc, tiết kiệm và tính toán (hợp lý) trong chi tiêu. Do vậy họ không ưa những ai quá phóng khoáng, lãng phí. Đứng trước người tuổi Tý, nếu ai đó muốn duy trì quan hệ lâu dài với họ, cũng nên thể hiện mình là người cũng có chương trình mục tiêu trong cuộc sống, trong chi tiêu, chứ không nên tỏ ra mình “trọng nghĩa khinh tài”, hay “thoáng động” trong đời sống vật chất. Tuy vậy, họ lại là nhóm người rất kín đáo, khó thấy họ biểu lộ tình cảm ra ngoài. Trong quan hệ, khi nào họ nổi nóng hay phản ứng tiêu cực, thì coi như cuộc “giao hảo” gần như đã đến cáo chung, khó mà hàn gắn lại.

Người tuổi Tý có trí nhớ tốt, họ ghi nhớ từng sự kiện đã qua cho dù đã lâu. Họ thích đặt ra những câu hỏi và tự phân tích, lý giải những câu hỏi đó, họ coi đó là một thú vui. Do vậy, họ dễ trở thành những nhà văn, nhà báo... Trong giao dịch, nếu ai đã hứa với họ điều gì, thì nên thực hiện đúng như đã nói; nợ nần không nên để lâu mà quan tâm trả họ như đã hẹn. Nếu không, họ có cách đánh giá tiêu cực về những người hay sai hẹn, hay quên.

Họ là nhóm người làm nghề gì cũng gặt hái được thành công,

có khả năng khắc phục khó khăn, có sáng tạo, biết cách ứng biến linh hoạt. Có tầm nhìn xa trông rộng, trực giác cao, và có khả năng kinh doanh tốt. Đối với họ, càng gặp khó khăn, họ càng trưởng thành hơn, nhưng khi gặp nguy hiểm, họ biết cách rút lui hợp lý; thận trọng tìm những phương án tối ưu để tiến hành công việc, sao cho ít mạo hiểm nhất.

Người tuổi Tý biết phân biệt trên dưới, biết khoan dung với sai lầm của người khác.

Nữ tuổi Tý biết quan tâm và chăm sóc con cái và giúp đỡ chồng trong công việc, nam giới tuổi Tý rất thích giúp đỡ vợ và chăm sóc con cái.

Theo quan niệm Phật giáo dân gian, thần bảo hộ cho người tuổi Tý là Bồ tát Quan âm nghìn mắt nghìn tay (Thiên thủ thiên nhãn Quán Thế âm Bồ tát), Phật Di lặc ban cho trí tuệ, Thế chí Bồ tát ban cho phúc đức. Do vậy, nếu người tuổi Tý mà cuộc đời trắc trở quá chừng, người xưa khuyên nếu có thời gian, hãy niệm chú Đại Bi (Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni), thời gian niệm lúc nào cũng được, nhưng tốt nhất là lúc 7 đến 9 giờ tối. Ngoài ra cần niệm hồng danh (tên các ngài) Phật Di lặc (như: nam mô Di lặc Bồ tát) và Thế chí Bồ tát (như: nam mô Thế chí Bồ tát). Đối với bài chú Đại bi, cần niệm mỗi lần ít nhất là 6 lượt. Còn nếu khi gấp gáp hoặc không có thời gian, chỉ cần niệm thì thẩm nhiều lần lên 7 tiếng: “Nam mô Quán Thế âm Bồ tát” là được.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI TUỔI TÝ

Người tuổi Tý có óc phán đoán cao và có khả năng sáng tạo nhất, nhưng họ khó khống chế được bản thân trong lĩnh vực tình cảm, như không hài lòng thì hay đá kích đối tượng, nên vô hình chung, họ dễ trở thành “kẻ phá hoại” trong tình yêu.

Trong hôn nhân, người tuổi Tý rất cẩn thận, họ thường chọn người có cá tính để kết hôn.

Những đặc tính tình cảm của người tuổi Tý trong tình yêu:

Người tuổi Tý khi đến tuổi “bình tình” giới tính dễ đi vào thế giới của tình yêu đôi lứa thường bộc lộ rất rõ nét, rất mạnh mẽ. Khi đã yêu và được yêu, họ thường quan tâm chăm chú cho tình yêu. Đây là ưu điểm nội tâm của người tuổi Tý, nhưng cũng là yếu tố nhiều khi gây sóng gió trong quan hệ giữa hai người đang yêu nhau, bởi khi nếu một bên có chút hững hờ hoặc trầm lặng, mà bên người tuổi Tý về mặt tâm lý đời thường muốn có sự đáp lại cũng nhiệt tình như mình vậy. Thực trạng này nhiều khi người tuổi Tý

bị thiệt thòi, dẫn đến sự đổ vỡ trong tình yêu.

Nữ tuổi Tý nhìn chung vô tư, tự tin và nhiệt thành trong quan hệ tình cảm, thường nhiều khi có những ý tưởng không hiện thực, viển vông về tiêu chuẩn người bạn đời trong tương lai. Về điều này, các nhà tâm lý học thường khuyên họ hãy hiện thực đi một chút thì mới có kết quả khả quan trong tình yêu và “mới có người yêu”.

Mặt khác, người tuổi Tý khi đang yêu, ngoài chăm chút cho tình yêu, cùng một lúc, họ cũng coi trọng các vấn đề riêng tư khác, như quan hệ gia đình, bạn bè, sự nghiệp.

Nam tuổi Tý vốn quảng giao, thân thiện và hoà nhã với mọi người, biết quan tâm đến người mình yêu, nhưng khi đối diện tức thời những tình huống không như ý, thường không kìm nén được bản thân mà có những phản ứng mạnh mẽ. Điều này nhiều khi khiến đối phương hiểu lầm về mình. Về điều này, người tuổi Tý phải hiểu rằng, khi đang yêu, hãy “giấu mình”, hạn chế đến mức thấp nhất các khiếm khuyết của bản thân thì mới duy trì được tình yêu đến hôn nhân. Sau đây là nhân duyên của người nam và nữ tuổi Tý:

Nam giới tuổi Tý

* ***Giáp Tý (1984)***: nếu sinh vào các tháng Giêng, 2, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12 theo lịch âm thì thường hay có sự thay đổi về lương duyên và xuất hiện sự buồn phiền về phụ nữ. Nếu sinh vào các tháng 3, 4, 8 thì lương duyên ổn định, tốt đẹp.

* ***Bính Tý (1996)***: lúc thiếu thời không có sự quyết định dứt khoát về tình duyên, đến năm 30 tuổi mới tạo ra được nguồn hạnh phúc đích thực. Nếu sinh vào các tháng Giêng và 7 thì lương duyên hay bất thành và hay thay đổi. Nếu sinh vào các tháng 2, 3, 4, 8, 9, Chạp thì có nhiều mối tình sâu sắc và hay gặp buồn vì phụ nữ.

* ***Mậu Tý (1948, 2008)***: nếu sinh vào các tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và Chạp thường có hai lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 9, 10 thì lương duyên bền chặt suốt đời và hạnh phúc, nếu sinh vào tháng 5, 7 và 11 thì hay thay đổi tình duyên.

* ***Canh Tý (1960, 2020)***: nếu sinh vào các tháng 4, 8, 9, và Chạp thì có thay đổi 3 lần tình duyên, song hạnh phúc. Nếu sinh vào các tháng Giêng, 2, 3, 5 và 10 thì có 2 lần thay đổi tình duyên, sống hạnh phúc. Còn nếu sinh vào tháng 6, 7, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc suốt đời.

* ***Nhâm Tý (1972)***: tình duyên lúc ban đầu có gặp khó

khăn. Nếu sinh vào các tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và Chạp thì có nhiều thay đổi về tình duyên trong cuộc đời, hoặc vợ chồng thường xảy ra những việc buồn. Nếu sinh vào các tháng 2, 9 và 10 thì tình duyên bền chặt.

Nữ tuổi Tý

* **Giáp Tý (1984):** có nhiều trường hợp đặc biệt xảy ra. Nếu sinh vào các tháng 2, 5, 9, 10, và 11 thì đề phòng ba lần tình duyên, nếu sinh vào cá tháng Giêng, 3, 4, 6, 7, 8 và Chạp thì cuộc đời hoàn toàn hạnh phúc.

* **Bính Tý (1996):** lúc còn trẻ hay gặp chuyện buồn vì tình. Nếu sinh vào các tháng 4,9 thì có ba lần chuyện tình, nếu sinh vào tháng Giêng, 2,5,8, và 10 sẽ hai lần tình duyên, nếu sinh vào các tháng 3,6,7,11 và Chạp sẽ hưởng trọn hạnh phúc.

* **Mậu Tý (1948, 2008):** có nhiều chuyện không như ý về tình duyên. Nếu sinh vào các tháng 3, 6, 8, 10 thì có ba lần thay đổi chuyện tình trong cuộc đời, nếu sinh vào các tháng 2, 4, 7 và 11 thì có hai lần tình duyên, nếu sinh vào các tháng 1, 5, 9 và Chạp thì hạnh phúc như ý.

* **Canh Tý (1960):** nếu sinh vào các tháng 4 và 9 sẽ có ba lần tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào các tháng Giêng, 2, 5, 8, 10 và Chạp thì hai lần tình duyên thay đổi. Nếu sinh vào các tháng 3,6,7 và 11 hạnh phúc trọn vẹn cả đời.

* **Nhâm Tý (1972):** nếu sinh vào các tháng 3, 7, Chạp thì sẽ có ba cuộc tình, nếu sinh vào các tháng 4, 5, 8 và 11 sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 6, 9, 10 thì một lần tình duyên hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI TÝ

Nữ tuổi Tý

Nếu kết hôn cùng nam giới mà năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ:

- **Giáp:** ở vào cái thế “Chiết quế thiên cung, huệ nhân tại võng”(nghĩa là bẻ quế cung trắng, đưa người vào võng), nghĩa là vợ chồng hạnh phúc, sống lâu, gia đình hưng vượng, có tiền của và danh vọng, con cháu đỗ đạt nối đời. Được gia đình nhà vợ quan tâm.

- **Ất:** ở vào cái thế “long hổ tự phục, trượng đầu sinh trúc”(rồng hổ phục nhau, gậy báu mọc trúc), nghĩa là vợ chồng công danh khoa cử gặp may, có con trai học hành giỏi. Nếu gia cảnh gặp khó

khăn sẽ thoát hiểm, sau đó phát triển.

- **Bính:** ở vào cái thế “hồng hoa lạc địa, niên hoa diên thọ”(hoa rơi xuống đất, tuổi thọ dài), nghĩa là chồng đỗ đạt, có chức danh, đời sống vật chất đầy đủ.

- **Đinh:** ở vào cái thế “mãnh hổ lạc tình, đặc long điều câu”(rồng sa giếng, hổ mắc câu), nghĩa là, vợ chồng sức khoẻ chưa tốt, nuôi con vất vả, muốn mọi việc thuận lợi, nên thường xuyên và đều đặn niệm chú Đại Bi của Quán Thế âm bồ tát.

- **Mậu:** ở vào cái thế “minh châu hiển thủy, thiết thụ hoa khai”(ngọc sáng tốt lành, hoa sắt một loại hoa 100 năm nở một lần), nghĩa là chồng có danh, vợ có hạnh, sinh con khôn ngoan có tài và tuấn tú, thi cử đỗ đạt.

- **Kỷ:** ở vào cái thế “nông tang canh điền, đắc lợi cốc mễ”(ruộng vườn cây cấy, lợi về thóc gạo), nghĩa là lúc đầu khó khăn, sau khá lên và giàu có cho đến già, con cái khá giả. Nếu làm nghề nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt thì rất khá.

- **Canh:** ở vào cái thế “nhật nguyệt đương thiên, đa tử thả phú”(mặt trời mặt trăng sáng trên trời, con nhiều giàu có), nghĩa là vợ chồng học hành thành đạt, có bằng cấp, đông con cháu, tiền của dồi dào, từ trung niên trở đi gia đạo rất phát triển.

- **Tân:** ở vào cái thế “khô mộc khai hoa, cảnh phá đào sinh”(cây khô nở hoa, gương vỡ đào nở), nghĩa là, không nên kết hôn sớm, nếu kết hôn muộn sẽ hưng vượng mãi mãi về sau, đặc biệt cho con cái.

- **Nhâm:** ở vào cái thế “huệ nhân nhập vông, tam tai bệnh phòng”, nghĩa là, lấy nhau hợp ít khắc nhiều, có thể hay thừa kiện nhiều,...có con nhưng có thể chưa khá.

- **Quý:** ở vào cái thế “long hổ tự phục, trượng đầu sinh trúc”(rồng hổ phục nhau, đầu gậy sinh trúc), nghĩa là vợ chồng thương yêu nhau và hạnh phúc, sống lâu giàu sang. Nếu lấy nhau ở xa quê hương thì con cháu lại càng phát đạt, hưởng phúc đời đời.

Nam giới tuổi Tý

Nếu kết hôn với nữ giới có tuổi sau thì hai vợ chồng tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

- **Nam Giáp Tý (1984):** nên lấy vợ: Nhâm Thân, Quý Dậu, Đinh Sửu.

- **Nam Bính Tý (1996):** nên lấy vợ: Giáp Thân, Ất Dậu.

- **Nam Mậu Tý (1948):** nên lấy vợ: Canh Dần, Bính Dần, Đinh Dậu.

- *Nam Canh Tý (1960)*: nên lấy vợ: Nhâm Dần, Mậu Dần.
- *Nam Nhâm Tý (1972)*: nên lấy vợ Giáp Dần, Canh Thân, Tân Dậu.

2. NGƯỜI SINH NĂM SỬ (1949, 1961, 1973, 1985)

A. NHỮNG NÉT CHUNG CỦA NGƯỜI TUỔI SỬ

Người Sửu bản chất nhân nại, không biết mệt mỏi trong công việc, song họ là nhóm người phải nỗ lực vượt bậc trong cuộc sống mới thành công.

Về nhận thức, họ là người rất cố chấp, bảo thủ, rất khó có thể làm thay đổi quan điểm của họ cho dù họ không đúng, do vậy không nên tranh cãi, thuyết phục họ, nếu họ không hài lòng hay nghe theo, thì cũng bỏ qua.

Người Sửu đáng vẻ bề ngoài mềm mỏng, nhưng nội tâm cứng rắn, rất thông minh, nhanh nhẹn trong mọi việc. Họ cũng là những người hùng biện, nói năng khúc triết, trọng chữ tín, làm việc dựa vào ý chí và tiến hành công việc đến cùng.

Họ là nhóm người nói được làm được, rất sòng phẳng trong vay trả, rất thực tế, không dễ tình cảm xen lẫn trong công việc và cũng có năng khiếu làm lãnh đạo, nhưng lại không thích hợp với công việc có tính chất đối ngoại.

Nam giới tuổi Sửu rất gia trưởng trong gia đình, vô đoán, là người cha gương mẫu, đa số người tuổi Sửu không nghiện ngập, rượu chè, cờ bạc, là người cha dạy con cái đến nơi đến chốn.

Nữ tuổi Sửu là người vợ tốt, biết chăm sóc từng chi tiết trong cuộc sống gia đình, cho chồng và con cái.

Người tuổi Sửu là người bạn trung thành, biết quan tâm đến người khác, nhưng lại không ưa những nơi tụ họp, đình đám, mặt khác lại thích sống thực dụng, tự do tự tại.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần bảo hộ của người tuổi Sửu là Hư không Bồ tát. Tình yêu ban đầu đẹp nhưng không đến đâu, duyên vợ chồng lần đầu mong manh. Vận thế từ trẻ đến trung niên chưa tốt, đến晚年 có khá lên và đạt phú quý, vinh hoa. Con đông, sống lâu. Họ cũng được đức Bồ tát Phổ Hiền ban cho phúc đức, đức Văn Thù Bồ tát ban cho trí tuệ. Do vậy, những người tuổi Sửu thường xuyên tụng danh hiệu hai vị Bồ tát này sẽ tịnh tâm mà thiện tâm để gia tăng phúc lộc và trí tuệ. Câu chú đó như sau: "*Nam mô Văn Thù Bồ Tát*" và: "*Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát*". Riêng

đức Văn Thù Bồ tát còn câu chú 8 chữ: “*úm ác vĩ ra hồng khứ tá lạc*”, nghe nói nếu ai đó thường tụng niệm chú này thì có khó khăn trắc trở mấy cũng qua. Đương nhiên, không phải chỉ có tuổi Sửu, mà bất cứ ai tụng niệm chú này đều thanh tâm tạo phúc lành, gia đình dù trắc trở thì cuối cùng sẽ đến an ổn, hạnh phúc.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI TUỔI SỬU

Nữ tuổi Sửu ôn hoà, không có tài giao tiếp, dững cảm kiên cường, chung thuỷ. Họ là người mẹ hiền dâu thảo điển hình.

Nam Sửu thì ngược lại rất cố chấp trong tình yêu. Họ cũng là người tạo ra tâm lý làm ngăn cách với mọi người. Để tiếp cận với giới nữ dễ dàng, người tuổi Sửu nên sống quảng giao hơn nữa.

Những nét đặc trưng về tình cảm của người tuổi Sửu

Người Sửu, đặc biệt là nữ, trong tình cảm khá đơn độc, cô đơn, sống lặng lẽ và trầm lặng. Do vậy, họ không nhiều những cơ hội tiếp cận những người khác giới để kiến lập nên một tình yêu, thậm chí cả khi đã có đối tượng đang “nhòm ngó” họ.

Khác với người Tý, người Sửu lại rất hiện thực trong tình yêu, cho rằng quan hệ yêu đương chỉ là mối giao tình tự nhiên giữa trai và gái. Chính vì vậy nhiều trường hợp tình yêu của họ có nguy cơ bị tan vỡ hoặc bị lung lay, chính vì tính thực dụng quá cao của họ. Trong trường hợp như vậy, các nhà tâm lý đưa ra lời khuyên với người tuổi Sửu: hãy “quên mình” đi một chút và lãng mạn lên một phần cho tình yêu, thì hạnh phúc và hôn nhân tốt đẹp sẽ đến với họ.

Nam giới tuổi Sửu thoải mái nhưng rất tự tôn, bướng bỉnh. Họ thích một mẫu hình phụ nữ ôn hoà, biết quán xuyến một gia đình trong tương lai và phục tùng chồng. Họ cũng là nhóm người hay đa nghi nếu khi bắt gặp người yêu nói chuyện với ai đó. Tính đa nghi bao giờ cũng gắn liền với sự ghen tuông, trong trường hợp này, các nhà tâm lý học thường đưa ra lời khuyên: hãy thận trọng, khi đang yêu thì ghen tuông là kẻ phá hoại mạnh mẽ nhất!

Nhưng nam giới Sửu lại có ưu điểm lớn, khi có gia đình lại là người chồng, người cha quan tâm hết mực tới vợ con.

Nữ tuổi Sửu là nhóm người điềm đạm, bình tĩnh, ôn hoà và nhẫn nại trong cuộc sống, trong quan hệ tình cảm. Khi họ yêu, họ tôn thờ người yêu và làm mọi việc vì người yêu. Điều bất ổn với họ là, lúc nào cũng muốn người mình yêu bên cạnh họ. Đây

cùng là mầm mống tạo ra lòng đổ kỵ mạnh mẽ trong nữ tuổi Sửu đối với bạn gái của người mình yêu. Sau đây là nhân duyên của nam và nữ tuổi Sửu.

Nam tuổi Sửu

* ***Ất Sửu (1985)***: nếu sinh vào các tháng 5, 6, 9 sẽ có ba lần chuyện tình, nếu sinh vào các tháng Giêng, 2, 7, 10, 11 và Chạp sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 3, 4, 8 thì duyên như nhất và hạnh phúc suốt đời

* ***Đinh Sửu (1997)***: có nhiều khó khăn và sự buồn phiền trong tình duyên. Nếu sinh vào các tháng 8 và Chạp thì ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9, 10 thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì hạnh phúc như nhất cả đời.

* ***Kỷ Sửu (1949, 2009)***: đào hoa, sóng gió trong tình yêu lúc 21, 22 và 23 tuổi. Nếu sinh vào tháng 2, 3, 9 thì sẽ có ba lần tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên, hạnh phúc suốt đời, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 10 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên.

* ***Tân Sửu (1961)***: nếu sinh vào tháng 4, 8, 9 và Chạp thì ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5 và 10 thì có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một cuộc tình và hạnh phúc một đời.

* ***Quý Sửu (1973)***: Nếu sinh vào các tháng 5, 7, 11 thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 6, 8, và Chạp sẽ thay đổi hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9 và 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc suốt đời.

Nữ tuổi Sửu

* ***Ất Sửu (1985)***: có trắc trở trong tình duyên, nhưng lại gặp nhiều may mắn trong nhân duyên. Nếu sinh vào tháng Giêng, 3 và 6 thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 5, 9, 10 và 11 sẽ có hai lần thay đổi cuộc tình, nếu sinh vào tháng 4, 7, 8 và Chạp thì một lần tình duyên, hạnh phúc trọn vẹn.

* ***Đinh Sửu (1997)***: lúc ban đầu có nhiều trở ngại, khó có những quyết định dứt khoát, dễ phòng bị lừa đảo. Nếu sinh vào tháng 4, 9 và Chạp sẽ có ba lần tình duyên, nếu sinh vào Giêng, 2, 5, 8, và 10 dễ hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn vẹn.

* ***Kỷ Sửu (1949, 2009)***: có gặp những trở lực và nan giải trong

tình duyên. Nếu sinh vào tháng 3, 6, 8, 10 thì ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9 và 11 thì hai lần thay đổi cuộc tình, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp sẽ một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Tân Sửu (1961)*: nếu sinh vào tháng 4, 9 sẽ ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8, 10 và Chạp sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 8, 7 và 11 chỉ một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Quý Sửu (1973)*: nếu sinh vào tháng 3, 7, Chạp sẽ ba lần tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8 và 11 sẽ hai lần cuộc tình, nếu sinh vào các tháng Giêng, 2, 6, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI SỬU

Nữ tuổi Sửu

Nếu kết hôn với nam giới có năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ :

- **Giáp**: ở vào cái thế “Vũ chiết hoa tiêu, vân trình thất lộ” (mưa lớn rụng hoa, mây che mất lối), nghĩa là lúc đầu có khó khăn, có thể gặp nhiều rắc rối do con cái tạo ra, nhưng nếu biết cách giáo dục con cái ngay từ đầu thì mọi việc tốt đẹp, gia đạo sẽ hưng vượng.

- **Ất**: vợ chồng sống với nhau sẽ học hành đỗ đạt (ngày nay là học nâng cao, học tại chức, hàm thụ, nâng cao trình độ, tay nghề...), có danh vọng, nhưng phải tu tâm dưỡng tính mà giữ, nếu không danh vọng kia không bền mà còn gặp cảnh gian nan. Con cái ban đầu tốt đẹp, song phải dồn công sức quan tâm đúng mức và có phương pháp giáo dục có khoa học, nếu không cuối cùng sẽ thất vọng vì con.

- **Bính**: Ở vào cái thế “Long tàng thương hải, nhân kỳ vũ chiêm”(rồng náu dưới biển sâu, người chờ mưa), nghĩa là còn đang đợi thời, vợ chồng có gian nan, chỉ đạt lợi nhỏ, khó có sự phát triển và thoả chí tung hoành, có công danh nhưng khó giữ, khó bền.

- **Đinh**: Ở vào cái thế “cảnh phá phân trâm, hoa tàn bình võ”(gương vỡ trâm gãy), nghĩa là vợ chồng trước hạnh phúc sung sướng, nhưng sau có thể lâm vào cảnh khó khăn; con cái khó khăn. Phải nỗ lực thường xuyên tu tâm dưỡng tính thì mới an ổn.

- **Mậu**: Ở vào cái thế “minh châu hiển thủy, thiết thụ hoa khai”(ngọc sáng cho sự tốt lành, hoa thiết thụ (một loài hoa sau 100 năm mới nở hoa, cho hoa đẹp nở), nghĩa là vợ chồng hợp

duyên, trai danh gái hạnh, con cái ngoan tài đỗ đạt.

- **Kỷ:** Ở vào cái thế “khô mộc khai hoa, phân sào nhi khứ”(cây khô nở hoa, chia ổ mà đi), nghĩa là: vợ chồng lập nghiệp nơi đất khách quê người hay quê vợ thì phát đạt, khó nuôi con, nhưng cuối cùng con cái khá giả.

- **Canh:** Ở vào cái thế “thiết thuyền độ hải, chu tử bát ách”(thuyền sắt vượt biển, gần nguy nhưng không nạn), nghĩa là: vợ chồng hợp nhau nhưng khó thành đạt mọi mặt, buổi đầu có gian nan, nhưng cuối cùng sung sướng.

- **Tân:** ở vào cái thế “thiên địa khí tuyệt, hữu tử na dương”(khí âm dương hết, có con khó nuôi), nghĩa là vợ chồng sẽ khó giàu có, dù gặp thời, có khá giả cũng không phát lên được, có con nhưng con không nổi trội.

- **Nhâm:** ở vào cái thế “vũ dã chiết tiêu, vận trình thất lộ”(mưa làm gãy cành chuối, đường đời mất hướng), nghĩa là: đường công danh và làm ăn không khá, có chức nhưng dễ mất, hay thay đổi nghề nghiệp, vợ chồng xa nhau thì tốt.

- **Quý:** ở vào cái thế “nhật nguyệt đương thiên, hoa khai ngộ tuyết”(mặt trời mặt trăng cùng lộ trên trời, hoa nở gặp tuyết), nghĩa là: vợ chồng tự hạn chế lẫn nhau, nên lấy vợ xa quê, xa nhà thì làm ăn mới phát đạt, sinh con tài giỏi, đỗ đạt, rể quý dâu hiền.

Nam giới tuổi Sửu

Nếu kết hôn với nữ có tuổi sau thì tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

- **Nam Ất Sửu (1985)** : nên lấy vợ Nhâm Thân, Quý Dậu, Bính Tý.

- **Nam Đinh Sửu (1997)** : nên lấy vợ Giáp Thân, Ất Dậu.

- **Nam Kỷ Sửu (1949)** : nên lấy vợ Bính Thân, Đinh Dậu.

- **Nam Tân Sửu (1961)** : nên lấy vợ Mậu Thân, Kỷ Dậu.

- **Nam Quý Sửu (1973)** : nên lấy vợ Canh Thân, Tân Dậu, Giáp Tý.

3. NGƯỜI SINH NĂM DẦN (1950, 1962, 1974, 1986)

A. NHỮNG NÉT CHUNG CỦA NGƯỜI TUỔI DẦN

Trong một cộng đồng, người tuổi Dần luôn là trung tâm để mọi người chú ý, bởi họ có một tính cách mạnh mẽ, thích những công việc có tính mạo hiểm. Khi họ làm một công việc gì, họ luôn nỗ lực hướng tới một cách cao độ. Khi tuổi còn trẻ, họ thích nay

dây mai đó, ưa hoạt động.

Về tính cách, họ dễ tiếp xúc với mọi người bởi tính hoạt bát và thiện ý của họ. Nữ tuổi Dần có năng lực nói trước mọi người, thích những công việc sáng tạo như sáng tác, thích ăn mặc theo mốt.

Người tuổi Dần rất cố chấp, khi ai đó làm trái ý họ, họ nhớ rất lâu và có thái độ kỳ thị. Họ là người luôn không hài lòng với cuộc sống, hay bất mãn với cuộc đời. Do vậy, cuộc sống của họ thường thăng trầm.

Trong quan hệ bạn bè, người tuổi Dần hợp với người tuổi Hợi, vì người Hợi điềm đạm có thể cân bằng lại được tính nóng như lửa của chất Dần. Họ có thể tâm đầu ý hợp với người tuổi Tỵ, nhưng lại hay đối nghịch với người tuổi Thân.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần hộ mệnh của người tuổi Dần là *Bồ tát Hư không tàng*, đức Phật Đại Nhật như lai ban phúc đức, đức Phật Bất động tôn ban trí tuệ. Như vậy, hàng ngày họ có thể tụng niệm một lúc nhiều lần hồng danh của các ngài nói trên, người xưa cho rằng, làm như vậy sẽ được các ngài phù hộ độ trì (như tụng niệm câu: “Nam mô đức Phật Đại Nhật như lai”, “Nam mô đức Phật Bất động tôn”, “Nam mô Bồ tát Hư không tàng”). Họ thường mắc bệnh mãn tính, duyên vợ chồng không mạnh, kết hôn với người cùng tuổi thì rất tốt. Ngoài 30 tuổi làm ăn phát đạt.

Có thuyết xưa cho rằng, người tuổi Dần hiếu học, thông minh, hiền quý, được xã hội trọng dụng, cuộc đời đầy đủ.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI TUỔI DẦN

Các nhà mệnh lý cho rằng, hôn nhân người tuổi Dần phần nhiều rất đẹp, nhưng nếu vợ chồng không ngủ chung giường thì dễ bị chia tay. Người tuổi Dần có tình cảm phong phú, nhưng trong cuộc sống về điều này lại không như ý. Song cũng có một tính cách khác ở người Dần có thể cho là nhược điểm, như tình cảm của họ không ổn định, thích cuộc sống tình cảm đa dạng.

Nét đặc trưng tình cảm của người tuổi Dần:

Người tuổi Dần có cá tính mạnh mẽ, nên họ bộc lộ tình cảm trong tình yêu cũng hết sức ràng buộc và trực diện. Trong tình yêu, họ rất nhiệt thành trong tình yêu, nhiều khi làm cho đối phương phải ngại ngẩn, nếu không nói là sợ. Nói cách khác, người tuổi Dần khi đã yêu là say đắm một cách lạ lùng.

Nam giới tuổi Dần, khi đã yêu thì rất mãnh liệt, ham muốn chi phối mọi hoạt động của người mình yêu. Do vậy, đối với những

người con gái có cá tính, họ sẽ có phản ứng mạnh trước cách ứng xử “gia trưởng” của người nam giới Dân. Với cá tính này, nam giới Dân, để đi đến hôn nhân, thường không có mối tình đầu, mà phải yêu đến lần thứ hai, thứ ba...

Khi đã có gia đình, người chồng Dân vẫn giữ cá tính gia trưởng của mình, nhưng anh ta lại có tấm lòng lương thiện, nên nhiều khi người vợ cũng cho qua.

Nữ giới Dân yêu ghét thể hiện ra rất rõ ràng và có chất lãng mạn trong tình yêu, thích lưu giữ những kỷ niệm đẹp trong tình yêu. Do vậy, nhiều cô gái Dân đã không hài lòng lắm với mối tình mà họ đang có, chỉ bởi một lẽ, người yêu của họ “không theo kịp trình độ” lãng mạn của cô ta.

Nữ tuổi Dân khi yêu cũng như sau khi kết hôn, thích sống một cuộc sống sôi động, lãng mạn, không ưa cuộc sống an nhàn, tĩnh lặng. Do vậy, người nam giới muốn duy trì hạnh phúc trong tình yêu cũng như trong gia đình, đòi hỏi phải luôn “đẩy nhanh” nhịp điệu cuộc sống. Nhưng các chàng trai là người yêu hay người chồng của nữ Dân hãy nhớ một điều: để duy trì hạnh phúc, không được sống theo lối “gia trưởng”. Sau đây là nhân duyên của nam và nữ tuổi Dân.

Nam tuổi Dân

* *Giáp Dân (1974)*: nếu sinh vào các tháng Giêng, 8, Chạp sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 3, 4, 5, 9 và 10 sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Dân (1986)*: thường có nhiều ngang trái. Nếu sinh vào tháng 2, 3, 9 sẽ ba lần tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 10 và 11 sẽ hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Dân (1998)*: tình duyên hết sức phức tạp, thiếu ổn định, nên cần hết sức tỉnh táo. Nếu sinh vào tháng 5, 7 và Chạp thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và 11 thì có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9 và 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Dân (1950)*: có nhiều sóng gió. Nếu sinh vào các tháng Giêng, 5, 7, 11 sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 3, 4, 6, 8 và Chạp sẽ hai lần tình duyên, còn nếu sinh vào tháng 2, 9 và 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Dân (1962)*: nếu sinh vào tháng 3, 5, 6 và 9 sẽ có ba

lần tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 7, 10, 11 và Chạp thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 4 và 8 sẽ một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Dần

* **Giáp Dần (1974):** nếu sinh vào các tháng 7, 9 và Chạp sẽ ba lần tình duyên thay đổi, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8 và 10 sẽ hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 6, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Bính Dần (1986):** nếu sinh vào các tháng 3, 6, 8, 10 cuộc đời ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9 và 11 sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5, Chạp sẽ một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Mậu Dần (1998):** có nhiều sóng gió trong tình yêu. Nếu sinh vào tháng 4, 9 sẽ ba lần thay đổi tình yêu, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8, 10 và Chạp thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Canh Dần (1950):** nhìn chung không như ý. Nếu sinh vào tháng 3, 7 và Chạp thì cuộc đời có 3 lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8, 11 thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 6, 9 10 thì duy nhất một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Nhâm Dần (1962):** Nếu sinh vào tháng Giêng, 4 thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 5, 8, 10 và Chạp thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7, 9 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI DẦN

Nữ tuổi Dần

Nếu kết hôn với nam giới năm sinh có hàng Can sau hạnh phúc sẽ:

- **Giáp:** ở vào cái thế “Vũ chiết hoa tiêu, vân trình thất lộ” (mưa làm rụng hoa, mây che lối), nghĩa là: có nhiều rắc rối, gia đạo không yên bởi con cái, không thống nhất trong việc giáo dục con cái.

- **Ất:** ở vào cái thế “Nhật nguyệt đương thiên, hoa khai phùng tuyết” (mặt trăng mặt trời giữa trời, hoa nở gặp tuyết), nghĩa là: có học vấn khoa cử, đỗ đạt, địa vị cao, sau có thể có khó khăn.

- **Bính:** ở vào cái thế “Oanh yến phùng xuân, thê tử hoà

hợp”(chim oanh, yến gặp mùa xuân, vợ con xum họp), nghĩa là: lúc đầu hạnh phúc, nhưng cũng có lúc khủng hoảng, sau lại hoà hợp, con cái thông minh, con gái đỗ đạt hơn con trai.

- **Đinh**: ở vào cái thế “Cảnh phá trầm phân, hoa tàn bình tán”, nghĩa là: vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau có thể có trục trặc.

- **Mậu**: ở vào cái thế “Minh châu hiển thủy, thiết thụ hoa khai”(ngọc sáng lành, thiết thụ (một loài hoa sau 100 năm mới nở hoa), nghĩa là: chồng danh vợ hạnh, con cái tài đức đỗ đạt cao.

- **Kỷ**: ở vào cái thế “Thê tử hài hiệp, hoa khai đương hoàng” (vợ con hoà hợp, hoa nở rực trời), nghĩa là: toàn gia vui vẻ, gia nghiệp ngày càng khá, con cái đỗ đạt.

- **Canh**: ở vào cái thế “Châu huyện khai môn, thiên hạ tuyệt khí”(cửa châu cửa huyện đều mở, khí âm khí dương đã hết), nghĩa là: vợ chồng đều giỏi, làm gì cũng đạt, gặp thời, nhưng phòng hoạ.

- **Tân**: ở vào cái thế “Thiên địa khí tuyệt, hữu tử nan dưỡng” (khí âm khí dương thiếu, khó nuôi con), nghĩa là: vợ chồng lấy nhau lúc đầu khó khăn, sau đó khá lên, hiếm con.

- **Nhâm**: ở vào cái thế “Phong thu lạc điệp, ngoại hữu chủ nhân” (gió thu làm cây xơ xác, bên ngoài có chủ nhân), nghĩa là: vợ chồng lấy nhau nhưng thường xuyên phải xa nhau (như đi công tác), làm ăn khá giả, con đông, nhưng địa vị xã hội không cao.

- **Quý**: ở vào cái thế: “Nhật nguyệt đương thiên, hoa khai nguyệt tuyết” (mặt trăng mặt trời sáng giữa trời, hoa nở gặp tuyết), nghĩa là: vợ chồng ngang sức ngang tài, tự hạn chế nhau, nếu lấy vợ xa quê mọi việc đều tốt, học hành đỗ đạt, con cái thông minh, rể quý dâu hiền, con giỏi.

Nam giới tuổi Dần

Nếu kết hôn với nữ có tuổi sau sẽ tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

- Nam Giáp Dần (1974) : nên lấy vợ Quý Hợi.
- Nam Bính Dần (1986) : nên lấy vợ Kỷ Ty, Ất Hợi.
- Nam Mậu Dần (... ,1998): nên lấy vợ Đinh Hợi.
- Nam Canh Dần (1950-2010): nên lấy vợ Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Bính Ngọ.
- Nam Nhâm Dần (1962) : nên lấy vợ Tân Hợi.

4. NGƯỜI SINH NĂM MÃO (1951, 1963, 1975, 1987)

A. NHỮNG NÉT CHUNG CỦA NGƯỜI TUỔI MÃO

Người tuổi mao sống ôn hoà, mềm mỏng, luôn giữ thái độ hoà

binh, lời nói và cử chỉ nhã nhặn, thanh lịch. Đó là dáng vẻ bề ngoài của họ, song trong nội tâm, họ là người có ý chí kiên cường, bất khuất. Khi đã đặt ra mục tiêu hành động thì bất di bất dịch và theo đuổi đến cùng để thực hiện mục tiêu đó. Họ cũng là nhóm người nhiều cơ hội thành đạt trong lĩnh vực chính trị và khoa học.

Người tuổi Mão ưa sống tĩnh lặng, nhưng mặt khác lại thích tham gia vào các hoạt động sôi động. Cuộc đời của họ ít thăng trầm mà mọi việc diễn ra một cách đều đều. Họ đối xử khá tốt với bạn bè, nhưng lại luôn giữ khoảng cách với họ, cũng không ít người không muốn gánh vác việc gia đình nếu khi họ có. Nam giới Mão trong giao tiếp rất ân cần, lịch sự, anh minh. Họ tự tin, nên cũng thường chủ quan trong giải quyết công việc.

Phụ nữ tuổi Mão có dáng vẻ hiền dịu, đảm đang, thông minh, thích giúp đỡ người khác mà không suy tính. Họ cũng là người biết thông cảm với nỗi khổ của người khác và biết cách giúp đỡ họ. Họ thích ăn mặc theo mốt.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần bảo hộ của người tuổi Mão là Văn Thù Bồ tát, một vị Bồ tát chủ về trí tuệ. Lại được đức Phật Dược sư hộ thọ mệnh, đức Bồ tát Hư Không tạng ban phúc đức. Do vậy, nếu người tuổi Mão thường xuyên tụng và niệm hồng danh các vị như “Nam mô Dược sư lưu ly quang Phật”, “Nam mô Văn Thù Bồ tát” và “Nam mô Hư Không tạng Bồ tát” thì mọi khó khăn sẽ có thể vượt qua. Họ có phú quý đầy đủ, tài học cao, biết nhiều nghề, duyên vợ chồng tốt đẹp, đông con, đời sống kinh tế khá phát triển.

Cũng có thuyết cho rằng, người Mão trong cuộc đời bên cạnh cái thành công luôn có cái thất bại, chỉ đến晚年 mới an bình.

B. NHÂN DUYÊN NGƯỜI TUỔI MÃO

Nam Mão giỏi ngoại giao, khoáng đạt trong quan hệ gia đình, nhưng bạn thân hầu như không có.

Nữ tuổi Mão thích ăn mặc theo mốt, thích làm đẹp. Trong hôn nhân họ có nguyên tắc yêu “kỹ” rồi thì mới kết hôn.

Nam tuổi Mão

* **Ất Mão (1975):** nếu sinh vào tháng 8 và Chạp thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9, 10 thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một

lần lương duyên, hạnh phúc trọn vẹn.

* *Đinh Mão (1987)*: đào hoa, nhiều cuộc tình. Nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 9, thì ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 10 và 11 sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5, 8 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn vẹn.

* *Kỷ Mão (1999)*: nếu sinh vào tháng 4, 8, 9 và Chạp thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5, 10 thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Tân Mão (1951)*: nếu sinh vào tháng 5, 7, 11 thì ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và Chạp thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Quý Mão (1963)*: nếu sinh vào tháng 5, 6, 9 thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 7, 10, 11 và Chạp thì sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Mão

* *Ất Mão (1975)*: nếu sinh vào tháng 4, 9, Chạp sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8 và 10 sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7 và 11 sẽ một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Đinh Mão (1987)*: nếu sinh vào tháng 3, 6, 8, 10 thì sẽ ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9 và 11 sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Kỷ Mão (1999)*: nếu sinh vào tháng 4, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5 và 10 sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 sẽ có một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Tân Mão (1951)*: sinh vào tháng Giêng, 3, 7, và Chạp sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8 và 11 thì hai lần thay đổi tình duyên, sinh vào tháng 2, 6, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Quý Mão (1963)*: nếu sinh vào tháng Giêng, 7 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 5, 6, 9, 10 và 11 thì sẽ có hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 8 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI MÃO

Nữ tuổi Mão

Nếu kết hôn với người nam giới mà năm sinh có hàng Can thì hạnh phúc sẽ:

- **Giáp:** ở vào cái thế: “Thu phong lạc điệp, phu thê cách biệt” (gió thu lá rụng, vợ chồng khó ở với nhau), nghĩa là: vợ chồng trước bất hoà sau lại hoà hợp, khó nuôi con.

- **Ất:** ở vào cái thế “Liễu ngô xuân phong, phượng hoàng chiết dục” (cây liễu gặp ngọn gió xuân, chim phượng gãy cánh), nghĩa là: lấy nhau phát đạt nhưng hiếm con, nhiều con thì tài giảm.

- **Bính:** ở vào cái thế “Cần đạo hành chu, Tài vật phong nhiêu” (thuyền đi theo hướng Tây Bắc thì tài vật dồi dào), nghĩa là: nên lấy con gái trưởng thì phát đạt, tuy không đỗ đạt nhưng làm ăn kinh tế phát đạt, con cái danh vọng.

- **Đinh:** ở vào cái thế “Đào nguyên yến hội, khai hoa kết trái” (yến hội ở tuổi hoa đào, ra hoa kết quả), nghĩa là: tình duyên đẹp đẽ, con cháu đông, gia đình hưng thịnh, trung vận có gặp không hay, vận niên lại tốt.

- **Mậu:** ở vào cái thế “Ngư du điểm ngạnh, Hữu tử cách trở” (cá bơi khó khăn, con cái ách trở), nghĩa là: vợ chồng lấy nhau xa quê thì phát triển tốt, nếu ở cùng quê thì không hay.

- **Kỷ:** ở vào cái thế: “Thê tử hài hiệp, hoa khai dương hoàng” (vợ con hoà hợp, hoa nở rực rỡ), nghĩa là: gia nghiệp khá, con cái nên người và đỗ đạt.

- **Canh:** ở vào cái thế “Châu huyện khai môn, thiên hạ tuyệt khí” (cửa châu huyện đều mở, khí âm khí dương đã hết), nghĩa là: vợ chồng tài giỏi, làm ăn thịnh vượng, nhưng đề phòng gặp hoạ.

- **Tân:** ở vào cái thế “Trung thiên nguyệt chiếu, ba đào tĩnh lặng” (trăng sáng giữa trời, sóng gió yên lặng), nghĩa là: lấy nhau trước nghèo sau giàu, con cái thông minh đỗ đạt, công danh trắc trở.

- **Nhâm:** ở vào cái thế “Phong thu lạc điệp, ngoại hữu chủ nhân” (gió thu tan tác, bên ngoài có chủ nhân), nghĩa là: lấy nhau thoát ố thoát đi, làm ăn khá, con đông nhưng không danh phận gì, vợ chồng thường nghi kỵ lẫn nhau.

- **Quý:** ở vào cái thế “Đào liễu phùng xuân, phượng hoàng chiết dục” (đào liễu gặp gió xuân, phượng hoàng gãy cánh), nghĩa là: nếu sinh vào mùa xuân thì mới có cảnh trên, hoặc lấy nhau ở xa quê

thì đại phát, phòng sự không bền, nếu vợ chồng cùng có học hành thì sinh con khá giả.

Nam giới tuổi Mão

Nếu chọn vợ có những tuổi sau thì tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

- *Tân Mão (1951)* : nên lấy vợ tuổi Mậu Tuất, Kỷ Hợi.
- *Quý Mão (1963)* : nên lấy vợ tuổi Canh Tuất, Tân Hợi.
- *Ất Mão (1975)* : nên lấy vợ Đinh Ty, Nhâm Tuất, Quý Hợi.
- *Đinh Mão (1987)* : nên lấy vợ Giáp Tuất, Ất Hợi.
- *Kỷ Mão (1999)* : nên lấy vợ Tân Ty, Bính Tuất, Đinh Hợi.

5. NGƯỜI SINH NĂM THÌN (1952, 1964, 1976, 1988)

A. NHỮNG NÉT CHUNG VỀ NGƯỜI TUỔI THÌN

Họ là những người luôn có khát vọng cao xa, thích làm việc lớn trong đời và luôn tỏ ra không chịu thua kém ai. Thường thì họ luôn là nhân vật trung tâm, hay chỉ huy người khác và có yêu cầu quá cao về họ, nhưng vẫn có người theo họ.

Người Thìn đối ngoại thì tự cao tự đại, nhưng trong gia đình lại là người hiếu thuận và biết quan tâm giúp đỡ mọi người. Họ cũng là người rất thẳng thắn trong giao tiếp, khi thể hiện một điều gì, không bao giờ rào trước đón sau mà đi thẳng vào vấn đề cần giải quyết.

Người Thìn tuy vô đoán, cứng rắn trong mọi quan hệ, nhưng họ cũng là người độ lượng, khoan dung, sẵn sàng giúp đỡ kể cả về vật chất khi cần.

Người Thìn là con người hành động và của công việc, làm ra làm chơi ra chơi, thích một cuộc sống tự do tự tại và không muốn sự ràng buộc nào. Họ rất tự tin trong cuộc sống, có khả năng giải quyết tốt các nhiệm vụ lớn, phức tạp.

Nữ tuổi Thìn sống đơn giản, về tính cách thích tranh luận, tranh đấu và thích tham gia vào mọi hoạt động cho dù không thích hợp. Họ coi trọng nội dung, không qua tâm đến hình thức, nhưng tâm hồn lại phong phú, giàu tình cảm.

Trong quan hệ xã hội, người Thìn liên minh với người Thân, người Tý thì công việc rất có hiệu quả, họ có khả năng giúp người tuổi Tý hoàn thành tốt công việc.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần hộ mệnh của người Thìn là Bồ tát Phổ Hiền, Được sự lưu ly quang Phật ban phúc đức,

Long thọ Bồ tát ban trí tuệ. Do vậy, hàng ngày người Thìn nên niệm hồng danh các vị trên, như: na mô Dược sư lưu ly quang Phật, na mô Phổ Hiền Bồ tát, nam mô Long thọ Bồ tát...thì mọi sự tốt lành.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI TUỔI THÌN

Người Thìn có tri thức, trung thực, hiếu học, nhưng cố chấp mà cũng rất “bạo gan” trong quan hệ tình cảm. Tuy vậy họ cố chấp, hay lo lắng vu vơ, dễ nổi nóng. Trong lĩnh vực tình cảm, người Thìn nỗ lực tìm kiếm những đối tượng “cao giá”, nhưng họ dễ rơi vào “lưới tình” mà không thể cưỡng ra được. Cho nên lời khuyên cho người Thìn trong tình ái là, phải cân đối giữa sự nghiệp với tình yêu thì luôn được tự chủ trong quan hệ. Sau đây là nhân duyên của nam nữ tuổi Thìn.

Nam tuổi Thìn

* *Giáp Thìn (1964)*: nếu sinh vào các tháng 2,3,9 thì có ba lần thay đổi tình duyên. Nếu sinh vào các tháng 4,6,7,8, 10,11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên. Nếu sinh vào các tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Thìn (1976)*: đẹp về sự nghiệp nhưng lại không đẹp về tình duyên. Nếu sinh vào các tháng 4,8,9 và Chạp thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng Giêng, 2,3,5,10 thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 6,7 và 11 thì một lần thay đổi tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Thìn (1988)*: nếu sinh vào tháng 5,7 11 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng Giêng, 3,4,6,8 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Thìn (1940, 2000)*: nếu sinh vào các tháng 5,6,9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2,7,10,11 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3,4,8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Thìn (1952)*: nếu sinh vào tháng 4,8,9, Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2,3,5,10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6,7,11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Thìn

* *Giáp Thìn (1964)*: nếu sinh vào các tháng 3,6,8,10 thì có ba lần thay đổi tình duyên. Nếu sinh vào các tháng 2,4, 7,9 thì sẽ có

hai lần thay đổi tình duyên. Nếu sinh vào các tháng Giêng, 5,11, Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Thìn (1976)*: khá trắc trở và nhiều suy nghĩ về tình duyên. Nếu sinh vào các tháng 4,9 thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng Giêng, 2,,5,8,10 thì hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 3,6,7,11 và Chạp thì một lần thay đổi tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Thìn (1988)*: nếu sinh vào tháng 3,7,Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 4,5,8 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng,2, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Thìn (1940, 2000)*: nếu sinh vào các tháng Giêng và 6 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2,5,8, 9, 10 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3,4,7 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Thìn (1952)*: nếu sinh vào tháng 4,9, Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2,3,5,10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6,7,11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI THÌN

Nữ tuổi Thìn

Nếu kết hôn với nam giới mà năm sinh có hàng Can sau hạnh phúc sẽ:

- **Giáp**: ở vào cái thế “Thu vự lung sơn, phú quý phúc vân”(sương thu che núi,giàu sang tựa mây trời), nghĩa là: lấy nhau có thể không bền, kinh tế lúc phát lúc suy, con cái có phát triển nhưng cũng có thăng trầm.

- **Ất**: ở vào cái thế “Khách tặc thành tiên, đào nguyên hội ẩm”(người trần thành tiên, vườn đào mở tiệc), nghĩa là: trai gái kết hôn muộn thì rất tốt,làm ăn phát đạt nhanh. Nếu kết hôn sớm, trai lép vế so với gái, sinh con gái nhiều hơn trai, hôn nhân cũng đẹp.

- **Bính**: ở vào cái thế “Ngư nhập vông trung, nạn tai khôn tử”(cá lọt lưới, gặp không hay ảnh hưởng đến con cái), nghĩa là: có gặp khó khăn, con cái có thể học hành không đến nơi đến chốn.

- **Đinh**: ở vào cái thế “Bàng điều ngô xuân, tài bạch phong hào”(chim bàng chim điều gặp mùa xuân, tài lộc dồi dào), nghĩa là: lấy nhau đại phát,nhà cửa đẹp đẽ, tài lộc nhiều, con cái đỗ đạt, sự nghiệp cao bền lâu.

- **Mậu:** ở vào cái thế “Ngọc xuất côn sơn, vinh nhục bất toàn”(núi côn sơn có ngọc, có lên có xuống, bất toàn), nghĩa là: vợ chồng trước khó sau sướng, trước nghèo sau giàu, trước hồng sau đổ, công danh gặp may, con cháu đông.

- **Kỷ:** ở vào cái thế “Khử cữu thủ tân, quân âm bác tận”(bỏ cũ giữ mới, âm khí hết), nghĩa là: vợ chồng trắc trở nhưng sau hợp, hiem con nhưng con cái đỗ đạt.

- **Canh:** ở vào cái thế “Vân trình thất lộ, đại táng kỳ hung”(đường mây mất lối, mọi sự hung dữ đem chôn cất), nghĩa là: vợ chồng sống với nhau có thể khó bên, thì cử khó đỡ.

- **Tân:** ở vào cái thế “Long hành đắc vũ, ba đào tình lạnh”(trăng sáng giữa trời, sóng lạnh), nghĩa là: vợ chồng đều có học vấn, khoa cử được trọng dụng, con cái khá giả, nhà đất, tiền của lâu bền.

- **Nhâm:** ở vào cái thế “Thu lộ lung sơn, phú quý phù vân”(sương thu trùm núi, giàu sang như mây trời), nghĩa là: những năm đầu làm ăn phát đạt, sau làm ăn lúc lên lúc xuống, con cái khó giáo dục.

- **Quý:** ở vào cái thế “Đào nguyên hội ẩm, phu thê tăng long”(tiệc tùng ở đào nguyên, vợ chồng tăng tiến), nghĩa là: vợ chồng phát đạt sớm, con cái thuận hiếu, hưởng phúc đến già.

Nam giới tuổi Thìn

Nếu chọn vợ có tuổi sau thì tương sinh tương hợp hạnh phúc dài lâu:

- **Nhâm Thìn (1952)** : nên lấy vợ Đinh Dậu, Ất Ty.

- **Giáp Thìn (1964)** : Bính Ngọ, Kỷ Dậu.

- **Bính Thìn (1976)** : Mậu Ngọ, Tân Dậu.

- **Mậu Thìn (1988)** : Canh Ngọ, Quý Dậu.

- **Canh Thìn (1940, 2000)**: Kỷ Dậu, Nhâm Ngọ.

6. NGƯỜI TUỔI TÝ (1941, 1953, 1965, 1977, 1989)

A. KHAI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI TUỔI TÝ

Nét đặc trưng của người tuổi Tý là thông minh, nhưng đa nghi, khi làm một việc gì đó thường họ chỉ dựa vào sự phán đoán của mình, ít khi nghe lời ai cả, mặc dù họ kêu gọi tới sự tư vấn.

Họ là người có chút cực đoan trong đánh giá một vấn đề gì đó, khi họ cho là đúng thì không nhường cho ai cả.

Trong quan hệ xã hội, họ luôn biểu hiện ý muốn chiếm hữu, nhưng trong lòng khó chịu lại không thể hiện ra ngoài mà thể hiện một cách thần nhiên.

Trong quan hệ làm ăn, người tuổi Ty có thể kết hợp với người tuổi Sửu, tuổi Dậu và tuổi Thìn. Đối với người tuổi Thân có thể kết hợp ở mức vừa phải, không nên đối đầu với người tuổi Dần và người tuổi Ngọ.

Với trí tuệ bẩm sinh và ý chí cao, người tuổi Ty có thể đạt được địa vị cao trong xã hội.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI TUỔI TY

Nam tuổi Ty nhanh nhẹn, hoạt bát, có tính hài hước và sức cuốn hút lớn. Nam nữ tuổi Ty đều đào hoa. Nếu khắc chế bản thân để tập trung vào tình cảm đôi lứa và gia đình, sự nghiệp thì sẽ có cuộc sống hạnh phúc, phát triển.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần bảo hộ của người Ty là Bồ tát Phổ Hiền, Địa tạng Bồ tát hộ mệnh, Hư không Bồ tát ban phúc đức, Thế chí Bồ tát ban trí tuệ. Do vậy hàng ngày, họ nên niệm hồng danh các vị trên, như: nam mô Thế Chí Bồ tát, nam mô Địa tạng Bồ tát, nam mô Hư không Bồ tát, Nam mô Văn Thù Bồ tát...thì mọi việc đều tốt lành. Cũng theo tín ngưỡng dân gian, người Ty nếu làm việc thiện sẽ tránh được nhiều tai hoạ. Sau đây là nhân duyên của người tuổi Ty.

Nam tuổi Ty

* *Ất Ty (1965)*: nếu sinh vào các tháng Giêng, 2, 3 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 4, 6, 7, 8, 10, 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 5, 9, và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Đinh Ty (1977)*: nếu sinh vào tháng 4, 8, 9, và Chạp thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Kỷ Ty (1989)*: nếu sinh vào tháng 5, 7 và 11 thì có ba lần thay đổi tình duyên. Nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 8 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 6, 9 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Tân Ty (1941, 2001)*: nếu sinh vào tháng 5, 6, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 7, 10, 11, và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Quý Ty (1953)*: nếu sinh vào tháng 8 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9, 10

- **Mậu**: ở vào cái thế “Ngọc xuất côn sơn, vinh nhục bất toàn”(núi côn sơn có ngọc, có lên có xuống, bất toàn), nghĩa là: vợ chồng trước khó sau sướng, trước nghèo sau giàu, trước hồng sau đổ, công danh gặp may, con cháu đông.

- **Kỷ**: ở vào cái thế “Khử cựu thủ tân, quần âm bác tận”(bỏ cũ giữ mới, âm khí hết), nghĩa là: vợ chồng trước trở nhưng sau hợp, hiềm con nhưng con cái đỗ đạt.

- **Canh**: ở vào cái thế “Vân trình thất lộ, đại tằng kỳ hung”(đường mây mất lối, mọi sự hung dữ đem chôn cất), nghĩa là: vợ chồng sống với nhau có thể khó bền, thì cũ khó đổ.

- **Tân**: ở vào cái thế “Long hành đắc vũ, ba đào tĩnh lặng”(trăng sáng giữa trời, sóng lặng), nghĩa là: vợ chồng đều có học vấn, khoa cử được trọng dụng, con cái khá giả, nhà đất, tiền của lâu bền.

- **Nhâm**: ở vào cái thế “Thu lộ lung sơn, phú quý phù vân”(sương thu trùm núi, giàu sang như mây trời), nghĩa là: những năm đầu làm ăn phát đạt, sau làm ăn lúc lên lúc xuống, con cái khó giáo dục.

- **Quý**: ở vào cái thế “Đào nguyên hội ẩm, phu thê tằng long”(tiệc tùng ở đào nguyên, vợ chồng tằng tiến), nghĩa là: vợ chồng phát đạt sớm, con cái thuận hiếu, hưởng phúc đến già.

Nam giới tuổi Thìn

Nếu chọn vợ có tuổi sau thì tương sinh tương hợp hạnh phúc dài lâu:

- *Nhâm Thìn (1952)* : nên lấy vợ Đinh Dậu, Ất Ty.

- *Giáp Thìn (1964)* : Bính Ngọ, Kỷ Dậu.

- *Bính Thìn (1976)* : Mậu Ngọ, Tân Dậu.

- *Mậu Thìn (1988)* : Canh Ngọ, Quý Dậu.

- *Canh Thìn (1940, 2000)*: Kỷ Dậu, Nhâm Ngọ.

6. NGƯỜI TUỔI TÝ (1941, 1953, 1965, 1977, 1989)

A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI TUỔI TÝ

Nét đặc trưng của người tuổi Tý là thông minh, nhưng đa nghi, khi làm một việc gì đó thường họ chỉ dựa vào sự phán đoán của mình, ít khi nghe lời ai cả, mặc dù họ kêu gọi tới sự tư vấn.

Họ là người có chút cực đoan trong đánh giá một vấn đề gì đó, khi họ cho là đúng thì không nhường cho ai cả.

Trong quan hệ xã hội, họ luôn biểu hiện ý muốn chiếm hữu, nhưng trong lòng khó chịu lại không thể hiện ra ngoài mà thể hiện một cách thần nhiên.

Trong quan hệ làm ăn, người tuổi Ty có thể kết hợp với người tuổi Sửu, tuổi Dậu và tuổi Thìn. Đối với người tuổi Thân có thể kết hợp ở mức vừa phải, không nên đối đầu với người tuổi Dần và người tuổi Ngọ.

Với trí tuệ bẩm sinh và ý chí cao, người tuổi Ty có thể đạt được địa vị cao trong xã hội.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI TUỔI TY

Nam tuổi Ty nhanh nhẹn, hoạt bát, có tính hài hước và sức cuốn hút lớn. Nam nữ tuổi Ty đều đào hoa. Nếu khắc chế bản thân để tập trung vào tình cảm đôi lứa và gia đình, sự nghiệp thì sẽ có cuộc sống hạnh phúc, phát triển.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần bảo hộ của người Ty là Bồ tát Phổ Hiền, Địa tạng Bồ tát hộ mệnh, Hư không Bồ tát ban phúc đức, Thế chí Bồ tát ban trí tuệ. Do vậy hàng ngày, họ nên niệm hồng danh các vị trên, như: nam mô Thế Chí Bồ tát, nam mô Địa tạng Bồ tát, nam mô Hư không Bồ tát, Nam mô Văn Thù Bồ tát...thì mọi việc đều tốt lành. Cũng theo tín ngưỡng dân gian, người Ty nếu làm việc thiện sẽ tránh được nhiều tai họa. Sau đây là nhân duyên của người tuổi Ty.

Nam tuổi Ty

* **Ất Ty (1965):** nếu sinh vào các tháng Giêng, 2, 3 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 4, 6, 7, 8, 10, 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 5, 9, và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Đinh Ty (1977):** nếu sinh vào tháng 4, 8, 9, và Chạp thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Kỷ Ty (1989):** nếu sinh vào tháng 5, 7 và 11 thì có ba lần thay đổi tình duyên. Nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 8 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 6, 9 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Tân Ty (1941, 2001):** nếu sinh vào tháng 5, 6, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 7, 10, 11, và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Quý Ty (1953):** nếu sinh vào tháng 8 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9, 10

thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Ty

* **Ất Ty (1965):** nếu sinh vào các tháng 3, 6, 8 và 10 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 2, 4, 7, 9, 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Đinh Ty (1977):** nếu sinh vào tháng 4, 9 thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8, 10 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Kỷ Ty (1989):** nếu sinh vào tháng 3, 6, 8, 10 thì có ba lần thay đổi tình duyên. Nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9, 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Tân Ty (1941, 2001):** nếu sinh vào tháng Giêng, 6 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 5, 9, 10, 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 7, 8, Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* **Quý Ty (1953):** nếu sinh vào tháng 4, 9, Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN NGƯỜI TUỔI TY

Nữ tuổi Ty

Nếu kết hôn với nam giới năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ:

Giáp: ở vào cái thế “Thu vự long sơn, phú quý phúc vân”(sương thu che núi, giàu sang tựa mây trời), nghĩa là: lấy nhau khó bên, kinh tế phát triển thất thường.

Ất: ở vào cái thế “Khách tặc thần tiên, suối hoa đào mở tiệc”(người trần thành tiên, đào nguyên có tiệc), nghĩa là: trai gái lấy nhau muộn, hoặc trai goá gái goá lấy nhau thì phát đạt nhanh. Nếu lấy nhau sớm thì bên trai lép vế hơn bên gái, nhưng cũng tốt đẹp. Sinh con gái nhiều hơn con trai.

Bính: ở vào cái thế “Cần đạo hành chu, tài vật phong lưu”(thuyền đi về hướng Tây Bắc, tài vật dồi dào), nghĩa là: lấy con

gái trường mối tốt, vợ là con nhà danh giá, không đỗ đạt nhưng làm ăn phát đạt, con cái có danh vọng.

Đinh: ở vào cái thế “Bằng điều ngộ xuân, tài bạch phong bảo” (chim bằng chim điều gặp mùa xuân, tài lộc dồi dào), nghĩa là lấy nhau phát đạt, nhà cửa phong lưu, của cải nhiều, con cái nổi nghiệp bền vững.

Mậu: ở vào cái thế “Minh châu kiến diễm, nữ tử ngoại giao” (ngọc sáng lộ vết, gái có lòng khác), nghĩa là vợ chồng tương xứng, trai tài gái sắc nhưng có tật, đôi bên có ý khác có thể ảnh hưởng lớn tới hạnh phúc gia đình, sinh trai sinh gái nhưng tình cảm không đậm thắm.

Kỷ: ở vào cái thế “Khử cữu thủ tân, quân âm bác tận” (bỏ cũ giữ mới, khí âm đã hết), nghĩa là: có thể chia lìa, trước tan sau hợp, có nhiều xung đột trong cuộc sống, hiếm con nhưng con cái thành đạt.

Canh: ở vào cái thế “Vân trình thất lộ, đại táng kỳ hung” (đường mây mất lối, mọi hung dữ đem chôn vùi), nghĩa là: thi cử không đỗ đạt, vợ chồng giữa chừng có thể trục trặc, đề phòng mọi cái xấu đến.

Tân: ở vào cái thế “Long hành đắc vũ, điền trạch ích đa” (rồng gặp mưa, ruộng vườn đất cát nhiều), nghĩa là vợ chồng có học vấn, khoa cử được nhà nước trọng dụng, con cái khá giả, tiền của đất đai nhiều.

Nhâm: ở vào cái thế “Trường xa chiết trục, bán lộ ngộ tai” (xe lớn gãy trục, nửa đường gặp không hay), nghĩa là lấy nhau lúc đầu phát đạt, con cái học hành đỗ đạt, trung vận có thể gặp điều không hay, lúc này mưu sự khó thành.

Quý: ở vào cái thế “Đào nguyên hội ẩm, phu thê tăng long” (suối đào tiệc tùng, vợ chồng tăng tiến), nghĩa là: vợ chồng hạnh phúc, con cái hiếu thuận.

Nam giới tuổi Ty

Nếu chọn vợ có tuổi như sau sẽ tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

- **Quý Ty (1953)** : nên lấy vợ Mậu Tuất, Tân Sửu, Giáp Thìn.
- **Ất Ty (1965)** : nên lấy vợ Đinh Mùi, Canh Tuất, Quý Sửu.
- **Đinh Ty (1977)** : nên lấy vợ Kỷ Mùi, Ất Sửu, Mậu Thìn.
- **Kỷ Ty (1989)** : nên lấy vợ Tân Mùi, Giáp Tuất.
- **Tân Ty (1941)** : Quý Mùi, Bính Tuất.

7. NGƯỜI TUỔI NGỌ (1942, 1954, 1966, 1978, 1990)

A. NHỮNG NÉT CHUNG CỦA NGƯỜI TUỔI NGỌ

Là những người có tính độc lập cao, sớm lập được sự nghiệp cho bản thân. Có lòng tự tin cao, có phương pháp tốt trong đối nhân xử thế, ưa những hoạt động rèn luyện thể dục thể thao và trí tuệ. Họ là nhóm người luôn mưu cầu tự do và hạnh phúc và cố gắng hết sức mình để đạt được điều đó, nhưng họ không muốn tự làm lấy, không muốn dựa vào ai cả.

Nhược điểm của họ là tính nóng nảy, gấp gáp, cố chấp, khó tự mình nhận ra sai lầm của bản thân. Rất ham mê một cái gì đó nhưng lại hay bỏ cuộc giữa chừng, làm cho người xung quanh dễ hiểu là người tiền hậu bất nhất.

Người Ngọ không phù hợp với những công việc có một lịch trình xác định bởi tính thiếu nhẫn nại, do vậy họ chỉ thích ứng với những công việc có tính tức thời. Nhưng có một khả năng là, trong khi thực hiện những công việc khó khăn, họ luôn tìm ra những phương pháp thích hợp để giải quyết.

Trong quan hệ bạn bè, họ giao thiệp rộng, nhưng ít khi dựa vào bạn. Nữ tuổi Ngọ là người ham hoạt động và luôn bận rộn về công việc.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần hộ mệnh của người Ngọ là Thế chí Bồ tát, Dược sư lưu ly quang Phật hộ mệnh, Văn thù Bồ tát ban trí tuệ. Do vậy, hàng ngày họ nên niệm hồng danh các vị trên như: nam mô Thế chí Bồ tát, nam mô Văn Thù Bồ tát, nam mô Dược sư lưu ly quang Phật...thì mọi việc đều tốt lành.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI NGỌ

Trong hôn nhân, người Ngọ đặt ra yêu cầu rất cao. Họ là những người không dễ thuyết phục, rất coi trọng sự thắng thua và thể diện. Trong tình yêu họ có thái độ dứt khoát, thẳng thắn, yêu chung thủy, dám hy sinh vì người mình yêu, nhưng khi đến đích lại trù trừ. Nam giới Ngọ đáng vẻ bề ngoài chín chu, tươm tất. Sau đây là nhân duyên của nam và nữ tuổi Ngọ.

Nam tuổi Ngọ

* *Giáp Ngọ (1954)*: nếu sinh vào các tháng 3, 5, 6 và 9 thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 7, 10, 11 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 4 và 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Ngọ (1966)*: nếu sinh vào các tháng 8, Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 4, 5, 9 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Ngọ (1978)*: nếu sinh vào tháng 2, 3, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 10 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5, Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Ngọ (1990)*: nếu sinh vào các tháng 4, 8, 9 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5, 7, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Ngọ (1942, 2002)*: nếu sinh vào tháng 5, 7, 11 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Ngọ

* *Giáp Ngọ (1954)*: nếu sinh vào các tháng Giêng và 11 thì có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 5, 6, 9, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào các tháng 3, 4, 7, 8 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Ngọ (1966)*: nếu sinh vào các tháng 4, 9 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Ngọ (1978)*: nếu sinh vào tháng 3, 6, 10 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5, 8 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Ngọ (1990)*: nếu sinh vào các tháng 4, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8, 10, Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Ngọ (1942, 2002)*: nếu sinh vào tháng 3, 7, Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 6, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN NGƯỜI TUỔI NGỌ

Nữ tuổi Ngọ

Nếu kết hôn với nam giới mà năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ:

Giáp: ở vào cái thế “Trường xa chiết trực, ngộ tai nan giải”(xe to gãy trực, gặp tai nạn khó giải), nghĩa là lấy nhau trước phát đạt sau khó khăn, con cái không như ý, nếu có đức tư tâm dưỡng tính thì mọi việc sẽ qua.

Ất: ở vào cái thế “Thiên địa vô vũ, đối minh diện ám”(trời đất không mưa, sau lưng sáng, trước mặt tối), nghĩa là trai gái goá hay tuổi muộn lấy nhau thì phát đạt. Nếu lấy nhau còn quá trẻ thì sau sẽ có điều không hay.

Bính: ở vào cái thế “Nộn thảo phùng xuân, khuyết tỵ nhập thủy”(cỏ non gặp mùa xuân, rêu xanh vào nước), nghĩa là: vợ chồng gặp nhau trong cảnh nghèo, đang nghèo trở nên giàu sang phú quý, con cái đỗ đạt.

Đinh: ở vào cái thế “Liên hoa đồng phát, nguyệt bảo chủ nhân”(nhiều hoa nở rộ, người hay đẹp tốt), nghĩa là: anh em đông giàu có giúp nhau nhiều, gia đình hưng thịnh phát đạt, con cái hiếu thảo học hành đỗ đạt.

Mậu: ở vào cái thế: “Minh châu kiến điểm, nữ tử ngoại giao”(ngọc sáng lộ vết, gái có lòng riêng), nghĩa là vợ chồng xứng đôi vừa lứa, trai tài gái sắc, nhưng đôi bên dễ thay lòng có khi gây chia rẽ. Sinh trai sinh gái.

Kỷ: ở vào cái thế “Tuần mã trường thành, nhật nguyệt đương thiên”(ngựa phi trên trường thành, trên trời có cả mặt trăng mặt trời chiếu sáng), nghĩa là: lấy nhau ban đầu khó khăn vất vả sau giàu sang, sau thành danh giá, con cái nổi dòng.

Canh: ở vào cái thế “Mã tẩu trường thành, phú quý vô ưu”(ngựa chạy trên trường thành, giàu sang không ngại), nghĩa là lấy nhau có học vị, có chức vụ, giàu sang, gia đình hưng vượng, con cháu hưởng phúc lộc.

Tân: ở vào cái thế “Nhập hải tầm châu, khai hoa kết tử”(xuống biển tìm ngọc, nở hoa kết trái), nghĩa là: trước khó khăn sau giàu sang, đông con, có con là quý tử thông minh đỗ đạt cao.

Nhâm: ở vào cái thế “Trường xa chiết trực, bán ngộ lộ tai”(xe lớn gãy trực, nửa đường gặp trắc trở), nghĩa là lấy nhau lúc đầu phát đạt, con cái đỗ đạt, trung vận gặp khó khăn, việc lớn khó thành.

Quý: ở vào cái thế “Nhật nguyệt tinh quan, thiên địa vô vũ”(trời không mưa, mặt trời mặt trăng trong sáng), nghĩa là lấy nhau do duyên trời đất, hạnh phúc dài lâu, con cái thông minh đỗ đạt.

Nam giới tuổi Ngọ

Nếu kết hôn với nữ giới có tuổi sau sẽ tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

Nhâm Ngọ (1942): nên lấy vợ Canh Dần, Tân Mão.

Giáp Ngọ (1954) : nên lấy vợ Nhâm Dần, Quý Mão.

Bính Ngọ (1966) : nên lấy vợ Giáp Dần, Ất Mão, Kỷ Mùi.

Mậu Ngọ (1978) : nên lấy vợ Bính Dần, Đinh Mão, Tân Mùi.

Canh Ngọ (1990) : nên lấy vợ Mậu Dần, Kỷ Mão.

8. NGƯỜI SINH NĂM MÙI (1943, 1955, 1967, 1979, 1991)

A. NHỮNG NÉT KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI TUỔI MÙI

Người Múi thông minh, đa mưu túc trí, quyết đoán và dám làm những điều lớn đầy khó khăn. Mặt khác, họ lại là người vị tha độ lượng, sẵn sàng bỏ qua sự sai lầm của người khác, hiểu ý muốn của người. Song họ cũng là người thích sống một cuộc đời tự do tự tại, không muốn ràng buộc vào cái gì cả. Họ cũng ít khi phê phán người khác; không thích chú ý đến người khác cũng như không muốn người khác chú ý đến mình.

Người Múi cũng là dạng người đa sầu đa cảm. Họ biết cách sử dụng sự thông minh để điều chỉnh những mặt yếu của bản thân, trong quan hệ, họ có phương pháp linh hoạt, uyển chuyển, khiến cho đối phương phải nghe lời đổi ý. Họ không thích xung đột và hết sức tránh những cuộc tranh luận không cần thiết, nhưng vẫn giữ được quan hệ tốt đối với mọi người. Họ cũng là nhóm người sống thoáng đảng, không ưa thói cố chấp, bảo thủ.

Nữ tuổi Múi thích ăn mặc theo mốt và trang điểm.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần hộ mệnh của người Múi là đức Phật Đại nhật như lai, Adi đà Phật hộ mệnh, Quan âm bồ tát ban phúc đức. Do vậy, hàng ngày người Múi nên niệm hồng danh các vị trên, như: nam mô Adi đà Phật, nam mô Đại nhật Như lai Phật, nam mô Quan thế âm Bồ tát... thì mọi việc đều tốt lành. Sau đây là nhân duyên của người nam và nữ tuổi Múi.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI TUỔI MÙI

Tuy cứng rắn, nhưng người Múi lại là người nhu nhược trước tình yêu và hay bị phân tâm bởi chuyện tình ái. Nữ tuổi Múi nhút nhát, lương thiện, khi yêu thích chăm lo cho người khác. Nam tuổi Múi cứng rắn, có lòng tự tôn mạnh mẽ, dễ biểu lộ tình cảm của bản thân với đối tượng. Trong quan hệ gia đình, luôn tránh để xảy ra xung đột với vợ con, chịu đựng, là người cha tốt của con cái.

Nam tuổi Múi

* *Ất Múi (1955)*: nếu sinh vào tháng 5, 6 và 9 sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 7, 10 và 11 sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 8 và Chạp sẽ một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Đinh Múi (1967)*: nếu sinh vào tháng 8 và Chạp sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Kỷ Múi (1979)*: nếu sinh vào tháng 2, 3 và 9 sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 10 và 11 thì sẽ hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5, Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Tân Múi (1931, 1991)*: nếu sinh vào tháng 4, 8, 9 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Quý Múi (1943, 2003)*: nếu sinh vào tháng 5, 7 và 11 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và Chạp sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Múi

* *Ất Múi (1955)*: nếu sinh vào tháng Giêng và 6 sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 5, 9, 10 và 11 sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 7, 8 và Chạp sẽ một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Đinh Múi (1967)*: nếu sinh vào tháng 4, 9 và Chạp sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8, và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Kỷ Mùi (1979)*: nếu sinh vào tháng 3, 6, và 10 sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9, và 11 thì sẽ hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5, 8, và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Tân Mùi (1931, 1991)*: nếu sinh vào tháng 4, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8, 10 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Quý Mùi (1943, 2003)*: nếu sinh vào tháng 3, 7 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8, 11 sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 6, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI MÙI

Nữ giới tuổi Mùi

Nếu kết hôn với nam giới mà năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ:

Giáp: ở vào cái thế “Vân trình thất lộ, hữu tử na dương”(đường mây lơ dờ, khó nuôi con), nghĩa là: nếu lấy nhau ở xa quê hương thì lâu bền, hạnh phúc.

Ất: ở vào cái thế “Ngư quá vũ môn, long phi đắc chí”(cá vượt vũ môn, rồng bay đắc chí), nghĩa là vợ chồng hoà hợp, kinh tế phát đạt, con cái phú quý song toàn, an ổn.

Bính: ở vào cái thế “Nộn thảo phùng xuân, khuyết ti nhập thủy”(cỏ non gặp mùa xuân, rêu xanh gặp nước), nghĩa là vợ chồng trước nghèo sau bỗng giàu sang, phú quý tự nhiên. Con cái đỗ đạt.

Đinh: ở vào cái thế “Liên hoa đồng phát, nguyệt hảo chủ nhân”(nhiều hoa nở rộ, người hay sự đẹp), nghĩa là anh em đông mà giàu có giúp đỡ được nhau, gia đình hưng thịnh, con cái hiếu thảo học hành đỗ đạt.

Mậu: ở vào cái thế “Cầm sắt trùng khai, tái thú sinh nam”(đàn cầm đàn sắt cùng lên tiếng, vợ sau có con trai), nghĩa là vợ chồng hạnh phúc, vợ thứ có con trai, có thêm vợ nhưng vẫn hạnh phúc.

Kỷ: ở vào cái thế “Tân thuyền hạ thủy, vĩnh đại cát xương”(thuyền mới cho xuống nước, muôn đời tốt đẹp), nghĩa là cả hai đều phải cố gắng thì mới vượt qua mọi khó khăn và có kết quả tốt đẹp, không cùng cố gắng sẽ thất bại.

Canh: ở vào cái thế “Thu nhận phùng phong, tích linh khuy đoạ”(chim nhận gặp gió thu, chim tích linh xảy cánh rơi), nghĩa là lấy nhau ban đầu phát đạt nhưng sau có thể suy, có thể từ vợ chồng mà gây quan hệ xấu tới anh em họ hàng.

Tân: ở vào cái thế “Niên ngộ phong tật, hữu tử nan dương”(năm gặp bệnh, khó nuôi con), nghĩa là lấy nhau trước sướng sau khó khăn. Nếu gái mồ côi cha, trai mồ côi mẹ mà lấy nhau thì rất hay, nuôi con vất vả.

Nhâm: ở vào cái thế “Âm dương bất giao, nhân đa khẩu thiệt”(khí âm dương không giao hoà, nhiều người miệng tiếng), nghĩa là vợ chồng hay xảy ra bất trắc, con cái học hành khá nhưng khó bảo.

Quý: ở vào cái thế “Ngũ vũ quá môn, long hành đắc chí”(cá vượt vũ môn, rồng bay thoả chí), nghĩa là vợ chồng hoà hợp hay gặp may, rất tốt, con cái hiếu thảo đỗ đạt cao.

Nam giới tuổi Mùi

Nếu lấy vợ có tuổi sau sẽ tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

Ất Mùi (1956) : nên lấy vợ Bính Thân, Đinh Dậu, Bính Ngọ.

Đinh Mùi (1967): nên lấy vợ Mậu Thân, Kỷ Dậu, Mậu Ngọ.

Kỷ Mùi (1979) : nên lấy vợ Canh Thân, Tân Dậu, Canh Ngọ.

Tân Mùi (1991) : nên lấy vợ Nhâm Thân, Quý Dậu, Nhâm Ngọ.

Quý Mùi (1943) : nên lấy vợ Giáp Thân, Ất Dậu, Giáp Ngọ.

9. NGƯỜI SINH NĂM THÂN (1944, 1956, 1968, 1980, 1992)

A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI TUỔI THÂN

Người tuổi Thân thông minh, nhanh nhẹn, năng động, bất cứ hoạt động trong lĩnh vực nào họ cũng có cách giải quyết riêng để đạt được thành quả to lớn và họ đã đạt được.. Họ có đầu óc sáng tạo cao và đạt được những ý tưởng nghiên cứu mà họ đặt ra. Trong cùng lĩnh vực chuyên môn, họ hiếm khi gặp phải đối thủ ngang sức ngang tài.

Người tuổi Thân khi đã vào cuộc, ý chí chiến đấu rất cao, nhưng họ không bao giờ để lộ ra kế hoạch của mình, khiến đối phương bị bất ngờ mà thua cuộc. Với tính kiên định như vậy, dù họ có phải đối diện với những tình thế khó khăn, nguy hiểm đến mấy, họ vẫn hết sức bình tĩnh, sáng suốt để tìm ra cách ứng phó có hiệu quả. Chính điều này, họ là những người có biệt

tài chuyển bại thành thắng, cho dù có rơi vào hoàn cảnh khó khăn thế nào chăng nữa.

Họ là người có thể thâm nhập và làm việc trong nhiều lĩnh vực có tính sáng tạo, kết quả công việc đạt hiệu quả cao. Họ cũng là nhà quản lý, nhà hoạt động xã hội xuất sắc. Trong công việc, họ biết cách tìm ra phương pháp đồ tợn công sức, nhưng hiệu quả cao.

Họ là người sống thẳng thắn, chính trực, nhưng do có tố chất thông minh nên quá tự tin, chủ quan, mà trong cuộc đời cũng gặp thất bại lớn.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần bảo hộ của người Thân là Đức Phật Đại nhật như lai, có Quan thế âm Bồ tát hộ mệnh, Thế chí Bồ tát hộ mệnh. Do vậy nếu họ hàng ngày niệm hồng danh các vị trên thì mọi khó khăn sẽ qua. Như niệm: *nam mô Đại nhật như lai Phật, nam mô Quán thế âm Bồ tát, Nam mô Thế chí Bồ tát.*

Có thuyết cho rằng, người sinh năm Thân ít được anh em hỗ trợ, nếu là nữ thì suốt đời no ấm, giúp chồng, nam thì suốt đời lao碌, nhưng là nhà quản lý tài giỏi. Sau đây là nhân duyên của người nam và nữ tuổi Thân.

B. NHÂN DUYÊN CỦA NGƯỜI TUỔI THÂN

Về phương diện tình ái, người tuổi Thân, nữ rất thận trọng trong lựa chọn đối tượng. Nam tuổi Thân có quá nhiều cơ hội tiếp xúc với nữ giới, nhưng tình cảm bất định, nhưng đôi khi lại quyết định rất nhanh để đi đến hôn nhân.

Nam tuổi Thân

* *Giáp Thân (1944,2004)*: nếu sinh vào tháng 8 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Thân (1956)*: nếu sinh vào tháng 2, 3, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 10 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Thân (1968)*: nếu sinh vào tháng 4,8,9 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5, 10 sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Thân (1980)*: nếu sinh vào tháng 5, 7, 10 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Thân (1932, 1992)*: nếu sinh vào tháng 5, 6, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 7, 10, 11 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Thân

* *Giáp Thân (1944, 2004)*: nếu sinh vào tháng 4, 9 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7, 8, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Thân (1956)*: nếu sinh vào tháng 3, 8, 10 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5, 6 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Thân (1968)*: nếu sinh vào tháng 4, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 10 và Chạp sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7, 8 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Thân (1980)*: nếu sinh vào tháng 3, 7, Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 6, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Thân (1932, 1992)*: nếu sinh vào tháng Giêng, 7 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 5, 9, 10, 11 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 6, 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI THÂN

Nữ giới tuổi Thân

Nếu kết hôn với nam giới có năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ:

Giáp: ở vào cái thế “Long thành vô vũ, thoái quan tán tài”(rồng không gặp mưa, thoái quan tán tài), nghĩa là làm quan

dễ mất chức gặp họa. Thi cử gặp chuyện không hay. Rủi ro lây đến con cái. Do vậy, nên sống bình thường, không màng công danh địa vị thì mọi cái sẽ qua.

Ất: ở vào cái thế “Long vân đắc độ, khủng ngộ kiếp hình”(rồng bay gặp mưa, gặp vận nhưng có thể gặp họa), nghĩa là vợ chồng phát đạt, nhưng mọi việc không bền, có thể gặp họa.

Bính: ở vào cái thế “Khô mộc phùng xuân, tiêu tổn hậu ích”(cây khô gặp mùa xuân, trước suy sau tốt), nghĩa là lúc đầu rất khó khăn, nghèo túng, sau giàu có lớn, con cái đỗ đạt thi đậu cao.

Đinh: ở vào cái thế “Dũng lược uy quyền, thiên bình vạn mã”(oai quyền mưu lược, chỉ huy nhiều người), nghĩa là vợ chồng sớm phát đạt, công danh rạng rỡ, con cái đỗ đạt, gia đình hưng vượng.

Mậu: ở vào cái thế “cầm sắt trùng khai, tái thú sinh trai”(đàn cầm đàn sắt cùng ca, vợ thứ có con trai), nghĩa là vợ chồng hoà hợp, có con nhưng sinh gái, vợ thứ có con trai.

Kỷ: ở vào cái thế “Tân thuyền hạ thủy, vĩnh đại cát xương”(thuyền mới vừa cho xuống nước, muôn đời tốt đẹp), nghĩa là cả hai vất vả chèo chống, khắc phục khó khăn rồi sau tốt đẹp, hạnh phúc dài lâu.

Canh: ở vào cái thế “Thu nhận phùng phong, tích linh khuy đoạ”(chim nhận gặp gió thu, chim tích linh gãy cánh), nghĩa là lấy nhau trong hoà hợp, có đại phát, như có thể suy vì quan hệ anh em họ hàng.

Tân: ở vào cái thế “Niên ngộ phong tật, hữu tử na dưỡng”(năm gặp bệnh, khó nuôi con), nghĩa là lấy nhau trước hạnh phúc sau khó khăn, nếu trai mồ côi mẹ, gái mồ côi cha lấy nhau thì rất tốt, nhưng khó nuôi con.

Nhâm: ở vào cái thế “Vân lộ thất hướng, cầu sự bất thành”(đường mây mất hướng, cầu tài không thành), nghĩa là: lấy nhau tuy có phát đạt nhưng không bền, làm quan có thể bị giáng chức, nếu lấy nhau ở xa quê thì tốt hay gái lấy trai đã một đời vợ thì hay.

Quý: ở vào cái thế: “Ngư quá vũ môn, long hành đắc chí”(cá vượt vũ môn, rồng bay thoả chí), nghĩa là lấy nhau rất hạnh phúc, sinh con hiếu thảo, đỗ đạt cao, hưởng phúc dài lâu.

Nam giới tuổi Thân

Nếu chọn vợ có tuổi như sau sẽ tương sinh tương hợp hạnh phúc dài lâu:

Giáp Thân (1944) : nên lấy vợ Bính Tuất, Kỷ Sửu.

Bính Thân (1956) : nên lấy vợ Tân Sửu, Giáp Thìn.

Mậu Thân (1968) : nên lấy vợ Canh Tuất, Quý Sửu, Bính Thân.

Canh Thân (1980) : nên lấy vợ Nhâm Tuất, ất Sửu, Mậu Thìn.

Nhâm Thân (1992) : nên lấy vợ Giáp Tuất, Đinh Sửu.

10. NGƯỜI SINH NĂM DẬU (1945, 1957, 1969, 1981, 1993)

A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI TUỔI DẬU

Người Dậu là người cầu toàn, luôn mưu cầu sự hoàn thiện hoàn mỹ. Họ thích những vấn đề có tính lý luận, nhưng lại cứng nhắc theo một tri thức nào đó. Do vậy, khi làm một việc gì mà họ chưa quen gặp, họ tỏ ra lúng túng, bối lễ, họ luôn sống theo “sách vở”. Tuy vậy, họ cũng là người tài giỏi, chịu khó, có năng lực tổ chức cao, thẳng thắn trung thực, có tính quyết đoán trong công việc.

Nhược điểm của người Dậu là ưa tranh luận, khi tranh luận không cần biết đối phương nghĩ gì, do vậy nhiều khi họ bị đối phương phản bác một cách tế nhị mà họ không hề hay. Họ cũng là người thích được mọi người khen ngợi, có tính khoa trương. Khi bị ai phê bình chê trách, họ phản bác đến cùng, do vậy họ là người cố chấp.

Phụ nữ tuổi Dậu là người thực tế, cần cù chịu khó trong mọi việc. Họ là người vợ đảm đang, người mẹ hiền.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần bảo hộ của người Dậu là Bát Động minh vương Bồ tát, đức Phật Adi đà ban phúc, Hư Không tạng Bồ tát ban trí tuệ. Do vậy hàng ngày nếu họ niệm hồng danh các vị trên thì mọi khó khăn sẽ qua. Niệm như sau: nam mô Bát Động minh vương Bồ tát; nam mô Adi đà Phật, Nam mô Hư Không tạng Bồ tát. Niệm mỗi hồng danh niệm đi niệm lại nhiều lần.

Có thuyết cho rằng, người Dậu thông minh hiểu nghĩa, hiểu học, giỏi phân biệt sai trái, nhưng quan hệ anh em nhạt nhẽo, sống cô lập, thời trẻ vận khá đẹp, trung niên không hay, vận niên phú quý, nếu làm từ thiện sẽ trường thọ.

B. NHÂN DUYÊN NGƯỜI TUỔI DẬU

Nam nữ tuổi Dậu đều yêu sớm, khi đã yêu thì quan tâm chăm sóc tới người yêu. Khi xây dựng gia đình, chỉ cần có sự khoan dung là gia đình hạnh phúc. Nam tuổi Dậu rất quan tâm đến gia đình và sự nghiệp, yêu mến vợ con. Sau đây là nhân duyên của nam và nữ tuổi Dậu.

Nam giới tuổi Dậu

* ***Ất Dậu (1945,2005)***: nếu sinh vào các tháng sau sẽ ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời: 8 và Chạp, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9 và 10 sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6,7 , 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Đinh Dậu (1957)***: nếu sinh vào tháng 2, 3, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 10 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5, Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Kỷ Dậu (1969)***: nếu sinh vào tháng 4, 8, 9 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Tân Dậu (1981)***: nếu sinh vào tháng 5, 7, 11 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 8 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 6, 9 và 10 thì sẽ có một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Quý Dậu (1933,1993)***: nếu sinh vào tháng 5, 6, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 7, 10, 11 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4 và 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ giới tuổi Dậu

* ***Ất Dậu (1945,2005)***: nếu sinh vào các tháng sau sẽ ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời: 4, 9 và Chạp, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8 và 10 sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 7, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Đinh Dậu (1957)***: nếu sinh vào tháng 3, 6, 8, 10 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9, và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Kỷ Dậu (1969)***: nếu sinh vào tháng Giêng và 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 3, 5, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 11 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Tân Dậu (1981)***: nếu sinh vào tháng 3, 7 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng 2, 6, 9 và 10 thì sẽ có một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Quý Dậu (1933,1993)*: nếu sinh vào tháng Giêng, 7, 8 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2; 5, 6, 9 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 10 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI DẬU

Nữ giới tuổi Dậu

Nếu kết hôn với nam giới mà năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ:

Giáp: ở vào cái thế “Chiết quế Thiêm cung, hoàng long xuất hiện”(bể quế cung trắng, rồng vàng xuất hiện), nghĩa là vợ đẹp con ngoan, thi đỗ cao, gia đình kinh tế khá giả.

Ất: ở vào cái thế “Điểm nhập võng trung, bạch mã chiết túc”(chim sa vào lưới, ngựa trắng què chân), nghĩa là trước phát đạt sau có thể suy, công danh dở dang, nên có con sớm. Nếu thường xuyên tụng niệm hồng danh các vị Phật, Bồ tát nói trên thì mọi việc sẽ có thể tốt.

Bính: ở vào cái thế “Thủy thượng phù ân, tiên bại hậu tự”(con chim hót trên mặt nước, trước bại sau xum họp), nghĩa là lúc đầu khó khăn sau phát, con cháu khá giả giàu sang, con đông đỗ đạt.

Đinh: ở vào cái thế “Dùng lược uy quyền, thiên binh vạn mã”(nhiều oai quyền, chỉ huy nhiều người), nghĩa là vợ chồng sớm thành công phát đạt, công danh rạng rỡ, con cái đỗ đạt, gia đình thịnh vượng.

Mậu: ở vào cái thế “Lễ cửu triều thiên, nam nữ thịnh vượng”(lễ trời đất, trai gái thịnh vượng), nghĩa là: đẹp đôi tốt số, giàu sang thịnh vượng, đông con, có tiếng vang.

Kỷ: ở vào cái thế “Thủy hoá tương bình, phu thê ly biệt”(nước lửa khác nhau, vợ chồng chia lìa), nghĩa là vợ chồng xung khắc, khó có hạnh phúc, có con, nhưng vợ chồng khó sống với nhau. Nếu niệm đều hồng danh các vị Bồ tát hộ mệnh, ban trí tuệ nói trên thì có thể giảm khó khăn.

Canh: ở vào cái thế “Cảnh phá trâm phân, tiên hợp hậu đoạn”(gương tan trâm gãy), nghĩa là lấy nhau có phát đạt nhưng rồi khó bền, vợ chồng con cái có thể xa nhau.

Tân: ở vào cái thế “Tung hoành đắc chí, hữu tử nan dưỡng”(dọc ngang toả lòng, khó nuôi con), nghĩa là: trai hay gái đã một lần hôn nhân mà lấy nhau thì rất hay, làm ăn may mắn thất thường, có con khó nuôi.

Nhâm: ở vào cái thế “Hành lộ ngộ phong, cầu tài bất lợi”(đi đường gặp gió ngược, cầu tài khó), nghĩa là: lấy nhau gặp khó khăn, danh vọng trắc trở, kinh doanh, làm ăn hay gặp khó khăn.

Quý: ở vào cái thế “Điều nhập vông trung, liệt mã chiết túc”(chìm sa lưới, ngựa què chân), nghĩa là lấy nhau vui đẹp, nhưng nếu gia cảnh nghèo thì bền lâu, đồ đạc, con cái không sáng.

Nam giới tuổi Dậu

Nếu kết hôn với nữ giới có tuổi sau sẽ tương sinh tương hợp hạnh phúc dài lâu:

Ất Dậu (1945) : nên lấy vợ Nhâm Thìn, Quý Ty.

Đinh Dậu (1957) : nên lấy vợ Giáp Thìn, Ất Ty.

Kỷ Dậu (1969) : nên lấy vợ Bính Thìn, Đinh Ty.

Tân Dậu (1981) : Mậu Thìn, Kỷ Ty.

Quý Dậu (1993) : Ất Hợi, Canh Thìn, Tân Ty.

11. NGƯỜI SINH NĂM TUẤT (1946, 1958, 1970, 1982, 1994)

A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI TUỔI TUẤT

Người Tuất là người thẳng thắn, trung thực, nghĩa hiệp và sảng phẳng, họ lại rất cần cù hiếu học. Trong quan hệ xã hội, họ thích sống ôn hoà, nếu có xung đột muốn giải quyết vấn đề theo hướng hoà bình, không muốn xung đột cao và hận thù.

Người Tuất theo chủ nghĩa thực dụng, không lao vào các việc hư ảo cao xa, nhưng cũng có chương trình mục tiêu lớn trong cuộc đời và nỗ lực thực hiện.

Người Tuất không chú ý lắm đến tiền bạc, nhưng cũng có hoạch định làm kinh tế sao cho có hiệu quả mà ít tốn công sức. Họ có khả năng kiếm tiền đặc biệt.

Người Tuất thoát ly gia đình thì mới làm ăn phát đạt. Hầu như các người Tuất đều thoát ly gia đình sớm, để lập nghiệp họ dựa vào trí tuệ và tài năng, hầu như họ là nhóm người tự tay trắng làm nên, ít được dựa vào gia đình, bạn bè. Nhưng một khi họ đã quyết định điều gì đó thì không một cái gì ngăn cản nổi.

Người Tuất cũng là người biết kiềm chế mình, do vậy họ cũng đạt được những thành công nhất định trong cuộc đời, nhưng cũng có lúc họ có chút hồ đồ mà ứng xử quá mức, nhưng khi cơn bực bội đã qua, họ sẵn sàng cho qua tất cả và lại là người đáng mến.

Phụ nữ tuổi Tuất có năng lực tư duy cao, thông minh hoạt bát. Họ cũng ưa thích các hoạt động xã hội, biết quan tâm đến người khác, biết hy sinh quyền lợi bản thân cho lợi ích chung.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần bảo hộ của người Tuất là Adi đà Phật, Quan Thế âm Bồ tát ban phúc đức, Phổ Hiền Bồ tát ban trí tuệ. Do vậy họ nên thường xuyên niệm hồng danh các vị trên, như : nam mô Adi đà Phật, nam mô Quán Thế âm Bồ tát, nam mô Phổ Hiền Bồ tát, niệm lặp đi lặp lại nhiều lần, nghe nói mọi khó khăn sẽ vượt qua.

Có thuyết cho rằng, thời trẻ, người Tuất trôi nổi bất định, từ trung niên có cuộc sống cố định, làm ăn khá, duyên vợ chồng ban đầu không hay, sau khá, con không đông.

B. NHÂN DUYÊN NGƯỜI TUỔI TUẤT

Người tuổi Tuất nhìn chung là những người chung thủy, nhưng trong cuộc sống cũng có những vấn đề phức tạp khó xử trong tình cảm. Nói cách khác, họ cũng là nhóm người đa tình.

Nam giới tuổi Tuất lương thiện, trọng nghĩa, bề ngoài tỏ ra là người thờ ơ lãnh đạm, nhưng trong lòng rất nóng bỏng, yêu chân thành cuồng nhiệt.

Nam nữ Tuất nếu kết hôn sớm sẽ có hạnh phúc. Sau đây là nhân duyên của nam và nữ tuổi Tuất.

Nam tuổi Tuất

* *Giáp Tuất (1934,1994)*: nếu sinh vào tháng 2, 3, 9 thì sẽ ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 10 và 11 thì sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Tuất (1946,2006)*: nếu sinh vào tháng 4, 8, 9 và Chạp thì sẽ ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5 và 10 thì sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 7, 6, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Tuất (1938)*: nếu sinh vào tháng 5,7,11 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và Chạp thì sẽ hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Tuất (1970)*: nếu sinh vào tháng 5, 6, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 7, 10, 11 và Chạp thì sẽ hai lần tình duyên , nếu sinh vào tháng 3, 4, 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Tuất (1982)*: nếu sinh vào tháng 8 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9 và 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Tuất

* *Giáp Tuất (1934,1994)*: nếu sinh vào tháng 3,6,8 và 10 thì sẽ ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9 và 11 thì sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Bính Tuất (1946,2006)*: nếu sinh vào tháng 3,7 và Chạp thì sẽ ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8 và 11 thì sẽ hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 6, 9,10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Mậu Tuất (1938)*: nếu sinh vào tháng 3,7 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8 và 11 thì sẽ hai lần tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 6, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Canh Tuất (1970)*: nếu sinh vào tháng Giêng thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 5, 6, 9, 10, 11 thì sẽ hai lần tình duyên. nếu sinh vào tháng 3, 4, 7, 8 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Nhâm Tuất (1982)*: nếu sinh vào tháng 4,9 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 5, 8, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI TUẤT

Nữ giới tuổi Tuất

Nếu kết hôn với nam giới mà năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ:

Giáp: ở vào cái thế “Chiết quế thiềm cung, hoàng long xuất hiện”(bể quế cung trăng, rồng vàng xuất hiện), nghĩa là vợ đẹp con ngoan, đỗ đạt, gia đình khá giả hạnh phúc, sinh trai đầu lòng.

Ất: ở vào cái thế “Nguyệt trầm thương hải, long khố hồng vân”(trăng chìm biển sâu, rồng bị vây trong mây hồng), nghĩa là đỗ đạt phát đạt một thời, trước thành sau bại, công danh trắc trở. Nếu an phận thủ thường, sống đạm bạc thì về già yên vui.

Bính: ở vào cái thế “Oanh yến nan hoà, hữu tử nan dưỡng”, (chim oanh chim yến khó hoà, khó nuôi con), nghĩa là nếu lấy nhau cả hai là con một hay mồ côi thì tốt, nếu còn đủ cha mẹ thì trai phải có danh vọng cao thì hợp. Khó nuôi con.

Đinh: ở vào cái thế “Trúc thuyền ngộ phong, ngư hải vượt lãng”(thuyền nan gặp gió, cá vượt sóng to), nghĩa là vợ chồng thuận buồm xuôi gió, hoà hợp, phú quý hạnh phúc, con cái thành đạt.

Mậu: ở vào cái thế “Thủy để đầu nguyệt, ngộ lợi giang hà”(trăng soi đáy nước, gặp lợi trên sông), nghĩa là nếu lấy nhau ở xa quê thì mới tốt đẹp. Vợ chồng kinh tế phát triển phong lưu, nhưng nội tình không như ý, có con trai thì hay.

Kỷ: ở vào cái thế “Nhật lạc hoàng hôn, thoái tài tự bại”(mặt trời về chiều, tiền tài hao hụt), nghĩa là vợ chồng không toàn vẹn, nếu cưới nhau hợp mùa, chọn đúng ngày giờ tốt thì mọi việc yên ổn. Khả năng kinh tế thất thường, nếu kìm bớt sự ham muốn thì không gặp khó khăn.

Canh: ở vào cái thế “phi điều ngộ tiên, tái thú sinh nam”(Chim bay bị tên, vợ sau sinh trai), nghĩa là vợ chồng khí lực dồi dào, đời vợ trước có thể không bền, vợ sau có con trai khá hơn cha.

Tân: ở vào cái thế “Phu thê phản mục, nhật lạc Tây sơn”(dọc ngang toả lòng, sinh con khó nuôi), nghĩa là vợ chồng khó hoà thuận, gia đình khó hạnh phúc. nếu tu tâm dưỡng tính, tụng niệm đều đặn hồng danh các vị Bồ tát, các vị Phật như nêu trên thì cũng khá lên phần nào.

Nhâm: ở vào cái thế: “Chiết quế thêm cung, hoàng long xuất hiện”(bẻ quế cung trăng, rồng vàng xuất hiện), nghĩa là trai gái đẹp duyên, môn đăng hộ đối, vợ chồng có danh vọng, sinh con hiền thảo đỗ đạt, rạng rỡ tổ tông.

Quý: ở vào cái thế “Nguyệt trầm hương hải, long khốn vô vũ”(trăng chìm biển sâu, rồng không gặp mưa), nghĩa là lấy nhau lúc đầu phát đạt sau suy giảm dần, nếu gia cảnh thanh đạm không giàu có thì mọi việc đều tốt, con cái bình thường.

Nam tuổi Tuất

Nếu lấy vợ có tuổi sau sẽ tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

Bính Tuất (1946) : nên lấy vợ Tân Mão, Giáp Ngọ.

Mậu Tuất (1958) : nên lấy vợ Quý Mão, Bính Ngọ.

Canh Tuất (1970) : nên lấy vợ ất Mão, Mậu Ngọ.

Nhâm Tuất (1982) : nên lấy vợ Đinh Mão, Canh Ngọ.

Giáp Tuất (1994) : nên lấy vợ Kỷ Mão, Nhâm Ngọ.

12. NGƯỜI SINH NĂM HỢI (1947, 1959, 1971, 1983, 1995)

A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI TUỔI HỢI.

Người sinh năm Hợi ưa tự do, không thích làm những việc bị gò bó. Về bản chất, họ là người trầm lặng, cương nghị, lương thiện, chất phác, rất có trách nhiệm đối với công việc đã nhận. Do vậy, trên thực tế đã không có ít người tuổi Hợi được tín nhiệm và giao những trọng trách lớn.

Người Hợi bình thường không thích tranh đấu, nhưng khi rơi vào tình thế cùng, họ mới đưa ra ý kiến riêng để phản kháng.

Họ là nhóm người trân trọng và có trách nhiệm với bạn bè, không hứng thú lắm với các buổi tiệc tùng náo nhiệt.

Nhược điểm của người Hợi là dễ tin vào lời nói và việc làm của người khác, nhưng không phải là người dễ bị lợi dụng, trong những trường hợp như vậy, họ chọn phương thức sống và làm việc theo cách “hai bên đều có lợi”.

Người Hợi là người quan tâm đến vật chất và họ tìm mọi phương án thực hiện điều này. Tuy vậy, nếu có cơ hội họ cũng tạo điều kiện cho người khác cùng hưởng một quyền lợi nào đó.

Phụ nữ tuổi Hợi là người nhìn chung dịu dàng, mềm mỏng, nhưng lại là người tự tôn, luôn giúp người khi có điều kiện, nhưng không hề cần báo đáp.

Theo tín ngưỡng dân gian, thần bảo hộ của người người Hợi là *Adi dà Phật*. Đức Phật Thích ca ban phúc đức, đức Phật Di lặc ban phúc đức. Do vậy, nếu ai đó hàng ngày niệm hồng danh các vị Phật, Bồ tát trên thì có gặp khó khăn thì cũng vượt qua.

Có thuyết cho rằng, người sinh năm Hợi hay dời nơi cư trú, trung niên dễ phòng vận xấu, đến gần sáu chục phúc vận đến.

B. NHÂN DUYÊN NGƯỜI TUỔI HỢI

Những người tuổi Hợi rất đa tình, nhưng cũng rất quan tâm đến gia đình. Nhưng đã yêu ai thì yêu hết mình.

Nam Hợi giàu tình cảm, nữ Hợi nhanh nhẹn, nhưng rất cẩn thận trong tình yêu, nếu khi chưa rõ tình cảm của đối phương thì không bao giờ bộc lộ tình cảm. Sau đây là nhân duyên của người nam và nữ tuổi Hợi.

Nam tuổi Hợi

* ***Át Hợi (1935, 1995)***: nếu sinh vào tháng 2, 3, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 6, 7, 8, 10 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Đinh Hợi (1947, 2007)***: nếu sinh vào tháng 4, 8, 9 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 5, 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Kỷ Hợi (1959)***: nếu sinh vào tháng 5, 7 và 11 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 4, 6, 8 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 2, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Tân Hợi (1971)***: nếu sinh vào tháng Giêng, 5, 6, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 7, 10, 11 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4 và 8 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Quý Hợi (1983)***: nếu sinh vào tháng 8 và Chạp sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 3, 4, 5, 9 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

Nữ tuổi Hợi:

* ***Át Hợi (1935, 1995)***: nếu sinh vào tháng Giêng, 6, 8 và 10 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 4, 7, 9 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 5 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Đinh Hợi (1947, 2007)***: nếu sinh vào tháng 4, 9 thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 7, 8, 10 và Chạp thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 6, 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Kỷ Hợi (1959)***: nếu sinh vào tháng 3, 7 và Chạp thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 4, 5, 8 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 6, 9, 10 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* ***Tân Hợi (1971)***: nếu sinh vào tháng Giêng thì sẽ có ba lần thay đổi tình duyên trong cuộc đời, nếu sinh vào tháng 2, 5, 6, 9,

10 và 11 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng 3, 4, 7, 8 và Chạp thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

* *Quý Hợi (1983)*: nếu sinh vào tháng 4, 9 và Chạp sẽ có ba lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 2, 5, 8 và 10 thì sẽ có hai lần thay đổi tình duyên, nếu sinh vào tháng Giêng, 3, 6, 7 và 11 thì một lần tình duyên và hạnh phúc trọn đời.

C. HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TUỔI HỢI

Nữ tuổi Hợi

Nếu kết duyên với nam giới năm sinh có hàng Can sau thì hạnh phúc sẽ:

Giáp: ở vào cái thế “Nguyệt quế vọng thiêm, tiền vinh hậu nhục”(đứng bên thềm ngắm trăng, trước tốt đẹp sau không hay), nghĩa là thi cử đỗ đạt, vợ đẹp con khá giả. Lúc đầu sung sướng sau gặp trắc trở.

Ất: ở vào cái thế “Nguyệt trầm hương thải, long khốn hồng vân”(trăng chìm đáy biển, rồng bị vây trong đám mây hồng), nghĩa là nếu an phận thủ thường gian khổ lúc trẻ thì về già mới được yên vui. Đỗ đạt nhất thời trước thành sau suy, con cái có công danh nhưng phải hết sức nỗ lực.

Bính: ở vào cái thế “Oanh yến nan hoà, hữu tử nan dưỡng”(chim oanh chim yến khó hoà, cũng khó nuôi con), nghĩa là nếu trai gái đều mồ côi hay là con một mà cưới nhau thì tốt, nếu còn đủ cả cha mẹ thì người con trai phải có danh vọng. Sinh con có thể khó nuôi, con cái cũng có công danh nhưng phải nỗ lực hết sức.

Đinh: ở vào cái thế “Trúc thuyền ngộ phong, ngư hải vượt lãng”(Thuyền nan gặp gió, cá vượt sóng to), nghĩa là vợ chồng gặp nhau như thuyền nhẹ thuận buồm xuôi gió, lấy nhau hoà hợp, phú quý, con cái thành đạt.

Mậu: ở vào cái thế “Thủy đề đầu nguyệt, ngộ lợi giang hà”(Trăng soi đáy nước, gặp lợi trên sông nước), nghĩa là vợ chồng lấy nhau ở xa quê hoặc xa quê lập nghiệp mới tốt đẹp, sẽ đầy đủ phong lưu, nhưng nội tình cũng có không như ý. Nếu sinh trai thì có lợi.

Kỷ: ở vào cái thế “Thần tiên giáng hạ, nhật lạc tây thiên”(thần tiên xuống trần, trời chiều nắng tắt), nghĩa là vợ chồng hoà hợp kính nể nhau, trai gái thông minh đỗ đạt, thành đạt.

Canh: ở vào cái thế “Phi điều ngũ tiền, tái thú sinh nam”(chim bay bị tên, vợ sau sinh trai), nghĩa là vợ chồng phát đạt, có thể vợ sau có thêm con trai, con cái khá hơn cha mẹ.

Tân: ở vào cái thế “Phu thê phản mục, nhật lạc tây sơn”(vợ chồng xung khắc, mặt trời xế non tây), nghĩa là vợ chồng khó hoà hợp, khó giáo dục con cái.

Nhâm: ở vào cái thế “Chiết quốc thiên cung, hoàng long xuất hiện”(bẻ quốc cung trăng, hoàng long xuất hiện), nghĩa là trai gái đẹp duyên, môn đăng hộ đối, vợ chồng danh vọng, sinh trai quý tử, con cái đỗ đạt.

Quý: ở vào cái thế “Nguyệt trầm thương hải, long khốn vô vũ”(trăng chìm biển sâu, rồng khốn vì không mưa), nghĩa là lấy nhau ban đầu phát đạt, sau bị suy, nếu kinh tế không phát triển, gia cảnh thanh bần thì mọi việc an ổn, con cái khó đỗ đạt.

Nam giới tuổi Hợi

Nếu lấy vợ có tuổi sau sẽ tương sinh tương hợp, hạnh phúc dài lâu:

Đinh Hợi (1947): nên lấy vợ Mậu Tý.

Kỷ Hợi (1959): nên lấy vợ Giáp Dần.

Tân Hợi (1971): nên lấy vợ Bính Dần.

Quý Hợi (1983): nên lấy vợ Mậu Dần.

Ất Hợi (1995): nên lấy vợ Mậu Dần, Canh Dần.

13. NHỮNG TUỔI SAU NGƯỜI XƯA TRÁNH CƯỚI GẢ VỚI NHAU

Người xưa lấy chữ “an toàn” mà chọn tuổi để cưới gả, để tránh điều không hay trong tương lai cho đôi vợ chồng trẻ. Từ đây, người xưa đưa 6 cặp tuổi sau không nên kết hôn với nhau, vì sao thì chúng tôi chưa tìm thấy được sự giải thích hợp lý, nhưng có điều trong thực tế rất nhiều đôi kết hôn có các tuổi như vậy mà vẫn sống hạnh phúc, phải chăng “Đức năng thắng số” sống nhân đức, thường xuyên tu tâm dưỡng tính, nên dù tuổi kết hôn của đôi lứa tuy chưa hợp nhưng vẫn hạnh phúc, sinh con đẻ huê, làm ăn tấn tới.

Tuổi Dần và tuổi Tỵ Tuổi Mão và tuổi Tý.

Tuổi Thìn và tuổi Mùi Tuổi Ngọ và tuổi Dậu.

Tuổi Thân và tuổi Hợi Tuổi Tuất và tuổi Sửu.

IV. PHONG TỤC CHỌN NĂM VÀ THÁNG ĐẠI LỢI CHO HÔN NHÂN

1. Những năm nam giới kỵ cưới vợ

Nhìn chung người ta chỉ kiêng năm gả chồng đối với nữ giới, như tránh vào những năm Kim lâu, nhưng cũng có sách xưa, năm kỵ cho

cưới gả cũng khuyên cho nam giới. Như những năm sau đây, nam giới không nên cưới vợ:

Tuổi Tý (như: Mậu Tý 1948, Canh Tý 1960, Nhâm Tý 1972, Giáp Tý 1984, Bính Tý 1996,...) kỵ cưới vợ vào những năm Mùi (như: 1955, 1967, 1979, 1991, 2015...).

Tuổi Sửu (như: Kỷ Sửu 1949, Tân Sửu 1961, Quý Sửu 1973, Ất Sửu 1985, Đinh Sửu 1997...) kỵ cưới vợ vào những năm Thân (như: 1956, 1968, 1980, 1992, 2004, 2016...).

Tuổi Dần (như: Canh Dần 1950, Nhâm Dần 1962, Bính Dần 1976, Mậu Dần 1998,...) kỵ cưới gả vào các năm Dậu (như: 1957, 1969, 1981, 1993, 2005...).

Tuổi Mão (như: Tân Mão 1951, Quý Mão 1963, Ất Mão 1975, Đinh Mão 1987, Kỷ Mão 1999...) kỵ cưới vợ vào các năm Tuất (như: 1958, 1970, 1982, 1994, 2006...).

Tuổi Thìn (như : Nhâm Thìn 1952, Giáp Thìn 1964, Bính Thìn 1976, Canh Thìn 2000...) kỵ cưới vợ vào các năm Hợi (như 1959, 1971, 1983, 1995, 2007...).

Tuổi Tỵ (như: Quý Tỵ 1953, Ất Tỵ 1965, Đinh Tỵ 1977, Kỷ Tỵ 1989, Tân Tỵ 2001...) kỵ cưới vợ vào các năm Tý (như: 1960, 1972, 1984, 1996, 2008...).

Tuổi Ngọ (như Giáp Ngọ 1954, Bính Ngọ 1966, Mậu Ngọ 1978, Canh Ngọ 1990, Nhâm Ngọ 2002...) kỵ cưới vợ vào các năm Sửu (như năm 1961, 1973, 1985, 1997, 2009...).

Tuổi Mùi (như Ất Mùi 1955, Đinh Mùi 1967, Kỷ Mùi 1979, Tân Mùi 1991, Quý Mùi 2003...) kỵ cưới vợ vào các năm Dần (như các năm 1962, 1974, 1986, 1998, 2010...).

Tuổi Thân (như Bính Thân 1956, Mậu Thân 1968, Canh Thân 1980, Nhâm Thân 1992,...) kỵ cưới vợ vào các năm Mão (như 1963, 1975, 1987, 1999, 2001...).

Tuổi Dậu (như Đinh Dậu 1957, Kỷ Dậu 1969, Tân Dậu 1981, Quý Dậu 1993, Ất Dậu 2005...) kỵ cưới vợ vào các năm Thìn (như 1956, 1964, 1976, 1988, 2000, 2012...).

Tuổi Tuất (như Mậu Tuất 1958, Canh Tuất 1970, Nhâm Tuất 1982, Giáp Tuất 1994...) kỵ cưới vợ vào các năm Tỵ (như 1965, 1977, 1989, 2001, 2013...).

Tuổi Hợi (như Kỷ Hợi 1959, Tân Hợi 1971, Quý Hợi 1983, Ất Hợi 1995, Đinh Hợi 2007...) kỵ cưới vợ vào các năm Ngọ (như 1966, 1978, 1990, 2002, 2014...).

2. Những năm nữ giới kỵ cưới chồng

Thường thì dân gian tránh cưới gả đối với nữ giới vào những năm Kim lâu, nhưng có sách xưa lại đưa ra những năm kỵ cưới gả cho họ là:

Tuổi Tý (như Canh Tý 1960, Nhâm Tý 1972, Giáp Tý 1984, Bính Tý 1996, Mậu Tý 2008...) kỵ cưới gả vào các năm Mão (như các năm 1975, 1987, 1999, 2011...).

Tuổi Sửu (như Tân Sửu 1961, Quý Sửu 1973, Ất Sửu 1985, Đinh Sửu 1997, Kỷ Sửu 2009...) kỵ cưới gả vào các năm Dần (như các năm: 1962, 1974, 1986, 1998, 2010, 2022...).

Tuổi Dần (như Nhâm Dần 1962, Giáp Dần 1974, Bính Dần 1986, Mậu Dần 1998, Canh Dần 2010...) kỵ cưới gả vào các năm Sửu (như 1985, 1998, 2010, 2022...).

Tuổi Mão (như Quý Mão 1963, Ất Mão 1975, Đinh Mão 1987, Kỷ Mão 1999, Tân Mão 2011, Quý Mão 2023...) kỵ cưới gả vào các năm Tý (như năm 1984, 1996, 2008, 2020...).

Tuổi Thìn (như Giáp Thìn 1964, Bính Thìn 1976, Mậu Thìn 1988, Canh Thìn 2000, Nhâm Thìn 2012...) kỵ cưới gả vào các năm Hợi (như 1983, 1995, 2007, 2019...).

Tuổi Tỵ (như Ất Tỵ 1965, Đinh Tỵ 1977, Kỷ Tỵ 1989, Tân Tỵ 2001, Quý Tỵ 2013...) kỵ cưới gả vào các năm Tuất (như 1982, 1995, 2006, 2018...).

Tuổi Ngọ (như Bính Ngọ 1966, Mậu Ngọ 1978, Canh Ngọ 1990, Nhâm Ngọ 2002, Giáp Ngọ 2014) kỵ cưới gả vào các năm Dậu (như 1981, 1993, 2005, 2017...).

Tuổi Mùi (như Đinh Mùi 1967, Kỷ Mùi 1979, Tân Mùi 1991, Quý Mùi 2003, Ất Mùi 2015...) kỵ cưới gả vào các năm Thân (như 1980, 1992, 2004, 2016...).

Tuổi Thân (như Mậu Thân 1968, Canh Thân 1980, Nhâm Thân 1992, Giáp Thân 2004, Bính Thân 2016...) kỵ cưới gả vào các năm Mùi (như năm 1979, 1991, 2003, 2015...).

Tuổi Dậu (như Kỷ Dậu 1969, Tân Dậu 1981, Quý Dậu 1993, Ất Dậu 2005...) kỵ cưới gả vào các năm Ngọ (như năm 1978, 1990, 2002, 2014...).

Tuổi Tuất (như Canh Tuất 1970, Nhâm Tuất 1982, Giáp Tuất 1994, Bính Tuất 2006...) kỵ cưới gả vào các năm Tỵ (như năm 1977, 1989, 2001, 2013, 2015...).

Tuổi Hợi (như Tân Hợi 1971, Quý Hợi 1983, Ất Hợi 1995, Đinh Hợi 2007...) kỵ cưới gả vào các năm Thìn (như năm 1976, 1988, 2000, 2012...).

Nam giới	Năm ky lấy vợ	Nữ giới	Năm ky lấy chồng
Tý	Mùi	Tý	Mão
Sửu	Thân	Sửu	Dần
Dần	Dậu	Dần	Sửu
Mão	Tuất	Mão	Tý
Thìn	Hợi	Thìn	Hợi
Ty	Tý	Ty	Tuất
Ngọ	Sửu	Ngọ	Dậu
Mùi	Dần	Mùi	Thân
Thân	Mão	Thân	Mùi
Dậu	Thìn	Dậu	Ngọ
Tuất	Ty	Tuất	Tý
Hợi	Ngọ	Hợi	Thìn

3. Những năm Kim lâu nữ giới không nên cưới gả

Thường dân gian từ xưa tới nay không tổ chức cưới gả cho con gái vào những năm Kim lâu. Họ cho rằng, cưới gả vào những năm Kim lâu sẽ có nhiều trục trặc cho đôi vợ chồng, như:

- Sinh con một bề, thường sinh con gái.
- Vợ chồng hay bất hoà một cách vu vơ, nhưng lại ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng.
- Vợ chồng hay phải xa nhau, kẻ nam người bắc.

Để cho đôi vợ chồng sống vẹn toàn, người xưa tránh cưới gả cô gái vào năm Kim lâu. Cách tính năm Kim lâu đối với nữ giới như sau:

Lấy số tuổi đến ngày dự định cưới gả theo âm lịch (dân gian thường gọi là tuổi ta) chia cho 9, nếu chia hết hoặc dư 2, 4, 5, 7, 9 thì không phạm Kim lâu. Còn nếu kết quả phép chia còn dư: 1, 3, 6, 8 là năm Kim lâu.

Ví dụ: cô gái sinh năm 1981, đến năm 2002 dự định làm đám cưới, ta tính như sau:

Từ 1981 đến 2002 là: $2002 - 1981 = 21$ tuổi đương, vậy tuổi ta là: $21 + 1 = 22$.

Lấy 22: $9 = 2$ dư 4. Vậy theo người xưa năm 2002 cưới gả được, không Kim lâu. Nhưng nếu để năm 2003 mới cưới thì sao? Ta lấy 23 tuổi ta cô gái năm này, chia cho 9 được 2 dư 5, vậy năm này cũng không Kim lâu, cưới gả tốt.

Nếu đến năm 2004 mới cưới gả thì: 24 tuổi: $9 = 2$ dư 6, vậy năm này phạm Kim lâu, không nên tổ chức đám cưới.

Theo cách tính trên của người xưa, nhưng cô gái có tuổi âm (tuổi ta = tuổi theo lịch dương + 1 tuổi) như sau sẽ không phạm năm Kim lâu nếu làm đám cưới:

18 tuổi, 20 tuổi, 23 tuổi, 25 tuổi, 27 tuổi, 29 tuổi, 31 tuổi, 32 tuổi, 34 tuổi, 36 tuổi, 38 tuổi, 41 tuổi...

Để tiện theo dõi năm Kim lâu của từng tuổi, xin xem bảng sau (các tuổi tính theo tuổi lịch Âm).

Bảng tính năm Kim lâu cho tuổi sinh năm 1970 -1995 (ô tô đen có chữ KL):

Năm sinh	2000 Thìn	2001 Tỵ	2002 Ngọ	2003 Mùi	2004 Thân	2005 Dậu	2006 Tuất	2007 Hợi	2008 Tý	2009 Sửu	2010 Dần	2011 Mão
1970	31	32	33KL	34	35KL	36	37KL	38	39KL	40	41	42KL
1971	30KL	31	32	33KL	34	35KL	36	37KL	38	39KL	40	41
1972	29	30KL	31	32	33KL	34	35KL	36	37KL	38	39KL	40
1973	28KL	29	30KL	31	32	33KL	34	35KL	36	37KL	38	39KL
1974	27	28KL	29	30KL	31	32	33KL	34	35KL	36	37KL	38
1975	26KL	27	28KL	29	30KL	31	32	33KL	34	35KL	36	37KL
1976	25	26KL	27	28KL	29	30KL	31	32	33KL	34	35KL	36
1977	24KL	25	26KL	27	28KL	29	30KL	31	32	33KL	34	35KL
1978	23	24KL	25	26KL	27	28KL	29	30KL	31	32	33KL	34
1979	22	23	24KL	25	26KL	27	28KL	29	30KL	31	32	33KL
1980	21KL	22	23	24KL	25	26KL	27	28KL	29	30KL	31	32
1981	20	21KL	22	23	24KL	25	26KL	27	28KL	29	30KL	31
1982	19KL	20	21KL	22	23	24KL	25	26KL	27	28KL	29	30KL
1982	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
1984	17KL	18	19KL	20	21KL	22	23	24KL	25	26KL	27	28KL
1985	16	17KL	18	19KL	20	21KL	22	23	24KL	25	26KL	27
1986	15	16	17KL	18	19KL	20	21KL	22	23	24KL	25	26KL
1987	14	15	16	17KL	18	19KL	20	21KL	22	23	24KL	25
1988	13	14	15	16	17KL	18	19KL	20	21KL	22	23	24KL
1989	12	13	14	15	16	17KL	18	19KL	20	21KL	22	23
1990	11	12	13	14	15	16	17KL	18	19KL	20	21KL	22
1991	10	11	12	13	14	15	16	17KL	18	19KL	20	21KL
1992	9	10	11	12	13	14	15	16	17KL	18	19KL	20
1993	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17KL	18	19KL
1994	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17KL	18
1995	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17KL

Nhìn vào bảng trên, cô gái sinh năm 1985 nếu tránh Kim lâu chỉ cưới được vào năm 2007, 2009, 2011; cô gái sinh năm 1986 cưới được vào năm 2007, 2008, 2010...

Lưu ý: cách tính tuổi Kim lâu cho cưới gả đối với phụ nữ không giống cách tính năm Kim lâu cho nam giới khi làm nhà, hai cách tính này hoàn toàn khác nhau.

Một điều mà các cô gái cần biết, *khi tuổi đã cao (như ngoài 30 tuổi), thì khi cưới gả không cần phải kỵ năm Kim lâu, chỉ cần chọn tháng đại lợi cho cưới gả và ngày tốt giờ tốt để tổ chức đám cưới thì mọi việc đều qua.*

4. Những tháng âm lịch đại lợi cho cưới gả đối với nữ giới

Người xưa khi gả chồng cho con gái, đều đi xem tháng đại lợi (rất tốt) cho cưới gả. Cho rằng, làm như vậy đôi vợ chồng trẻ sau này hạnh phúc, làm ăn tấn tới, sinh con khỏe ngoan ngoãn, mọi bề tốt đẹp. Theo người xưa, cách tính đó như sau:

Tuổi Tý và tuổi Ngọ

Nếu cô gái tuổi Tý (sinh năm 1960, 1972, 1984, 1996, 2008...) Ngọ (sinh năm 1966, 1978, 1990, 2002...) thì cưới vào tháng 6 và tháng Chạp (12) âm lịch sẽ đại lợi. Còn nếu cưới vào tháng 2, tháng 8 sẽ kỵ với cha mẹ chồng (không hoà thuận), tháng 3 và tháng 9 kỵ cha mẹ mình, tháng 4 và tháng 10 kỵ cho chú rể, tháng 5 và tháng 11 kỵ cho cô dâu.

Tuổi Sửu và tuổi Mùi

Nếu cô gái tuổi Sửu (sinh năm 1960, 1973, 1985, 1997, 2009...) Mùi (sinh năm 1967, 1979, 1991, 2003) thì cưới vào tháng 5 và tháng 11 âm lịch là đại lợi, nếu cưới vào tháng 3 tháng 9 thì kỵ vào cha mẹ chồng, vào tháng 2 và tháng 8 kỵ cha mẹ mình, tháng Giêng và tháng 7 kỵ chú rể, tháng 6 và tháng Chạp kỵ cô dâu.

Tuổi Dần và tuổi Thân

Nếu cô dâu tuổi Dần (sinh năm 1962, 1974, 1986, 1998, 2010...) Thân (sinh năm 1968, 1980, 1986, 1992) thì cưới vào tháng 2 tháng 8 rất đại lợi, nếu cưới vào tháng 4 tháng 10 kỵ cha mẹ chồng, vào tháng 5 tháng 11 kỵ cha mẹ mình, vào tháng 6 tháng Chạp kỵ chú rể, vào tháng Giêng tháng 7 kỵ cô dâu.

Tuổi Mão và tuổi Dậu

Nếu cô gái tuổi Mão (sinh năm 1963, 1975, 1987, 1999, 2011...) Dậu (sinh năm 1969, 1981, 1993, 2005...) thì cưới vào tháng Giêng

tháng 7 rất đại lợi, nếu cưới vào tháng 5 tháng 11 kỵ cha mẹ chồng, vào tháng 4 tháng 10 kỵ cha mẹ mình, vào tháng 3 tháng 9 kỵ chú rể, vào tháng 2 tháng 8 kỵ cô dâu.

Tuổi Thìn và Tuất

Nếu cô gái tuổi Thìn (sinh năm 1964, 1976, 1988, 2000, 2012) Tuất (sinh năm 1994, 1982, 1970, 1958) thì cưới vào tháng 4 tháng 10 là đại lợi, vào tháng 6 tháng Chạp kỵ cha mẹ chồng, vào tháng Giêng tháng 7 kỵ cha mẹ mình vào tháng 2 tháng 8 kỵ chú rể, tháng 3 tháng 9 kỵ cô dâu.

Tuổi Tỵ và Hợi

Nếu cô gái tuổi Tỵ (sinh năm 1965, 1977, 1989, 2001, 2013..) Hợi (sinh năm 1971, 1983, 1995, 2007, 2019..) thì cưới vào tháng 3 tháng 9 đại lợi, vào tháng Giêng tháng 7 kỵ cha mẹ chồng, vào tháng 6 tháng Chạp kỵ cha mẹ mình, vào tháng 5 tháng 11 kỵ chú rể, vào tháng 4 tháng 10 kỵ cô dâu.

Như vậy, mỗi tuổi của mỗi cô gái có hai tháng trong năm là đại lợi cho cưới gả. Biết được điều này, các bậc cha mẹ và cô dâu tương lai có thể lên kế hoạch tổ chức đám cưới sao cho vẹn toàn.

Bảng tháng đại lợi cho cưới gả của các cô gái:

NĂM SINH THEO 12 CON GIÁP	THÁNG ĐẠI LỢI CHO CƯỚI GẢ
Tý (1972, 1984), Ngọ (1966, 1978, 1990)	Tháng 6 và Chạp
Sửu (1973, 1985), Mùi (1979, 1991)	Tháng 5 và Một
Dần (1974, 1986), Thân (1968, 1980)	Tháng 2 và 8
Mão (1975, 1987), Dậu (1969, 1981, 1993)	Tháng Giêng và 7
Thìn (1976, 1988), Tuất (1982, 1994)	Tháng 4 và 10
Tỵ (1977, 1989), Hợi (1971, 1983, 1995)	Tháng 3 và 9

V. CHỌN GIỜ TỐT CHO ĂN HỜI CƯỚI GẢ

Dân gian xưa đều chọn ngày chọn giờ cho đính hôn, ăn hỏi, cưới gả, mặc dù ngày cưới đã chọn là ngày tốt. Phương pháp chọn giờ của người xưa rất đa dạng. Có người chọn giờ Hoàng đạo, có người chọn giờ theo 10 thời thần cổ gặp nhiều cát, ít hung. Sau đây xin giới thiệu hai cách chọn giờ cát.

1. Chọn giờ theo giờ Hoàng đạo

Theo thuật trạch cát, mỗi ngày có 6 giờ Hoàng đạo và 6 giờ không Hoàng đạo. Các giờ Hoàng đạo của các ngày như sau:

1. Ngày Tý và ngày Ngọ: giờ Thân (giờ Thanh long), Dậu (giờ Minh đường), Tý (Kim quỳ), Sửu (giờ Thiên đức), Mão (giờ Ngọc đường), Ngọ (giờ Tư mệnh).

2. Ngày Sửu và ngày Mùi: giờ Tuất (giờ Thanh long), giờ Hợi (giờ Minh đường), giờ Dần (giờ Kim quỳ), giờ Mão (giờ Thiên đức), giờ Tỵ (giờ Ngọc đường), giờ Thân (giờ Tư mệnh).

3. Ngày Dần và ngày Thân: giờ Tý (giờ Thanh long), giờ Sửu (giờ Minh đường), giờ Thìn (giờ Kim quỳ), giờ Tỵ (giờ Thiên đức), giờ Mùi (giờ Ngọc đường), giờ Tuất (giờ Tư mệnh).

4. Ngày Mão và ngày Dậu: giờ Dần (giờ Thanh long), giờ Mão (giờ Minh đường), giờ Ngọ (giờ Kim quỳ), giờ Mùi (giờ Thiên đức), giờ Dậu (giờ Ngọc đường), giờ Tý (giờ Tư mệnh).

5. Ngày Thìn và ngày Tuất: giờ Thìn (giờ Thanh long), giờ Tỵ (giờ Minh đường), giờ Thân (giờ Kim quỳ), giờ Dậu (giờ Thiên đức), giờ Hợi (giờ Ngọc đường), giờ Dần (giờ Tư mệnh).

6. Ngày Tỵ và ngày Hợi: giờ Ngọ (giờ Thanh long), giờ Mùi (giờ Minh đường), giờ Tuất (giờ Kim quỳ), giờ Hợi (giờ Thiên đức), giờ Sửu (giờ Ngọc đường), giờ Thìn (giờ Tư mệnh).

Để có cách nhìn nhanh về giờ Hoàng đạo, có thể xem qua bảng sau:

Giờ Hoàng đạo Ngày tính	Đạo TL	Viễn MĐ	Thông KQ	Đạt TĐ	Giao NĐ	Hoàn TM
Tý Ngọ	Thân	Dậu	Tý	Sửu	Mão	Ngọ
Sửu Mùi	Tuất	Hợi	Dần	Mão	Tỵ	Thân
Dần Thân	Tý	Sửu	Thìn	Tỵ	Mùi	Tuất
Mão Dậu	Dần	Mão	Ngọ	Mùi	Dậu	Tý
Thìn Tuất	Thìn	Tỵ	Thân	Dậu	Hợi	Dần
Tỵ Hợi	Ngọ	Mùi	Tuất	Hợi	Sửu	Thìn

Ý nghĩa của các giờ Hoàng đạo như sau:

Nhìn chung mọi việc tiến hành vào giờ Hoàng đạo đều tốt, nhưng mỗi giờ có những điểm tốt riêng cho từng việc, như:

* Giờ Hoàng Đạo Đạo (TL=Thanh long): tốt cho cầu tài, cưới gả.

* Giờ Hoàng Đạo Viễn (MĐ= Minh đường): tốt cho việc đất đai, nhà ở, thăm cha mẹ.

* Giờ Hoàng đạo Thông (KQ=Kim quỳ): tốt cho việc giao tiếp, quan hệ, đối ngoại.

* Giờ Hoàng đạo Đat (TĐ=Thiên đức): tốt cho việc quan lộc, phong thưởng.

* Giờ Hoàng đạo Giao (NĐ=Ngọc đường): tốt cho việc công danh, tài năng.

* Giờ Hoàng đạo Hoàn (TM=Tư mệnh): tốt cho việc phúc đức, con cháu.

2. Ý nghĩa và cách dùng giờ hoàng đạo như sau:

* *Giờ Thanh long Hoàng đạo*: là giờ có sao Thái âm và sao Thiên quý, nên có lợi cho việc tiến tới làm một việc gì đó, làm việc gì cũng thành, nên rất lợi cho hôn nhân, cưới gả.

* *Giờ Minh đường Hoàng đạo*: có sao quý nhân, sao Minh phụng, có lợi cho việc gặp các đại nhân, cho việc tiến tới, làm việc gì cũng thành, nên đây cũng là giờ tốt cho cưới gả.

* *Giờ Kim quỹ Hoàng đạo*: có sao Phúc đức, sao Nguyệt tiên nên rất tốt cho hôn nhân cưới gả. Không tốt cho việc quân.

* *Giờ Thiên đức hoàng đạo*: có sao Bảo quang, sao Thiên đức, nên rất hanh thông, làm việc thành công, có lợi cho việc tiến tới, xuất hành tốt, nên cũng lợi cho hôn nhân cưới gả.

* *Giờ Ngọc đường Hoàng đạo*: có sao Thiếu vi, sao Thiên khai, trăm sự tốt, cần gì được nấy, xuất hành được của, thích hợp cho việc học hành viết lách, có lợi cho việc gặp đại nhân, lợi cho việc an táng, không lợi cho việc bùn đất, bếp núc, cũng lợi cho việc cưới gả.

* *Giờ Tư mệnh Hoàng đạo*: có sao Phụng liêu, Sao Nguyệt tiên, nhưng chỉ có từ giờ Dần (3h - 5h) đến giờ Thân (từ 13h - 15h) dùng mới tốt. Nếu dùng trong khoảng thời gian này thì mọi việc đại cát, dùng tốt cho hôn nhân và cưới gả (nếu giờ hoàng đạo Tư mệnh vào các giờ Tuất, Tý thì không nên dùng, bất lợi).

3. Phương pháp chọn giờ cát cho cưới gả theo Thời thần

Đây là phương pháp chọn giờ theo Hoàng lịch, một loại lịch xuất hiện từ các thời phong kiến Trung Hoa cổ đại. Theo cách tìm giờ cát này, không phải ngày nào cũng có 6 giờ hoàng đạo, có ngày chỉ có 1 giờ tốt, có ngày có 2 hoặc 3 giờ tốt. Để tìm nhanh giờ tốt cho từng ngày, có thể xem qua bảng sau:

Ngày	Giờ tốt	Ngày	Giờ tốt	Ngày	Giờ tốt
Giáp Tý	Tý, Sửu	Giáp Thân	Sửu, Thìn, Tỵ	Giáp Thìn	Tý, Hợi
Ất Sửu	Dần, Mão, Thân	Ất Dậu	Tý, Dần	Ất Tỵ	Sửu, Thìn, Tuất
Bính Dần	Tý, Sửu, Mùi	Bính Tuất	Dần, Thân, Hợi	Bính Ngọ	Thân, Dậu
Đinh Mão	Ngọ, Mùi	Đinh Hợi	Sửu, Thìn, Ngọ	Đinh Mùi	Tý, Thân, Hợi
Mậu Thìn	Tý, Thân, Dậu	Mậu Tý	Thân, Dậu	Mậu Thân	Thìn, Tỵ, Mùi
Kỷ Tỵ	Thìn, Ngọ, Mùi	Kỷ Sửu	Dần, Mão, Tỵ	Kỷ Dậu	Tý, Ngọ, Mùi
Canh Ngọ	Mão, Thân, Dậu	Canh Dần	Sửu, Thìn	Canh Tuất	Tý, Thân, Hợi
Tân Mùi	Dần, Mão, Thân	Tân Mão	Dần, Mão	Tân Hợi	Sửu, Ngọ, Mùi
Nhâm Thân	Sửu, Thìn, Tỵ	Nhâm Thìn	Tý, Dậu, Hợi	Nhâm Tý	Tý, Sửu, Sửu
Quý Dậu	Dần, Ngọ	Quý Tỵ	Thìn	Quý Sửu	Tý, Thân
Giáp Tuất	Dần, Tỵ, Hợi	Giáp Ngọ	Mão	Giáp Dần	Thìn, Mùi, Tuất
Ất Hợi	Sửu, Thìn, Tuất	Ất Mùi	Dần, Mão, Thân	Ất Mão	Dần, Mão
Bính Tý	Tý, Sửu	Bính Thân	Tý, Sửu, Mùi	Bính Thìn	Dần, Thân, Hợi
Đinh Sửu	Tý, Hợi	Đinh Dậu	Tý, Ngọ, Mùi	Đinh Tỵ	Thìn, Ngọ, Mùi
Mậu Dần	Thìn, Mùi	Mậu Tuất	Thân	Mậu Ngọ	Mão, Thân, Dậu
Kỷ Mão	Dần, Mão, Ngọ	Kỷ Hợi	Ngọ, Mùi, Tuất	Kỷ Mùi	Dần, Mão, Tỵ
Canh Thìn	Dần, Tỵ, Hợi	Canh Tý	Sửu, Thân, Dậu	Canh Thân	Thân, Tỵ
Tân, Tỵ	Sửu, Ngọ, Mùi	Tân Sửu	Dần, Mão, Thân	Tân Dậu	Dần, Ngọ, Mùi
Nhâm Ngọ		Nhâm Dần	Tý, Sửu, Mùi	Nhâm Tuất	Tý, Hợi
Quý Mùi	Dần, Mão, Tỵ	Quý Mão	Dần, Mão, Ngọ	Quý Hợi	Thìn, Ngọ

Như vậy, theo cách tính này, có ngày không có giờ tốt nào, như ngày Nhâm ngọ.

4. Những giờ xấu đặc biệt cần tránh

a. Giờ sát chủ cần tránh

Đây là một loại giờ mà dân gian rất kỵ cho đính hôn, ăn hỏi, cưới gả và cho các việc trọng đại khác như khởi công, động thổ, tu tạo, đổ mái, khai trương... Trong mỗi tháng có một số giờ sát chủ, cách tính như sau:

- Tháng Giêng tháng Bảy: giờ Dần là giờ sát chủ.
- Tháng Hai tháng Tám : giờ Tỵ là giờ sát chủ.
- Tháng Ba tháng Chín: giờ Thân là giờ sát chủ.
- Tháng Tư tháng Mười: giờ Thìn là giờ sát chủ.

- Tháng Năm tháng Một (11): giờ Dậu là giờ sát chủ.
- Tháng Sáu tháng Chạp (12): giờ Mão là giờ sát chủ.

b. Giờ Thọ tử cần tránh

Trong dân gian, khi cưới gả, làm nhà, xuất hành... đều hết sức tránh giờ Thọ tử. Giờ thọ tử xuất hiện theo chi ngày, cách tính như sau:

- Ngày Tý: giờ Sửu là giờ Thọ tử.
- Ngày Sửu: giờ Ngọ là giờ Thọ tử.
- Ngày Dần, Thân, Mão, Dậu: giờ Mão là giờ Thọ tử.
- Ngày Tỵ, Hợi: giờ Mão, giờ Ngọ là giờ Thọ tử.
- Ngày Ngọ: giờ Mùi là giờ Thọ tử.
- Ngày Mùi: giờ Ngọ là giờ Thọ tử.
- Ngày Thìn, Tuất: giờ Tỵ là giờ Thọ tử.

5. Những ngày xấu cần tránh

Dân gian còn tránh những ngày xấu cho cưới gả, đặc biệt có 3 ngày: ngày Vãng vong, ngày Sát chủ và ngày Thọ tử. Trong một số cuốn lịch, như Âm Dương đôi lịch..., người ta ghi những sao xấu như Vãng vong, Sát chủ, Thọ tử vào từng ngày. Song cũng có cách tính ngày Sát chủ, Thọ tử, Vãng vong, như:

a. Ngày Vãng vong cần tránh, cách tính theo bảng sau

Tháng	Ngày Vãng vong	Tháng	Ngày Vãng vong
Tháng Giêng	Kỵ ngày Dần	Tháng Bảy	Kỵ ngày Dậu
Tháng Hai	Kỵ ngày Tỵ	Tháng Tám	Kỵ ngày Tý
Tháng Ba	Kỵ ngày Thân	Tháng Chín	Kỵ ngày Thìn
Tháng Tư	Kỵ ngày Hợi	Tháng Mười	Kỵ ngày Mùi
Tháng Năm	Kỵ ngày Mão	Tháng Một	Kỵ ngày Tuất
Tháng Sáu	Kỵ ngày Ngọ	Tháng Chạp	Kỵ ngày Sửu

Như vậy, mỗi tháng có một ngày Vãng vong không dùng cho cưới gả, như tháng Giêng là ngày Dần, tháng hai là ngày Tỵ,...tháng Một ngày Tuất.

b. Ngày Sát chủ cần tránh, cách tính qua bảng sau

Tháng	Ngày Sát chủ	Tháng	Ngày Sát chủ
Giêng	Tỵ	Bảy	Sửu
Hai	Tý	Tám	Hợi
Ba	Mùi	Chín	Ngọ
Tư	Mão	Mười	Dậu
Năm	Thân	Một	Dần
Sáu	Tuất	Chạp	Thìn

Như vậy, mỗi tháng Âm lịch có một ngày Sát chủ, như tháng Giêng có ngày Tý là Sát chủ, tháng Hai là ngày tỵ,...tháng Một là ngày Dần...

c. Ngày Thọ tử cần tránh, cách tính qua bảng sau

Tháng	Ngày Thọ tử	Tháng	Ngày Thọ tử
Giêng	Bính Tuất	Bảy	Ất Sửu
Hai	Nhâm Thìn	Tám	Quý Mùi
Ba	Tân Hợi	Chín	Giáp Dần
Tư	Đinh Tỵ	Mười	Mậu Thân
Năm	Mậu Tý	Một	Tân Mão
Sáu	Bính Ngọ	Chạp	Tân Dậu

Qua bảng trên cho thấy, mỗi tháng có một ngày Thọ tử kỵ cho mọi việc, đặc biệt cho cưới gả. Như tháng Giêng ngày Bính Tuất là ngày Thọ tử, tháng Hai ngày Nhâm Thìn..., tháng Chạp ngày Tân Dậu.

**VI. VỚI NHỮNG AI MUỘN VỢ MUỘN CHỒNG
VÀ CHƯA HẠNH PHÚC**

Trong xã hội xưa, những chàng trai, cô gái vì một lý do nào đó muộn chồng muộn vợ, hay sau khi kết hôn nhưng sống không hạnh phúc, cổ nhân khuyên hãy tụng chú và kinh Phật. Nghe nói nếu thành tâm, thường xuyên tụng chú và đọc kinh Phật thì sẽ lấy được vợ, được chồng, nếu kết hôn có vấn đề không như ý thì cuộc sống cũng có tốt đẹp lên.

Những bài chú và kinh Phật ngày nay được xuất bản xuất hiện trên thị trường sách rất nhiều, các chàng trai, cô gái hay những người vợ, người chồng nên có trong tay một cuốn. Nhưng tiện lợi nhất để tụng đọc là cuốn *Nghi thức tụng niệm chú Lăng Nghiêm và Thập chú* (Nhà xuất bản Tôn Giáo, hoặc Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh). Cuốn sách này nhỏ nhắn như quyển lịch túi, nhưng trong đó có nhiều bài chú rất nên tụng đọc thường xuyên

Có hai bài chú nên thường xuyên tụng đọc là: Chú Đại Bi và chú Dược Sư quán đỉnh chân ngôn. Chú Đại Bi là chú của Đức Quán Thế âm Bồ tát, nghe nói nếu ai đó tâm thành không động thường xuyên tụng đọc hàng ngày hàng đêm có thể tiêu giải được tất cả mọi tai ương nghiệp chướng, làm mọi việc hanh thông. Còn chú Dược Sư quán đỉnh chân ngôn là chú của Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang, nếu ai chuyên tâm chú này có thể

giải được bệnh hiểm nghèo; những người con gái không được đẹp, hàng ngày chuyên tâm chú này sẽ khởi sắc có duyên mà sẽ có mối lương duyên đẹp.

Thời gian tụng chú vào bất cứ lúc nào cũng được, nhưng tốt nhất vào chiều tối, khoảng từ 9h-11h đêm. Những bài chú có ngôn ngữ đặc biệt, không có nghĩa thông thường, lúc đầu phải cầm sách mà đọc. Nhưng có một điều kỳ lạ, học thuộc lòng một bài chú rất nhanh.

Khi đọc chú, cần tuân thủ 3 nguyên tắc sau

Thứ nhất là thân mật: nghĩa là bản thân mình phải trang nghiêm, nhưng sự trang nghiêm này người ngoài không được biết.

Thứ hai là ý mật: mình có ý tụng chú, nhưng không để người ngoài biết được ý nghĩ này.

Thứ ba là khẩu mật: nghĩa là lúc tụng chú, nói lên thành lời chỉ một mình mình nghe được, người ngoài không thể nghe thấy được.

Sau khi có được tam mật rồi, bắt đầu vào tụng chú.

Chú Đại Bi

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ tát

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ tát.

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ tát

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà la ni

Nam mô hắc ra đát na, đa ra dạ da, Nam mô a rị da. Bà lô yết đế, thước bát ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da. Ma ha ca lô ni ca da. Án. Tát bàn ra phạt duệ. Số đát na đát toả. Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị da. Bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cẩn trì. Hê rị ma ha bàn đa sa mế. Tát bà a tha, đậu du bằng. A thệ dụng. Tát bà tát đa. Na ma bà dà. Ma phạt đạt đậu. Đát diệt tha. Án, a bà lô hê. Lô ca đế. Ca ra đế. Di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà tát bà. Ma ra ma ra. Ma hê ma hê, rị đà dụng. Cu lô cu lô, yết mông. Độ lô độ lô, phạt xà da đế. Ma ha phạt xà da đế. Đà ra đà ra. Địa rị ni. Thất Phật ra da. Giá ra giá ra. Mạ mạ, phạt ma ra. Mục đế lệ. Y hê di hê. Thất na thất na. A ra sâm, Phật ra xá lợi. Phạt sa phạt sâm. Phật ra xá da. Hô lô hô lô ma ra. Hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra. Tát rị tát rị. Tô rô tô rô. Bồ đề dạ, bồ đề dạ. Bồ đà dạ, bồ đà dạ. Di đế rị dạ. Na ra cẩn trì. Địa rị sắc ni na. Ba dạ ma na. Ta bà ha. Tát đà dạ. Ta bà ha. Ma ha tát đà dạ. Ta bà ha. Tát đà dũ nghê. Thất bàn ra dạ. Ta bà ha. Na ra cẩn trì. Ta bà ha. Ma ra na ra. Ta bà ha. Tát ra tăng, a mục khô da. Ta bà ha. Ta bà ma ha, a tát đà dạ. Ta bà ha. Giả

kiết ra, a tất đà dạ. Ta bà ha. Ba đà ma, yết tất đà dạ. Ta bà ha. Na ra cần trì, bàn đà ra dạ. Ta bà ha. Ma bà lợi, thắng yết ra dạ. Ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na, đát ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô kiết đế. Thước bàn ra dạ. Ta bà ha. Ân, tất điện đô. Mạn đa ra. Bạt đà dạ. Ta bà ha.

Bài chú này được đọc đi đọc lại nhiều lần, tốt nhất là bội số của 6, mà $6 \times 6 = 36$ lần hay 81 hoặc 108 lần là rất tốt. Để biết chính xác số lần như vậy, người ta dùng vòng tràng hạt để đếm. Nếu không có điều kiện thì ngày nào cũng tụng niệm, thấy cần dừng thì dừng.

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Đây là bài chú cũng của Quán Thế âm Bồ tát. Chú dành cho những ai cuộc đời gặp nhiều trắc trở, tai ương, không kể gái trai già trẻ, nếu thành tâm tụng niệm đều đều thì sẽ hoá giải được nghiệp chướng, tai ách. Đối với các chàng trai cô gái muộn vợ muộn chồng, với những người đã kết hôn mà sống không như ý về hạnh phúc về đường con cái..., nếu tụng niệm chí thành chú này cũng dần dần toại nguyện. Bài chú như sau:

Năng mô tam mẫm đát, mẫm đà nẫm, a bát ra đế, hạ đa xá sa năng nẫm đát diệt tha, úm già già, già hế, già hế, hồng hồng nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra. Đề sát sá, đề sát sá, sát trí rị, sát trí rị, sa phẩn tra, sa phẩn tra, phiến đề ca, thất rị duệ, sa phạ ha.

Bài chú cũng được tụng đọc mỗi bận tối thiểu là 6 lần, nếu có thời gian là bội số của 6, như: 12, 18, 24, 30, 36....Hàng ngày tụng đọc vào buổi tối là tốt nhất (từ 9 giờ đêm đến 11 giờ đêm...), hoặc có thể tụng niệm vào bất cứ lúc nào nếu thấy muốn.

DƯỢC SƯ QUÁN ĐỈNH CHÂN NGÔN

Đây là bài mật chú của Đức Phật Dược sư Lưu ly Quang. Nghe nói chú dành cho những ai đau yếu, bệnh trọng, nếu tâm chí thành tụng niệm chú thường xuyên đều đều thì mọi sự sẽ qua; nếu ai thân hình xấu xí, khó coi, nếu tâm chí thành tụng niệm chú đều đều sẽ khỏi sắc, nếu ai muộn vợ muộn chồng sẽ có duyên lành. Nội dung bài chú như sau:

Na mô bạt đà phạt đế, bệ sát xā lụ rô thích lưu ly, bát lật bà, hất ra xà đả, đát tha yết đa da, a ra hất đế, tam miệu tam bệ đà da. Đát diệt tha. án, bệ sát the, bệ sát the, bệ sát xā, tam một yết đế ta ha.

Phần thứ hai

ĐỜI SỐNG PHÒNG THE SAU TÂN HÔN

Sau ngày cưới, đôi trai gái bước vào một cuộc sống có tính cách mạng trong cuộc đời: xây dựng tổ ấm và phát triển kinh tế gia đình, sinh hoạt tình dục và sinh con. Đây là ba trạng thái hoạt động muôn thuở của bất kỳ một cặp vợ chồng nào. Sự ổn định trong trạng thái phát triển kinh tế của một gia đình, sinh hoạt tình dục bình thường thoả mãn cho cả vợ lẫn chồng và sinh con theo ý muốn là những điều kiện cần và đủ để duy trì hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ không chỉ trong hiện tại mà trong cả tương lai sau này. Trong cuốn sách này, chỉ đề cập đến hai khía cạnh: vấn đề sinh hoạt tình dục bình thường và sinh con theo ý muốn.

I. SINH HOẠT TÌNH DỤC VÀ HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Nội dung sinh hoạt tình dục rất rộng, không chỉ đơn thuần là giao hợp, mà nó còn bao hàm mọi hành vi đùa dỡn, mơn trớn, ôm ấp, hôn nhau. Yêu cầu và thoả mãn tình dục là một bản năng sinh lý tự nhiên và bình thường của con người. Đối với một cặp vợ chồng mới cưới, sinh hoạt tình dục trong giai đoạn ban đầu rất quan trọng

Đạo làm người

Ngay từ xa xưa, ở châu Á, người Trung Hoa, Ấn Độ đã nhận thức được tầm quan trọng của sinh hoạt tình dục, họ cho rằng nam không thể thiếu nữ, nữ không thể thiếu nam; nam nữ hoà quyện với nhau chính là sự điều hoà âm dương nhân thế, là đạo vợ chồng, là khởi nguồn của đạo làm người.

Sinh hoạt tình dục là khởi điểm sự sinh sôi, nối dõi dòng tộc, qua đó mà duy trì nền văn minh nhân loại trên trái đất. Xa xưa, có nhiều bộ tộc mong muốn được hưng thịnh, họ vô cùng coi trọng đến sinh hoạt tình dục, cho đó là “phương tiện” duy nhất để phát triển bộ tộc mình trong tương lai. Chính vì vậy, đã có tục sùng bái và thờ bộ máy sinh dục nam và nữ, có bộ tộc còn dùng bộ máy sinh dục làm biểu tượng cho dân tộc mình.

Sinh hoạt tình dục có tác dụng duy trì và làm tăng tình cảm vợ chồng, giảm thiểu những lỗi lầm trong tình dục, góp phần tăng

cường sự ổn định gia đình và xã hội. Sinh hoạt tình dục bình thường là việc làm cần thiết duy trì hoạt động sinh lý của bộ máy sinh dục, và một trong những điều kiện duy trì sức khỏe của con người.

Liều thuốc cho hạnh phúc và sức khỏe

Thời kỳ thanh xuân, bộ máy sinh dục phát triển, trưởng thành, cơ thể sinh ra một lượng lớn nội tiết tố tình dục, cùng với sự chi phối của hoạt động tinh thần, mà có sự ham muốn tình dục mạnh. Sau thời kỳ thanh xuân, cũng thường xuất hiện rung động tình dục, do đó, theo các nhà nghiên cứu, lúc này cũng cần kịp thời tạo ra lối thoát tình dục bình thường, để giải tỏa sự căng thẳng tình dục. Nếu rung động tình dục không được làm vơi đi, ham muốn tình dục không có lối thoát bình thường, sẽ tạo thành ức chế tình dục, khiến cho tinh thần căng thẳng, hay buồn bực cáu bẳn. Đồng thời làm cho bộ máy sinh dục và khoang chậu bị ứ huyết cục bộ, như vậy không chỉ dẫn đến bệnh sinh lý mà còn dễ xảy ra bệnh về tâm lý. Y học hiện đại và Y học cổ truyền Trung Hoa đều đi đến kết luận, cấm dục lâu ngày gây tổn thọ, nhiều bệnh tinh thần đều có liên quan đến cấm dục. Chỉ có sinh hoạt tình dục bình thường và có quy luật thì mới có lợi cho sức khỏe.

Khi sinh hoạt tình dục và giao hợp, nội tiết tố tình dục trong cơ thể được sản sinh ra nhiều, khi cả hai đạt tới điểm cực khoái, tim đập nhanh, tuần hoàn máu tăng lên, có thể chống lại sự lão hoá, giữ cho khớp xương linh hoạt; nội tiết tố tình dục trong máu được đưa tới toàn thân, có lợi cho các bộ phận cơ thể, người ta thấy trẻ trung ra. Sinh hoạt tình dục như ý, làm cho tinh thần sảng khoái, dồi dào tinh lực, đối với phụ nữ da dễ thêm mịn màng, tóc đen mượt; đối với phụ nữ thời kỳ mãn kinh sẽ giảm bớt triệu chứng khó chịu như: hay nóng mặt, ra mồ hôi, mất ngủ và thần kinh căng thẳng..., ngoài ra còn giảm bớt chứng khô âm đạo, cải thiện tâm sinh lý qua thời kỳ tiền mãn kinh với cuộc sống tươi trẻ, cuộc sống tình dục vui vẻ.

Những phụ nữ trong thời gian dài không sinh hoạt tình dục hoặc sinh hoạt tình dục không được như ý, chưa trải nghiệm sự cực khoái, có thể làm cho tinh thần căng thẳng, mà sau thời kỳ thanh xuân dễ mắc một số bệnh về da: như mẩn ngứa, mụn trứng cá, ezema. Các nhà nghiên cứu còn cho rằng, sinh hoạt tình dục thường xuyên với người bạn đời, đối với phụ nữ có tác dụng phòng

ngừa bệnh ung thư tuyến vú, còn nam giới có thể giảm bớt sự phát sinh ung thư tuyến tiền liệt.

Nhưng phải đúng quy luật

Tuy vậy, sinh hoạt tình dục không đúng quy luật và quá mức sẽ gây hại cho sức khỏe.

Sinh hoạt tình dục quá mức sẽ làm cho trung khu tình dục bị mệt mỏi, suy kiệt, dẫn đến suy giảm tình dục, trở ngại về chức năng tình dục; đối với nữ giới làm khoang chậu bị ứ huyết lâu dài, dễ gây nên nhiều bệnh phụ khoa, tăng nguy cơ mắc bệnh ung thư cổ tử cung. Đối với nam giới dễ thành “ người sâu đo”. “Người sâu đo” là dân gian Trung Hoa cổ đại gọi những người sinh hoạt tình dục quá độ mà thành bệnh. Cuối triều Minh, để tỏ lòng trung quân ái quốc với nhà Minh bị nhà Mãn Thanh tiêu diệt, một số quan đại thần đã chọn cách tự sát bằng vùi đầu sống trong xa xỉ, hàng ngày uống thuốc kích dục để hoan lạc với nhiều nàng hầu thê thiếp. Vì dâm dục quá độ, có người đặt sở nguyện đi gặp tiên đế, có người không chết được, xương cốt rã rời, xương sống cong, người co rúm lại không duỗi thẳng ra được, giống hình dáng con sâu đo, người lúc bấy giờ gọi là “ người sâu đo”.

Người xưa cho rằng sinh hoạt tình dục nên phù hợp với quy luật vận động của tự nhiên. Dịch lý Trung Hoa cổ xưa nói: “ *Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàng* ”, nghĩa là số lần giao hợp nhiều có thể vào mùa Hạ và Thu, vì đó là mùa vạn vật trưởng thành cương kiện; mùa Đông tốt nhất hạn chế sinh hoạt, nam giới hạn chế xuất tinh, ngay đến cây cỏ cũng phải thu mình lại; mùa Xuân vạn vật bắt đầu phát triển, nhịp độ sinh hoạt tình dục cũng nên vừa phải. Người phương Đông xưa, dựa vào học thuyết Âm Dương và Đông y, còn đưa ra “công thức” có 7 điều cấm kỵ sinh hoạt tình dục như:

1. Tránh vào ngày “Nhật Nguyệt hồi minh”, nghĩa là vào ngày đầu tháng (mồng một) theo Âm lịch; ngày “Lục Đinh”, đó là các ngày Đinh Sửu, Đinh Mão, Đinh Tỵ, Đinh Mùi, Đinh Dậu theo lịch Can Chi trong Âm lịch. Vào những ngày này, nếu sinh hoạt tình dục, nam giới sẽ bị tổn thương đến tinh khí, dẫn đến những lần tiếp theo thiếu năng tình dục, nước tiểu sẽ vàng, tự xuất tinh..., cứ như vậy sẽ dẫn đến khó sinh con và tổn thọ.

2. Vào lúc trời có sấm sét, mưa bão tối tăm, trời đất chấn động, mặt trăng mặt trời không có ánh sáng..., rất bất lợi cho sức khỏe, nếu để sinh con lại càng tệ hại.

3. Lúc vừa mới ăn uống xong, nếu sinh hoạt sẽ tổn thương đến lục phủ ngũ tạng, dẫn đến nước tiểu trắng hoặc vàng, lưng cốt đau mỏi, đầu nặng, thân thể như phù thũng, bụng chướng đầy. Đây cũng là những dấu hiệu dẫn đến tổn thọ.

4 Trước khi sinh hoạt tình dục mà đi tiểu, Đông y cho rằng, làm như vậy sẽ mất tinh khí, vinh khí và vệ khí (một trạng thái khí trong cơ thể người bình thường) không chắc mà bị tán, làm cho âm dương bế tắc, dẫn đến tiêu hoá không thông, bụng dễ nổi cục rắn, về tâm lý người sẽ vui buồn thất thường không yên, có lúc như ngây dại.

5. Khi vừa đi xa về, người còn đang mệt mỏi, không nên giao hợp ngay. Theo Đông y, làm như vậy nam giới dễ bị tổn thương tinh khí.

6. Khi vừa tắm xong, không nên sinh hoạt tình dục, vì sẽ dẫn đến phong hàn.

7. Khi tiếp xúc với phụ nữ, dương vật bỗng cương cứng đột ngột mà tiến hành sinh hoạt tình dục ngay, dễ làm cho nội tạng bị tổn thương, tinh khí bị tụt, nữ thì mất sức.

Về thời gian sinh hoạt, nên vào thời khắc âm trong âm trong ngày (ngoài 6h tối đến 11h đêm) là tốt nhất cho sức khoẻ nam và nữ; những thời khắc dương trong âm (từ 12h đêm đến 6h sáng) và dương trong dương (từ 6h sáng đến 12 h trưa), âm trong dương (từ 12h trưa đến 6h tối), nếu giao hợp không lợi cho sức khoẻ. Danh y đất Việt Hải Thượng Lãn Ông nói: “*Bình minh nhất trần trà, bán dạ tam bôi rượu, đâm nguyệt tam nhất hạn, lương y bát đảo gia*”, nghĩa là: buổi sớm hàng ngày uống trà, chập tối khuya uống 3 chén rượu nhỏ, 3 tháng sinh hoạt tình dục một lần, thì không bao giờ phải mời đến thầy thuốc. Đó là lời khuyên đối với những bậc cao tuổi.

Đối với vợ chồng trẻ mới cưới, sinh hoạt tình dục nói chung là nhiều lần trong một tuần, một tháng. Đó cũng là lẽ thường tình và đúng quy luật, không ảnh hưởng gì tới sức khoẻ. Theo số liệu nghiên cứu của các chuyên gia nước ngoài, số lần giao hợp của nam thanh niên sau khi cưới ở độ tuổi 18-20, bình quân 4 lần trong một tuần. Nhưng cũng có người trong độ tuổi như vậy, số lần giao hợp trong một tuần lên tới 21 lần. Cùng với sự gia tăng về tuổi tác, số lần giao hợp cũng giảm dần. Nói chung, số lần giao hợp quyết định bởi sức khoẻ, tố chất và sự điều tiết của từng người.

Điều gì sẽ xảy ra khi tiến hành giao hợp?

Đêm tân hôn, người xưa gọi là động phòng, đôi vợ chồng trẻ lần đầu bước vào đời sống tình dục. Nhiều khi do không có thực tế và

kinh nghiệm, bên nam thì hấp tấp vội vàng, bên nữ thì e thẹn và có chút lo sợ, nên thường cuộc sinh hoạt này thất bại. Sự thất bại này có khi để lại những “biến chứng” không hay cho những lần tiếp theo, có khi ảnh hưởng đến hạnh phúc của đôi lứa. Do vậy, bước vào hôn nhân, ngày nay người ta đã trang bị kiến thức sinh hoạt tình dục cho những đôi vợ chồng trẻ.

Bình thường, khi giao hợp, cơ quan sinh dục và toàn thân của đôi vợ chồng đều có những thay đổi mang tính chu kỳ. Trong đêm tân hôn, trước khi tiến hành giao hợp, điều cần thiết là người chồng phải hết sức bình tĩnh, không vội vàng, hấp tấp; còn người vợ phải hết sức thanh thản đợi chờ, không e thẹn và lo sợ hay hoảng hốt. Nếu cả hai vợ chồng có trạng thái tâm lý như vậy thì quá trình giao hợp sẽ diễn ra theo 4 giai đoạn như sau:

Giai đoạn đầu tiên: là hưng phấn. Khi giai đoạn hưng phấn tình dục đạt tới đỉnh cao, đối với nam giới cơ bắp toàn thân căng lên và có sức mạnh, hậu môn co lại, đồng tử mắt thu nhỏ lại, nhịp tim nhanh lên, huyết áp tăng, dương vật dòn huyết nở to và cương cứng, lỗ niệu đạo có chất dịch tiết ra, bìu dái co lên, tinh hoàn dịch lên trên. Đối với nữ giới ở giai đoạn hưng phấn, ngoài việc cơ bắp và toàn thân thu lại, tim đập nhanh, huyết áp tăng, nét mặt thể hiện sự dịu dàng, ánh mắt tỏ ra quyến rũ đầy sức hấp dẫn tình dục. Vú nở căng, đầu vú cứng lên, 2 bên mép ngoài và tiền đình tiết ra chất nhầy làm cho lỗ âm đạo ẩm ướt, âm vật cương lên và trở nên vô cùng nhạy cảm. Khi cường độ hưng phấn tình dục cao nhất, cơ bắp căng ra làm cho cơ thể giật liên tục, nhịp thở dốc, tim đập nhanh.

Giai đoạn cao trào: khi nam giới đưa dương vật vào âm đạo, phía nữ khoái cảm mãnh liệt, dương vật nam giới cử động ra vào liên tục làm kích thích âm vật tạo ra khoái cảm cho phụ nữ, thành âm đạo ôm chặt lấy dương vật, phần mông đung đưa phối hợp với cử động của dương vật nhằm tăng khoái cảm cho nam giới. Lúc này phía nam càng thêm kích thích, cơ bắp căng ra, nhịp thở mạnh và nhanh, nhịp tim và huyết áp tăng, dương vật to cứng hơn nữa, bìu dái thu nhỏ lại, chất dịch do tuyến sinh dục tiết ra nhiều hơn, sự thay đổi của phụ nữ cũng giống như vậy. Nhịp tim và huyết áp của cả nam và nữ tăng cao. Âm đạo phụ nữ co hẹp ôm chặt lấy dương vật nam giới lại làm tăng thêm sự khoái cảm và hưng phấn cho nam giới. Âm vật nữ vẫn co lại, vị trí tử cung nhích lên.

Giai đoạn cực khoái: đây là một cảm giác mà các nhà nghiên cứu cũng đã nêu lên, nhưng không thể tả được. Đây cũng là thời điểm mà đôi nam nữ tận hưởng lạc thú trần gian qua sinh hoạt tình dục. ở giai đoạn này, cả nam và nữ đều thở gấp lên rất nhiều, huyết áp tăng cao, quầng đỏ trên bụng và ngực lan rộng, khuôn mặt của cả hai ửng hồng, có người mồ hôi ra ướt đầm đìa, nữ đầu vú còn nhô cao và căng lên nhanh chóng. Cả hai cơ bắp toàn thân co lại, có người chân tay còn co giật liên hồi. Tuyến tinh dục của nam giới co bóp mạnh, tinh dịch theo đường niệu đạo phóng ra ngoài cơ thể vào âm đạo phụ nữ, tạo ra một cảm giác mê mẩn đặc biệt. Còn phụ nữ khi đó cơ thể như bị điện giật nhẹ, có người cảm giác như có một dòng ấm chạy khắp người, họ cũng cực khoái. Chính vào thời điểm cực khoái này của nữ mà đến kỳ rụng trứng, trứng tiếp nhận được tinh trùng thì thụ thai.

Giai đoạn thoái trào: là giai đoạn kết thúc nhanh hành vi tình dục khi người nam kết thúc phóng tinh, dương vật của họ xủ dần (có người còn cương cứng một chút sau đó), lúc này trạng thái tình dục của đôi nam nữ trở lại trạng thái bình thường, cơ bắp lại thả lỏng, nhịp tim và huyết áp lại về trạng thái ban đầu, phần máu dồn ứ ở bộ phận sinh dục của họ cũng hết. Nhưng lúc này cần sự ôm ấp vuốt ve của người nam giới cho nữ, thì tình cảm lại càng thấm thiết. Tránh trường hợp nhiều nam giới sau khi thỏa mãn lẫn ra nằm bất động, có khi còn ngáy khò khò. Đây không chỉ là thiếu một chút văn hoá, mà còn làm cho nữ sẽ chán những cuộc giao tình tiếp sau.

Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, giai đoạn thụ tinh mang thai là lúc nam giới cực khoái phóng tinh, trùng hợp với lúc người phụ nữ rụng động tinh dục mạnh (cực khoái) mà rụng trứng. Cũng có khi người nữ cực khoái nhưng không rụng trứng, đương nhiên lúc đó tinh trùng nam giới có phóng vào cũng không gặp “đối tác” nên không thụ thai mà sinh con. Hiện tượng cực khoái cả nam và nữ đồng lúc cũng xảy ra khi đôi vợ chồng trước đó làm việc nhiều hoặc mệt nhọc. Trong tình trạng này chất lượng tinh trùng và trứng của phụ nữ không cao, có khi kém, nên thụ thai sinh con thì con cái không khoẻ mạnh. Do vậy, để sinh con như ý, trước khi giao hợp, đôi vợ chồng phải khoẻ mạnh, tâm lý thoải mái. Một trong những lý do này mà người ta đưa ra lời khuyên: không nên thụ thai sinh con trong khi đi hưởng tuần trăng mật, vì trước đó bận rộn cho cưới gả, sau đó lại đi xa, đi đi lại lại nhiều.

II. CẦN CÓ HOÀN CẢNH TỐT ĐẸP TRONG SINH HOẠT TÌNH DỤC

Dù là vợ chồng, nhưng sinh hoạt tình dục cũng phải có một nơi an toàn và kín đáo. Nhiều khi thiếu điều kiện này mà dẫn đến phiền toái lớn khó cải thiện được khả năng tình dục của cả vợ lẫn chồng.

Khi hứng tình, con người thường cảm thấy như mất lý trí, người nóng bừng, quên hết mọi chuyện xung quanh. Thực tế đã có đôi vợ chồng trẻ mới cưới đi du lịch trú tại một khách sạn. Buổi trưa hai vợ chồng trong phòng chuyện trò vui vẻ, chợt cơn tình trời dậy, lòng ham muốn tình dục trỗi lên mạnh mẽ, thế là họ ôm nhau lên giường quên cả cài chốt cửa...rồi nồng nàn...Đúng lúc hai người đang quấn lấy nhau thì người phục vụ đẩy cửa bước vào phòng đưa đồ uống đến. Hai người giật nảy mình, cô vợ hoảng hốt thét lên, anh chồng cũng sò nguỵng nguỵng không tả xiết. Sau sự kiện này, anh chồng bị chứng liệt dương, còn chị vợ thì mãi khó quên cái khoảnh khắc sượng sùng đó.

Một chuyện thật khác, cũng một đôi vợ chồng trẻ trong một ngày nghỉ. Hôm đó vợ ở nhà giặt quần áo, chồng đứng ngắm vợ, bỗng nhiên kéo vợ vào phòng, cởi hết quần áo ra, không kịp đóng chốt cửa phòng... Đúng lúc hai người sắp vào cuộc chính thì chợt có tiếng gõ cửa và có người đẩy cửa bước vào. Cô vợ nhanh trí vớ lấy cái chăn quần kín lấy người, anh chồng không phản ứng kịp co dúm người lại, da đầu tê dại, toàn thân lạnh ngắt, đứng ngây ra như tượng gỗ. Kết quả là anh chồng này bị bệnh liệt dương kéo dài 20 năm mà chữa mãi vẫn không khỏi hẳn.

Qua hai ví dụ trên cho thấy, muốn sinh hoạt tình dục thành công thì hoàn cảnh và điều kiện nơi sinh hoạt rất quyết định. Trước mỗi lần sinh hoạt, việc trước tiên phải xem nơi đó có kín đáo không, chốt cửa đã đóng chưa, màn che cửa đã kéo kín chưa. Đây là những điều không được sơ hở chút nào, nếu câu trả sẽ gây hậu quả không lường mà hai ví dụ trên đã minh chứng.

Nơi kín đáo không có nghĩa là nơi buồng nằm kín mít như bưng, mà phải có ánh sáng, không khí lưu thông thoáng, dễ chịu. Vì khi sinh hoạt xong, đôi vợ chồng thường ngủ ngay, không khí trong lành giúp cho hai người ngủ ngon, chóng phục hồi sức khỏe.

Một điều cần chú ý là phải quan tâm đến sự yên tĩnh nơi tiến hành sinh hoạt tình dục. Vì khi sinh hoạt tình dục, còn ảnh hưởng

rất mạnh đến yếu tố thần kinh, đòi hỏi hai người chú ý và tập trung cao độ đến vô thức. Trạng thái thần kinh tập trung cao như vậy là một cái hay, để cả hai hưởng trọn lạc thú tình dục nơi trần thế. Nhược điểm của cuộc sinh hoạt tình dục là rất nhạy cảm và ảnh hưởng của những tác động từ bên ngoài. Một khi đã bị ảnh hưởng thì khó tập trung vào cuộc tình, có khi dẫn đến mất hứng, có làm thì gây sự căng thẳng thần kinh sau đó. Ví dụ trong khi đang làm tình thì chuông máy điện thoại trong phòng vang lên. Giá nó chỉ kêu một lần thì chấp nhận được, nhưng nó lại kêu liên hồi, làm cho bạn ngán ngẩm, vô cùng khó chịu. Đợi đến khi dứt tiếng chuông thì đã mất hết sự tập trung vào cuộc tình. Đó là chưa nói đến một trong hai người phải nhắc ống nghe lên...trao đổi, thật là...thật là... Do vậy, trong hoàn cảnh này tốt nhất bỏ máy điện thoại đi, ngắt di động, vì chỉ cần nhanh là nửa tiếng mất tin, nhưng lại vẹn toàn cho hạnh phúc.

Hoàn cảnh có yên tĩnh hay không, không riêng gì chúng ta quyết định. Khác với hoàn cảnh trên, có những lúc bất khả kháng, như phòng ngủ ngay cạnh đường giao thông, đường tàu hỏa. Lúc hai người đang ân ái thì có đoàn tàu hoặc ô tô chạy qua ầm ầm, có khi lại kéo còi inh ỏi. Thế là cuộc chơi mất vui. Trong chiến tranh, đúng lúc hai vợ chồng đến lúc cao trào thì còi báo động rú lên, máy bay địch đến ném bom, thật là tệ hại. Trong thời chiến tranh phá hoại của Mỹ trên đất Bắc, đã có nhiều người mắc chứng bệnh suy sinh dục và liệt dương vì nguyên nhân này.

Đôi vợ chồng trẻ mới cưới, đang dầm thấm trong sinh hoạt tình dục, thì người thân từ đâu đến vội vàng muốn chúc mừng đến gõ cửa buồng liên tục đòi gặp, hoặc cũng có bà mẹ chồng muốn “điều tiết” đời sống vợ chồng của con trai, con dâu, đã không ngần ngại gõ cửa buồng đôi lứa liên tục để hỏi cái này, nhờ làm ngay cái nọ..., có bạn còn đốt pháo chúc mừng ngay trước cửa phòng...của họ. Thật là tai hại cho vợ và cho chồng, họ không căng thần kinh thì mới lạ.

Những tình huống bất ngờ như vậy có thể gặp ở bất cứ đâu, tốt nhất các cặp vợ chồng nên “phòng hoả”. Như: ngắt và tắt điện thoại trước khi làm tình, nếu có con nhỏ xem chúng đã ngủ say chưa hay cho nằm buồng riêng, nhắn với mọi người rằng “chúng mình vắng nhà”!

Nói thế không phải là giữ yên tĩnh tuyệt đối nơi vợ chồng ân ái. Nhiều khi và có đôi vợ chồng còn cần đến một sự tác động từ xung quanh: sự tác động làm tăng cảm hứng tình dục.

Có cặp vợ chồng thích mở nhạc khi làm tình. Họ không thấy sự gây rắc rối mà còn thấy âm nhạc làm gia tăng hưng phấn tình dục. Các nhà nghiên cứu còn cho biết, phần lớn những người đang sung sức, tuổi trẻ..., thời kỳ mà tình dục phát đạt mạnh mẽ đều thích nghe âm nhạc. Thậm chí khi làm tình, có người còn thích nghe những đĩa ghi âm thanh của tự nhiên, như sóng biển, tiếng chim rừng, tiếng sóng vỗ, mưa rơi, gió lướt, gió thì thảo lao xao... Những âm thanh đó dễ đưa đôi trai gái quyện hoà vào tự nhiên vĩnh cửu, vào “mùa xuân vĩnh cửu” của tình yêu, tình dục.

Cũng có cặp vợ chồng thấy “mình trong mình” trong sinh hoạt tình dục. Họ gắn gương trong phòng, sát giường ngủ để dễ quan sát khi làm tình (nhưng theo Phong thủy thì là điều cấm kỵ, không treo bất cứ loại gương nào trong phòng ngủ, hay mỗi lần sinh hoạt xong lại cất gương đi!). Có người thấy mình làm tình trong đêm mưa thì dễ đạt tới cao trào, thế là họ luôn mong và chờ trời đổ mưa...(nhưng sinh con như ý thì không giao hợp vào đêm trời có mưa!).

Nhưng cũng có người thích yên tĩnh tuyệt đối khi sinh hoạt tình dục, chỉ một tiếng động thôi cũng làm họ phân tâm.

III. CÁI GIƯỜNG VÀ CĂN PHÒNG CHO CHUYỆN ẤY...

Một thiên tài quân sự nổi tiếng thế giới: ngài Napoleon có nói như sau: “Cái giường là sàn khiêu vũ của tình yêu”. Nói rõ hơn: cái giường là sàn khiêu vũ của làm tình. Không ngẫu nhiên mà từ xưa tới nay, khi nói “lên giường” là nói đến chuyện làm tình. Một đôi trai gái trước cưới, bao giờ cũng quan tâm trang trí buồng ngủ, và không quên chọn và mua sắm “sàn khiêu vũ của tình yêu” theo ý của cả đôi.

Về cái giường: các nhà nghiên cứu cho biết, đời người 1/3 là nằm trên giường, nên lẽ thường không có một lý do gì để coi thường cái giường. Còn sinh hoạt tình dục thường diễn ra trên giường. Cái giường có thể làm tăng hay giảm chất lượng sinh hoạt tình dục của đôi vợ chồng. Qua nghiên cứu, người ta cho biết, giường nên không cứng mà cũng không nên mềm quá. Chăn gối đệm phải sạch sẽ, mới, tốt nhất là mới giặt thì mới gây được cảm giác dễ chịu trong làm tình.

Căn phòng của đôi vợ chồng: phải thoáng, có độ ẩm thích hợp, để khi không quần áo cũng vẫn thấy dễ chịu. Việc bố trí nội thất trong căn buồng phải gây kích thích cho sự hứng tình, do vậy màu sắc các đồ vật nên thiên về màu đỏ, gam đỏ. Trên tường nên treo những tranh ảnh có nội dung gợi cảm cảnh yêu đương. Về mặt này, người vợ cũng có trách nhiệm trang trí để cho chồng trông thấy thích thú và khen ngợi là thành công rồi.

Vấn đề ánh sáng đèn trong phòng ngủ: từ xưa đến nay, thường tồn tại câu hỏi khi giao hợp nên để đèn hay tắt đèn? Về vấn đề này nam nữ có nhiều ý kiến khác nhau. Đứng về khía cạnh tâm sinh lý, nữ giới nói chung thích làm tình dưới ánh sáng mờ, vì lẽ tính e thẹn tự nhiên của họ. Cũng vì một lý do khác là, dưới ánh sáng mờ, theo họ dễ giúp người ta tập trung tình cảm. Nam giới thì lại khác, họ thích bật đèn sáng để “quan sát”, nên nhiều trường hợp vợ chồng mâu thuẫn với nhau về vấn đề này. Thực ra để đèn sáng tối theo hai ý thích khác nhau của đôi vợ chồng là do cơ chế cảm nhận tình dục của họ khác nhau tạo ra. Đối với nam mà nói, một phần lớn kích thích tố tình dục là do sự kích thích trực tiếp tạo nên, còn đối với nữ thì lại do âu yếm vuốt ve tạo nên. Nói một cách khác, cảm nhận của nam là cảm nhận của thị giác, còn cảm nhận của nữ giới lại chìm đắm trong sự âu yếm vuốt ve. Do vậy, nam giới bao giờ cũng mở mắt trong khi giao hợp, còn nữ thì lim dim đôi mắt. Mà người mở mắt thì bao giờ cũng thích ánh sáng, còn người nhắm mắt thì không ưa ánh sáng. Một nguyên nhân khiến cho người vợ không thích ánh đèn khi giao hợp là do thiên tính thẹn thùng của phụ nữ, mà cũng là ảnh hưởng của xã hội phong kiến xưa, cho chuyện sinh hoạt tình dục là chuyện không đẹp, nên không muốn nhìn những động tác của người chồng, lại càng không được nhìn thấy mình tỏ ra hứng tình. Do vậy tắt đèn đi không ai nhìn thấy ai sẽ cảm thấy dễ chịu hơn. Hiểu được điều này, đêm tân hôn khi làm cái việc “ban đầu” ấy chàng rể cần biết để có cách ứng phó sao cho cuộc tình đầu đời (và cho cả mai sau) trọn vẹn, thì tốt nhất chồng chiếu vợ.

Ngược lại, khi tranh cãi về chuyện ánh sáng đèn, tốt nhất người vợ cũng nên nhường nhịn chồng. Nếu người vợ xóa bỏ được tâm lý e thẹn thì hãy cảm nhận xem điều gì sẽ xảy ra dưới ánh đèn sáng khi làm tình, biết đâu lại thu được ấn tượng hay chưa từng có, có khi ghi nhớ mãi không quên.

Khi vợ chồng đã thoả thuận xong cái việc đèn sáng, song chưa đủ mà còn chú ý đến độ sáng và màu sắc nữa. Theo các nhà nghiên cứu tâm lý, ánh đèn sáng mờ có tác dụng tích cực đến kích động và tăng cường tính dục. Đèn sáng quá sẽ làm mọi việc rõ mồn một, làm cho người ta mất hứng thú. Đèn mờ mờ mung lung, sẽ tạo ra hiệu quả mê mên huyền ảo, khiến cho con người say sưa, thú vị. ánh đèn màu còn đưa cặp vợ chồng trẻ đi vào cõi huyền ảo, nên có vợ chồng còn thấp nển khi làm tình. Nếu có điều kiện thì nên bố trí vài ngọn đèn màu công suất thấp (chùng 15w-20w) trong phòng. Dưới ánh đèn màu như vậy, mọi thứ trong căn phòng như mới và huyền ảo, cuộc tình của đôi vợ chồng càng nồng thắm.

IV. LẠI NÓI VỀ ĐÊM TÂN HÔN - ĐỘNG PHÒNG

Đối với đôi trai gái đi đến hôn nhân, ấn tượng sâu sắc nhất của họ không phải là những khi ăn hỏi, ngày cưới long trọng hoành tráng đầy tiếng cười và hoa, ảnh chụp, băng đĩa ghi hình cô dâu chú rể với mọi người..., mà đó là đêm tân hôn, đêm động phòng. Sau đêm này trở đi, cuộc sống của chàng trai cô gái đã bước vào một trang sử mới của cuộc đời: cuộc sống song thân và đa thân. Chính cuộc sống này đã đưa họ đến hoàn cảnh “cùng hội cùng thuyền” mà cả hai đều phải chèo lái. Chính chàng trai cô gái sau đêm tân hôn sẽ cùng nhau viết lên trang sử cuộc đời mình trên “Con thuyền hôn nhân” đó.

Trước khi kết hôn, bất kể một chàng trai cô gái nào, dù chỉ một thoáng, đều tưởng tượng một cách thâm kín cái “chuyện ấy...”, họ luận suy, giả tưởng đủ hình vạn trạng về hành vi và động tác của chính mình, của “đức anh chồng” tương lai... Và đêm tân hôn này, mọi tấm màn huyền bí đã bị rõ tung, mọi tưởng tượng đều biến mất..., vì đêm nay là hành động của cái chất CON trong người rất tự nhiên (mà ai cũng thế!) của đôi lứa, của tình cảm xúc động mãnh liệt thay vì lý trí.

Trước họ, những bậc đàn anh, cha chú đã trải nghiệm thì lại nghĩ khác về đêm tân hôn mỗi khi hồi tưởng về nó. Họ có thể có dịp gặp bạn trước ngày cưới mà nói nhỏ rằng: sự tiếp xúc giới tính trong đêm tân hôn có ảnh hưởng quyết định đến cuộc sống hoà hợp hay không, tươi đẹp hay không trong tương lai của bạn. Một thiên tài văn chương thế giới người Pháp mà cũng là người hào hoa trong tình yêu là Balzac đã từng nói: “Số phận của hôn nhân được quyết định trong đêm tân hôn”!

Thực tế của nhiều người sau kết hôn cho biết, nếu mở đầu “chuyện ấy...” ở bước đầu này tốt đẹp, thì chỉ ít cũng đảm bảo một nửa hạnh phúc suốt đời của đôi vợ chồng trẻ. Người ta cũng nói đúng rằng, nếu bước đầu kết thúc không tốt đẹp, sẽ gây tổn thất không thể bù đắp cho cuộc sống chung của bạn sau này. Đây không phải là sự đao to búa lớn quá mức, theo thống kê của toà án dân sự ở Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng và các tỉnh khác, trong những năm 80 thế kỷ 20 và tới nay đầu thế kỷ 21, có nhiều cặp vợ chồng đã làm đơn ly hôn chỉ trong một thời gian ngắn sau ngày cưới, trong số này có khoảng 1/3 số người với lý do là sinh hoạt tình dục không hoà hợp.

Theo các nhà nghiên cứu và những cuộc khảo sát của các nhà tâm sinh lý, các nhà tình dục học, điều tệ hại nhất trong đêm tân hôn là cuộc sinh hoạt tình dục thất bại. Các nhà nghiên cứu đã khái quát, nguyên nhân thất bại đó rất nhiều, nhưng tựu chung lại có các nhóm nguyên nhân như: do thiếu kiến thức về tình dục, tính nóng vội của người chồng, không biết phối hợp của cả hai...

Điều đầu tiên phải nói với chú rể rằng

Trước khi kết hôn (dù chỉ một ngày hay một giờ!) phải có kiến thức về tình dục, điều tối thiểu phải biết đặc điểm và cấu tạo bộ phận sinh dục nữ, nói một cách thông tục là phải biết tác động vào chỗ nào khi làm chuyện ấy...Điều đó không có gì khó khăn mà rất dễ, sẽ có người nói cho bạn nếu bạn hỏi một cách nghiêm túc. Nói đến điều này, không phải ai đã tin ngay, họ nói: chẳng lẽ đến việc đó cũng không biết à? Sự thật lại như vậy, chuyện “như đùa”! Đáng tiếc, các trường hợp làm tình thất bại trong đêm tân hôn do chú rể kém hiểu biết về bộ phận sinh dục của người vợ lại không ít. Có anh chồng đã đưa dương vật nhâm vào rốn vợ, vào lỗ niệu đạo (mà gây cảm giác đau khó chịu); có anh chồng đã hiểu biết nhưng không thấu đáo kèm theo tính nóng vội, khi dương vật còn ở ngoài âm đạo đã vội vàng làm động tác rồi xuất tinh!

Theo tài liệu nghiên cứu của các nhà tâm lý học xã hội, đã từng xảy ra trường hợp như sau: một chàng trai đã cưới vợ một tuần lễ, ngày nào cũng sinh hoạt tình dục một hai lần, nhưng đều thất bại. Bạn bè đã mách bảo anh bí quyết, nhưng anh ta vẫn làm sai yếu lĩnh và thất bại hoàn toàn. Anh ta bèn đến bác sỹ xin tư vấn, bác sỹ mới vỡ lẽ là anh không biết kết cấu bộ phận sinh dục nữ,

mỗi lần sinh hoạt đều nhét dương vật vào chỗ xương cụt vợ, nên không đút được vào âm đạo. Bác sỹ cũng kiểm tra người vợ thấy mọi sự bình thường, sau đó giảng giải cho anh biết tỷ mỉ các bộ phận và chức năng, kết quả sau đó anh thành công ngay.

Trên thực tế, ngay những chàng trai đã hiểu biết về mặt này, cũng chỉ dựa trên sách vở, hình vẽ và lời kể của các bậc “tiên bối”(nhiệt tình giảng nhưng thường không có phương pháp sư phạm) đã trải nghiệm, nhưng còn thiếu thực tế. Do đó, các chuyên gia tình dục học đã kiến nghị các cặp vợ chồng trẻ trong đêm tân hôn không nên vào cuộc ngay, mà nên kiểm tra, tìm hiểu bộ phận sinh dục của nhau để có cái nhìn thực tế, để tránh xảy ra sai sót, nhảm lẫn không đáng có. Làm như vậy còn có một “cái lợi” nữa là có thể tăng hưng phấn và kích thích tình dục của hai người. Nhưng nảy sinh vấn đề: hai bên lần đầu tiếp xúc xác thịt, không thể không e thẹn, nên có khi không dám làm như vậy. Trong trường hợp này, các nhà tâm sinh lý lại cho một giải pháp: lấy một tấm chăn phủ kín cơ thể, rồi dùng đèn pin nhỏ thay phiên quan sát “của” nhau. Làm như vậy đạt được mục đích mà lại không thẹn thùng gì nữa.

Điều thứ hai mà các chú rể cô dâu phải biết

Nhiều đôi trai gái trong đêm tân hôn còn không hiểu biết: SINH HOẠT TÌNH DỤC LÀ MỘT QUÁ TRÌNH, thường thì họ coi đó là một bản năng hết sức tự nhiên và đơn giản. Theo họ, toàn bộ nội dung trong đêm tân hôn là làm tình mà mục đích tối thượng là đưa dương vật vào âm đạo người vợ. Nhưng trở trêu thay, làm như vậy kết quả thường không như ý. Mà không như ý khi làm tình thường được coi là một loại “tai họa”. Nói nhiều không bằng một lời kể của một vị tân lang (ở Hà Nội) như sau:

- “Trong đêm tân hôn, khi bạn bè và mọi người đã ra về hết, hai vợ chồng chúng tôi vội vàng vào buồng lên giường mở đầu cuộc sinh hoạt tình dục đầu tiên trong đời. Nhưng tôi làm mấy lần đều thất bại. Càng thất bại tôi càng không chịu và hăm dọa, nóng vội, có phần hấp tấp. Cuối cùng vợ tôi toát hết cả mồ hôi, không chịu được nữa và yêu cầu tôi dừng lại! Tôi nhìn thấy âm đạo vợ tôi chảy máu. Tôi khoát chỉ cho rằng vợ tôi còn trinh bạch. Bởi trước khi cưới, cô ta là cô gái ngây thơ nhí nhảnh, thích khiêu vũ, trước đây đã từng có 3 lần bạn trai, tuy yêu nhau rồi và đi đến hôn nhân nhưng tôi

vẫn nghi nghi... Mừng vui là vậy. Nhưng ngay tức khắc tôi lại thấy hồi hộp: theo truyền khẩu và theo lý thuyết, “vụ này” chỉ chảy ra một ít máu thôi, sao đây lại thấy máu cứ chảy mãi không cầm? Sáng hôm sau tôi vội vàng đưa vợ đi bệnh viện khám, bác sỹ nói: vợ tôi bị rách âm đạo”.

Đây là một trường hợp rất điển hình, theo thống kê, người trải qua đêm tân hôn có hiện tượng như vậy không phải ít, chẳng qua họ không nói ra mà thôi. Qua câu chuyện trên, sự thất bại của họ (trách nhiệm chính là anh chồng) đã không hiểu được sinh hoạt tình dục là một quá trình, do đó không thấy được tầm quan trọng của trình tự ban đầu là giai đoạn vuốt ve, sờ mó. Bởi lẽ, sự hưng phấn tình dục của nữ thường xuất hiện chậm, dần dần. Chỉ khi có hưng phấn thì nội tiết tố nữ mới tiết dịch nhờn làm ướt âm đạo và lỗ âm đạo, lúc đó lỗ âm đạo mới mở rộng tiện cho dương vật nam đút vào. Nếu nữ chưa hưng phấn, âm đạo chưa nở rộng, lỗ âm đạo và trong âm đạo chưa trơn ướt, tất sẽ khó cho dương vật vào, cuộc tình không thực hiện được. Còn nếu miễn cưỡng đưa dương vật vào, mà âm đạo khô cả trong lẫn ngoài thì sẽ xây sát, âm đạo tổn thương, sẽ xảy ra như điều nói trên.

Muốn giao hợp được thuận lợi chỉ khi người vợ đến giai đoạn hưng tình. Để cho vợ hưng tình chỉ có một phương pháp vuốt ve (nhưng phải có nghệ thuật, không thô bạo) sờ mó, hôn hít lên môi, lên đôi núm vú..., lên các vùng nhạy cảm như đùi non, phía bụng dưới, vùng âm hộ, bờ vai, cổ, ngực..., những động tác ôm ấp từ từ nhẹ nhàng nặng... Đây cũng là quá trình cần có ban đầu mà anh chồng nên thực hiện với một thời gian thoả đáng.

Qua ví dụ trên cho thấy, người chồng trong đêm tân hôn đã “làm tắt”, nóng vội, động tác thô lỗ gấp gáp, không có giai đoạn sờ mó vuốt ve... Điều này cũng dễ hiểu, về bản chất sinh lý đàn ông thường xuất hiện mạnh mẽ và nhanh (có thể nói là tức khắc). Nếu lại chưa từng trải qua làm tình bao giờ thì lúc này khi tình dục bị dồn nén trước đó dài ngày bỗng bùng lên, gặp “lối thoát” trỗi dậy phóng ra ào ào như nước vỡ bờ. Do vậy bản thân anh ta có thể không thô lỗ, không hấp tấp nhưng lúc này đã không thắng được bản năng tình dục tự nhiên mà làm như vậy. Trong trường hợp này, đòi hỏi người chồng phải cố phục hồi lý trí để kìm chế khát vọng dục tính mà tiến hành công đoạn đầu sờ mó vuốt ve. Làm như vậy mình cũng thoả mãn được dục vọng tình dục (càng tạo

thêm hưng phấn, dương vật càng cương cứng thêm), mà cũng vì khoái cảm tự nhiên của vợ mình. Lúc này câu nói “mình vì mọi người, mọi người vì mình” có lẽ mới đúng nhất, mới đáng làm!

Về cái vuốt ve của anh chồng...

Về điều này thì câu nói của thi hào lớn người Pháp là Balzac đúng nhất: hết sức âu yếm vợ, tránh thô bạo lỗ mãng. Động tác vuốt ve sờ mó của chồng trong đêm tân hôn phải khác với trước khi kết hôn và sau khi kết hôn được vài năm. Vì trong thời kỳ yêu nhau trước khi cưới gả, hai bên nam nữ có thể đã từng hưng phấn, hôn hít, ôm nhau (thời xưa người ta coi như thế là hư hỏng, thời hiện đại thì bình thường, mới đúng tự nhiên), nhưng sự tiếp xúc như vậy khác về chất với vuốt ve sờ mó trong đêm tân hôn. Ví dụ như trước đây họ có thể ôm hôn nhau, nhưng chưa bao giờ khoả thân ôm hôn nhau trong đêm tân hôn; trước có thể hôn nhau nhưng trên môi, còn trong đêm tân hôn nay thì lại hôn khắp người. Trong đêm tân hôn người ta vuốt ve “sâu”, điều mà trước đó nếu có chỉ “nông” mà thôi. Sự vuốt ve sâu như vậy, làm cho vợ chồng mới cưới cảm thấy sung sướng tuyệt vời, mới thấy cái sướng sơ bộ như thế nào của lạc thú trần gian. Vì vậy, trong đêm tân hôn chỉ cần vuốt ve rất bình thường là đã gây hưng phấn tình dục. Đồng thời họ còn “làm thủ” một vài động tác mới như hôn hít, sờ mó những chỗ mà trước đây chưa bao giờ làm. Nhưng các bạn trẻ hãy lưu ý một điều, theo ý kiến của các nhà chuyên gia Tình dục học, trong đêm tân hôn nên bảo lưu hay “để dành” một số bộ phận nào đó không đụng chạm đến thì tốt hơn, mục đích để duy trì sự thần bí có lợi cho sinh hoạt tình dục sau này. Một lý do khác nữa là, đêm tân hôn là một đêm mới toanh, mọi việc diễn ra trong đêm này cũng hết sức mới, sinh hoạt tình dục cũng chỉ là bước thử nghiệm đầu tiên, cần có một quá trình theo dõi và thích ứng của cô vợ mới và anh chồng mới. Nếu mới mở đầu như vậy mà đã làm đủ mọi chuyện thì cũng “sờ sợ” cho ai đó một trong hai người, điều đó sẽ dẫn đến dễ phá vỡ sự cân bằng tâm lý, gây ra sự chán ghét hoặc lo sợ trong sinh hoạt tình dục.

Những cái linh tinh nhưng quan trọng khi trên giường

Trong đêm tân hôn, điều đầu tiên cần làm nổi bật sắc thái lãng mạn. Một số cặp vợ chồng trên giường trong đêm tân hôn trước khi làm tình có nói chuyện. Nói chuyện cũng được, nhưng các bạn hãy nhớ tuyệt đối không nói chuyện quá thực tế mà dài dòng, như sinh

mấy đứa con, nuôi dạy con thế nào, chuyện làm ăn, chuyện bạn bè với mình ra sao... Bởi lẽ, hai người lúc đó đang đắm chìm trong giấc mộng đẹp kỳ thú của tình dục, tình yêu, lại đem mấy chuyện đời thường quá thực tế và dung tục sẽ làm mất hứng cho cả hai. Nếu có nói chuyện thì chỉ nên nói chuyện yêu đương, chuyện trữ tình, nếu có thì thêm vài lời hài hước tình tứ cũng về yêu đương, thậm chí có thể nói về chuyện xoay quanh tình dục.

Những động tác vuốt ve sờ mó trên giường nên nhẹ nhàng khoan thai, tránh vội vàng thô bạo, theo kinh nghiệm, vuốt ve ở phần trên hơn là ở phần dưới. Ngay chuyện cởi cúc áo vợ cũng nên chú ý, cởi từ từ từng cái một, nhẫn nại một chút. Áo quần nữ nhiều cúc, nhiều giây, nếu không biết cách cởi thì nhờ vợ giúp. Phối hợp nhỏ giữa hai bên như vậy cũng có thể làm cho cả hai thấy tình yêu dịu ngọt. Người ta cũng khuyên, hai người cởi quần áo ra cũng nên tách riêng ra. Tóm lại, cần làm cho giai đoạn vuốt ve sờ mó khởi đầu trong đêm tân hôn biến thành một bản tình ca lãng mạn, một dạ khúc dịu dàng êm đềm, để tạo ra một cơ sở vững chắc cho cuộc sống hoà hợp mai sau.

Về người vợ trên giường trong đêm tân hôn

Phần lớn các cô dâu do nữ tính mà họ thấy e thẹn, xấu hổ và hồi hộp lúc trên giường trong đêm tân hôn. Về tính e thẹn này thực ra chỉ có lợi cho người vợ, vì làm cho chồng thấy cái hiền thực của vợ mình và cảm thấy cái tình tứ của đôi lứa mệnh mang nên càng thêm yêu, thêm quý vợ. Nhưng tâm trạng hồi hộp pha chút sợ hãi thì không bao giờ có lợi cho chính cô dâu và chú rể, có khi còn gây hại. Người nữ hồi hộp lo sợ dễ làm cho cơ âm đạo co thắt lại, sẽ gây khó khăn cho người chồng thực hiện cuộc giao hợp. Theo tài liệu nghiên cứu, có cô gái 24 tuổi, đêm tân hôn hồi hộp quá, đến mức toàn thân cứng đờ, cưới nhau đã 3 ngày rồi giao hợp vẫn thất bại. Anh chồng đưa vợ đi bệnh viện, bác sỹ tư vấn, hướng dẫn, sau đó mới đạt được việc giao hợp với chồng. Sinh hoạt tình dục trong đêm tân hôn như vậy thật là ngán ngấm.

Nói về chuyện này với các cô dâu: sở dĩ có tâm trạng hồi hộp như vậy vì cô dâu chưa từng thể nghiệm sinh hoạt tình dục, tưởng tượng ra nên nghĩ đau nên sợ, hoặc lo sợ một cách vu vơ. Trên thực tế, các cô dâu chẳng có gì mà phải lo sợ giao hợp, vì âm đạo co giãn tốt, lỗ âm đạo có thể mở to, thậm chí khi giao hợp lần đầu không

nhất thiết bị đau hay chảy máu. Theo tài liệu điều tra ở nước ngoài, các nhà nghiên cứu cho biết, khoảng 50% phụ nữ không cảm thấy đau hoặc chảy máu trong lần giao hợp đầu tiên. Vậy các cô dâu hãy bình tâm.

Các cô dâu nên biết một điều, thay vì sự hồi hộp lo âu, hãy đối diện với một thực tế rất ngọt ngào trong đêm tân hôn, do vậy nên áp dụng những biện pháp tích cực cùng chồng thực hiện bản hợp ca tình ái hay đẹp. Như nữ không nên hoàn toàn bị động mà chủ động phối hợp với chồng. Làm như vậy có thể làm giảm bớt cảm giác đau (nếu có) và tăng thêm khả năng thành công ngay trong vòng đầu cuộc tình. Ví dụ người vợ có thể chuẩn bị trước mỡ bôi trơn (như kem bôi trơn K-Y 82G của hãng Gohnson & Gohnson hiện nay thường bán trong các hiệu thuốc Tây) có tác dụng làm trơn âm đạo, nên thả lỏng các cơ, hai đùi cong cong dạng ra, như vậy có thể giảm bớt cảm giác không thoải mái.

Nếu cuộc làm tình trong đêm tân hôn lần đầu không thành, hai vợ chồng mới cưới cũng không nên lo lắng buồn rầu. Đó là chuyện bình thường khó tránh. Dù có thất bại đôi lần, nhưng bên lòng học hỏi, nghe tư vấn và hết sức bình tĩnh khi vào cuộc thì tất thành công tốt đẹp.

Một vấn đề rất lớn trong đêm tân hôn là màng trinh nữ. Màng trinh nằm ở cửa âm đạo, là một màng mỏng. Trong lần giao hợp đầu tiên nó sẽ rách ra, gây chảy máu. Xưa kia, chú rể rất quan tâm hiện tượng chảy máu khi lần đầu giao hợp với cô dâu, nếu thấy máu là cô dâu còn trinh tiết, nếu không gọi là thất tiết. Trên thực tế không ít cô gái có màng trinh quá mỏng, nên khi vận động mạnh, như chơi thể thao, ngồi xe máy, đi xe đạp...nó sẽ rách. Đối với những cô gái như vậy, sẽ không thấy máu chảy trong lần giao hợp ở đêm tân hôn. Chuyện là như vậy, nhưng trong lịch sử tình yêu của nhân loại, cái màng trinh đã gây biết bao bi kịch cho nhiều cặp vợ chồng. Bi kịch là đêm tân hôn, âm đạo không có máu chảy ra sau khi giao hợp, bị chồng nghi ngờ uất lên thành bệnh, có người còn đi tự tử. Cũng có hài kịch do màng trinh gây nên, đó là sự thất bại liên tiếp của chú rể trong đêm tân hôn và những đêm tiếp sau đó. Khi đến bác sỹ thì mới biết do màng trinh quá dày, bịt kín kiên cố lỗ âm đạo! Trường hợp này, người ta phải làm một tiểu phẫu thuật. Do vậy, nếu các cô dâu chú rể có kiến thức khoa học về màng trinh thì không còn bi kịch nào xảy ra nữa.

Vấn đề tránh thai trong đêm tân hôn

Đúng là một vấn đề. Nhiều nhà nghiên cứu đã khuyên đôi vợ chồng mới cưới nên dùng biện pháp tránh thai trong đêm tân hôn. Vì người ta sinh con khoẻ mạnh như ý chỉ khi hai vợ chồng sung mãn về sức khoẻ, trong trạng thái tinh thần thoải mái. Nhưng bước vào ngày cưới, hai vợ chồng phải lo lắng nhiều việc, tiệc tùng, tiếp khách, hạch toán và thanh toán..., nhiều việc lắm mà cũng mệt nhọc lắm.

Vào tuần trăng mật

Lại sinh hoạt tình dục nhiều nhiều, đi đi về về bằng tàu xe, máy bay...đường xá xa xôi, ăn uống thất thường và không bình thường... các yếu tố này làm cho tinh dịch của nam ít dần đi và kém chất lượng, người vợ cũng mèn mẹt. Thụ thai trong trường hợp quá ư mệt nhọc như vậy, lại rượu say, giao hợp dày đặc thì đứa con sinh ra có thể kém về thể chất và trí tuệ. Do đó, vì thế hệ mai sau, vì hạnh phúc gia đình, đôi vợ chồng mới cưới nên giao hợp thụ thai sau thời kỳ tân hôn khoảng 2-3 tháng. Vì lúc này cuộc sống đã ổn định, sức khoẻ đã hồi phục lại, sinh hoạt tình dục đã đi vào quy luật, cả hai đã có “kỹ năng” về chuyện ấy, việc thụ thai tất tốt đẹp.

Những điều nói trên là đêm tân hôn đối với ai là lần đầu tiên có chuyện ấy trong cuộc đời. Không thể phủ nhận, ngày nay nhiều đôi trai gái trước khi kết hôn đã có sinh hoạt tình dục rồi. Ở phương Tây, số thanh niên như vậy chiếm một tỷ lệ khá lớn, có khi tới trên 90%. Đối với những ai tái hôn, chuyện làm tình cũng chẳng lạ gì. Nhưng chỉ khi đã có cưới gả thì mới có đêm tân hôn, mà đêm này dù sao cũng là một cái mốc ban đầu đánh dấu một cuộc sống lứa đôi của một nam một nữ, nếu ai đã có sẽ không bao giờ quên, còn ai sắp có hẳn chắc đang diễn ra đủ mọi tưởng tượng.

V. ĐIỀU GÌ CÒN CÓ THỂ XẢY RA TRONG TUẦN TRĂNG MẬT?

Hẳn chắc tuần trăng mật của đôi vợ chồng có gì đặc biệt mà còn nói lại thế này? Theo nghiên cứu của các nhà tình dục học và tâm lý học, cũng như *kinh nghiệm dân gian hiện đại* thì có đấy.

Thời hiện đại, sau cái đêm tân hôn đầy ấn tượng, đôi vợ chồng trẻ dắt tay nhau đi hưởng tuần trăng mật. Cũng có cặp vợ chồng do chưa có điều kiện hoặc vì những lý do nào đó thì lặng lẽ hưởng tuần

trắng mặt tại chỗ. Thực ra, một chuỗi ngắn ngày tiếp theo sau đêm tân hôn cũng là “tuần trăng mật”. Vì trong thời gian ngắn này, đôi trai gái háo hức khai thác “mật tình” mới tình của nhau.

Mật ngọt và mật đắng

Tuần trăng mật là cụm từ tiếng Anh: Honey Moon (Honey = mật, Moon = trăng), có nghĩa là tháng đầu tiên sau ngày cưới *ngọt như mật*. Trong tuần trăng mật, tất nhiên tâm tình đôi vợ chồng mới rất thoải mái, tình yêu nóng bỏng, nhưng chủ yếu là thời gian đỉnh cao của sinh hoạt tình dục. Trong cuộc đời, khát vọng tình dục trong thời gian này là cuồng nhiệt nhất, hai vợ chồng tham gia sinh hoạt tình dục hằng hái nhất, số lần giao hợp trong một ngày đêm dày đặc nhất. Theo kết quả điều tra của các nhà nghiên cứu, phần lớn các cặp vợ chồng dung hợp với nhau đều cho rằng, họ có mức độ thỏa mãn tình dục trong thời kỳ này cao nhất. Nhưng cũng theo thống kê của các nhà xã hội học, các nhà tâm sinh lý học, những mặt trái sau tuần trăng mật cũng làm cho mọi người đáng lo ngại, nhất là những chàng trai cô gái sắp kết hôn cũng cần phải biết mà “lượng sức” mình. Một công trình nghiên cứu về tuần trăng mật (số liệu thống kê và điều tra nghiên cứu ở cả châu Âu và châu Á) cho biết: có tới 20% cặp vợ chồng xuất hiện rắc rối về tình dục trong tuần trăng mật. Đương nhiên có rắc rối về chuyện ấy...thì cũng có nghĩa là hạnh phúc đầu đời này đã bắt đầu suy giảm (một sự suy giảm quá sớm!). Như vậy, qua hai mặt chính diện và phản diện này cho các chàng trai và cô gái sắp kết hôn một điều rằng: tuần trăng mật (và cả tiếp ngay sau đó) có hạnh phúc hay không, do sinh hoạt tình dục quyết định. Từ điều này, không phải là quá đáng nói rằng, hạnh phúc của một gia đình đôi bạn trẻ do tình dục quyết định (đối với các cặp vợ chồng ở lứa tuổi trung niên thì điều đó là một điều kiện cần và đủ) do tình dục quyết định.

Công trình tình yêu-tình dục

Để giúp các cặp vợ chồng trẻ có cơ sở giữ gìn hạnh phúc, các nhà nghiên cứu xã hội học, tâm sinh lý học đã nêu ra ý tưởng thiết kế “công trình tình yêu-tình dục” sau ngày cưới. Xuất phát từ thực tế xưa và nay, sau ngày cưới tức trong tuần trăng mật, là thời kỳ đôi vợ chồng trẻ mò mẫm sinh hoạt tình dục, họ sinh hoạt tình dục theo bản năng riêng của mình, nghĩ sao làm vậy. Kết quả là họ đã nảy

sinh ra nhiều sở thích thành thói quen trong làm tình. Các thói quen hay sở thích đó có khi kéo dài suốt đời. Nếu các sở thích này là tích cực và bổ ích thì không sao, nhưng nếu nó vô bổ, thậm chí thể hiện sự bệnh hoạn thì tai hại lớn. Đã có trường hợp xảy ra về chuyện sở thích này: có một đôi vợ chồng mới cưới đều khoẻ mạnh, trong tuần trăng mật mỗi ngày trung bình giao hợp với nhau từ 1 đến 3 lần, lâu ngày thành thói quen, ngày nào không làm tình thì rất khó chịu. Vì sinh hoạt tình dục quá độ, một năm sau anh chồng mắc chứng mất tinh dịch nên không làm cho vợ có thai và đã có dấu hiệu vô sinh. Như vậy, sự mò mẫm và thiếu kiến thức về sức khoẻ sinh sản trong tuần trăng mật, cuối cùng đã không mang lại sự vui vẻ và hạnh phúc cho cả hai.

Có chú rể có sở thích đi tìm kiểu giao hợp mới với vợ (không thích theo lối thông thường nam trên nữ dưới úp mặt vào nhau), nên cứ hý hoáy mãi mà không tìm ra được kiểu vừa ý, do vậy bản thân mình cứ phiền lòng, trong khi đó bản thân tình dục ngày càng hùng hực. Cuối cùng anh ta mắc chứng bệnh mất hưng phấn tình dục (cũng là dạng liệt dương thể nhẹ).

Mò mẫm không thích hợp còn có thể sinh ra quan niệm sai lầm về tình dục, đã ảnh hưởng đến khoái lạc tình dục sau này. Trong đêm tân hôn (và khi cả sau này), đã có người vợ không chấp nhận kiểu giao hợp của người chồng, trong khi đó anh ta rất thích. Chỉ vợ cho rằng, đó là kiểu giao hợp thiếu “đứng đắn” hoặc “vô văn hoá”, nên đã sinh ra tâm lý cố chấp, phản cảm với anh chồng mỗi khi làm tình. Cuối cùng cả hai đều chán mỗi khi vào cuộc làm chuyện ấy...

Để tránh những đáng tiếc sẽ xảy ra trong tuần trăng mật sau ngày cưới, các chàng trai cô gái nên có kiến thức về tình dục học và tự thiết kế công trình yêu đương và tình dục. Công trình yêu đương và tình dục là bản thiết kế tổng thể toàn bộ giai đoạn tuần trăng mật, đề ra những mục tiêu khả thi để hai vợ chồng cùng phấn đấu nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Xây dựng một chương trình hợp lý về sinh hoạt tình dục hoà hợp, sao cho vừa tận hưởng hết cái lạc thú trần gian, lại giữ gìn được sức khoẻ của cả hai, lại vừa có trạng thái tâm lý thoải mái.

Trong công trình yêu đương và tình dục, một khoa mục cơ bản trong đó là nghệ thuật làm tình, trình độ của nghệ thuật này có

nhiều mức độ cao thấp khác nhau, giống như một nhạc cụ, người này chơi thì hay hay, người kia thì siêu tuyệt, cũng có người chơi nghe không có cảm tưởng gì hoặc khó nghe. Muốn “chơi hay” trong cuộc tình, thì khi bước vào tuần trăng mật hai vợ chồng nên xoá bỏ tâm lý then thùng, cùng nhau học tập một số kiến thức về tình dục qua sách báo, qua những người lớn tuổi đã trải đời. Nhưng chú ý một điều, không nên học tập kiến thức tình dục cũng như trao đổi kinh nghiệm với những người cùng trang lứa, với những người còn trẻ, kể cả ở giai đoạn trung niên. Bởi lẽ họ chưa trải nghiệm, chưa có cơ sở hiểu biết chín muồi về tình dục, cho dù họ có nhiệt tình cao với các bạn. Thực tế đã chứng minh, như có một anh bạn trẻ vừa mới cưới vợ không lâu, nghe bạn bè chỉ bảo có một loại thuốc tây viên uống vào làm dương vật cương cứng lâu, có thể làm cho cuộc tình lâu hơn, thế là không tiếc tiền mua ngay dùng. Quả nhiên sau khi dùng thuốc công hiệu thật, anh ta chưa kịp sung sướng lâu lâu thì chỉ một thời gian sau bị rụng tóc và lông mi, khi giao hợp với vợ còn cảm thấy đau. Rõ ràng lời khuyên thật đúng nhưng tai hại cho sức khoẻ. Thực ra những thuốc gây cường dương nhanh chỉ dùng cho những người có tuổi và khả năng tình dục có vấn đề bệnh lý. Các nhà y học cũng chứng minh, thuốc tây kích thích cường dương nhanh mạnh thì cũng để lại di chứng sau đó là dẫn đến bệnh liệt dương khó có thể phục hồi lại được. Nếu bạn của bạn còn trẻ đã dùng thì đúng là có cơ sở có công hiệu, nhưng anh ta còn trẻ, cái di chứng tai hại kia chưa đến ngay nên anh ta vẫn cho mình đúng và truyền cho bạn. Nếu bạn cứ tin mà dùng là một tai hoạ. Một cách học tập tai hại về kiến thức tình dục!

Tình dục cũng có hai bước: giữa học với hành

Học được kiến thức tình dục rồi, nhưng điều quan trọng cơ bản nhất vẫn là thực hành sao cho có hiệu quả. Nhưng khi thực hành phải tuỳ cơ ứng biến. Ví dụ bạn học được cách kích thích vào vùng nhạy cảm để làm tăng hưng phấn tình dục, nhưng do cơ địa hưng phấn của vợ chồng bạn khác nên đối với bạn lại chai lì không có phản ứng gì. Do vậy bạn phải thay đổi vùng kích thích.

Các cô dâu chú rể cần biết rằng, nam nữ có thái độ khác nhau về việc vận dụng tình dục. Nói chung nam nhiệt tình hơn nữ về vấn đề này, còn nữ thường có thái độ dửng dưng. Cũng có cô dâu có thái độ phản đối nếu ông chồng vận dụng những cách giao hợp mà

cô cho là khác thường. Do vậy, cả hai vợ chồng cần thông cảm với nhau, nam nhiều khi cũng cần chiều vợ, vợ nhiều lúc cũng chiều chồng một chút xem sao. Nhưng anh chồng cũng nên giải thích cho vợ về cách “làm thủ” của mình và xin ý kiến vợ, làm như vậy sẽ không ảnh hưởng đến lòng tự trọng của vợ. Về phía người vợ nếu thấy không thoải mái cũng không nên có phản ứng quá mạnh mẽ mà đề nghị dừng lại. Có chị vợ lúc đó thấy khó chịu đã mắng chồng: “đồ quỷ dâm dật!”. Nói như vậy đúng là sưng miệng, biết đâu rằng đã thiêu trụi lòng nhiệt tình làm tình của chồng, không chỉ trong đêm nay mà cả đêm mai đêm tiếp theo... Có khi dẫn đến sự lạnh cảm của người chồng trong sinh hoạt tình dục sau này.

Vợ chồng mới cưới chưa quen với sinh hoạt tình dục, nên khi làm tình tránh sao khỏi có những động tác vụng về. Trong tuần trăng mật là thời điểm thích hợp nhất để kiến thức và kinh nghiệm tình dục đã học được đem ra thực hành, nếu hai bên chịu nhẫn nại phối hợp với nhau thì ngày càng thành thạo. Sự phối hợp này có hai mặt: mặt phối hợp động tác làm tình và mặt phối hợp về tâm tư. Trên thực tế, việc phối hợp động tác giao hợp thì không khó, chỉ cần người vợ theo sự dẫn dắt của người chồng như khiêu vũ: nam tiến một bước nữ cũng tiến một bước. Tuy vậy, nam có quyền chủ động nhưng không vì thế mà lạm dụng, cần quan tâm đến tình hình thực tế và nhu cầu của vợ. Còn người vợ tuy theo nhưng không nên thụ động như con rối mà cũng có lúc cần chủ động phối hợp, ví dụ cô ta có thể cầm tay chồng nên đặt vào đâu trên cơ thể mình nhạy cảm nhất.

Phối hợp tâm tư trong làm tình là hiểu lòng nhau trong khi giao hợp. Trong lúc này, một bên nghĩ gì thì bên kia hiểu ngay không cần nói. Đây là một cảnh giới lý tưởng trong sinh hoạt tình dục của đôi vợ chồng. Khi phối hợp tâm đã thành thuần thục, thì người chồng làm gì không cần qua lời nói, người vợ hưởng ứng ngay sự ham muốn đó một cách nhịp nhàng tức thời. Tuy vậy nhiều khi cũng dùng ám hiệu cho nhau, như người vợ muốn được chồng tiếp tục vuốt ve sờ mó, thì chỉ cần thì thầm một tiếng, hô một cái nhẹ, hoặc làm động tác tay, đùi...nếu anh chồng đã đồng thông tâm tư thì hiểu và đáp ứng ngay. Như vậy dù tâm tư có thông nhau thì cũng nên có môi giới như qua các động tác trên, làm như vậy để người chồng mới biết để làm động tác cho phù hợp.

Tính sáng tạo trong tình dục

Trọng điểm bồi dưỡng nghệ thuật sinh hoạt tình dục trong tuần trăng mật không chỉ học tập mà còn có sáng tạo. Sinh hoạt tình dục cũng coi là sự thể nghiệm giàu cá tính, sự “lao động” miệt mài có đắng cay, thất bại và thành công. Kết quả lao động này chỉ có thể chú rể và cô dâu biết. Do vậy cần đề xuất sự sáng tạo mới làm cho sinh hoạt tình dục giàu màu sắc mang lại khoái lạc thực sự. Ví dụ, bạn có thể sáng tạo ra tư thế giao hợp, cách này chưa ổn thì quay sang cách khác. Hoàn cảnh sinh hoạt tình dục cũng cần có sáng tạo, ví dụ chuyển việc làm tình từ buồng ngủ vào nhà tắm, phòng sách, từ trên giường sang ghế sofa, hoặc trên sàn nhà...làm như vậy cũng là sáng tạo. Cũng có thể lợi dụng các vật dụng bình thường mà sáng tạo ra một vài chuyện nhỏ sẽ thú vị vô cùng. Ví dụ lợi dụng cái gương cũng có thể làm ra nhiều chuyện kỳ thú. Như đặt gương trên giường theo một góc độ mới, phương vị mới, có thể tạo ra hiệu quả không ngờ. Tóm lại thời kỳ trăng mật có nhiều chuyện hay lắm, các chú rể và cô dâu hãy chịu khó nghĩ thì sẽ thấy.

Hãy cảnh giác với tâm lý lo ngại chuyện làm tình

Thường thì các cặp vợ chồng mới cưới thường xuất hiện nhiều điều bất khoản trong việc sinh hoạt tình dục. Nhìn chung những lo ngại này là thừa và kỳ cục, có khi còn gây ra hậu quả xấu cho hạnh phúc lứa đôi. Trên thực tế có cô dâu chỉ sợ sự hứng tình của mình bộc lộ ra để rồi chồng đánh giá này nọ, nên khi hưng phấn cứ nằm ỳ ra không cựa quậy và im như thóc. Khi vào sinh hoạt tình dục không những kéo rèm che kín rồi mà tắt đèn, còn dùng cả khăn che mặt nữa! Lại có chú rể có khả năng và rất mong muốn làm tình với vợ một ngày vài lần, nhưng lo sợ không “đúng mức” nên cố nhịn mà hoàn thành “định mức” hàng tuần, hàng ngày. Có người sợ vợ thụ thai nên khi hứng lên vẫn cố kìm hãm xuất tinh trong trạng thái vừa lo vừa sợ. Có người lại cho việc mình làm tình là “có tội”, là “nhơ nhớp” nên cứ nhìn thấy ai quen thì đỏ mặt ngượng ngượng. Theo điều tra của các nhà nghiên cứu, phần lớn các chứng lãnh cảm tình dục ở nữ, bệnh liệt dương ở nam giới đều do tâm lý căng thẳng trong thời kỳ trăng mật gây ra

Để xóa bỏ những sai lầm này, các bạn trẻ sắp kết hôn (hoặc sau vài ngày cưới) cũng nên có sự tư vấn của các chuyên gia tâm

lý về tình dục học. Người còn có bản lĩnh thì phải hiểu rằng đây là lẽ tự nhiên của cuộc đời, rằng bước vào sinh hoạt tình dục cần có sự thoải mái ở cả hai bên. Có thoải mái thì nam hay nữ đều có cao trào hết. Ngay đối với nữ, theo điều tra của hai chuyên gia tình dục nổi tiếng thế giới ngày nay là ông bà Mastess và ông Kinsey, thì đại bộ phận nữ đều có năng lực cao trào tình dục khi làm tình. Do đó chỉ cần xoá bỏ mọi quan niệm lệch lạc về tình dục và chịu khó thực hành, phát huy hết năng lực tình dục của bản thân là hạnh phúc.

Hãy đề phòng căn bệnh ngọt ngào

Các cô dâu chú rể và cả những chàng trai cô gái cần biết một điều rằng, sinh hoạt tình dục sau ngày cưới là một môn khoa học thực hành tổng hợp. ở đây không những có kiến thức về xã hội học, tâm lý học, sinh lý học mà còn có cả y học nữa. Muốn sinh hoạt tình dục được hoàn mỹ, nhất định phải có hiểu biết thường thức về y học. Nhận thức này không chỉ rút ra từ lý luận mà từ các bài học đau lòng của nhiều người.

Trên thực tế đã có một thanh niên mới 32 tuổi đã chết vì bệnh ung thư dương vật. Trước khi chết anh ta có nguyện vọng biết nguyên nhân vì sao. Bác sỹ cho biết, nguyên nhân là do quy đầu của dương vật anh ta quá dài, khi kiểm tra trước khi cưới, bác sỹ đã khuyên anh ta nên làm phẫu thuật, nhưng anh ta sợ đau không làm. Sau khi cưới, anh ta đã không chú ý vệ sinh, nên đã bị viêm quy đầu nhiều lần. Anh không ngờ rằng bao quy đầu dài quá nên không thể rửa sạch được khiến bên trong đọng lại nhiều chất bẩn, nên lâu ngày kích thích thành ung thư. Chất bẩn ở bao quy đầu anh ta còn làm hại đến vợ, khi sinh hoạt tình dục, đã truyền bệnh cho vợ, nên vợ anh ta mắc chứng viêm tử cung, nếu nặng có thể biến chứng thành ung thư tử cung.

Qua ví dụ trên, các cô dâu chú rể (và cả các cặp vợ chồng nữa), nên chú ý giữ gìn vệ sinh cho bộ phận sinh dục, trước khi sinh hoạt tình dục phải rửa , làm vệ sinh sạch sẽ. Cấu tạo dương vật nam đơn giản nên dễ rửa sạch chất bẩn. Cấu tạo âm đạo nữ nhiều nếp gấp, phức tạp, gần hậu môn, nên phải hết sức thận trọng rửa cho kỹ mới sạch.

Nữ giới lại có kỳ kinh nguyệt nên dễ mắc bệnh về tình dục hơn nam giới. Như trong thời kỳ hành kinh, niêm mạc tử cung bong ra,

thành tử cung bị thương tổn, nếu giao hợp vào thời kỳ này dễ làm cho bộ phận sinh dục bị thương tổn viêm nhiễm, làm cho vùng hố chậu bị xung huyết nặng. Nếu đã bị viêm hố xương chậu từ trước khi giao hợp thì trong thời kỳ hành kinh có thể gây ra viêm nhiễm cấp tính. Có người sau khi sạch kinh 2-3 ngày lại có kinh ngay, lúc này càng chú ý và không được giao hợp vì sẽ gây viêm nhiễm. Nếu anh chồng đòi hỏi phải giải thích để anh ta rõ sự nguy hiểm mà anh có thể gây ra. Còn nếu cứ giao hợp vào lúc này thì không những hại cho sức khỏe mà còn làm cho máu kinh nhiều thêm và kéo dài kỳ kinh nguyệt.

Căn bệnh ngọt ngào do sinh hoạt tình dục không vệ sinh và không khoa học chủ yếu có hai loại: một loại làm tổn thương âm đạo, tổn thương âm hộ ngoài; một loại bệnh nữa là bệnh của nam giới: viêm tuyến tiền liệt mãn tính. Biểu hiện lâm sàng của bệnh phụ nữ nhẹ là sưng tấy cục bộ, bệnh nhân cảm thấy bất thoải mái, có thể bị xuất huyết bên trong, nặng thì xuất huyết bên ngoài, thậm chí có khi bị choáng. Tổn thương này do động tác giao hợp của chồng thô bạo quá, nóng vội nhét dương vật vào rồi lại làm hùng hục quá nên sinh bệnh cho vợ. Sau khi bị "hành" như vậy, người vợ sẽ sợ sự làm tình, tình dục giảm sút mạnh.

Đối với anh chồng, viêm tuyến tiền liệt mãn tính là do nhịp sinh hoạt tình dục quá nhiều, hoặc lại quá hạn chế việc giao hợp, hoặc đột ngột cắt đứt sinh hoạt tình dục ngay. Triệu chứng của bệnh thường thấy là rất bỏng niệu đạo, có thể đau lan ra đầu dương vật, có thể đau cả vùng gần cơ quan sinh dục, kèm theo suy nhược thần kinh. Nam giới mắc bệnh này, cần điều trị gấp, đồng thời phải thay đổi quy luật và tập quán sinh hoạt tình dục. Nếu không sẽ dẫn đến liệt dương, ung thư tiền liệt tuyến.

Bộ phận sinh dục làm vệ sinh không tốt, sẽ làm cho hệ thống bài tiết nước tiểu bị viêm nhiễm, vợ chồng mới cưới thường mắc chứng bệnh này, do đó còn có tên là *bệnh viêm bàng quang trắng mật*. Vì cơ quan sinh dục nam và nữ và vùng xung quanh thường có một ít vi khuẩn, khi giao hợp bộ phận ngoài của hai vợ chồng cọ sát nhau, bức tường thiên nhiên che chắn lỗ niệu đạo bị tổn thương, vi khuẩn chui vào bàng quang gây ra viêm nhiễm. Triệu chứng thường gặp là mót đái, đái gắt, đau niệu đạo, bệnh nặng có thể đi đái rất nhiều lần gần như không cầm được. Nữ bị viêm nhiễm niệu đạo còn cảm thấy bỏng rát ở niệu đạo và càng đau hơn

khi đi tiểu. Cách dễ phòng đơn giản hệ thống dẫn nước tiểu là ngoài vệ sinh tốt bộ phận sinh dục, còn một phương pháp đơn giản là: khi giao hợp xong thì người vợ đi tiểu luôn, nước tiểu có tác dụng tẩy rửa, tổng vi khuẩn ra ngoài, rất lợi cho sức khỏe nữ giới.

Khi giao hợp tất nhiên thân thể hai người cọ sát nhau, nếu một bên có bệnh truyền nhiễm sẽ lây sang bạn tình. Các bệnh viêm nhiễm hệ thống sinh dục tiết niệu mà hai bên có thể lây sang nhau thường thấy có hai loại: viêm nhiễm âm đạo do trùng roi và viêm nhiễm âm đạo do nấm mốc.

Bệnh viêm nhiễm âm đạo do trùng roi là do lông âm hộ bị nhiễm trùng roi gây nên. Con trùng roi không những cư trú ở âm đạo mà còn có thể chui vào niệu đạo hoặc bàng tuyến niệu đạo, thậm chí vào cả bàng quang, bể thận. Bất kể chồng hay vợ bị nhiễm trùng roi đều có thể lây cho bạn đời, nhưng thường nữ bị bệnh nhiều hơn nam. Biểu hiện mắc bệnh âm đạo viêm nhiễm trùng roi là chất thải ở âm đạo nhiều hơn, màu sắc khác thường, có mùi hôi. Nếu chất thải gây ra nhiều thì có thể gây ra dái dất, đau khi tiểu tiện. Con trùng roi có thể ản tinh trùng, và cản trở việc tạo ra axit lactic, thế là tinh trùng không sống sót, do đó không thể thụ thai sinh con.

Bệnh viêm nhiễm âm đạo do nấm mốc thấp hơn bệnh viêm nhiễm âm đạo do trùng roi, cách lây lan giống như bệnh trùng roi. Biểu hiện bệnh chủ yếu là ngứa bên ngoài âm hộ, rất bồng, bệnh nặng thì đứng ngồi không yên, hết sức đau đớn.

Còn một loại bệnh truyền nhiễm nữa là bệnh rạn đường sinh dục. Nó hình dạng giống con cua, nhỏ bằng đầu bút bi, bám chắc vào lông hạ bộ, hút máu người. Người bị bệnh này sẽ ngứa bộ hạ, hay gãi, sinh ra nhiễm khuẩn. Nếu phát hiện bệnh, vợ chồng bàn nhau cạo lông hạ bộ, luộc quần áo, làm đi làm lại vài lần sẽ hết.

Sau ngày cưới và khi đã là vợ chồng, thường xuyên sinh hoạt tình dục cũng khó tránh khỏi bệnh tật. Mắc bệnh không đáng sợ, điều đáng sợ là không dám nói ra để đến bệnh viện và xin tư vấn của thầy thuốc. Điều đáng trách là, lúc bình thường chỉ cần hu hí, khúng khoắng chút ít đã đến bác sỹ ngay, nhưng những triệu chứng liên quan đến tình dục thì lại cố chịu đựng, không dám hé răng nói với ai (nếu thấy khó gì đó về tâm lý, mà tại sao lại không lẳng lặng một mình đi đến bác sỹ!). Đã có trường hợp sau: một cô

gái lấy chồng mới vài ngày, đột nhiên không ngủ chung với chồng nữa. Anh chồng bức lắm nghi vợ ngoại tình. Rồi một hôm chị đột nhiên tự sát. Qua bức thư tuyệt mệnh để lại, mới biết bên trái âm đạo của cô có một cái u luôn luôn chảy mủ ra ngoài. Chị sợ bị chồng nhìn thấy nên không chịu giao hợp với chồng. Đến chồng còn không cho xem thì đời nào để bác sỹ nhìn thấy. Bác sỹ kiểm tra qua thì hài chị thì thấy đó là bệnh con con rất dễ chữa. Mọi người biết chuyện đều tiếc cho chị chết uổng cả một đời.

Như vậy, nói đến các bệnh “ngot ngào” liên quan đến tình dục thì điều đầu tiên có tính quyết định là phải giải quyết vấn đề tâm lý của người bệnh, đồng thời cần có sự đồng viên thích đáng của người chồng. Các cô dâu chú rể và những người vợ người chồng, hãy coi bệnh liên quan đến tình dục cũng như những bệnh cảm cúm, nhất là theo trình độ y học hiện nay, dễ chữa trị lắm.

VI. VẤN ĐỀ CON CÁI SAU NGÀY CƯỚI

Sau ngày cưới không lâu, các đôi vợ chồng bắt đầu đối diện với hai vấn đề: sinh con và chưa muốn sinh con. Như vậy, ở mỗi một vấn đề đó, đòi hỏi các cặp vợ chồng phải có phương án sao cho đạt được mục đích đã đề ra.

1. Cách tránh thai sau ngày cưới

Cách tránh thai ở đây không chỉ dành cho đôi vợ chồng trẻ mới cưới, mà áp dụng cả cho mọi người.

Đối với đôi vợ chồng mới cưới, do điều kiện sống và làm việc nào đó mà họ chưa muốn có con. Nhưng sau đêm tân hôn, không khí làm tình cuồng nhiệt và hăm hở của hai vợ chồng mới, việc sinh con là điều rất dễ xảy ra. Sự sinh con này tất nhiên là điều ý muốn, nếu có bầu thì cũng sẽ gây ra nhiều suy nghĩ cho cả hai vợ chồng. Để giải quyết vấn đề này, người xưa và khoa học hiện đại đều có phương pháp hữu hiệu. Cho đến nay, có tất cả 4 biện pháp tránh thai, đó là: biện pháp sinh lý, biện pháp dụng cụ, biện pháp dùng thuốc và biện pháp dùng phẫu thuật.

Đối với đôi vợ chồng trẻ mới cưới và cả sau đó hàng chục năm nữa, chỉ có ba biện pháp tránh thai là thích hợp, đó là: biện pháp sinh lý và biện pháp dùng thuốc và dụng cụ.

a. Biện pháp tránh thai bằng sinh lý

Đây là cách tránh thai theo thời kỳ “an toàn” (thời kỳ khó có thể thụ thai) của phụ nữ. Nguyên lý của biện pháp này là căn cứ vào

thời gian rụng trứng của nữ thì tránh giao hợp. Như vậy khi tinh trùng vào tử cung không gặp trứng thì không thể thụ thai. Ưu điểm của phương pháp này là, cặp vợ chồng tận hưởng được khoái lạc của tình dục thông qua giao hợp tự nhiên. Không ngẫu nhiên, phương pháp này được Đức Giáo hoàng La Mã tán thưởng, và khuyến khích tất cả các tín đồ đạo Cơ đốc trên toàn thế giới nên áp dụng.

Tuy vậy, phương pháp này cũng có khi gặp sự cố, an toàn mà lại không an toàn. Bởi lẽ chu kỳ hành kinh của phụ nữ thường hay trục trặc, do ảnh hưởng nhiều nguyên nhân khác có khi đột nhiên rụng trứng ngay cả trong thời kỳ an toàn, nên vẫn thụ thai. Không những thế, cách giao hợp theo thời kỳ an toàn này, đã tạo ra cái “lịch giao hợp”, nhất là nam giới phải chịu đựng, vì phải cấm dục trong một thời gian hơi dài khoảng 1 tuần lễ của thời kỳ rụng trứng. Do vậy có khi làm cho tình cảm vợ chồng bị tổn thất do không được giao hợp như ý, hoặc khi được giao hợp vì đã an toàn rồi, nên anh chồng làm hùng hục để “bù” cho sự đã chờ đợi, kết quả đã gây tâm lý xấu cho cả hai.

Có một biện pháp tránh thai rất cổ là xuất tinh ngoài âm đạo, biện pháp còn có tên là “gián đoạn giao hợp”. Đó là khi chồng cực khoái sắp xuất tinh thì anh ta lập tức rút dương vật ra khỏi âm đạo, người vợ lúc đó nhanh chân kẹp đùi lại, anh chồng để dương vật vào rãnh hai đùi xuất tinh... cách này rất thịnh hành nhưng cũng không đáng tin, vì khi hưng phấn tình dục thì đã có một chút xíu tinh trùng từ dương vật tiết ra, dù chỉ một con tinh trùng thì cũng thụ thai. Ngoài ra, cách này đòi hỏi anh chồng phải có nghị lực phi thường, hơi chậm một chút không kịp rút dương vật ra là hỏng rồi! Vả lại đã rút được dương vật ra ngoài, nhưng chỉ cần dây chút ít tinh trùng lên môi lớn, môi bé âm đạo là cũng thụ thai. Thực tiễn chứng minh, tỷ lệ thụ thai theo cách này cũng tới 15-50%.

Một nhược điểm nữa của phương pháp này là gây căng thẳng cho cả hai vợ chồng, lúc cực khoái của chồng và lúc sắp sung sướng của vợ thì dương vật lại rút ra, chưa muốn nói anh chồng lúc nào cũng chăm chú điều khiển việc rút dương vật ra khỏi âm đạo vợ đúng lúc. Thật là giảm mất đi cả cái sướng tự nhiên và căng thẳng cho anh chồng. Hiện tượng này diễn ra nhiều lần sẽ làm suy giảm tình dục của cả chồng lẫn vợ.

Còn một cách nữa, khi người vợ trong thời kỳ cho con bú không hành kinh, nên khả năng thụ thai trong thời kỳ này tương đối

thấp. Cũng có người nghĩ sai rằng, cứ kéo dài thời kỳ nuôi con bú để giao hợp tự nhiên thì tránh được thụ thai. Nhưng theo thống kê, khả năng giao hợp trong thời gian này có thụ thai từ 15-50%. Cũng là nguy hiểm, không những thế làm tăng khả năng thiếu sữa của người mẹ.

Có một biện pháp tránh thai mà nhiều người thường làm là ngay sau khi giao hợp xong, người vợ nhanh chóng xối nước rửa sâu vào âm đạo. Vì tinh dịch chứa trùng ở thể dịch trong âm đạo trong vài phút rồi biến thành keo, sau đó khoảng 10-15 phút lại tan ra, lúc này tinh trùng mới hoạt động được (mới gặp trứng thụ thai). Như vậy xối nước mạnh rửa sâu trong âm đạo khi tinh trùng chưa kịp chui vào cổ tử cung có thể tránh thai được, nhưng phương pháp này cũng đáng ngờ.

b. Biện pháp tránh thai bằng dụng cụ

Đó là cách tránh thai dùng bao cao su được cả thế giới dùng hiện nay. Biện pháp này không làm hại cơ thể, cũng cực khoái, vừa tránh được thụ thai, vừa phòng được bệnh về tình dục.

Bao cao su, tiếng Anh là Condom, cũng là tên của người sáng chế ra nó. Vào thế kỷ 17, một quan thái y của vua Anh là Sharles II, một hôm ông ta câu được một con cá to, khi mổ thịt thấy bong bóng của nó rất to và mỏng, dai, mượt mà, bèn nảy ra sáng kiến mới. Đêm hôm đó ông dùng cái bong bóng này chụp vào dương vật để giao hợp với vợ, ông cảm thấy kết quả rất hay. Sau đó ông hiến kế này cho các vương phi, họ thực hiện giao hợp theo kiểu này thấy rất lợi mà cũng rất sướng cho cả nam và nữ. Sau này cách làm đó được truyền ra ngoài dân thường. Trải qua mấy trăm năm, có loại bao cao su mỏng như ngày nay.

Người ta có nhiều cách đánh giá về bao cao su, có người nói làm giảm khoái cảm, có người nói làm tăng khoái cảm, nhất là đối với ai yếu tình dục và di tinh lại thích dùng nó, vì nó kéo dài thời gian xuất tinh, giao hợp càng sung sướng lâu. Có cặp vợ chồng thích dùng bao cao su, như người vợ bóc bao đeo vào cho chồng làm cả hai kích thích thêm tình dục, giao hợp càng khoái cảm hơn.

Cách dùng bao cũng có nhược điểm, sau khi xuất tinh, dương vật bỗng teo đi, nếu không kịp thời rút ra thì cả bao và tinh dịch chui vào âm đạo, có khi thụ thai. Nếu sau khi xuất tinh, có trường hợp dương vật người chồng còn cương cứng, muốn ấn thêm

mấy cái vào âm đạo vợ, lúc này tinh dịch bị ép dồn tràn ra ngoài chui vào âm đạo, có thể thụ thai.

Còn một biện pháp tránh thai bằng dụng cụ chuyên dùng cho nữ giới, có tên gọi là vòng tránh thai, được đặt trong tử cung ngăn không cho tinh trùng gặp trứng mà thụ thai. Thành công của phương pháp này lên tới 98%. Nhược điểm của nó là có những phụ nữ không thích hợp nên đã phản ứng, có khi gây viêm nhiễm bàng quang và niệu đạo, nên sau khi đặt rồi phải tháo ra.

Tuy nhiên, đối với các cặp vợ chồng mới cưới thì không bao giờ người ta nghĩ đến đặt vòng tránh thai!

c. Biện pháp tránh thai dùng thuốc

Đây là loại thuốc uống cho phụ nữ, có hiệu quả cao, cách sử dụng thuận tiện, đơn giản. Nhưng nhược điểm gây ra cho cơ thể khá nghiêm trọng, có thể làm ảnh hưởng đến gan và gây ra u gan, có thể làm cao huyết áp, gây các cục máu trong huyết mạch...Mấy năm gần đây người ta đã chế ra các loại thuốc đã giảm các tác dụng phụ nhưng có thể gây ra chảy máu âm đạo. Do dùng thuốc tránh thai có thể gây hiệu quả nghiêm trọng, cho nên đã nhiều người khuyên bỏ. Nhưng cũng có người bệnh vực nên dùng. Do vậy, những bạn trẻ mới kết hôn, để chưa muốn sinh con hãy hết sức thận trọng dùng thuốc tránh thai.

2. Phương pháp sinh con theo ý muốn

A. ĐIỀU DÀNH RIÊNG CHO NGƯỜI CHỒNG

Sau kết hôn, nhiều cặp vợ chồng cũng muốn sinh con ngay. Điều kiện sinh con khỏe thông minh, tố chất tốt là vợ chồng khi bước vào giao hợp phải có sức khỏe bình thường, trạng thái tâm lý thoải mái vui vẻ. Những chú rể sau tân hôn mà cảm thấy bản thân khả năng tình dục yếu phải nghỉ ngơi, nếu thấy có vấn đề thiếu năng tình dục phải dùng thuốc chữa trị (kể cả nam giới đã kết hôn lâu năm). Để cho các bạn trẻ có những hướng để nâng cao khả năng tình dục mạnh mẽ, một yếu tố dễ làm cho vợ thụ thai, xin giới thiệu ra đây một số phương pháp trị liệu:

Những bệnh riêng cho nam giới là triệu chứng thiếu năng tình dục hoặc liệt dương. Trong dân gian có nhiều phương thuốc hay để điều trị, dưới đây là một số bài thuốc hay:

1. Ngải cả con 25g, dùng lửa nhỏ rang khô nghiền mịn, mỗi tối ăn 3g. Bài thuốc thích hợp cho người liệt dương dạng dương hư tình kém.

2. Đuôi tắc kè, nhung hươu, mỗi thứ 5g nghiền nhỏ, chia làm 10 gói, mỗi lần dùng uống 1/2 gói lúc đói. Thích hợp với người dương hư tình thiếu.

3. Dương quy; bạch thược; cam thảo, mỗi thứ 60g; ngô công 18g. Tất cả đem nghiền nhỏ, chia thành 40 gói. Buổi sáng và tối uống lúc đói từ 1/2 đến 1 gói với rượu trắng hoặc rượu vang; uống 15 ngày một liệu trình. Thích hợp cho bệnh liệt dương thể can hư ú trệ.

4. Ngẫu pín 1 cái, rau he 25g, tiên linh tì 15g, thỏ ty tử 15g. Tất cả nghiền nhỏ trộn đều, mỗi tối uống một thìa với rượu. Thích hợp với người liệt dương thể thận hư.

5. Tiên linh tì, thỏ ty tử, cả hai nghiền nhỏ, mỗi lần uống 5g, ngày 3 lần, chiêu bằng rượu vang, 20 ngày là một liệu trình. Thích hợp cho thể thận dương hư.

6. Sinh chỉ tử 30g, khổ đĩnh trà 30g, hai thứ ngâm vào rượu trắng 0,5-1lít sau một tuần đem uống, mỗi lần 15-25 ml ngày 2 lần vào buổi sáng và tối. Thích hợp dùng cho liệt dương thấp nhiệt.

7. Chuồn chuồn to 20 đôi (bỏ cánh, chân, rang nhỏ lửa với gạo); Ngải cả con 15 đôi (bỏ chân rang nhỏ lửa với gạo); ngô công to 5 con sấy khô; tổ ong, nhân táo tươi, tửu dương quy, chế thủ ô, mỗi thứ 20g; đinh hương, mộc hương, quế tâm mỗi thứ 10g, hồ tiêu 5g. Tất cả đem nghiền nhỏ, luyện với mật làm viên to bằng hạt ngô. Mỗi lần uống 15 viên lúc đói, chiêu bằng rượu vang, ngày 2 lần. Thích hợp cho bệnh liệt dương lâu ngày khó chữa.

8. Sinh hoàng kỳ 60g, dương quy xích thược, đào nhân, hồng hoa, xuyên khung, địa long, mỗi thứ 10g; xuyên ngư tất 6g, mỗi ngày 1 thang sắc lấy nước uống. Thích hợp cho bệnh liệt dương thể khí hư huyết ứ.

Đối với những người thiếu năng sinh lý, Đông y có những thang thuốc hay để điều trị

1. ***Âm hư hoả vượng***: thường thấy ở thanh niên âm hư hoả vượng, dương vật có thể cương cứng nhưng khi lâm sự lại mềm, tim đập nhanh ra mồ hôi, tinh thần căng thẳng, miệng khô thích uống nước, lưng đau mỏi gối, nước tiểu vàng, phân khô, lưỡi hồng ít rêu. Cách trị bằng thang thuốc như: sinh địa, thực địa mỗi loại 10g; sinh miết giáp 15g; mẫu lệ (sắc trước) 15g; đơn bì 10g; thiên hoa phấn 10g; xuyên đoạn 10g; tang ký sinh 10g, tất cả đem sắc lên uống.

2. ***Mệnh môn hoả suy***: thường thấy ở người cao tuổi, dương vật không cương cứng, tinh dịch loãng, tinh thần uể oải. Thang

thuốc ôn thận bổ dương như: thực địa: 10g, toả dương 10g, tiên mao 12g, tiên kinh tỷ 12g, dương khởi thạch 12g, sơn du nhục 10g, ba kích thiên 10g, ngũ vị tử 6g, thạch xương bồ 6g, nhục thung dung 10g, chủ thực tử 10g, tất cả cho vào sắc uống.

3. Tâm tỳ lưỡng hư : thường thấy ở những người làm việc trí óc, khó cương cứng dương vật, tinh lực mệt mỏi, không muốn ăn uống, sắc mặt vàng. Dùng bài thuốc quy tỷ thang gia giảm như: đẳng sâm 10g, hoàng kỳ 10g, bạch truật, phục thần, nhân táo chua đều 10g, long nhãn nhục 7 quả, mộc hương 6g, cam thảo 3g, đương quy sao 10g, viên chí sao 10g, bổ cốt chỉ 10g, thổ ty tử 10g, tất cả sắc lấy nước uống.

4. Thấp nhiệt hạ chú: thường thấy ở những người béo tốt hoặc ăn uống nhiều, dương vật không cương cứng. Dùng thang thuốc thanh lợi thấp nhiệt gồm các vị như: sài hồ 6g, khương hoạt 6g, phục linh 15g, trạch tả 10g, dĩ nhân 15g, hoàng bá 6g, long đởm thảo 6g, đương quy 10g, phòng kỷ 10g, tỷ giải 10g, ma hoàng căn 6g, thương truật 6g, tất cả sắc uống.

Đối với những người thiếu năng sinh lý, có thể dùng bài thuốc rất đơn giản như: sâm lát 5g, chè khô 15g, hai thứ đem hầm nước sôi uống hàng ngày, sinh lý lại hồi phục bình thường.

Những món ăn làm tăng khả năng cho nam giới

Trong trường hợp nam giới cảm thấy mình còn “yêu yếu” khi động phòng với vợ, muốn gia tăng sức mạnh khả năng giao hợp của mình, nếu có điều kiện có thể sử dụng một số cách ăn uống như sau:

1. Canh đương quy đuôi bò: đương quy 30g, đuôi bò 1 cái, thêm chút muối. Đuôi bò làm sạch lông, cắt thành khúc nhỏ cho vào nấu với đương quy, đun kỹ, cho gia vị ăn cả thịt lẫn canh.

2. Rau hẹ sào tôm nõn: rau hẹ 150g, tôm tươi 50g, cho vào sào ăn, mỗi tuần 2-3 lần liên tục trong 4 tuần.

3. Bắc kỳ, kỷ tử hầm bồ câu: bắc kỳ 30g, kỷ tử 30g, bồ câu non 1 con dìm nước cho chết, làm lông bỏ ruột, bỏ cả ba thứ vào hầm cho chín, thêm gia vị, ăn cả nước lẫn cái.

4. Cháo long nhãn sơn dược: cùi nhãn 5 quả, hoài sơn dược 50g, gạo xay 50g, tất cả bỏ vào nồi nấu cháo ăn vào buổi sáng; ăn liên 10 ngày là một liệu trình; ăn trong 3 liệu trình; dừng 5 ngày trước mỗi một liệu trình.

5. Thịt dê hầm tôm: thịt dê trắng không mỡ 250g thái nhỏ, tôm nõn 25g, gừng tươi 5 lát, tất cả đem đun cho nhừ, chia làm

ba lần để ăn. Mỗi tuần ăn 1 lần, ăn liền trong 4 tuần, có tác dụng ôn thận tráng dương.

6. Đuôi lợn hầm hương phụ mễ: hương phụ mễ 20g, đuôi lợn 2 cái, làm sạch đuôi lợn bỏ vào nồi đun nhừ, sau đó bỏ hương phụ mễ, thêm gia vị, ăn cả nước lẫn cái, ăn liên tục 2-3 lần.

B. ĐIỀU DÀNH RIÊNG CHO NỮ GIỚI

1. Bí quyết dự đoán sinh con trai con gái

Theo kinh nghiệm của người xưa, hình tướng của người phụ nữ phần nào nói lên họ sẽ sinh trai hay gái, như:

a. Nếu người phụ nữ có khuôn mặt quá nhọn, tai quá nhỏ thì hầu như chỉ sinh con gái.

b. Tóc thô màu vàng, cũng chỉ sinh con gái.

c. Nếu người phụ nữ trán quá cao thì nên kết hôn sớm, nếu sau 25 tuổi mới kết hôn thì tỷ lệ sinh con trai sẽ thấp mà sinh con gái nhiều.

d. Phụ nữ lông mày thưa thì ít con, người lông mày quá thưa thớt thì hiếm con, nếu lông mày quá thẳng mà không mềm mại thì ít con và con đầu lòng là con gái.

e. Nếu phụ nữ có đôi tai không cân xứng, tai trái dày hơn tai phải thì sẽ sinh con gái đầu lòng, nếu hai tai đều nhau thì khó đoán định.

f. Phụ nữ có nhân trung sâu mà dài, trên nhỏ dưới rộng, đường giữa rất rõ nét thì sinh nhiều con trai. Nếu nhân trung tuy sâu nhưng đường giữa không rõ nét thì sinh nhiều con gái. Nếu nhân trung bằng phẳng cũng sinh nhiều con gái. Nếu ở nhân trung có nốt ruồi đen là hiếm con, nếu có hai nốt ruồi ở nhân trung là có sinh đôi. Nếu nhân trung lệch sang bên trái thì sinh con trai đầu lòng, nếu lệch bên phải sẽ sinh gái đầu lòng.

g. Miệng của người phụ nữ cũng liên quan đến sự sinh con cái: nếu môi người phụ nữ có nhiều nếp nhăn thì nhiều con, nếu bờ môi không nếp nhăn thì hiếm con, nếu môi nhàu nhĩ thì khó nuôi con, nếu bờ môi trên dài thì sinh cả con trai và con gái, nếu bờ môi trên trễ xuống thì sinh con gái đầu lòng, nếu một bờ môi trắng một bờ môi xanh, da môi nhăn nheo thì sinh con gái.

h. Những người phụ nữ có: da mỏng, xương nhỏ, tư thế uyển chuyển hoặc: tướng nam giới, dương quá mạnh, hay thịt nhiều xương ít, tay mềm thì cả ba loại đều sinh con gái đầu lòng.

2. Phương pháp dự đoán giới tính thai nhi

Nếu phụ nữ mang thai mà có những dấu hiệu sau:

a. Bầu vú màu nhạt, bụng giữa màu nhạt mà cách bụng dưới 5-7 cm thì hầu hết là sẽ sinh con gái.

b. Bầu vú và bụng giữa thẫm màu, bụng giữa nối liền với bụng dưới thì hầu như sinh con gái.

c. Nếu dưới mắt rộng có màu vàng hay hồng rõ nét thì sinh con trai, nếu màu xanh thì sinh con gái.

d. Nếu lòng bàn tay có màu hồng nhạt thì sinh con trai, nếu lòng bàn tay màu xanh là sinh con gái.

e. Dân gian còn căn cứ vào dáng đi mà đoán định sinh trai hay sinh gái, như: khi mang thai lúc đứng dậy đi, bước chân trái lên trước là sinh con trai, bước chân phải lên trước là sinh con gái. Hoặc khi đi nếu có ai gọi ngoái đầu sang trái quay lại là sinh con trai, nếu ngoái đầu sang phải là sinh con gái.

3. Mẹo sinh con theo ý muốn

a. Muốn sinh con trai

Cả hai vợ chồng nên ăn bình thường các loại ngũ cốc, rau quả, thịt cá..., song chỉ lưu ý ăn mặn một chút, tức là ăn thức ăn nhiều muối, nhiều canxi, magiê.

Để giữ được số lượng và chất lượng tinh dịch, người chồng phải tiết chế tinh dịch trong 7-10 ngày trước khi giao hợp sinh con, chỉ sinh hoạt tình dục một lần với vợ một lần sau ngày rụng trứng 1 ngày. Người vợ trước khi giao hợp phải rửa âm đạo bằng dung dịch muối Cacbonat Natri (Na_2CO_3), sau một giờ sau mới sinh hoạt tình dục. Khi sinh hoạt nên đưa dương vật sâu vào trong âm đạo rồi mới xuất tinh để cho tinh trùng Y vào thụ tinh với trứng sẽ tạo hợp tử XY (con trai). Sau khi sinh hoạt xong, người phụ nữ cần nằm nghỉ ngơi 3-4 giờ.

b. Muốn sinh con gái

Cả hai có thể ăn uống bình thường, song đặc biệt nên ăn nhiều sữa và các chế phẩm từ sữa, ăn nhạt và nhiều các món ăn nấu từ xương. Không nên ăn cá khô, nước mắm; nên ăn ít các loại khoai tây, khoai lang, rau muống, cà chua. Người chồng cần cấm dục trong 7-10 ngày trước khi giao hợp với vợ một lần trước ngày rụng trứng 3-4 ngày. Khi giao hợp chồng tránh kích thích quá mạnh để phòng trứng rụng đột ngột; chỉ xuất tinh khi dương vật ở 1/3 phía

ngoài âm đạo để tinh trùng X tồn tại, sẽ tạo hợp tử XX (con gái). Trước khi giao hợp một giờ, người vợ cần rửa âm đạo bằng nước chanh quýt hay dấm.

4. Thuyết âm dương trong sinh sản

Theo học thuyết âm dương, trong một ngày đêm như: từ 6 giờ sáng đến 12 giờ trưa là cực dương, từ 12 giờ trưa đến 6 giờ tối là âm trong dương, từ 6 giờ tối đến 12 giờ đêm là cực âm, từ 12 giờ đêm đến 6 giờ sáng là dương trong âm.

Theo cổ nhân, thời gian giao hợp tốt nhất vào buổi tối, sau giờ tỵ (từ 11 giờ đêm đến sáng) không nên giao hợp, nếu tiến hành giao hợp sẽ hại đến sức khoẻ.

5. Quan hệ tuổi sinh của người mẹ với giới tính thai nhi (Bảng cổ: Thanh cung chân tàng tính theo năm Âm lịch)

Tháng Tuổi	T.1 Giêng	T.2 Hai	T.3 Ba	T.4 Tư	T.5 Năm	T.6 Sáu	T.7 Bảy	T.8 Tám	T.9 Chín	T.10 Mười	T.11 Một	T.12 Chạp
18 tuổi	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam
19t	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nam
20t	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam
21t	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ
22t	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ
23t	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nam	Nữ
24t	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ
25t	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nam
26t	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nữ
27t	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nam
28t	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ
29t	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ
30t	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nam
31t	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nam
32t	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nam
33t	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nam
34t	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nam
35t	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nam
36t	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nam	Nữ
37t	Nam	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nam
38t	Nữ	Nữ	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nữ
39t	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nữ
40t	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nam
41t	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nam
42t	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nam	Nữ	Nữ	Nữ	Nam	Nữ
43t	Nam	Nam	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nữ	Nam	Nam	Nam	Nam	Nam

Qua bảng trên cho thấy, ở tuổi 18 khả năng sinh trai nhiều nhất, sau đến các tuổi 20, 23, 24, 25...Tháng có thai sinh nam hay nữ là tháng vợ chồng giao hợp thụ thai. Do vậy, khi biết mình có thai bao nhiêu tháng, thì có thể biết sinh trai hay gái. Ví dụ: người có thai tính đến tháng 10 Âm là 6 tháng, sinh năm 1985, năm tính là 2007, vậy có tuổi là 23t (từ 2007-1985 là 22 tuổi dương, đem 22t dương+1=23t Âm). Từ cột tuổi 23 tháng 10, ta tính lùi lại 6 tháng, vậy người đó thụ thai vào tháng 5, theo bảng đó là thai con trai.

6. Phương pháp dự báo giới tính thai nhi bằng mắt thường

Nếu phụ nữ mang thai có bầu vú màu nhạt, bụng giữa nhạt màu, cách bụng dưới 5-7 cm thì hầu hết đều sinh con gái.

Nếu bầu vú và bụng giữa thẫm màu, bụng giữa nối liền với bụng dưới thì hầu như sinh con trai.

Phần thứ ba

NHÀ Ở VÀ TÌNH CẢM VỢ CHỒNG

Quan niệm hôn nhân – vợ chồng – gia đình của người Trung Hoa, Việt Nam... cổ xưa đặt trên nền tảng của Nho giáo. Nói cách khác, gia đình Việt Nam xưa và nay là gia đình Nho giáo. Gia đình Nho giáo lấy mối quan hệ: Hiếu – Đễ – Nghĩa - Đức làm cơ sở để duy trì sự ổn định và phát triển một dòng tộc, một gia đình, trong đó có tình cảm vợ chồng. Hiếu ở đây là quan hệ giữa con cái với cha mẹ; Đễ là quan hệ anh em trong gia đình, dòng tộc đùm bọc lấy nhau; Nghĩa là tình vợ chồng keo sơn gắn bó với nhau, sống bên nhau và vì nhau; Đức là cái tạo phúc cho con cháu, cho sự ổn định của gia đình. Người Trung Hoa, Việt Nam xưa có câu: “một duyên, hai nợ, ba tình”, nghĩa là nam nữ đi đến hôn nhân thành chồng vợ đẹp nhất là vì duyên, thứ đến là “nợ”. Về điều này, người xưa còn có câu “Phi túc trái bất thành phu phụ”, nghĩa là ai đó thành vợ thành chồng của nhau phải có “nợ” nhau từ “kiếp trước”, kiếp này sống bên nhau để “trả nợ” cho nhau. Vợ chồng ở hai cấp độ duyên và nợ hạnh phúc trọn đời, con cháu đề huề, sống có nghĩa với nhau đến dầu bạc răng long. Còn lấy nhau vì tình, người xưa đánh giá rất thấp, dễ hợp mà cũng dễ tan. Họ cho rằng cái tình nam nữ chỉ là trạng thái có thể định tính định lượng và luôn biến đổi. Tình lúc cao, ào ạt như “cơn bão đi qua địa cầu” cũng có lúc vắng lặng thành không. Hết tình là hết nghĩa vợ chồng, dẫn tới ly hôn.

Để đảm bảo cho một cuộc hôn nhân bền chặt một cách tự nhiên vì “nghĩa”, người Trung Hoa và Việt Nam xưa trước hôn nhân thường chọn cô dâu chú rể có “hợp tuổi hay không hợp tuổi”. Người hiện đại đứng trước hiện tượng xưa này thường có khi lên án cho rằng hôn nhân áp đặt, thiếu “tình yêu”. Quả thực xã hội Việt Nam xưa so với ngày nay hiện tượng ly thân và ly dị rất hiếm và hầu như không có.

Cũng để cho gia đình hoà thuận, làm cho tình cảm vợ chồng đậm thắm, con đàn cháu đống; người Trung Hoa, Việt Nam... xưa ngoài dùng cách chọn ngày, chọn giờ, xem tuổi cưới của cô dâu để đính hôn, ăn hỏi, cưới gả, họ còn dùng thuật phong thủy.

Sau đây là thuật phong thủy để làm tăng tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình mà cổ nhân Trung Hoa, Việt Nam áp dụng.

I. PHÂN CHIA KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ PHÒNG NGỦ TRONG CĂN NHÀ

Nếu căn nhà có mặt bằng dạng hình vuông (hoặc hình chữ nhật), chia mỗi bề căn nhà làm ba phần đều nhau, chúng ta thấy có 9 ô vuông, ô ở giữa gọi là trung cung, đó cũng là tâm điểm của căn nhà. 9 cung xét theo thứ tự như kim đồng hồ xoay thì căn nhà chia như sau: cung chính Bắc (1) là Quan lộc; cung Đông Bắc (8) là học vấn; cung chính Đông (3) là Gia đạo; cung phía Đông Nam (4) là Tài lộc; cung chính Nam (9) là Địa vị; cung phía Tây Nam (2) là Tình duyên; cung chính Tây (7) là Tử tức; cung phía Tây Bắc (6) là Quý nhân. Giữa căn nhà là Trung cung (5). (xin xem sơ đồ mặt bằng ngôi nhà sau đây)

Sơ đồ mặt bằng một căn nhà chia thành 9 khu vực

4 TÀI LỘC ĐÔNG NAM	9 ĐỊA VỊ NAM	2 TÌNH DUYÊN TÂY NAM
3 GIA ĐẠO ĐÔNG	5 TRUNG CUNG	7 TỬ TỨC TÂY
8 HỌC VẤN ĐÔNG BẮC	1 QUAN LỘC BẮC	6 QUÝ NHÂN TÂY BẮC

Sau đây là vị trí, tính chất và ảnh hưởng của các vị trí đặt phòng ngủ trong khuôn viên một căn nhà với hai vợ chồng.

1. Cung Quan lộc - cung số 1, hướng chính Bắc

a. Vị trí và tính chất

Cung này có hành Thủy, màu tượng trưng là màu đen, tự nhiên tượng trưng là nước, trong gia đình ứng cho người con trai giữa.

H.1: Vị trí phòng ngủ ở cung Quan lộc

Đông Nam-4	Nam-9	Tây Nam-2
Đông Nam	Giữa nhà Trung cung - 5	Tây-7
Đông Bắc - 8	Bắc-1 QUAN LỘC	Tây Bắc - 6

Đây là phần căn nhà tượng trưng cho nghề nghiệp, cho công việc và sự làm ăn của ông chủ nhà cũng như của mọi người trong nhà. Dù có làm kinh doanh, buôn bán, làm công, công chức, lãnh đạo, ông chủ doanh nghiệp... thì cung Quan Lộc cũng nói lên việc làm của chính họ có bền vững không, có phát đạt không, có thăng tiến không, hay nay làm nơi này, mai làm nơi nọ.

Nói về phòng ngủ, người ta cho rằng nếu đặt ở đây thường bị khí lạnh thổi vào không tốt. Nhưng thực ra, kê giường của vợ chồng ở đây là tốt, nhưng hai vợ chồng phải tránh chìm đắm quá độ trong thế giới riêng. Nếu vợ chồng làm việc trong công ty, cơ quan, lãnh đạo thì nên quan tâm đến mọi người, đến cấp dưới, đến hàng xóm láng giềng thì mọi việc mới tốt.

Đối với ông chồng, phòng ngủ ở phương vị này nếu cố gắng sẽ có thành tựu lớn. Anh ta thường vui đầu vào nghiên cứu công việc, không quan tâm đến người xung quanh, chỉ biết cố gắng hoàn thành công việc.

Đối với người sinh năm Tý (sinh năm 1996 Bính Tý, 1984 Giáp Tý, 1972 Nhâm Tý) và những người sinh năm Nhất Bạch (sinh năm 1999, 1990, 1981, 1972) phòng ngủ ở phương vị này là cát (tốt).

b. Phương pháp tác động vào cung Quan lộc tốt lên

Cung quan lộc hay phần diện tích của phòng trong căn nhà nằm ngay Chính Bắc. Muốn cho Quan lộc phát triển đều đều gắn liền với hạnh phúc vợ chồng, phong thủy học đưa ra cách tác động vào đây, như:

- Treo những tranh ảnh có hình ảnh suối, sông, hồ, biển.
- Treo những hình ảnh tượng trưng cho nghề nghiệp và công việc của bản thân, ảnh chụp hai vợ chồng trong trạng thái thoải mái vui vẻ.
- Trưng bày những đồ vật có màu đen (như bộ salon màu đen), màu xanh nước biển, màu xanh đậm.

2. Cung Học vấn-cung số 8, hướng Đông Bắc

a. Vị trí và tính chất

Đây cũng gọi là cung kiến thức, nằm ở phía Đông Bắc căn nhà, có ngũ hành thổ, màu thích hợp là màu kem hay màu lục, về tự nhiên tượng trưng cho núi, gia đình thì ứng với người con trai út.

H.2: vị trí phòng ngủ ở cung Học vấn

Đông Nam - 4	Nam - 9	Tây Nam - 2
Đông - 3	Giữa nhà Trung cung - 5	Tây - 7
Đông Bắc - 8 HỌC VẤN	Bắc - 1	Tây Bắc - 6

Cung này làm chủ vấn đề học hành, thi cử và kiến thức của ông chủ nhà và những người sống trong gia đình. Nếu cung này không tốt, bị khuyết (như nhà hình chữ L) thì học hành thi cử của ông chủ nhà cũng như những người sống trong đó có vấn đề, khó đỗ đạt, suy nghĩ không anh minh, không tỉnh táo.

Nếu phòng ngủ ở vị trí này thì cuộc sống gia đình sinh biến đổi lớn. Ví dụ hai người thường phải chuyển nhà, hoặc người chồng thường phải thay đổi chức vụ, tuy có sự chạy lui chạy tới, nhưng họ lại rất vui.

Nếu phòng ngủ hai vợ chồng ở đây thì người vợ có chút phong trần, buồn trải. Vợ chồng sống hơi nông nổi và lãng phí tiền của, nhưng có lúc có tiền không cần phải tiết kiệm thì lại so đo tính toán, không chịu bỏ tiền ra.

Vợ chồng có phòng ngủ ở phương vị này cần chú ý sẽ có chuyện phát sinh bệnh tật, nên hết sức thận trọng. Vì ở phương vị này sẽ có "vận khí" bệnh tật bay đến. Dù bản thân rất khỏe mạnh, nhưng vẫn có thể mắc bệnh. Nếu có mẹ chồng ở cùng, cần đặc biệt chú ý. Vì rằng giữa nàng dâu và mẹ chồng sẽ khó lòng ăn ở đẹp với nhau mà còn bài xích nhau, tạo ra không khí căng thẳng trong gia đình.

Vì phòng ngủ đã và chỉ có thể bố trí ở đây, muốn giữ hoà khí trong gia đình có chút ấm êm, chồng hay vợ mỗi ngày phải mở cửa sổ phòng ngủ cho không khí mới lùa vào trong phòng ngủ, mọi đồ vật trong phòng ngủ phải sạch sẽ, không được dơ bẩn.

Muốn thêm phần sinh khí trong phòng ngủ, nên bố trí đặt trong phòng mấy chậu hoa cảnh, nhưng phải đặt ở cửa sổ.

Đối với những ông chồng, phòng ngủ ở phương vị này phần lớn giàu lòng nghĩa hiệp, thích quan tâm đến người khác, nên cần thận có khi bị lừa. Điều lưu ý, ở đây ông chồng thường câu giện

lung tung, nên người vợ cần chỉ cho anh biết, làm như vậy chỉ thua thiệt và hay bị tổn thương tình cảm.

Phòng ngủ ở phương vị này chỉ tốt với những người Bát Bạch (sinh năm 1992, 1983, 1974), người tuổi Sửu (1985, 1973, 1997, 1961), người tuổi Dần (1986, 1998, 1974, 1962).

b. Phương pháp tác động vào cung học vấn tốt lên

Khi thấy tình cảm vợ chồng không ổn, trình độ học vấn của vợ chồng có vấn đề, sự học hành của con cái không tiến triển, phong thủy học đưa ra cách tác động vào đây để cải thiện tình hình, như:

- Đặt tủ sách, hay để một số sách vở, bản viết hay máy tính tại góc Đông Bắc.

- Trưng bày những vật dụng, những đồ bằng sành sứ, biểu tượng bằng thạch cao (kỵ không được dùng tượng) là biểu trưng của hành Thổ.

- Đặt đèn chụp, sao cho ánh sáng qua chụp đèn hắt lên trần nhà để tăng thêm trí tuệ và sự minh mẫn.

3. Cung Gia Đạo-cung số 3, hướng Chính Đông

a. Vị trí và tính chất

Đây là phần căn nhà hướng Chính Đông, thuộc hành mộc, màu thích hợp là màu xanh hay xanh lục, tượng trưng cho cây to lớn, ứng với người con trai trưởng. Theo phong thủy, cung này cũng có ý nghĩa cho sức khỏe mọi người trong nhà và sự liên hệ tình cảm vợ chồng, giữa cha mẹ với con cái, giữa những người trong gia đình với nhau. Nếu phần căn nhà này hợp lý theo phong thủy như: sáng đẹp, màu sơn tường và các đồ dùng nội thất có màu thích ứng như xanh hay xanh lục...thì mọi ý nghĩa trên rất tốt đẹp.

H.3. Vị trí phòng ngủ ở cung Gia đạo

Đông Nam - 4	Nam - 9	Tây Nam - 2
Đông - 3 GIA ĐẠO	Trung cung - 5	Tây - 7
Đông Bắc - 8	Bắc - 1	Tây Bắc - 6

Phòng ngủ ở phương vị này sẽ có nhân sinh tương đối tích cực, đôi vợ chồng phần lớn chỉ đem lại cho người khác cảm giác vui

nhận não nhiệt. Do vậy phòng ngủ ở phương vị này phù hợp với đôi vợ chồng mới cưới nhưng tuổi phải trẻ.

Đối với cặp vợ chồng ở tuổi trung niên ở đây không thích hợp. Những người có cuộc sống nhàn nhã ở đây cũng không hay, vì đối với họ không lúc nào yên tâm và không có đầu óc thanh thoi. Đối với những người vợ nếu ngủ ở đây sẽ có cá tính khá là ôn ào, não nhiệt, thích chiến đấu. Do vậy những cặp vợ chồng thích trẻ mãi, ưa hoạt động tích cực ở đây là thích hợp, còn thích hợp cho những người vợ lại không muốn cam chịu làm người nội trợ, thích làm viên chức, bay nhảy. Những ông chồng ngủ ở đây thì không bao giờ an phận, thường muốn sáng nghiệp độc lập, mặc dù đang là nhân viên.

Nhược điểm lớn nhất đặt phòng ngủ hai vợ chồng ở đây là họ dễ sinh ra chán nản, dễ nổi cáu.

Đối với người chồng trẻ, phòng ngủ ở phương vị này dễ tạo cho anh ta thành công trong sự nghiệp, nhưng nhiều việc tỏ ra vội vàng hấp tấp, cần kiểm chế tính cách này. Do vậy đến tuổi trung niên, nếu có điều kiện tốt nhất chuyển phòng ngủ về góc phía Tây.

Đối với những người tuổi Mão (1987, 1999, 1974, 1962), người sinh năm Tam Bính (1997, 1988, 1979, 1970, 1961) thì tốt.

b. Phương pháp tác động vào cung Gia đạo tốt lên

Khi trong gia đình có vấn đề chưa ổn, có nhiều chuyện chưa hay, hoặc muốn cho không khí trong gia đình tốt lên nữa thì tác động vào cung này. Cách tác động như sau:

- Trong phòng luôn cắm hoa thật xanh tươi, hoa hơi héo phải thay ngay. Có thể đặt ở cửa sổ một chậu cây cảnh thật xanh tươi.

- Treo tranh ảnh về cây, hoa, vườn, rừng, núi...

- Để và đặt những vật dụng bằng gỗ, kể cả bàn ghế.

- Đặt bể cá, suối nhân tạo...

4. Cung Tài Lộc-cung số 4, hướng Đông Nam

a. Vị trí và tính chất

Đây là phần căn nhà ở phía Đông Nam, hành Mộc, màu thích hợp là màu xanh, màu tím hay đỏ thẫm, tượng trưng cho cây cối nhỏ, ứng với người có gái lớn hay trưởng nữ. Cung hay phần này của căn nhà tượng trưng cho tiền bạc, của cải, sự giàu có. Đây là phần quan trọng của ngôi nhà, vì nó là nơi sản sinh ra kinh tế, tiền bạc để duy trì và phát triển một gia đình.

H.4: Vị trí phòng ngủ ở cung Tài lộc

Đông Nam - 4 TÀI LỘC	Nam-9	Tây Nam-2
Đông - 3	Giữa nhà - 5 Trung cung	Tây-7
Đông Bắc - 8	Bắc - 1	Tây Bắc - 6

Phòng ngủ của hai vợ chồng ở hướng Đông Nam này tình cảm vợ chồng cũng có hoà hợp. Khi ngủ ở đây, cả hai vợ chồng thường thích ăn mặc theo mốt rất sang và rất nhạy bén với thời trang. Do quan hệ vợ chồng có hạnh phúc nên được mọi người xung quanh và họ hàng đánh giá cao.

Về vận khí theo phong thuỷ mà nói, phòng ngủ của đôi vợ chồng ở đây sẽ làm cho con người có cảm giác nhẹ nhõm thoải mái, thoáng đãng, không chấp vào những việc vụn vặt.

Phương vị Đông nam dùng đặt phòng ngủ không phải là phương vị hung, cho nên nếu cặp vợ chồng nào ở đây lúc ban đầu thấy có “trục trặc” thì cũng không nên đổi phòng khỏi nơi đây. Còn nếu ai thấy bản thân mình từ khi ngủ ở đây thấy tâm trạng xóc nổi, có cái gì đó như không yên thì có thể đổi đến phòng ngủ ở phương Tây hoặc Tây Bắc, vì ở hai phương vị này có thể tăng thêm vận khí cho đôi vợ chồng, nhất là cho ông chồng (nam giới lợi hơn nữ giới). Nếu bạn là ông chồng đã qua tuổi 48 thì tốt nhất nên chuyển phòng ngủ từ phương vị này sang phương Tây Bắc hoặc phương Tây để điều hoà cho ổn.

Đối với các ông chồng, phòng ngủ ở phương vị này làm việc thường thuận lợi và được thăng tiến nhanh, cuộc đời nói chung là hạnh phúc, được nhiều người tán thưởng và bạn bè, người thân giúp đỡ đầy đủ. Không những thế anh ta còn có óc quan sát một cách nhạy bén, có gan làm những việc khó khăn đầy thách thức. Nhưng nếu ông chồng nào nghỉ ngủ ở phương vị này làm việc gì cũng hỏng thì nên chuyển đến ngủ nghỉ ở phương vị Đông Nam căn nhà.

Phần lớn những người làm nghề thiết kế thời trang, trang phục, bưu chính viễn thông, truyền hình, thực phẩm, ăn uống....phòng ngủ phần nhiều ở phương vị này.

Đối với những người sinh năm Thìn (sinh năm 1988 Mậu Thìn, 1976 Bính Thìn, 1964 Giáp Thìn) và những người sinh năm Tứ lục (sinh năm 1996, 1987, 1978, 1969, 1960) nếu đặt phòng ngủ ở phương vị Đông Nam này là tốt nhất.

b. Phương pháp tác động vào cung Tài Lộc

Khi cảm thấy tài lộc của vợ chồng có vấn đề không như ý, làm ăn chưa thuận thì phong thủy khuyên nên tác động vào cung này như sau:

- Đặt cây xanh tươi vào phòng chỗ cửa sổ hay trên bàn. Nếu phòng thiếu ánh sáng thì để cây xanh tươi giả cũng được. Chú ý cây phải lá to, không có gai, bản lá hình tròn.
- Kèm theo cây nên đặt những thứ có hành thủy, như suối nước nhân tạo, bể cá...
- Treo tranh ảnh chụp những hình ảnh là tài sản thể hiện sự giàu có, như vàng bạc, đồ nữ trang, châu báu, xe ô tô...
- Tượng ông thần tài, con cóc ngậm tiền...

5. Thứ năm là cung Địa vị-số 9, hướng Chính Nam

a. Vị trí và tính chất

Đây là phần ngôi nhà nằm ở phía Chính Nam, chủ về Địa vị và Danh tiếng, hành hỏa, màu thích hợp là màu đỏ, tượng trưng cho lửa, trong gia đình ứng với người con gái giữa. Cung này quan trọng đối với những người hoạt động ngoài xã hội và nghệ thuật, chính trị, văn chương, mỹ thuật, điện ảnh, ca nhạc, người mẫu...

H.5: Vị trí phòng ngủ ở cung Địa vị

Đông Nam - 4	Nam - 9 ĐỊA VỊ	Tây Nam - 2
Đông - 3	Giữa nhà	Tây - 7
Đông Bắc - 8	Bắc - 1	Tây Bắc - 6

Phòng ngủ của đôi vợ chồng ở đây có thuận lợi là hứng đầy đủ ánh sáng mặt trời, sống và ngủ ở đây phần lớn là thoang khí, nên có nhiều hứng thú về văn học nghệ thuật. Ngoài ra chồng hay vợ còn có nhiều hứng thú khác, quan tâm nhiều đến sự nghiệp. Khi học đã nghĩ được ra điều gì, thì họ ham mê đến không ngủ được.

Sống ở đây, cả vợ lẫn chồng có tính cách tương đối cởi mở, cho nên họ không sống thâm trầm mà khi có điều kiện họ nói hết những điều họ nghĩ. Vợ chồng ngủ ở phương vị này làm ăn bình bình, khó có bước nhảy vọt đột xuất trong kiếm tiền. Do vậy họ không nên mua số sổ hay cổ phiếu.

Thông thường, vợ chồng trẻ ngủ nghỉ ở phương chính Nam thường lãng phí tiền bạc, nhưng sinh hoạt của họ tương đối ổn định.

Những ông chồng ngủ nghỉ ở phương vị này có khả năng quan sát tốt mà ít ai có, anh ta còn có sức sáng tạo cao, nhưng thường ít ngủ, tính cách mạnh mẽ, tình cảm lên xuống thất thường.

Người sinh năm Ngọ (sinh năm 1990 Canh Ngọ, 1978 Mậu Ngọ, 1966 Bính Ngọ) và sinh năm Cừu tử (sinh năm 1991, 1982, 1973, 1964) phòng ngủ ở phương vị này có thể có được trí tuệ và óc thẩm mỹ cao.

b. Phương pháp tác động vào cung Địa vị

Nếu vị trí công tác hay làm việc, hoặc vị trí xã hội của hai vợ chồng có vấn đề không như ý, phong thủy học khuyên nên tác động vào đây, như:

- Ngay trên vách phía Nam phòng ngủ, treo các văn bằng, bằng khen thưởng.

- Tranh ảnh hay hình chụp những lĩnh vực mà mình ưa thích.

- Đặt hay treo tranh có 3, 8, 9 con ngựa, ý nói mã đáo thành công.

6. Cung Tử tức - số 7, hướng Chính Tây

a. Vị trí và tính chất

Đây là phần ngôi nhà ở ngay phía Chính Tây, hành Kim, màu thích hợp là màu trắng, trắng bạc và màu hoàng kim, tượng trưng cho kim loại, trong gia đình là con gái út. Đây là phần ngôi nhà ảnh hưởng đến việc sinh con cái, việc sinh con có như ý hay không. Cung này còn ảnh hưởng đến năng khiếu sáng tạo của ông chủ và mỗi người trong gia đình.

H.6: Vị trí phòng ngủ ở cung Tử tức (con cái)

Đông Nam - 4	Nam - 9	Tây Nam
Đông - 3	Giữa nhà	Tây TỬ TỨC
Đông Bắc - 8	Bắc - 1	Tây Bắc - 7

Phòng ngủ của đôi vợ chồng ở phương vị này có nhược điểm nếu ngủ đầu quay về hướng Tây thì thường ngủ say, ông chồng thường quên chuyện ái ân cùng vợ. Vì vậy cần có sự hoá giải nếu không còn chỗ nào khác, như nếu phòng ngủ rộng thì chuyển giường về gần hướng Bắc, còn nếu không rộng thì cho đầu mình hướng về phía Đông. Nếu có nhu cầu về sinh hoạt tình dục thì theo phong thủy, dứt khoát phải dời giường ngủ vào giữa phòng, làm như vậy thì sinh hoạt tình dục của hai vợ chồng gắn bó như keo sơn.

Những ông chồng ngủ nghỉ ở đây thường ngủ nhiều, sống thoải mái, có khả năng sử dụng trí tuệ một cách khéo léo trong mọi việc, nhưng tính tình lại xốc nổi, nên tránh hồ đồ. Nếu khéo léo trong giao tiếp và đối ngoại thì các anh chồng này sẽ thành công lớn. Ngoài ra nên ăn mặc những màu sáng, sắc sỡ, nên ăn mặc theo đúng nghề của mình.

Với người sinh tuổi Dậu (sinh năm 1981 Tân Dậu, 1993 Quý Dậu, 1969 Kỷ Dậu, 1957 Đinh Dậu) và những người sinh tuổi Thất Xích (sinh năm 1993, 1984, 1975, 1966) thì ngủ ở phương vị này được hưởng năng lượng tốt của trời đất.

b. Phương pháp tác động vào cung Tử tức

Khi hai vợ chồng muốn có con, hoặc có con rồi nhưng tình cảm giữa cha mẹ và con cái không đầm ấm, hoặc con cái có dấu hiệu không ngoan. Theo phong thủy học, cách tác động vào cung này như sau:

- Đặt hay treo trên tường phía Tây tranh trẻ con, những con thú nhồi bông.

- Treo tranh ảnh những đứa bé kháu khỉnh, ảnh của những danh nhân như nhà khoa học, nhà văn...

- Đặt những vật bằng bạc, đồng, như bình cắm hoa...

7. Cung Quý nhân-số 8, phương Tây Bắc

a. Vị trí và tính chất

Đây là phần ngôi nhà ở phương Tây Bắc, hành Kim, màu thích hợp là màu trắng, trắng bạc, màu hoàng kim, tượng trưng cho kim loại, trong gia đình ứng với người cha. Đây là phần ngôi nhà có ảnh hưởng đến quan hệ bạn bè, khách hàng, đồng nghiệp, nhân viên..., cũng có thể với vị thần thánh nào đó mà ta thờ phụng.

H.7. Vị trí phòng ngủ ở cung Quý nhân

Đông Nam-4	Nam-9	Tây Nam-2
Đông-3	Giữa nhà-5	Tây-7
Đông Bắc-8	Bắc-1	Tây Bắc-6 QUÝ NHÂN

Phòng ngủ của hai vợ chồng ở phương vị này thì mọi sự trọn vẹn. Ngoài tình cảm vợ chồng đạt tới mức tối đa, địa vị xã hội của người chồng theo tuổi tác ngày càng được nâng cao, anh ta sẽ phát huy hết được khả năng của chính mình. Còn người vợ thì hết sức ủng hộ chồng nhiều mặt, bên ngoài được nhiều người ca ngợi.

Những ông chồng ngủ nghỉ ở phương vị này là người độc tài, gia trưởng và khá ngoan cố, sống chỉ ly mặc dù dáng vẻ bề ngoài có vẻ không để mắt tới việc nhỏ, nhưng công việc của anh ta khá ổn định.

Phòng ngủ ở phương vị này rất tốt với những người sinh năm Tuất (sinh năm 1982 Nhâm Tuất, 1994 Giáp Tuất, 1970 Canh Tuất), năm Hợi (sinh năm 1995 ất Hợi, 1983 Quý Hợi, 1971 Tân Hợi) và những người sinh năm Lục bạch (sinh năm 1994, 1985, 1976).

b. Phương pháp tác động vào cung Quý nhân

Khi quan hệ của vợ chồng với người xung quanh không nhiều bạn bè, khách hành hay nhân viên ít...thì tác động vào cung này. Theo phong thủy học, các tác động như sau:

- Trưng bày những vật bằng kim loại màu trắng hay màu hoàng kim, như cúp bạc, tượng đồng.
- Góc Tây Bắc phòng ngủ treo một chiếc chuông gió, chuông gió này gồm các ống bằng kim loại.

8. Cung Tình duyên - số 2, hướng Tây Nam

a. Vị trí và tính chất

Đây là phần ngôi nhà thể hiện tình duyên ở phía Tây Nam, có hành thổ, màu thích hợp là màu vàng, màu kem, tượng trưng cho dải đất lớn, trong gia đình ứng với người mẹ. Đây là phần ngôi nhà ảnh hưởng đến tình yêu, hạnh phúc và hôn nhân của ông chủ và những người trong gia đình.

H 8. Vị trí phòng ngủ ở cung Tình duyên

Đông Nam - 4	Nam - 9	Tây Nam-2 TÌNH DUYÊN
Đông - 3	Giữa nhà	Tây-7
Đông Bắc - 8	Bắc - 1	Tây Bắc - 6

Phòng ngủ của hai vợ chồng ở phương vị này tính cách của cả hai thường phần nhiều là thận trọng, ở người vợ thì lại càng rõ hơn. Cả hai vợ chồng nếu ngủ nghỉ ở đây sẽ có tính thiếu quyết đoán, người vợ chăm chỉ chuyên tâm cho công việc, nhưng lại mau già yếu, nên thường xuyên mặc quần áo tươi màu để hoá giải điều này đi.

Những ông chồng ngủ nghỉ ở phương vị này luôn muốn làm việc tốt để mọi người tôn trọng, cho cấp trên và cấp dưới đánh giá cao. Ngủ nghỉ ở phương vị này, nam giới chơi các trò may rủi ngẫu nhiên (như mua số số, đánh đề, đánh bạc) thường không bao giờ thắng lớn.

Đối với người sinh năm Mùi (1991 Tân Mùi, 1979 Kỷ Mùi, 1967 Đinh Mùi) và những người sinh năm Nhị hắc (sinh vào các năm 1998, 1989, 1980, 1971) nếu ngủ nghỉ ở đây thì vận khí lưu thông.

b. Phương pháp tác động vào cung tình duyên

Theo sơ đồ trên của phong thủy học, phía Tây Nam tức là cung số 2 là cung tình duyên, cung của tình vợ chồng. Nếu ở cung này được bố trí đẹp đẽ, như treo ảnh đôi vợ chồng chụp riêng với nhau, cắm hoa, treo những tranh vẽ hạnh phúc thì chủ nhân trong nhà này hạnh phúc, vợ chồng thương yêu nhau. Nếu khu vực này lại bố trí phòng ngủ thì rất hợp. Ở đây, vợ chồng ân ái mặn nồng

Mặc dù phòng ngủ ở phía Tây Nam cho cặp vợ chồng là đúng cách, xong để giữ gìn hay làm cho tình yêu hiện tại được nồng thắm hơn, hoặc nghĩa vợ chồng đang có những triệu chứng rạn nứt; nhà phong thủy đưa ra lời khuyên cần tác động vào căn phòng này như:

- Treo những tranh ảnh có cảnh tượng trưng cho tình yêu;
- Những vật biểu tượng cho tình yêu bằng sành sứ như đôi uyên ương, bồ câu, hai trái tim lồng nhau...
- Đèn đốt sợi tóc màu vàng, nếu có đèn bàn nên chọn chụp đèn màu hồng hay đỏ để tăng hoá làm mạnh thêm Thổ của cung này.

Trong trường hợp phòng ngủ của vợ chồng không ở phía Tây Nam, phong thủy học đưa ra những nguyên tắc bài trí để tạo ra tình cảm mạnh giữa họ như sau:

- Nếu đang ở căn nhà mà góc Tây Nam là nhà vệ sinh thì tuyệt đối không dùng nữa, nếu không thì tình yêu và hạnh phúc sẽ bị “cuốn trôi” dần theo dòng nước.

- Không nên gắn gương lớn trong phòng ngủ của hai vợ chồng; cho rằng trong phòng ngủ sẽ xuất hiện hình bóng của “người thứ ba”!

- Không để bể nước, bể cá phía tay phải (từ trong nhà nhìn ra) hoặc ngay trước cửa chính căn nhà. Phong thủy học cho rằng, bể cá, bể nước ở vị trí này giúp cho gia đình có tài lộc nhưng người chồng sẽ ngày càng bỏ bê gia đình và xa lánh vợ con...

- Không đặt giường ngủ ngay dưới cây xà, dưới dầm nhà, vì nó sẽ “chia đôi” giường ngủ của hai vợ chồng theo chiều dọc. Trường hợp này hai vợ chồng từ chỗ hay khắc khẩu đến chỗ dễ dàng chia ly.

- Khi thấy tình yêu hay giữa hai vợ chồng đang có những triệu chứng gì bất ổn, ngoài việc xem lại phần căn nhà phía Tây Nam xem có gì không ổn, chủ nhân có thể dời phòng ngủ của 2 vợ chồng qua hướng Diên niên và đặt giường thế nào cho đầu giường hướng về phía này.

- Phong thủy học cho rằng, hoa hồng đỏ và hoa mẫu đơn được xem là rất tốt cho việc tác động vào tình duyên và hôn nhân. Do vậy, các loại hoa này luôn để ở cung tình duyên của căn nhà.

9. Trung cung - số 5, ở chính giữa Đông Tây Nam Bắc.

a. Vị trí và tính chất

Đây là phần chính giữa ngôi nhà, hành là thổ, màu thích hợp là màu vàng, phần này của ngôi nhà ảnh hưởng tốt xấu đến với tất cả mọi người trong gia đình. Đây là khu vực phải sạch sẽ tuyệt đối, tốt nhất là kê giường ngủ của ông chủ gia đình.

H.9. Vị trí phòng ngủ ở giữa nhà-Trung cung

Đông Nam - 4	Nam - 9	Tây Nam - 2
Đông - 3	Giữa nhà TRUNG CUNG	Tây - 7
Đông Bắc - 8	Bắc - 1	Tây Bắc - 6

Khu giữa nhà rất thích hợp cho phòng ngủ của chủ nhà, nhưng cần phải tạo ra độ sáng nhất định. Người xưa cho rằng, trung cung hay ở chính giữa ngôi nhà đại diện cho đế vương, cho nên ai ngủ và nghỉ ngơi ở vị trí này sớm muộn sẽ trở thành nhân vật lớn. Hai vợ chồng ngủ ở đây thì người vợ trước sau sẽ trở thành người vợ hiền, mẹ tốt.

Những ông chồng ngủ nghỉ ở đây thường dễ trở thành những nhân vật lớn, tương lai là những người lãnh đạo hoặc nhà chính trị tầm cỡ. Trong lịch sử nhân loại, nhiều nhân vật nổi tiếng rất thích đặt phòng ngủ ở phương vị này. Nếu sau tân hôn, chú rể đã nghĩ đến một tương lai mà bản thân mình là nhân vật lãnh đạo có tầm cỡ, nên chọn phòng ngủ của hai vợ chồng ở phương vị này.

b. Những điều lưu ý khi sử dụng Trung cung

Đây là phần ảnh hưởng đến tất cả mọi người trong nhà, nên phần này phải hết sức sạch sẽ. Nếu giường hai vợ chồng nằm ở đây sẽ tăng thêm hạnh phúc và tình yêu, địa vị trong nhà và xã hội có bề thế.

Không được để phòng ngủ mất vệ sinh, phòng ngủ ở đây phải thoáng đãng.

Kết luận:

* *Phòng ngủ ở cung Tinh duyên phía Tây Nam* rất hợp cho đôi vợ chồng trẻ, họ sẽ sống hạnh phúc. Ngoài ra theo Phong thủy học, phòng ngủ ở hướng chính Tây thì nam giới lúc ngủ đầu quay về chính Tây ngủ rất sâu thường quên chuyện ái ân. Trường hợp này, nếu phòng ngủ rộng thì chuyển giường về gần hướng Bắc; căn phòng không rộng thì ngủ quay đầu về phía Nam.

* *Phòng ngủ hướng Tây Bắc* là phương vị đại cát, làm cho vận thế mạnh, tình cảm vợ chồng cũng tốt lên. Song sau tuổi trung niên, nếu phòng ngủ rộng thì nên cho làm phòng sách, làm cho tình cảm vợ chồng nhẹ nhõm..

* *Phòng ngủ hướng Bắc* thường bị khí lạnh thổi vào, nói chung tình cảm vợ chồng rất tốt xong phải tránh chìm đắm trong “thế giới riêng của 2 người”. Nữ giới ở phương vị này phần lớn đều ôn thuận, biết quản lý việc nhà và tình yêu cũng tế nhị. Song nếu có vấn đề gì vợ cần bàn bạc với chồng để tránh gây hậu quả nghiêm trọng.

* *Phòng ngủ hướng Đông Bắc* thì cuộc sống vợ chồng thường có nhiều biến đổi lớn, cần chú ý để phòng phát sinh bệnh tật hoặc thương tích. Nhà phong thủy cho rằng, muốn duy trì hạnh phúc

khí phòng ngủ ở phương vị này, mỗi ngày phải mở cửa sổ cho không khí tràn vào, phòng ngủ phải luôn sạch sẽ.

* *Phòng ngủ phía Đông* gây cho cặp vợ chồng đầy cảm giác hiếu động, chỉ thích hợp với các cặp vợ chồng trẻ. Đối với những cặp vợ chồng trung niên, nơi đây tạo ra áp lực, sinh chán nản và dễ nổi giận.

* *Phòng ngủ hướng Đông Nam* tạo ra tình cảm vợ chồng hoà hợp.

* *Phòng ngủ phía Nam*, vợ chồng có nhiều hứng thú về văn học, nghệ thuật, tính tình phóng khoáng.

Nam giới, tức là các chú rể, sau tân hôn nên lựa chọn phòng ngủ theo một phương thích hợp trong căn nhà, điều đó có ảnh hưởng rất lớn đến vận may và không may của chính mình.

II. ĐIỀU KIỆN KỶ ĐỐI VỚI PHÒNG NGỦ CỦA ĐÔI VỢ CHỒNG

Để duy trì một gia đình ổn định, vợ chồng thuận hoà, phong thuỷ học còn nêu ra những điều cấm kỵ đối với nhà ở như sau:

- Nhà ở phải có cửa sau. Sách Lạc địa, một cuốn sách phong thuỷ cổ đưa ra nguyên tắc, nhà ở dù lớn dù nhỏ, mà không có cửa sau thì không ở được, vợ chồng luôn bất hoà hoặc ly tán mỗi người một phương. Cửa sau có thể là cửa sổ nhỏ, còn có tác dụng lưu thông không khí trong nhà.

- Phía Tây nhà khuyết lõm, làm cho vợ chồng bất hoà, vận thế kém. Nếu vận thế của chủ nhà mạnh thì mức độ ảnh hưởng nhỏ, khi hết mạnh thì hung hoạ, bất hoà đến rất nhanh.

- Không thiết kế hành lang giữa nhà vì làm cho dương khí không đủ sẽ ảnh hưởng rất lớn tới nữ chủ nhân và giới tính, vợ chồng dễ phân ly, tình cảm phai nhạt.

- Kiến trúc tường nhà bằng kính, trong suốt, chỉ hợp với kinh doanh, văn phòng. Nếu làm nhà ở phạm điều kiêng kỵ vì "tiết khí", người ở tâm thần luôn bất ổn, vợ chồng hay xung đột, phụ nữ dễ sinh ngoại tình.

- Phòng ở không vuông vắn, có góc nhọn, nếu làm buồng ngủ dễ dẫn đến hậu quả vợ chồng lấy nhau lâu mà không con, tình cảm phai nhạt.

- Trong phòng ngủ không nên dùng ánh sáng trắng mà nên dùng ánh sáng đèn sợi tóc tròn mới có lợi cho hôn nhân.

- Các đồ dùng trong phòng ở tránh góc nhọn, không những tránh va chạm gây thương tích mà còn giảm ảnh hưởng xấu do luồng xung xạ của góc nhọn gây ra dẫn đến tình cảm vợ chồng xấu đi.

- Buồng ngủ hết sức tránh góc nhà có cột chĩa ra, vì tạo ra xung xạ, không chỉ ảnh hưởng đến sức khoẻ mà còn bất lợi cho duyên phận và tình cảm vợ chồng.

- Nhà ở là nơi an cư, trang nhã là tốt nhất, không nên: chạy theo mốt, trang hoàng lộng lẫy; hoặc một phần hay toàn bộ như kiểu quán bar, nhà hàng, khách sạn... nếu không sẽ có hại đến tình cảm vợ chồng và giáo dục con cái.

- Phòng ngủ xây dựng không theo một quy tắc nào, hoặc phòng có góc nhọn làm buồng ngủ cho hai vợ chồng có thể dẫn đến vợ chồng lấy nhau lâu năm mà không có con.

- Lấy nhau lâu không có con có thể liên quan đến giường nằm. Nên nằm giường gỗ, tránh nằm giường bằng kim loại như sắt thép, đồng, nhôm...

- Đầu giường kỵ để đồ điện và giấy điện chằng chịt. Cũng không được để ti vi, giàn âm thanh, điều hoà nhiệt độ...

- Phòng ngủ không được đối diện với cửa nhà tắm và cũng không nên cắt ngang một bên. Vì làm như vậy vợ chồng sẽ chán chường nhau.

- Buồng ngủ không nên đặt quá nhiều chậu cảnh, nhiều bình hoa, vì sẽ hại đến sức khoẻ của cả hai vợ chồng.

- Phòng ngủ màu sắc phải thanh nhã, ấm áp, không nên quá tươi sáng. Không nên bày đặt nhiều thứ linh tinh trong đó, tránh đặt các vật trang trí phát quang óng ánh.

- Không nên treo bức tranh lớn trên đầu giường, theo phong thủy làm như vậy là rất độc, vì bức tranh như một chiếc máy chém.

Ngoài ra, phòng ngủ của vợ chồng còn kỵ: trong phòng có mùi ẩm mốc, ảnh hưởng đến tình yêu; không ở nơi phần lồi ra của tầng gác hoặc nơi ngõ cụt, nhất là lấy nơi đó làm phòng tân hôn; không để ánh sáng phản quang từ kính, gương hoặc hồ nước vào cửa sổ, vào buồng ngủ của chủ nhà, vì rất bất lợi cho tình cảm vợ chồng và đặc biệt phụ nữ có thai; mở cửa sổ hay cửa nhà thấy mồ mả; cầu đường sát với mặt tường hoặc cửa sổ; phía dưới phòng ngủ có bàn thờ, nếu không tắt gập tai ương; cửa sổ buồng ngủ hoặc cửa lớn chĩa thẳng vào bệnh viện, nhà tang lễ, trại giam, đền miếu, tháp cao...

III. GIƯỜNG NGỦ VÀ TÌNH CẢM VỢ CHỒNG

1. Phương và hướng nằm

Theo phong thủy học, giường ngủ phải đặt đúng vị trí theo tín hiệu riêng của mỗi người. Tín hiệu riêng của mỗi người là năm sinh

theo lịch Can Chi. Từ tín hiệu năm sinh mà mỗi người có tín hiệu về phương và hướng ở, phương và hướng nằm trong không gian nói chung, trong căn nhà và trên cái giường nói riêng: đó là hướng Phục vị. Mỗi người có một hướng Phục vị riêng. Từ hướng Phục vị mà các nhà phong thủy chia con người thành hai nhóm ở (hay hướng giường nằm) là: nhóm người Đông Tứ Mệnh và nhóm người Tây Tứ Mệnh.

Phong thủy học cho rằng, nhóm người Đông Tứ Mệnh nên nằm ngủ theo phương và hướng Đông Tứ Sàng (sàng nghĩa là giường nằm), nhóm người Tây Tứ Mệnh nên nằm theo phương và hướng Tây Tứ Sàng.

Về hướng nằm trên giường: khi nằm chân quay về đâu đó chính là hướng nằm. Hoặc ta nằm thẳng, khi ngồi dậy, mắt nhìn thẳng về đâu, đó là hướng nằm. Ví dụ: người có hướng nằm (hướng giường) là Chính Nam, vậy khi nằm, đỉnh đầu quay về Chính Bắc, chân đạp về Chính Nam, ngẩng mặt lên mắt nhìn thẳng được về Chính Nam.

Về phương nằm: đó là phần căn nhà được chia theo các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, Đông Nam, Đông Bắc. Ngay trong một phòng ngủ trong một căn nhà cũng có thể chia thành 8 phương như vậy.

Hình 1: phương và hướng nằm của nhóm người Đông Tứ Mệnh (ô số 1, 5, 7, 8), nhóm người Tây Tứ Mệnh (ô số 2, 3, 4 và 6).

Đông Nam - 8	Nam - 1	Tây Nam - 2
Đông - 7		Tây - 3
Đông Bắc - 6	Bắc - 5	Tây Bắc - 4

2. Những người Đông Tứ Mệnh

a. Những người Hướng Bắc

Theo phong thủy, họ có từ trường trái đất thuộc hướng Bắc. Đó là những người sinh năm:

Nam giới: 1954, 1963, 1972, 1981, 1990, 1999.

Nữ giới: 1950, 1959, 1968, 1977, 1986, 1995, 2004.

Chọn phòng ngủ: nên chọn gian bên Đông của nhà phía Nam, hoặc gian bên Nam của phòng phía Đông, hoặc gian giữa của phòng phía Bắc. Nếu ngủ nghỉ ở các vị trí này đều thoải mái, khỏe mạnh, tốt.

b. Những người hướng Nam

Theo phong thủy học, họ có từ trường trái đất thuộc hướng Nam. Đó là những người sinh năm:

Nam giới: 1955, 1964, 1973, 1982, 1991, 2000.

Nữ giới : 1958, 1967, 1976, 1985, 1994, 2003.

Chọn phòng ngủ: nên ở gian mép Đông của căn phòng phía Nam. Hoặc gian mép Nam của căn phòng phía Đông. cả hai đều rất tốt cho hạnh phúc vợ chồng và mọi việc. Lấy phần giữa ở phòng phía Bắc nhà cũng được.

c. Những người hướng Đông

Theo phong thủy học, họ là những người có từ trường trái đất hướng Đông. Đó là những người sinh năm:

Nam giới và nữ giới như nhau: đều sinh năm: 1952, 1961, 1970, 1979, 1988, 1997, 2006.

Chọn phòng ngủ: nên chọn gian mép Nam thuộc căn phòng phía Đông, hoặc gian mép Đông thuộc căn phòng phía Nam là tốt nhất cho hạnh phúc gia đình, cũng như mọi việc khác. Lấy gian giữa thuộc phòng phía Bắc cũng tốt.

d. Những người hướng Đông Nam

Theo phong thủy học, họ là những người có từ trường trái đất hướng Đông Nam. Đó là những người sinh năm:

Nam giới: 1951, 1960, 1969, 1978, 1987, 1996, 2005.

Nữ giới sinh năm: 1953, 1962, 1971, 1980, 1989, 1998.

Chọn phòng ngủ: lấy gian mép Nam của phòng phía Đông, hoặc lấy gian mép Đông của phòng phía Nam đều rất tốt cho tình cảm vợ chồng và mọi công việc khác. Nếu phía Bắc có phòng nên chọn gian giữa (hay phía giữa căn phòng phía Bắc). Đường đi hay cầu thang nên đặt ở phía Đông.

e. Về hướng nằm nhóm người Đông Tứ Mệnh

Nhìn chung khi nằm đầu gối về phía Nam, chân đạp về phía Bắc, hoặc đầu gối về phía Bắc, chân đạp về phía Nam.

Cũng có thể đầu gối về phía Đông chân đạp về phía Nam hay Đông Nam và ngược lại. Đương nhiên, việc gối đầu và chân đạp khi nằm còn tùy theo vị trí của phòng và giường ngủ mà chọn Nam, Bắc hay Đông, Đông Nam.

3. Những người Tây Tứ Mệnh

a. Nhóm người hướng Tây Bắc

Theo phong thủy học, họ là những người có từ trường trái đất hướng Tây Bắc. Đó là những người sinh năm:

Nam giới sinh năm: 1958, 1976, 1985, 2003.

Nữ giới sinh năm: 1955, 1964, 1973, 1982, 1991, 2000.

Chọn phòng ngủ: nên chọn ở mép Tây phía phòng phía Tây là tốt nhất. Hoặc chọn gian mép Tây của phòng phía Bắc, hay mép Đông ở phòng phía Bắc đều được. Còn phòng ở phía Nam chỉ có thể ngủ nghỉ ở gian phía Tây. Đường thông trong nhà ở mép Tây là cát lợi. Chọn phòng ngủ như vậy rất lợi cho hạnh phúc và tình cảm vợ chồng.

b. Nhóm người hướng Tây Nam

Theo phong thủy học, họ có từ trường trái đất hướng Tây Nam. Đó là những người sinh năm:

Nam giới sinh năm: 1950, 1953, 1959, 1962, 1968, 1971, 1977, 1980, 1986, 1989, 1995, 1998, 2004, 2007.

Nữ giới sinh năm: 1951, 1960, 1969, 1978, 1987, 1996, 2005.

Chọn phòng ngủ: lấy gian mép Nam hoặc gian mép Bắc của phòng phía Tây là tốt nhất. Còn gian mép Tây hoặc gian mép Đông của phòng phía Bắc đều có thể làm phòng ngủ được, nhưng phải tránh gian giữa.

c. Nhóm người hướng Đông Bắc

Theo phong thủy học, họ là những người có từ trường trái đất hướng Đông Bắc. Đó là những người sinh năm:

Nam giới sinh năm: 1956, 1965, 1974, 1983, 1992, 2001.

Nữ giới sinh năm: 1954, 1957, 1963, 1996, 1972, 1975, 1981, 1984, 1990, 1993, 1999, 2002, 2008.

Chọn phòng ngủ: có thể chọn mép Tây của phòng phía Tây là đẹp nhất, gian mép Tây của phòng phía Bắc, gian mép Đông của phòng phía Bắc, gian mép Tây của phòng phía Nam đều có thể ngủ nghỉ được. Tránh không được đặt giường ngủ ở gian giữa phòng phía Nam hoặc phòng phía Bắc.

d. Nhóm người hướng Tây

Theo phong thủy học, họ là những người có từ trường trái đất hướng Tây. Đó là những người sinh năm:

Nam giới sinh năm: 1957, 1966, 1975, 1984, 1993, 2002.

Nữ giới sinh năm: 1956, 1965, 1974, 1983, 1992, 2001.

Chọn phòng ngủ: phòng ngủ chính phòng phía Tây là đẹp nhất, thứ nhì là gian phía Tây của phòng phía Nam, hoặc gian phía Tây của phòng phía Bắc, nhưng tránh gian giữa của ngôi nhà, hoặc tránh gian giữa của phòng phía Bắc hoặc gian giữa của phòng phía Nam.

e. Hướng nằm của nhóm người Tây Tứ Mệnh

Khi nằm đầu gối Tây Bắc, chân đạp Tây Nam, hoặc đầu gối Tây Nam chân đạp hướng Tây Bắc. Có thể đầu gối Tây Bắc, chân đạp Đông Bắc, hoặc đầu gối Đông Bắc, chân đạp Tây Bắc hay Tây nam.

Sau đây là những người thuộc nhóm giường ngủ và nằm ngủ theo Đông Tứ Mệnh (hay sảng):

Bảng 1: Hướng nằm và hướng nhà ở của những người Đông Tứ Mệnh:

ĐÔNG TỨ	NAM MỆNH	ĐÔNG TỨ	NỮ MỆNH
Năm sinh nam	Hướng nằm (và ở)	Năm sinh nữ	Hướng nằm (và ở)
1951 Tân Mão	Đông Nam	1950 Canh Dần	Bắc
1952 Nhâm Thìn	Đông	1952 Nhâm Thìn	Đông
1954 Giáp Ngọ	Bắc	1953 Quý Ty	Đông Nam
1955 Ất Mùi	Nam	1958 Mậu Tuất	Nam
1960 Canh Tý	Đông Nam	1961 Tân Sửu	Đông
1961 Tân Sửu	Đông	1962 Nhâm Dần	Đông Nam
1963 Quý Mão	Bắc	1967 Đinh Mùi	Nam
1964 Giáp Thìn	Nam	1968 Mậu Thân	Bắc
1969 Kỷ Dậu	Đông Nam	1970 Canh Tuất	Đông
1970 Canh Tuất	Đông	1971 Tân Hợi	Đông Nam
1972 Nhâm Tý	Bắc	1976 Bính Thìn	Nam
1973 Quý Sửu	Nam	1977 Đinh Ty	Bắc
1978 Mậu Ngọ	Đông Nam	1979 Kỷ Mùi	Đông
1979 Kỷ Mùi	Đông	1980 Canh Thân	Đông Nam
1981 Tân Dậu	Bắc	1985 Ất Sửu	Nam
1982 Nhâm Tuất	Nam	1986 Bính Dần	Bắc
1987 Đinh Mão	Đông Nam	1988 Mậu Thìn	Đông
1988 Mậu Thìn	Đông	1989 Kỷ Ty	Đông Nam
1996 Bính Tý	Đông Nam	1994 Giáp Tuất	Nam
1997 Đinh Sửu	Đông	1995 Ất Hợi	Bắc
1999 Kỷ Mão	Bắc	1997 Đinh Sửu	Đông
2000 Canh Thân	Nam	1998 Mậu Dần	Đông Nam
2005 Ất Dậu	Đông Nam	2003 Quý Mùi	Nam
1990 Canh Ngọ	Bắc	2004 Giáp Thân	Bắc
1991 Tân Mùi	Nam	2006 Bính Tuất	Đông

Bảng 2: Hướng nằm và hướng nhà ở nhóm người Tây Tứ Mệnh

TÂY TỨ MỆNH	NAM MỆNH	TÂY TỨ MỆNH	NỮ MỆNH
Nam Năm sinh	Hướng nằm (và ở)	Nữ Năm sinh	Hướng nằm (và ở)
1950 Canh Dần	Tây Nam	1951 Tân Mão	Tây Nam
1953 Quý Ty	Tây Nam	1954 Giáp Ngọ	Đông Bắc
1956 Bính Thân	Đông Bắc	1955 Ất Mùi	Tây Bắc
1957 Đinh Dậu	Tây	1956 Bính Thân	Tây
1958 Mậu Tuất	Tây Bắc	1957 Đinh Dậu	Đông Bắc
1959 Kỷ Hợi	Tây Nam	1960 Canh Tý	Tây Nam
1962 Nhâm Dần	Tây Nam	1963 Quý Mão	Đông Bắc
1965 Ất Ty	Đông Bắc	1964 Giáp Thìn	Tây Bắc
1966 Bính Ngọ	Tây	1965 Ất Ty	Tây
1967 Đinh Mùi	Tây	1966 Bính Ngọ	Đông Bắc
1968 Mậu Thân	Tây Nam	1969 Kỷ Dậu	Tây Nam
1971 Tân Hợi	Tây Nam	1972 Nhâm Tý	Đông Bắc
1974 Giáp Dần	Đông Bắc	1973 Quý Sửu	Tây Bắc
1975 Ất Mão	Tây	1974 Giáp Dần	Tây
1976 Bính Thìn	Tây Bắc	1975 Ất Mão	Đông Bắc
1977 Đinh Ty	Tây Nam	1978 Mậu Ngọ	Tây Nam
1980 Canh Thân	Tây Nam	1981 Tân Dậu	Đông Bắc
1983 Quý Hợi	Đông Bắc	1982 Nhâm Tuất	Tây Bắc
1984 Giáp Ty	Tây	1983 Quý Hợi	Tây
1985 ất Sửu	Tây Bắc	1984 Giáp Tý	Đông Bắc
1986 Bính Dần	Tây Nam	1987 Đinh Mão	Tây Nam
1989 Kỷ Ty	Tây Nam	1990 Canh Ngọ	Đông Bắc
1992 Nhâm Thân	Đông Bắc	1991 Tân Mùi	Tây Bắc
1993 Quý Dậu	Tây	1992 Nhâm Thân	Tây
1994 Giáp Tuất	Tây Bắc	1993 Quý Dậu	Đông Bắc
1995 Ất Hợi	Tây Nam	1996 Bính Tý	Tây Nam
1998 Mậu Dần	Tây Nam	1999 Kỷ Mão	Đông Bắc
2001 Tân Ty	Đông Bắc	2000 Canh Thìn	Tây Bắc
2002 Nhâm Ngọ	Tây	2001 Tân Ty	Tây
2003 Quý Mùi	Tây Bắc	2002 Nhâm Ngọ	Đông Bắc
2004 Giáp Thân	Tây Nam	2005 Ất Dậu	Tây Nam
2007 Đinh Hợi	Tây Nam	2008 Mậu Tý	Đông Bắc

4. Những điều cấm kỵ ở đầu giường

Chọn được hướng giường, phòng ngủ hợp lý rồi, nhưng vẫn chưa đủ, còn phải xem xét đến hoàn cảnh xung quanh có xung khắc với người nằm ngủ hay không. Theo phong thủy học, có những điều cấm kỵ cần tránh xung quanh chuyện cái giường, như:

1. Đầu giường không nên có xà ngang áp trên đỉnh đầu. Nếu đầu giường như vậy sẽ có chuyện hung đến sức khỏe con người, như các bệnh đau mắt, vầng dầu, đau đầu, mất ngủ kéo dài, các bệnh về não. Cách khắc phục là kéo dài đầu giường ra khỏi xà ngang. Khoảng trống chỗ đầu giường có thể đặt tủ áo, tủ sách.

2. Đầu giường không nên đối diện với chính cửa buồng. Nếu cứ để giường nằm như tình trạng này, sẽ bất lợi cho sức khỏe người nằm, sự nghiệp cá nhân sẽ đi xuống dốc.

Cách khắc phục là dời giường đi chỗ khác. Nếu không làm được thì đổi hướng giường nằm.

3. Đầu giường không nên gần cửa sổ quá. Theo phong thủy giường như vậy là không cát, còn theo lẽ thường thì giường sẽ mất vệ sinh, ngủ không yên giấc, vì quá gần với môi trường bên ngoài.

4. Đầu giường không nên đối diện chính giữa tấm gương. Theo phong thủy, gương vốn dùng để ngăn sát khí, tác dụng đưa sát khí phản xạ trở lại để tránh không vào người mà gây hại. Do vậy, không nên để gương chia thẳng vào đầu giường. Có nhiều người lắp nhiều gương đầu giường, thường hồi hộp thấy "bóng quỷ" vào ban đêm. Điều đó chính do bóng mình lay động trong gương nên gây ảo giá mà thôi, đây cũng là điều không hay. Lắp gương như vậy còn ảnh hưởng đến giấc ngủ, ngủ không ngon, thần kinh luôn căng thẳng. Nếu trong buồng ngủ cần gương, thì lắp phía trong cánh cửa tủ, khi cần mở cửa tủ ra, khi không thì đóng cửa tủ lại.

Ghi chú: hai bảng trên đây là hướng nằm (hướng giường, hướng nhà ở, cả hướng cửa buồng ngủ). Ngoài ra, theo phong thủy học, mỗi nhóm người có 4 hướng tốt (kể gộp cả các hướng của các tuổi trong bảng trên) như sau:

a. Những người Đông Tứ Mệnh có các hướng nằm (hướng cửa phòng ngủ, hướng nhà) tốt như: Bắc, Nam, Đông và Đông Nam.

b. Những người Tây Tứ Mệnh có các hướng nằm (và hướng nhà, hướng cửa phòng ngủ) tốt như: Tây, Tây Bắc, Tây Nam, Đông Bắc.

5. Phòng ngủ của vợ chồng không cùng nhóm hướng

Theo phong thủy học, phòng ngủ người Đông Tứ Mệnh thì theo hướng và phương Đông Tứ, phòng ngủ người Tây Tứ Mệnh thì theo hướng và phương Tây Tứ. Nhưng trên thực tế, hai vợ chồng lại có hướng từ trường khác nhau, như vợ thuộc nhóm người Đông Tứ, còn chồng thì thuộc nhóm người Tây Tứ, vậy đặt giường và nằm ngủ thế nào mà tốt cho cả hai?

Trong trường hợp này: nếu đặt giường ngủ ở phương Tây Nam thì tốt cho chồng, nhưng nếu đặt giường ngủ ở phương Đông (lùi giường sang phần phía Đông), đầu giường lại hướng Nam thuộc Đông Tứ lại có lợi cho vợ. Như vậy, phòng ngủ thì hợp với chồng, còn giường ngủ thì lại hợp với vợ, thế là dung hoà được cho cả hai. Nhưng người vợ thuộc nhóm người Đông Tứ nên khi nằm nên nằm ở phía Đông giường, còn phía Tây giường chồng nằm, vì chồng là Tây Tứ mệnh.

IV. NƠI ĐẶT BẾP VÀ HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Mặc dù nấu nướng không phải là thiên chức của người phụ nữ, nhưng sau ngày cưới, việc nội trợ như mua bán thức ăn, nấu ăn thường lại là việc làm của người vợ-người phụ nữ, và từ đó trở đi họ còn có tên là “bà chủ nhà”. Theo phong thủy học, cái bếp ăn có ảnh hưởng rất lớn tới bà chủ nhà. Do vậy, đôi vợ chồng mới cưới nên quan tâm đến cái bếp, nếu như họ ra ở riêng.

Theo phong thủy, phương vị của nhà bếp có ảnh hưởng tới người vợ như sau:

Nhà bếp ở phía Tây Bắc

Theo phong thủy, phía Tây Bắc căn nhà (ô số 4 trên sơ đồ mặt bằng căn nhà) tiếp thụ một lượng năng lượng có lợi cho người đàn ông tức ông chồng. Sức mạnh của người chồng chính là tiếp thụ được hay không năng lượng vũ trụ ở phương vị này. Nếu nhà bếp đặt ở đây (Tây Bắc-ô số 4 trên sơ đồ mặt bằng căn nhà), hàng ngày người phụ nữ, tức người vợ “tắm” chìm ngập trong năng lượng này. Do vậy, người vợ sẽ lấn át chồng. Nhà bếp ở phương vị này, theo phong thủy học, thường thì người vợ tự ý quyết đoán mọi việc, không bao giờ hỏi ý kiến của chồng, chồng có góp ý cũng không nghe. Do vậy, nếu bếp cứ ở phương vị này thì vợ chồng hãy nên nhượng bộ nhau, nếu không tình cảm sẽ

phai mờ, không khí hoà thuận trong nhà giảm sút. Nếu có điều kiện, chuyển bếp sang phương vị khác.

Nếu không dời được bếp đi nơi khác mà cứ ở chỗ này, phong thuỷ học khuyên rằng: giữ nhà bếp sạch sẽ, đặt ở đây vài cây cảnh, người vợ (nữ chủ nhân) phải mặc quần áo màu sắc sỡ khi ra vào nơi đây thì mọi việc sẽ ổn.

Sơ đồ mặt bằng của một căn nhà và nơi sẽ đặt bếp

8 Đông Nam	1 Nam	2 Tây Nam
7 Đông		3 Tây
6 Đông Bắc	5 Bắc	4 Tây Bắc

Nhà bếp đặt ở phương Bắc

Theo quan niệm của người Việt Nam và một số nước châu Á...phương Bắc gây cho người ta ấn tượng lạnh lẽo, và hình như mùa Đông đến “từ phương Bắc”. Quả thật mỗi khi đông về, khi dự báo thời tiết đợt gió lạnh sắp đến đều nói “có gió mùa Đông Bắc”. Còn theo phong thuỷ học, nếu đặt bếp ở phương Bắc (vị trí ô số 5 trên sơ đồ mặt bằng ngôi nhà) thì ông chồng sau tuổi trung niên bụng không phê ra, còn bà vợ lại đẹp lên, da trắng mượt mà. Nhưng có một điều ông chồng không ưa là bà vợ hay kêu ca phàn nàn. Nếu bếp đã ở đây rồi, không thể chuyển đi nơi khác được, thì phong thuỷ khuyên hãy thường xuyên làm cho căn bếp sạch sẽ sáng sủa, cần sơn tường hay cắm hoa màu hồng, màu cá vàng, ống thoát nước luôn được thông thì sẽ giảm bớt đi sự ca cẩm hàng ngày của bà vợ, con cái lại chăm chỉ học hành.

Điều chú ý khi bếp đặt ở phương chính Bắc là người vợ phải đề phòng cảm mạo, tránh làm việc trí óc nhiều, nên quan tâm đến con cái.

Nhà bếp đặt ở phương Đông Bắc

Trên sơ đồ mặt bằng căn nhà là bếp nằm ở ô số 6, phương Đông Bắc. Theo phong thuỷ, phương vị này có “khí” lưu và “từ trường” trái đất rối loạn. Cũng theo phong thuỷ, người vợ ở trong căn nhà có bếp

hướng này hay quan tâm đến người khác, đến bạn bè một cách quá nhiệt tình, sống rất thoáng đãng, thường lãng phí nhiều khoản không cần thiết. Tuy làm ăn được nhưng rồi tiền cũng nhanh chóng hết.

Nếu có con thì: con gái nhẹ dạ, con trai hay nhu nhược, nhưng tình cảm trong nhà rất tốt.

Người vợ có nhà bếp như vậy lưu ý một điều nên tính toán khi chi tiêu, không nên đầu tư vào bất động sản.

Nhà bếp đặt ở phương Đông

Phương Đông là phương vận khí luôn thăng lên, nếu bếp ở đây (ô số 7 trên sơ đồ mặt bằng căn nhà) thì thức ăn luôn tươi, lại sạch vì đây cũng là phương vị diệt khuẩn mạnh nhất. Người vợ là bà chủ nhà ở đây tính tình hoạt bát, nên có một cá tính sống hơi ồn ào. Các nhà phong thủy khuyên nên đặt trong bếp những lọ hoa tươi (nhưng phải thay hoa kịp thời) hay những cây cảnh thì không khí trong bếp mới vượng và đẹp.

Thức ăn nấu ở phương vị này dễ bị “thoát khí” theo cách nói của các nhà phong thủy. Muốn ngăn chặn hiện tượng này, khi cùng ăn uống nên vui vẻ cả nhà, mọi người nên luôn treo nụ cười trên môi.

Với phương vị bếp ở đây, nếu có con, chúng ngày càng tiến bộ mọi mặt, nhưng thành tích trong học tập và tu dưỡng đạo đức thất thường.

Nhà bếp đặt ở vị trí Đông Nam

Ở vị trí Đông Nam (ô số 8 trên sơ đồ mặt bằng căn nhà) có nhà bếp, theo phong thủy học, nữ chủ nhân rất hạnh phúc, vì đây thông gió tốt, ánh sáng đầy đủ.

Những món ăn được nấu nướng ở đây được hấp thụ khí của trời đất và thần của người nên rất lợi cho mọi người trong nhà. Nhưng lưu ý một điều, nếu để mùi hôi bốc lên từ bếp ở phương vị này thì vận may trong nhà “bay” đi mất.

Một căn nhà có nhà bếp ở phương vị này thì con cái có tính tự lập cao, quan hệ giữa bà mẹ với con cái như bạn bè, bình đẳng.

Nhà bếp đặt ở phương Nam

Thông thường, người ta không đặt bếp ở vị trí này (ô số 1 trên sơ đồ mặt bằng căn nhà), vì phương Nam là phương vị có ánh sáng mặt trời nhu hoà đầy đủ, rất lợi cho sức khỏe và thần kinh, nên nơi đây người ta hay đặt phòng ngủ.

Người vợ tức bà chủ nhà có bếp ở phương vị này làm việc gì cũng rất tích cực, trong người đầy sức sống, gây được nhiều cảm tình với nhiều người khác. Về tính tình thì thoáng dang, hay kết giao, thường bị tiếng xì xầm của thiên hạ là có nhiều bạn trai (điểm này phải hết sức chú ý). Việc chi tiêu trong gia đình của bà rất thoáng, nên có khi lại rơi vào cảnh thiếu thốn.

Về con cái: chúng có năng khiếu và thiên hướng về văn học nghệ thuật hơn là tư duy toán học, tình cảm của chúng nhạy bén, mẹ con đối xử với nhau thân tình như bạn bè.

Nhà bếp đặt ở phương Tây Nam

Người vợ hay nữ chủ nhân có bếp ở phương vị này (ô số 2 trên sơ đồ mặt bằng căn nhà) rất giỏi nấu nướng, tình cảm rất tế nhị. Người vợ sẽ là “người mẹ hiền”, chứ không phải là người hoàn thành chức trách của bà chủ. Do vậy đôi lúc chồng không ưa nên cũng có chút xiu xung đột.

Về tuổi tác, người vợ mau già hơn chồng, do vậy chị ta nên chú ý đến ăn mặc và “chống già” để tương xứng với chồng.

Tuy có ưu điểm sẽ trở thành người mẹ tốt, nhưng tính cách của chị ta nhu nhược và rất bảo thủ khi dạy con cái. Tuy vậy trở thành người mẹ hiền vẫn là thế mạnh của người vợ khi có bếp ở phương vị này.

Nhà bếp ở phương vị phía Tây

Theo phong thủy, phương vị này (ô số 3 trên sơ đồ mặt bằng căn nhà) rất ồn ào và cô độc, cho nên người vợ hay nữ chủ nhân có nhà bếp ở phương vị này thường thích ra ngoài, thích trang điểm, rất hoạt bát ở ngoài xã hội, nhưng khi trở về nhà thường trầm lặng như biến mình thành một người khác.

Trong một căn nhà có phương vị bếp như vậy, mọi người trong đó luôn không muốn gây phiền phức cho nhau, do vậy mà vẫn có không khí hoà thuận.

Theo phong thủy học, để giữ được bầu không khí tốt trong nhà, nên đặt trong bếp mấy lọ hoa tươi (nhưng phải thay hoa kịp thời).

Con cái cần được quan tâm nhiều, không nên buông lỏng cho phát triển tự nhiên, nhưng phải tạo điều kiện phát triển tài năng của chúng.

Lưu ý một điều: vệ sinh sạch sẽ thường xuyên khu vực bếp, không để bếp và chậu rửa bẩn thỉu, nếu không nữ chủ nhân bị nguy hiểm.

MỤC LỤC

LỜI DẪN

PHẦN THỨ NHẤT

TẬP TỤC NGHI LỄ VÀ SỰ HUYỀN BÍ TRONG HÔN NHÂN

I. Quan niệm dân gian trong hôn nhân	5
1. Gia đình người Việt Nam là gia đình Nho giáo	5
2. Chỉ có duyên nợ mới thành vợ chồng	6
3. Quan hệ con cái với cha mẹ là quan hệ ân oán	7
4. Cách xác định có hay không duyên nợ với nhau của người xưa	4
II. Phong tục cưới hỏi của một số dân tộc ở Việt Nam	9
1. Người Việt	9
a. Phong tục xưa	9
b. Cưới hỏi thời nay	15
Bài 1: Văn khấn cáo yết thần linh và tổ tiên ngày cưới	18
Bài 2: Văn khấn cáo yết thần linh và tổ tiên ngày cưới	19
Bài 3: Văn khấn cáo yết thần linh và tổ tiên ngày cưới	20
Bài 4: Văn khấn cáo yết thần linh và tổ tiên ngày cưới	21
c. Trang hoàng cho ngày cưới	22
2. Người Mường	23
3. Người Tày	24
4. Người Sán Chí	26
III. Phong tục chọn tuổi trong hôn nhân	29
1. Người sinh năm Tý (1948, 1960, 1972, 1984, 1996)	30
a. Những nét chung của người tuổi Tý	30
b. Nhân duyên của người tuổi Tý	32
c. Hôn nhân của người tuổi Tý	34
2. Người sinh năm Sửu (1949, 1961, 1973, 1985)	36

a. Những nét chung của người tuổi Sửu.....	36
b. Nhân duyên của người tuổi Sửu.....	37
c. Hôn nhân của người tuổi Sửu.....	39
3. Người sinh năm dần (1950, 1962, 1974, 1986).....	40
a. Những nét chung của người tuổi Dần.....	40
b. Nhân duyên của người tuổi Dần.....	41
c. Hôn nhân của người tuổi Dần.....	43
4. Người sinh năm mao (1951, 1963, 1975, 1987).....	44
a. Những nét chung của người tuổi Mão.....	44
b. Nhân duyên người tuổi Mão.....	45
c. Hôn nhân của người tuổi Mão.....	47
5. Người sinh năm thìn (1952, 1964, 1976, 1988).....	48
a. Những nét chung về người tuổi Thìn.....	48
b. Nhân duyên của người tuổi Thìn.....	49
c. Hôn nhân của người tuổi Thìn.....	50
6. Người tuổi Tỵ (1941, 1953, 1965, 1977, 1989).....	51
a. Khái quát chung về người tuổi Tỵ.....	51
b. Nhân duyên của người tuổi Tỵ.....	52
c. Hôn nhân người tuổi Tỵ.....	53
7. Người tuổi Ngọ (1942, 1954, 1966, 1978, 1990).....	55
a. Những nét chung của người tuổi Ngọ.....	55
b. Nhân duyên của người Ngọ.....	55
c. Hôn nhân người tuổi Ngọ.....	57
8. Người sinh năm mùi (1943, 1955, 1967, 1979, 1991).....	58
a. Những nét khái quát về người tuổi Mùi.....	58
b. Nhân duyên của người tuổi Mùi.....	59
c. Hôn nhân của người tuổi Mùi.....	60
9. Người sinh năm Thân (1944, 1956, 1968, 1980, 1992).....	61
a. Khái quát chung về người tuổi Thân.....	61
b. Nhân duyên của người tuổi Thân.....	62
c. Hôn nhân của người tuổi Thân.....	63
10. Người sinh năm dậu (1945, 1957, 1969, 1981, 1993).....	65
a. Khái quát chung về người tuổi Dậu.....	65

b. Nhân duyên người tuổi Dậu	65
c. Hôn nhân của người tuổi Dậu	67
11. Người sinh năm tuất (1946, 1958, 1970, 1982, 1994)	68
a. Khái quát chung về người tuổi Tuất	68
b. Nhân duyên người tuổi Tuất	69
c. Hôn nhân của người tuổi Tuất	70
12. Người sinh năm hợi (1947, 1959, 1971, 1983, 1995)	72
a. Khái quát chung về người tuổi Hợi	72
b. Nhân duyên người tuổi Hợi	72
c. Hôn nhân của người tuổi Hợi	74
13. Những tuổi sau người xưa tránh cưới gả với nhau	75
IV. Phong tục chọn năm và tháng đại lợi cho hôn nhân...	75
1. Những năm nam giới kỵ cưới vợ	75
2. Những năm nữ giới kỵ cưới chồng	77
3. Những năm Kim lâu nữ giới không nên cưới gả	78
4. Những tháng âm lịch đại lợi cho cưới gả đối với nữ giới	80
V. Chọn giờ tốt cho ăn hỏi cưới gả	81
1. Chọn giờ theo giờ Hoàng đạo	81
2. ý nghĩa và cách dùng giờ hoàng đạo như sau	83
3. Phương pháp chọn giờ cát cho cưới gả theo Thời thần	83
4. những giờ xấu đặc biệt cần tránh	84
5. Những ngày xấu cần tránh	85
VI. Với những ai muôn vợ muôn chồng và chưa hạnh phúc	86
Tiêu tai cát tường thần chú	88
Được-sư quán đỉnh chân ngôn	88

PHẦN THỨ HAI

ĐỜI SỐNG PHÒNG THE SAU TÂN HÔN

I. Sinh hoạt tình dục và hạnh phúc gia đình.....	89
Đạo làm người	89
Liều thuốc cho hạnh phúc và sức khỏe	90
Nhưng phải đúng quy luật	91

Điều gì sẽ xảy ra khi tiến hành giao hợp?.....	92
II. Cần có hoàn cảnh tốt đẹp trong sinh hoạt tình dục.....	95
III. Cái giường và căn phòng cho chuyện ấy... ..	97
IV. Lại nói về đêm tân hôn - động phòng	99
Điều đầu tiên phải nói với chú rể rằng.....	100
Điều thứ hai mà các chú rể cô dâu phải biết.....	101
Về cái vuốt ve của anh chồng.....	103
Những cái linh tinh nhưng quan trọng khi trên giường	103
Về người vợ trên giường trong đêm tân hôn.....	104
Vấn đề tránh thai trong đêm tân hôn	106
Vào tuần trăng mật.....	106
V. Điều gì còn có thể xảy ra trong tuần trăng mật?.....	106
Mật ngọt và mật đắng.....	107
Công trình tình yêu-tình dục.....	107
Tình dục cũng có hai bước: giữa học với hành.....	109
Tính sáng tạo trong tình dục	111
Hãy cảnh giác với tâm lý lo ngại chuyện làm tình	111
Hãy đề phòng căn bệnh ngọt ngào.....	112
VI. Vấn đề con cái sau ngày cưới.....	115
1. Cách tránh thai sau ngày cưới.....	115
2. Phương pháp sinh con theo ý muốn	118
a. Điều dành riêng cho chồng	118
b. điều dành riêng cho nữ giới	121

PHẦN THỨ BA

NHÀ Ở VÀ TÌNH CẢM VỢ CHỒNG

I. Phân chia khu vực và vị trí phòng ngủ trong căn nhà. 126	
1. Cung Quan lộc-cung số 1, hướng chính Bắc.....	126
2. Cung Học vấn-cung số 8, hướng Đông Bắc.....	127
3. Cung Gia Đạo-cung số 3, hướng Chính Đông.....	129
4. Cung Tài Lộc-cung số 4, hướng Đông Nam.....	130
5. Thứ năm là cung Địa vị-số 9, hướng Chính Nam	132
6. Cung Tử tức-số 7, hướng Chính Tây	133

7. Cung Quý nhân-số 8, phương Tây Bắc.....	134
8. Cung Tinh duyên - số 2, hướng Tây Nam	135
9. Trung cung - số 5, ở chính giữa Đông Tây Nam Bắc.	137
II. Điều kiêng kỵ đối với phòng ngủ của đôi vợ chồng.....	139
III. Giường ngủ và tình cảm vợ chồng	140
1. Phương và hướng nằm	140
2. Những người Đông Tứ Mệnh	141
3. Những người Tây Tứ Mệnh.....	142
4. Những điều cấm kỵ ở đầu giường	146
5. Phòng ngủ của vợ chồng không cùng nhóm hướng	147
IV. Nơi đặt bếp và hạnh phúc gia đình	147
Nhà bếp ở phía Tây Bắc	147
Nhà bếp đặt ở phương Bắc.....	148
Nhà bếp đặt ở phương Đông Bắc	148
Nhà bếp đặt ở phương Đông	149
Nhà bếp đặt ở vị trí Đông Nam	149
Nhà bếp đặt ở phương Nam.....	149
Nhà bếp đặt ở phương Tây Nam.....	150
Nhà bếp ở phương vị phía Tây.....	150

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA
248 - Trần Phú - P. Ba Đình - T.P Thanh Hóa
ĐT: (037) 852.281 - 853.548 - 720.399 - 722.347
Fax: (037). 853.548
E-mail: nxbthanhhoa@yahoo.com

DỰNG VỢ GẢ CHỒNG THEO PHONG TỤC DÂN GIAN

Chịu trách nhiệm xuất bản
BÙI CAO TIÊU

Biên tập: CẨM HƯƠNG
Trình bày bìa: MINH NGUYỆT

In 2000 cuốn khổ 16 x 24cm, tại TT Công nghệ in khắc sắt và xây dựng . Đăng ký KHXB: số 48 - 2007/CXB/84 - 10/ThaH cấp ngày 17/01/2007. In xong nộp lưu chiểu quý III/2007.

DỤNG VỢ



GẢ CHỒNG

THEO PHONG TỤC DÂN GIAN

- Phong tục cưới hỏi của một số dân tộc Việt Nam
- Chọn tuổi trong hôn nhân
- Chọn năm, tháng, ngày, giờ để cưới gả theo dân gian
- Đời sống phòng the vợ chồng sau tân hôn
- Ảnh hưởng của nhà ở đối với cuộc sống vợ chồng theo quan niệm dân gian



Giá: 26.000 đ